

Đoàn Thị Điểm

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN



Quí Dậu – 1933

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Tòa Thánh Tây Ninh

**NỮ TRUNG
TÙNG PHẬN**

Bà Đoàn thị Điểm giáng cơ đê bút

ĐỨC NGUYÊN : Giới thiệu & Chú thích

Những chữ viết tắt :

CPN	: Chính Phủ Ngâm.
DTC	: Diêu Trì Cung.
ĐĐTKPD	: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
NTTP	: Nữ Trung Tùng Phật.
TNHT	: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
TTTN	: Tòa Thánh Tây Ninh.
VN	: Việt Nam.
NT	: Năm Nhâm Thìn (1952).
BN	: Năm Bính Ngọ (1966).
QS	: Năm Quý Sửu (1973).

1

Giới thiệu Tác phẩm NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

Nữ Trung Tùng Phận là một tác phẩm độc nhất vô nhị trong kho tàng văn chương Việt Nam, vì nó không do một con người bằng xương bằng thịt nơi cõi phàm trần sáng tác, mà do một Đấng Nữ Tiên nơi Thượng giới dùng huyền diệu Tiên gia trong Đạo Cao Đài giáng cơ viết ra.

Đấng ấy là Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm mà Chơn linh là một Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung của Đức Phật Mẫu.

Đây là một tác phẩm giáo dục, dạy Nữ phái về Nhơn đạo và Thiên đạo. Nhơn đạo gồm Tứ Đức và Tam Tùng. Khi Nhơn đạo xong thì người phụ nữ cần tiến lên tu Thiên đạo, cầu sự giải thoát khỏi luân hồi.

Trong thời Hạ nguồn Mạt kiếp, khoa học tiến bộ vượt bực, làm cho nền văn minh vật chất lấn át cả tinh thần, đưa nhơn loại xu hướng vào đường vật dục hơn là đạo đức tinh thần, làm cho nền tảng đạo lý suy đồi, luân thường điên đảo.

May mắn cho nhơn loại, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần mở Đạo Cao Đài để cứu vớt nhơn sanh, lập nên 5 nấc thang tiến hóa cho nhơn loại, mà khởi đầu là Nhơn đạo, tiến lên kế trên là Thần đạo, rồi Thánh đạo, Tiên đạo và nấc thang thứ năm là Phật đạo.

Trong phần Nhơn đạo, Đức Chí Tôn chủ trương “*Nho Tông Chuyển Thể*”, nghĩa là lấy tinh hoa của giáo lý Nho giáo làm căn bản để giáo hóa nhơn sanh, chỉnh đốn kỷ cương xã hội, khiến cho đời dần dần trở nên thuần lương đạo đức, đưa

xã hội loài người tiến đến hòa bình Đại đồng Huynh đệ.

Trong chiều hướng đó, nhiều Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, giáng cơ giảng dạy về Nhơn đạo, trong đó có Bà Đoàn Thị Điểm giáng cơ viết nên tác phẩm NỮ TRUNG TÙNG PHẬN có mục đích giáo hóa Nữ phái, lấy Nhơn đạo làm nền tảng. Người phụ nữ cần phải trau giồi Tứ Đức, thực hành Tam Tùng, giúp chồng làm nên sự nghiệp, dạy dỗ con cái thành nhơn chi mỹ, hữu ích cho xã hội. Khi đã xong phần Nhơn đạo thì nương theo bóng Đức Chí Tôn, tìm lên những nấc thang tiến hóa cao hơn, lập được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng, sớm trở về cùng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN là một áng văn chương tuyệt tác siêu phàm, được Bà Đoàn Thị Điểm giáng cơ viết ra gồm 1401 câu thơ song thất lục bát, cùng một thể thơ với tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm*. Đó là một lối thơ Việt Nam rất sở trường của Bà.

Bà Đoàn Thị Điểm viết NỮ TRUNG TÙNG PHẬN với tất cả kinh nghiệm sống của Bà trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần : Làm con trong gia đình phụng dưỡng cha mẹ già, làm em giúp đỡ lo lắng cho anh chị và các cháu, rồi làm vợ, làm mẹ (mẹ nuôi), cộng với sự thông huệ của một bậc Nữ Tiên nơi cõi thiêng liêng, nên tác phẩm NỮ TRUNG TÙNG PHẬN xuất sắc hơn nhiều so với *Chinh Phụ Ngâm* về phương diện nhẹ nhàng thanh thoát, đầy lòng bác ái vị tha.

Bà Đoàn Thị Điểm giáng cơ viết NỮ TRUNG TÙNG PHẬN, khởi đầu vào đêm 26-2-Quí Dậu (dl 21-3-1933) tại Giáo Tông Đường Tòa Thánh Tây Ninh, sau đó Bà yêu cầu hai vị Phò loan là Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Tiếp Thế Lê thế Vĩnh tiếp tục phò loan mỗi đêm để Bà tiếp tục viết cho xong tác phẩm.

Xin chép ra sau đây bài giáng cơ đầu tiên :

Phò loan : Hộ Pháp - Tiếp Thέ

Hầu dàn : Đức Q. Giáo Tông,

Giáo Sư Ngọc Trọng Thanh,

Giáo Hữu Thượng Trí Thanh.

Hầu bút : Sĩ Tài Võ thành Quốc.

Giáo Tông Đường,

đêm 26-2-Quí Dậu

(dl 21-3-1933)

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Tiền trào Nữ sĩ

Đức Quyền Giáo Tông hỏi :

- Có phải Bà viết ra quyển Chinh Phụ Ngâm chǎng?
- *Phải. Tùng Thất Nương.*

Đức Quyền Giáo Tông hỏi tiếp :

- Sao trong quyển “Quốc Văn Trích Diễm” ghi Bà họ Nguyễn ?
- *Chánh tông Đoàn, cải tông Nguyễn.*

Đức Quyền Giáo Tông nói :

- Anh em tôi rất mừng Bà và sẵn đây xin Bà cho thi đặng dạy Nữ phái.
- **Xin nghe : NỮ TRUNG TÙNG PHẬN.**

Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.

Gươm thư giúp sức gươm hùng,

Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.

Bởi rẻ rúng thuyền quyền thiếu học,
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.

Tinh thần cao thấp nhờ thi,

Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.

Chinh phụ trước treo nên giá quý,
Áng văn làm nhuệ khí cầu vinh.

Thêm duyên chước quý giao tình,
Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.

Nấu kinh sử ra mùi son phấn,
 Cầm bút nghiênặng thắm má đào.
 Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
 Xây hình thực nữ giãm màu nước non.

Xin phò loan kỳ sau tiếp, THĂNG.

Qua nhiều lần phò loan cho Bà viết tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, khi thì phò loan ở Giáo Tông ĐƯờng, khi thì ở Hộ Pháp ĐƯỜNG, Bà viết được khoảng 1000 câu thơ thì cơ khôn̄g viết được nữa. Đức Phạm Hộ Pháp biết rằng Bà đã viết xong phần Đời (Thế), bắt đầu viết sang phần Đạo, cần phải có một vị Thời Quân chi Đạo phò loan thì Bà mới viết được. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp hỏi Bà để đánh điện tín qua Nam Vang gọi Ngài Cao Tiếp Đạo về Tòa Thánh phò loan cho Bà viết tiếp, thì Bà trả lời là khỏi cần đánh điện tín, ngày mai Tiếp Đạo sẽ về tới Tòa Thánh.

Quả thật, chiều hôm sau, Ngài Cao Tiếp Đạo về tới Tòa Thánh, và ngay tối hôm đó, Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan với Đức Phạm Hộ Pháp, thì Bà viết tiếp Nữ Trung Tùng Phận cho đến hết, gồm tất cả 1401 câu thơ, hoàn thành tác phẩm vô cùng giá trị này.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo ngày 26-10-Tân Mão (dl 24-11-1951) có nói về Bà Đoàn Thị Điểm như sau :

“ Khi Bà Đoàn Thị Điểm qui vị, bị ngồi nơi Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, nhờ Cô Thất Nương xuống độ Bà về Lôi Âm Tự, rồi nhờ Bà viết ra một cuốn Nữ Trung Tùng Phận, Bà mới siêu thoát được.”

Như vậy, dù nguyên căn là một vị Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung, Bà Đoàn Thị Điểm vì thiếu công quả cứu độ chúng sanh, nên khi qui liễu, Bà không được trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.

Bà phải chờ đợi 178 năm sau, đến khi Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ vào năm Bính Dần (1926), mở ra thời kỳ Đại Ân Xá, rồi Bà phải chờ đợi thêm 7 năm nữa, tức đến năm 1933, Bà mới có dịp lập công quả bằng cách giáng cơ viết ra tác phẩm NTTP để giáo hóa và cứu độ các tín đồ Nữ phái, nhờ đó, Bà mới được trở về ngôi vị cũ nơi Diêu Trì Cung. (*Bà Đoàn Thị Điểm mất năm Đinh Mão (1748), tính đến năm Khai Đạo Bính Dần (1926) là 178 năm. Xem phần Tiểu sử*).

Sau đó, vào năm Ất Hợi (1935), Bà Đoàn Thị Điểm được lệnh Ôn Trên giáng cơ ban cho Đạo Cao Đài 8 bài Kinh Thế đạo dùng để tụng trong tang lễ, kể ra sau đây :

1. Kinh tụng khi vua thăng hà.
2. Kinh tụng khi thầy qui vị.
3. Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liễu.
4. Kinh tụng Cha Mẹ đã qui liễu.
5. Kinh cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liễu.
6. Kinh tụng huynh đệ mãn phân.
7. Kinh tụng khi chồng qui vị.
8. Kinh tụng khi vợ qui liễu.

* Trong tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn Thị Điểm xác nhận trong kiếp sanh của Bà, Bà đã viết ra tác phẩm Chinh Phụ Ngâm qua bốn câu thơ trong phần mở đầu từ câu 9 đến câu 12 :

9. ***Chinh phụ*** trước treo nêng giá quý,
10. Áng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
Thêm duyên chước quý giao tình,
12. Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.

* Chúng ta còn nhận thấy rằng, trong Nữ Trung Tùng Phận có một vài câu thơ với những từ ngữ có ý nghĩa rất giống với các câu thơ trong Chinh Phụ Ngâm (CPN) :

- NTTP :

Câu 224 : *Phụ thân thế phận cho chàng day khuyên.*

Câu 228 : *Thế chàng thiếp lanh vai người hiếu nam.*

- CPN :

Câu 159 : *Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam.*

Câu 160 : *Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.*

* Tác phẩm Chinh Phụ Ngâm chỉ có 412 câu thơ song thất lục bát, so với tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận 1401 câu thơ, cũng song thất lục bát, thì Nữ Trung Tùng Phận vĩ đại hơn nhiều.

CPN đã đưa Bà Đoàn Thị Điểm lên địa vị thứ nhứt trong các Nữ sĩ của văn đàn Việt Nam, đứng trên Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Sương Nguyệt Anh, vv...

Do đó, trước khi đi vào nội dung tác phẩm NTTP, chúng ta tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp, tài năng văn chương và tâm trạng của Bà khi diễn nôm tác phẩm CPN.

THI :

Nữ Trung Tùng Phận của Đoàn Nương,

Giáng bút đề thi mấy tháng truồng.

Giáo hóa nữ nhi gìn bá hạnh,

Trau giồi tâm tánh giữ thiên lương.

Nho Tông Chuyển Thế xây đời mới,

Ân Xá Kỳ Ba mở rộng đưỡng.

Công quả đủ đầy hồi cựu vị,

Hồng Hà Nữ sĩ trước làm gương.

ĐỨC NGUYÊN

2

Tiểu sử **Bà ĐOÀN THỊ ĐIỂM** (1705-1748)

- *Thân thế.*
- *Sự nghiệp văn chương.*
- *Tâm trạng của Bà Đoàn khi diễn nôm CPN.*
- *Những giai thoại văn chương.*

I. Thân thế :

Bà Đoàn Thị Điểm, hiệu là Hồng Hà Nữ Sĩ, biệt hiệu là Ban Tang, quê quán ở làng Hiến Phạm (còn gọi là Giai Phạm, tên nôm là làng Giữa), huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, nay là huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng. Họ chính của Bà là *Đoàn*, nhưng vì Bà lấy chồng họ *Nguyễn* (ông Nguyễn Kiều) nên có sách chép Bà là Nguyễn Thị Điểm. Đây là một sai lầm đáng tiếc. Bà sanh năm Ất Dậu (1705), thời Lê Trung Hưng, đời vua Lê Hy Tông, Chúa Trịnh là Định Vương Trịnh Căn và Chúa Nguyễn ở phương Nam là Nguyễn Phúc Chu.

Theo gia phả họ Đoàn, tầng tổ của Bà Điểm là ông Lê Công Nǎm, làm quan võ tới chức Thái Thường Thị Thiếu Khanh, được tước phong Thiêm Hào Tử; nội tổ là ông Lê Doãn Vi (có bản viết là Lê Công Vị), người có tài văn học, làm quan đến chức Xã quan; thân phụ là ông Lê Doãn Nghi, từng theo học với các vị Tiến Sĩ như Nguyễn Hanh (ở Hoa Cầu, huyện Văn Giang), Đoàn Tuấn Hòa (ở Cự Đồng huyện

Siêu Loại), đậu Hương Cống (Cử Nhân) năm 21 tuổi, nhưng rớt kỳ thi Hội ở Thăng Long, bèn kiếm chỗ dạy học ở kinh kỳ để dồi mài kinh sử thêm nữa chờ khóa thi sau.

Ông Lê Doãn Nghi nầm mộng thấy một vị Thần linh bảo ông đổi sang họ Đoàn thì mới hiển đạt. Do đó, từ đây, ông đổi qua họ Đoàn, gọi là Đoàn Doãn Nghi.

Hiện nay ở huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng còn có ngôi thờ nhà họ Đoàn. Năm 1944, Trúc Khê Ngô Văn Triệu (người ở ngoại thành Hà Nội) có tới thăm ngôi thờ này và có ghi được đôi câu đối :

*Vũ liệt văn khôi quang thế phả,
Lê tiền Đoàn hậu ký Thần ngôn.*

Tạm dịch : *Võ giỏi văn tài người phả họ,
Lê xưa Đoàn mới nhớ lời Thần.*

Năm Đoàn Doãn Nghi được 20 tuổi, ở tại quê nhà, ông có lấy một người vợ họ Nguyễn, sanh được một con trai tên Đoàn Doãn Sỹ, sau Đoàn Doãn Sỹ cũng thi đậu Hương Cống và làm Tri Huyện tại Châu Hoan (Nghệ An).

Khi Đoàn Doãn Nghi dạy học ở Thăng Long, ông có lấy thêm một bà vợ nữa là con gái của quan Thái Linh Bá họ Vũ, nhà ở phường Hà Khẩu, gần Hồ Hoàn Kiếm. Nguyễn vào một buổi tối rằm Trung Thu, ông Hương Cống họ Đoàn cùng mấy người bạn đi xem bày cỗ triển lâm Trung Thu ở kinh thành, thấy nơi đây có một cô gái xinh đẹp rất có duyên thì đậm ra mê mẩn, liền cậy người mối lái đến hỏi cưới.

Năm 1703, người vợ họ Vũ này sanh được một con trai đầu lòng, đặt tên là Đoàn Doãn Luân; qua 2 năm sau, năm 1705, sanh thêm một đứa con gái đặt tên là Đoàn Thị Điểm.

Hai anh em Luân và Điểm, từ bé được nuôi dưỡng ở gia đình Ông Bà ngoại là quan Thái Linh Bá. Quê của họ Vũ ở làng Vũ Điện, huyện Nam Sang (còn gọi là Nam Xương), nên ngay từ tấm bé, hai anh em thường được nghe mẹ và bà

ngoại kể chuyện Thiếu phụ Nam Xương là nàng Vũ Thị Thiết nổi danh tiết liệt.

Cô Điểm, mặc dầu là gái nhưng rất được gia đình nâng niu, ngay từ thuở nhỏ được học chữ nghĩa giống hệt như anh Luân, học đủ Ngũ Kinh và Tứ Thư. Ngoài ra Cô Điểm còn được mẹ dạy nghề nữ công làm những món khéo léo đặc biệt để tham dự hội Triển Lãm như : Những khúc mía được làm thành lầu cao gọi là Đài Chín Từng, những trái hồng ngâm dùng làm hình các Cô Tiên múa nón trong đêm Hội Long Trì, những vỏ trái bưởi được cắt xếp thành hình hoa quỳnh, vv . . .

Hai anh em Luân và Điểm lớn lên đều có dáng người đẹp đẽ, tư chất thông minh vượt bậc và có văn tài đặc biệt.

Đoàn Doãn Luân được thân phụ dạy cho chữ Hán ngay từ lúc 3 tuổi, đến khi 5 tuổi thì biết ráp thành câu, đến 10 tuổi thì học thông Kinh Sử, đến tuổi trưởng thành thì thi đậu Hương Cống, nhưng sau đó lại rớt kỳ thi Hội.

Đoàn Doãn Nghi hỏi cưới con gái của bạn học cho con trai của mình. Bạn học ấy tên là Lê Hữu Hỷ (có bản chép là Lê Hữu Mưu. Hỷ và Mưu là hai anh em ruột). Con gái của Hỷ tên là Lê Thị Vy. Sau lễ hỏi ít lâu, chẳng may cô dâu bị bệnh đậu mùa, cứu sống được nhưng mặt bị rỗ hoa và chân tay lóng longoose. Bên nhà gái thấy vậy cho người sang xin hủy bỏ cuộc hôn nhân này vì e rằng không đảm bảo hạnh phúc vợ chồng. Nhưng Đoàn Doãn Luân nhất quyết giữ hạnh người quân tử, một dạ thủy chung, không đổi ý vì sắc đẹp, làm mọi người đều kính phục.

Lê Thị Vy về nhà họ Đoàn, gấp hoan cảnh nhà chồng mẹ hiền em thảo, hết lòng giúp đỡ mọi việc trong nhà.

Năm 1726, vợ Doãn Luân sanh đặng con gái đầu lòng, đặt tên là Đoàn Lệnh Khương, 3 năm sau sanh thêm một trai đặt tên là Đoàn Doãn Y. Ngay từ khi lọt lòng, hai cháu

Khương và Y đều được cô ruột là Điểm chăm sóc tận tình.

Đoàn Thị Điểm là một giai nhân đức độ, có tư cách cao thượng, văn tài càng lúc càng thêm lối lạc.

Năm 16 tuổi, Cô Điểm nổi tiếng là một tài nữ trẻ tuổi. Quan Thượng Lê Anh Tuấn, vốn đã quen biết nhiều với Đoàn Doãn Nghi, mến tài văn chương và đức hạnh của Cô Điểm nên nhận Cô làm con nuôi. Kể từ đó, Cô Điểm về ở nhà của dường phụ tại phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long. Quanh đây toàn là dinh thự của các quan lớn trong triều như dinh quan Tham Tụng Nguyễn Công Hân, . . . Quan lại khắp nơi đều luôn luôn lui tới các nhà quan Đại Thần ở phường Bích Câu để cầu cạnh chức tước bỗng lộc; còn các văn nhân lui tới nơi đây để tìm thầy và tìm bạn luyện tập văn bài, chờ khi ứng thí. Đó là dịp để Cô Điểm quen biết nhiều người có danh vọng, có khoa bảng và cũng chính vì vậy mà tiếng tăm về tài ứng đối văn chương và về hoa tay khéo léo của tài nữ họ Đoàn được đồn vang.

Có một lần quan Tham Tụng Nguyễn Công Hân sang chơi bên dinh của Thượng Thơ Lê Anh Tuấn, thấy Cô Điểm đang đi một mình bên bờ đậu, ông dừng lại, bảo Cô Điểm làm câu đối lấy đê tài là đi một mình.

Chỉ giây lát, Cô Điểm đọc :

Đàm luận cổ kim tâm phúc hữu,

Truy tùy tả hữu cổ quăng thân.

Dịch nghĩa : *Bàn chuyện xưa nay, tim bụng là bạn,*

Đi theo trái phải, tay chân là bè tôi.

Ông Hân đã đỗ Tiến sĩ năm 21 tuổi, thường tự phụ về tài mẫn tiệp của mình, nay thấy Cô Điểm chưa đầy 20 tuổi mà làm được như vậy thì Ông vô cùng kinh ngạc, khen ngợi luôn miệng, thưởng cho Cô 10 quan tiền và chúc mừng Lê Anh Tuấn có phước.

Trong thời gian ở nhà dưỡng phụ, Cô Điểm có dịp đọc được rất nhiều sách quý báu trong kho sách của quan Thượng Thơ, nhờ vậy mà kiến thức của Cô Điểm trở nên rộng rãi hơn trước nhiều. Dưỡng phụ của Cô muốn cho Cô có dịp đem tài năng thi thố nên tiến cử Cô vào cung Chúa Trịnh để dạy các cung nữ, nhưng Cô nhất định từ chối, vì không muốn bị gò bó trong chốn triều đình.

Tài nữ công của Cô Điểm được các Tiếu thư phuờng Bích Câu rất khâm phục, nên nhiều cô đến xin học tập.

Thân phụ của Cô Điểm, ông Đoàn Doãn Nghi được bạn bè khuyên nên nhận một chức quan nhỏ, nhưng Doãn Nghi với tính phóng khoáng, không quen gò bó luồn lụy, nên không chịu nhận, và ông chọn con đường dạy học. Hơn nữa, ông thấy con là Doãn Luân đã đỗ Hương Cống rồi, tuy rớt thi Hội, nhưng còn trẻ, chắc sau này có thể đậu được, còn con gái là Cô Điểm thì đã có nơi quyền quý để nương tựa, bề gia thất sau này cũng dễ, nên Doãn Doãn Nghi chuyển đi dạy học ở thôn Lạc Viên, huyện An Dương, nay thuộc Hải Phòng.

Dạy học ở Lạc Viên được vài năm, Đoàn Doãn Nghi đau bệnh và mất tại đây vào năm 1729. Anh em Luân và Điểm đưa xác cha về an táng tại quê nhà. Nhiều học trò của Ông Nghi góp tiền làm một nhà thờ và dựng mộ bia cho thầy học. Bia dựng năm Kỷ Dậu (1729), thời vua Lê Vĩnh Khánh.

Nhân tiện chuyến này, Đoàn Doãn Luân đưa vợ con về ở luôn quê nhà là làng Hiến Phạm, sau đó lại chuyển qua ở làng Vô Ngoại gần bên.

Lúc này, Đoàn Thị Điểm cũng xin với dưỡng phụ cho phép về quê nhà đặng săn sóc mẹ già, giúp anh và chị dâu quán xuyến công việc gia đình.

Đoàn Doãn Luân mở trường dạy học. Chị dâu trước đây là một tiểu thư khuê các, nhưng vì bịn đập mùa làm cho gương mặt trở nên xấu xí, tay như có tật, nên Cô Điểm đứng

ra thay thế chị dâu lo việc tề gia nội trợ, lại giúp anh trong việc giao thiệp với bên ngoài. Cô Điểm tỏ ra rất đảm đang và lịch thiệp trong mọi công việc. Mỗi khi anh Luân đau ốm, Cô thường thay thế anh Luân giảng sách cho đám học trò.

Nhiều giai thoại văn chương rất lý thú xảy ra trong giai đoạn này còn ghi chép trong sách vở. (Xem ở phần sau).

Gia đình họ Đoàn đang sống an vui như thế thì Đoàn Doãn Luân bị bạo bệnh đột ngột từ trần, để lại hai đứa con thơ chưa đầy 10 tuổi với một người vợ gần như tật nguyền và một mẹ già tóc bạc. Năm đó là năm 1735.

Đoàn Thị Điểm đọc một bài văn tế trước quan tài của anh rất lâm ly thống thiết, nhắc lại cảnh gia đình đơn chiếc, ai nấy đều cảm động không cầm được giọt lệ. Cô Điểm và chị dâu đưa xác anh về an táng nơi quê nhà, kế mộ phần của cha.

Gia cảnh bây giờ rất hiu quạnh, chị dâu thì thiếu đảm đang, lại mất sinh kế nuôi sống gia đình. Cô Điểm phải mở tiệm xem mạch và hốt thuốc Bắc cho dân chúng quanh vùng. Cô có tay phục dược, nên người đến xem mạch hốt thuốc khá đông, nhờ vậy có đủ tiền nuôi mẹ, lo cho hai cháu và chị dâu được tuơm tất.

Đối với mẹ thì Cô Điểm được trọng hiếu, đối với chị dâu thì trọng nghĩa, nuôi dạy hai cháu Lệnh Khuông và Doãn Y khôn lớn nên người.

Trong thời gian này, nhiều người đem lễ vật trọng hậu tới cầu hôn, nhưng Cô Điểm nhứt định từ chối. Cô rất kén chồng vì Cô gồm đủ tài sắc và đức hạnh. Cô kén một người chồng có tài đức tương xứng với Cô, chớ không nghĩ đến giàu sang hay chức tước. Cô rất ghét bọn giàu có mà dốt nát. Nhiều người có quyền thế tìm cách bắt ép Cô phải ưng họ, nhưng Cô cương quyết không chấp nhận và tìm cách tránh né. Việc này đã làm Cô bức mình không ít.

Một việc đáng ghi nhớ là quan Bính Trung Công Vũ Tất Thận, cậu ruột của Chúa Trịnh Doanh định làm lễ rước dâu bắt cóc Cô Điểm. Ông tổ chức một lễ rước dâu với đầy đủ nghi tiết mà không cho gia đình Cô Điểm biết trước, thình lình đi đến nhà Cô Điểm. Ông sắp đặt sẵn với đám gia nhân, xông đại vào nhà, bắt ép Cô Điểm mặc áo Cô dâu vào, rồi đỡ Cô ra kiệu rước về phủ. Cô Điểm như đã có chuẩn bị trước, liền bình tĩnh đi ra nhà sau, mặc giả dạng là đầy tớ đi mò cua, bùn đất dính đầy quần áo, mặt mày tèm lem, đội nón rách đi thẳng ra cổng rồi lánh mặt sang làng bên. Thế là quan Bính Trung Công bị một phen mắc lõm.

Nhân dịp có người tiến cử Cô Điểm vào cung Chúa Trịnh để dạy học, Cô Điểm không từ chối như lần ở với dưỡng phụ, liền nhận lời để khỏi phải lo đối phó với những kẻ không xứng đáng đến cầu hôn hoài.

Trong thời gian làm việc trong cung, Cô luôn luôn liên lạc với gia đình để cung cấp tiền bạc nuôi mẹ già, chị dâu và hai cháu. Nhưng khi ở trong cung, Cô lại thấy rõ những điều xấu xa bỉ ổi của đám quan lại, sự thối nát của triều đình, nên Cô chán nản xin trở về quê nhà.

Lúc bấy giờ, giặc giã nổi lên đánh phá khắp nơi, Cô Điểm cùng mẹ, chị dâu và hai cháu phải bỏ làng Vô Ngại, tản cư đến làng Chương Dương bên bờ sông Nhị Hà, gần Hà Nội. Năm ấy là năm 1739, Cô Điểm được 35 tuổi.

Cô không muốn làm nghề xem mạch hốt thuốc nữa, vì nó không phải là chí hướng của Cô, mà chí hướng của Cô là mở trường dạy học, mong đem hết sở học bình sanh truyền lại cho thế hệ sau, đào tạo lớp người mới, vừa có kiến thức cao, vừa có đạo đức để giúp dân giúp nước. Cô rủi sanh làm phận nữ lưu, nên dù học hành tài giỏi đến bực nào đi nữa cũng không được phép ra ứng thí để thi thố tài năng, nên việc mở

trường dạy học là một lối thoát cho tinh thần của Cô, và Cô cũng nhận thấy, từ trước tới nay chưa có một phụ nữ nào dạy học mà có học trò thành đạt cả. Cô quyết tâm làm nên sự lạ, nên xin mở trường dạy học đào tạo nhân tài. Đúng với lòng mong ước của Cô, trong số học trò, có ông Đào Duy Doãn ở làng Chương Dương, sau này thi đậu Tiến Sĩ năm 1763 (nhưng rất tiếc Cô Điểm không hưởng được niềm vui này vì Cô đã mất năm 1748).

Trong thời gian Cô Điểm dạy học, ông Nguyễn Kiều nhiều lần đến xin cầu hôn. Năm đó Cô Điểm 37 tuổi.

Ông Nguyễn Kiều, hiệu là Hạo Hiên, sanh năm 1695 (lớn hơn Cô Điểm 10 tuổi), tại làng Phú Xã huyện Hoài Đức, 18 tuổi đậu Giải Nguyên, 21 tuổi đậu Tiến Sĩ, là người có tài văn học lỗi lạc.

Năm 1717, Nguyễn Kiều được bổ làm quan Đốc Đồng ở Nghệ An, và năm 1736 được thăng chức Thị Lang. Ông là bậc danh nho nổi tiếng từ thời còn trẻ, văn hay chữ tốt, sớm đỗ đại khoa nên tính khí có phần kiêu ngạo. Nhiều nhà quyền quý gọi Nguyễn Kiều đến gả con gái cho. Vợ đầu tiên của Nguyễn Kiều là Cô Lê Thị Hằng, con gái của quan Thượng Thơ Lê Anh Tuấn, dường phụ của Cô Điểm. Cô Hằng mất sớm và không có con. Người vợ kế là Cô Đoan, con gái của quan Tham Tụng Nguyễn Quý Đức. Cô Đoan sanh được 2 con trai và 1 con gái, rồi cũng qua đời lúc chưa tới 30 tuổi.

Sách Đoàn Thị Thực Lục chép việc ông Nguyễn Kiều cầu hôn Cô Điểm như sau : “ Một hôm Cô đang giảng bài cho học trò thì từ ngoài có một người vén rèm bước vào, theo sau có vài đầy tớ mang cái quả sơn son thếp vàng, trong quả có một phong thơ dán kín. Bức thơ này là của quan Thị Lang, người làng Phú Xã, tên là Nguyễn Kiều gởi thơ đến cầu hôn. Cô Điểm chép miệng than rằng : Lúc trẻ ta mong được người

này đến cầu hôn. Đã trải qua hơn 20 năm, ta không bao giờ nghĩ tới nữa. Ta từng nhủ lòng, hụt người tài tử giai nhân rất hiếm trên đời này. Tốt hơn ta nên rửa lấy lòng trần, an nhàn nuôi lấy khí tượng thanh bình."

Cô Điểm còn đang suy nghĩ chưa vội trả lời thì chừng 10 ngày sau, Nguyễn Kiều lại sai một người mang thơ đến nữa. Trong bức thơ kỳ này, lời lẽ rất khẩn thiết chân thành, có đoạn như sau : " Tôi rất bận việc quan, lại phải lo chuẩn bị lên đường, việc nhà không ai coi sóc và cai quản. Tôi nghĩ rằng Cô cùng nội trợ tôi vốn trước có tình nghĩa chị em, nếu Cô vui lòng đùm bọc cho nội trợ tôi thì thật là may mắn cho cả nhà tôi đó."

Cô Điểm đọc thơ lần này có vẻ cảm động, nhưng vẫn chưa muốn đem mình vào cuộc hôn nhơn muộn màng, gây thêm phiền nhiễu, nhưng mẹ già và cả gia đình đều muốn Cô chấp nhận, cả đám học trò cũng hoan nghinh, nên Cô Điểm chấp nhận kết hôn với Nguyễn Kiều, lúc đó là năm 1743, Cô Điểm được 39 tuổi.

Bà Đoàn Thị Điểm về nhà chồng, sống với chồng rất tâm đầu ý hợp, khi rảnh thường hay xướng họa thơ văn. Nhưng chưa đầy một tháng sau thì quan Thị Lang Nguyễn Kiều được lệnh vua làm Chánh Sứ sang triều cống nhà Thanh.

Ông phải từ giã Bà để phụng chiếu ra đi. Lệ thường, đi sứ như vậy trong vòng 2 năm thì trở về tới nhà, nhưng lần này, khi sứ bộ trở về tới Quảng Tây, gặp lúc dân chúng vùng này nổi lên chống nhà Thanh nên bị nghẽn đường. Sứ bộ VN phải lưu lại cả năm trời, chờ cho đến khi yên giặc. Trong thời gian này, Nguyễn Kiều làm nhiều bài thơ, gửi hồi mộng nhớ nhung đến người vợ mới cưới nơi quê nhà, nhất là trong những ngày Tết tha hương :

*Tứ thơ niêm khách bên đèn mộng,
Tiếng pháo hò xe rộn ngoài.*

Trong lúc Nguyễn Kiều đi sứ Trung Hoa, ở nhà, Bà Đoàn Thị Điểm, khi thì ở bên nhà chồng săn sóc ba đứa con của chồng trong đời vợ trước, khi trở về nhà mẹ ruột thăm hỏi mẹ già, cùng chăm nom hai đứa cháu kêu bằng cô ruột.

Trong khoảng thời gian này, ông Đặng Trần Côn có gởi đến cho Bà xem thi phẩm của ông : Chinh Phụ Ngâm viết bằng Hán văn. Bà đọc say mê vì tác phẩm này hay quá ! Bà cảm thấy nỗi lòng của nàng chinh phụ trong tác phẩm giống hệt tâm trạng của Bà trong lúc này. Cho nên Bà đem hết sự rung động trong lòng về nỗi cô đơn, nhớ nhung, lo lắng cho chồng mà dịch ra thơ nôm bản Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn. (*Xem phần sau : Tâm trạng Bà Đoàn Thị Điểm khi diễn nôm Chinh Phụ Ngâm*).

Chính tác phẩm Chinh Phụ Ngâm diễn nôm này đưa tên tuổi của Bà Đoàn Thị Điểm lên đỉnh cao trong nền văn học nước nhà.

Ngày Nguyễn Kiều đi sứ trở về, vợ chồng sum họp sau hơn 3 năm xa cách nhớ nhung, Bà Đoàn trao cho chồng xem bản diễn nôm Chinh Phụ Ngâm như là bức tâm thư bày tỏ với chồng tất cả nỗi niềm thương nhớ sau hơn 3 năm dài xa cách. Nguyễn Kiều xem xong vô cùng cảm động và kính phục tài năng của vợ.

Chuyến đi sứ thành công, Nguyễn Kiều được vua khen thưởng và cho thăng quan tiến chức. Ít lâu sau, ông được bổ làm Tham Thị ở Nghệ An.

Thế là Nguyễn Kiều chuẩn bị đi vào Nghệ An nhậm chức. Ý của Bà Đoàn không muốn theo chồng vào Nghệ An, vì ở nhà còn mẹ già và các cháu thiếu người chăm sóc, cũng như linh tính báo cho Bà biết có điều gì không lành trong chuyến đi này xảy đến cho Bà, nhưng Nguyễn Kiều hết lời nài nỉ đem Bà đi theo. Cuối cùng Bà phải chiều chồng, làm

bổn phận người vợ tùng phu, xuống thuyền cùng chồng đi vào Nghệ An, với nỗi lòng lo âu buồn bã.

Thuyền xuôi dòng sông Nhị Hà, theo cửa bể Thanh Phù để vào sông Chính Đại. Lúc thuyền đến bến Đèn Sòng, nơi thờ Công Chúa Liễu Hạnh, Bà bị cảm rất nặng. Biết mình không thể sống được, Bà trấn trối cùng chồng : “ Chàng nên cố gắng lo tròn việc nước để trở về kinh sớm ngày nào tốt ngày đó, chớ nên ở lâu nơi chốn biên thùy này mà dấn thân vào nơi gió bụi hiểm nguy.”

Trối xong, Bà từ trần, lúc đó là *ngày 11 tháng 9 năm Đinh Mão (1748)*, hưởng được 44 tuổi. Bà chưa có con với Nguyễn Kiều.

Nguyễn Kiều vô cùng thương tiếc người vợ tài ba lối lạc mà lại vắn số. Ông quàn quan tài vợ tại Nghệ An đến một tháng sau mới đưa linh cữu trở về quê nhà của Bà an táng.

Trong thời gian này, Ông lập đàn cúng tế rất nghiêm bên bờ sông để tế lễ Bà. Ông đọc một bài văn tế rất bi ai thống thiết bằng Hán văn, được ông Hoàng Xuân Hãn diễn nôm trong cuốn *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo*, chép ra sau đây :

Ô hô ! Hỡi nàng ! Huệ tốt Lan thơm !
 Phong tư lộng lẫy, cử chỉ đoan trang,
 Nữ đức trọn vẹn, tài học ngõ ngàng.
 Giáo mác, ấy bàn luận,
 Gấm vóc, ấy văn chương.
 Nữ trung, rất hiếm có như nàng.
 Sao mà lại,
 Gia thất chật mồn Mạnh Quang,
 Con cái hiếm hơn Trang Khương,
 Dứt tuối Từ Phi, vui tài Ban Nương.
 Sao hóa cơ khó đoán,
 Mà Thiên mệnh phi thường lăm thay !

Xưa nghe được tiếng nàng,
 Bèn kết thân hai họ.
 Nàng về nhà tôi, vẹn tròn đạo vợ,
 Việc bút nghiên tài lạ hằng chuyên,
 Nghề kim chỉ tay sành chǎng bỏ.
 Thường thường đàm luận cổ thi,
 Ngày ngày xướng thơ họa phú.
 Ba năm đi sứ Bắc, mày liễu buồn chau,
 Năm Sửu trở về nhà, mặt hoa cười nở.
 Lúc rảnh việc, cùng vui thú văn hàn,
 Mới có chỉ sai trở vào xứ Nghệ.
 Non sông chǎng ngại đường dài,
 Tần tảo quyết theo nội trợ.
 Đường sông nghìn dặm gian nan,
 Doanh liệt ba tuần tới đó.
 Một bệnh càng thêm, trăm phương khó chữa,
 Đào chưa quả đã vôi khô,
 Quế đang thơm mà đã rủ !
 Rừng sâu bể rộng, nàng hối đi đâu ?
 Ngọc nát châu chìm, lòng tôi quặn nhở.
 Những muôn chèo thuyền lan mà sớm phát,
 Đưa giá liễu chóng vèle,
 Hẹn lại quê nhà an táng.
 Dốc đem ý hậu theo đi.
 Nhưng, nghĩa cùng thời trái việc hẵn lòng tùy,
 Nửa bước khó dời trấn sở.
 Một thân khó vẹn công tư.
 Lối về trên bến, tạm dựng bàn thờ,
 Lê tiễn hai hàng chan chứa,
 Tình thương một lǚ đơn sơ,
 Sóng gió xin đừng kinh sợ,
 Đường đi chớ ngại rũ rờ.

Hương hồn nàng yên nghỉ,
Cố ấp tôi hằng mơ.
Thương hưởng !

II. Sự nghiệp văn chương :

1. Những bài thơ xuướng họa :

Bà Đoàn Thị Điểm, những khi nhàn hạ lúc thiếp thời, Bà thường ngâm vịnh với phụ thân và với anh trai Đoàn Doãn Luân. Khi có chồng thì ngâm vịnh với chồng.

Các bài thi ngâm vịnh này có đến mấy trăm bài, thường viết bằng chữ Hán, hiện nay hầu như thất lạc hết cả.

Có vài đoạn còn sót lại, do ông Bùi Hạnh Cẩn sưu tầm và dịch ra thơ nôm :

HỨNG THU

Thu về gió mát nhẹ mưa bay,
Muôn mảng thơm trong ắp chén đầy.
Trời biển chừng nhiều đàn sáo nổi,
Cuộc đời may có chuyến chơi nay.

NIỀM VUI DẠO ĐÊM

Sao nhỉ ! Đêm Xuân đốt đuốc chơi,
Sáng như ngày hửng, quế thơm trời.
Cầu Ngân bến Hán treo cao nhịp,
Phách ngọc đầu thu tỏa ánh ngời.
Đồng nội trước nay nhìn chả khác,
Phồn hoa vua chúa đất xưa thôi.
Hứng về chẳng quản sông hồ lạ,
Một mái chèo thênh chuốc nợu mời.

2. Văn phẩm :

Sau khi thân phụ mất, Bà Đoàn Thị Điểm về quê nhà săn sóc mẹ già, sống chung với anh và chị dâu. Trong thời gian này, Bà có viết tập sách *Truyền Kỳ Tân Phả* hay *Tục Truyền Kỳ* bằng Hán văn, viết nối tiếp sách *Truyền Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ. Tác phẩm này được biên soạn rất công phu, nội dung viết về những người phụ nữ tài giỏi và tiết liệt, được anh của Bà là Đoàn Doãn Luân, hiệu là Tuyết Am, tự là Đạm Như Phủ, viết lời phê bình.

Tác phẩm *Tục Truyền Kỳ*, gồm có 6 truyện, kể ra :

- Bích Câu Kỳ Ngộ, chuyện nàng Tiên trong tranh là Giáng Kiều và chàng hàn sỹ Tú Uyên ở phường Bích Câu. (Chuyện này về sau được viết lại bằng văn nôm theo thể văn vần, không biết tác giả).

- Hải Khẩu Linh Từ (Nữ Thần Chế Thắng).
- Hoành Sơn Tiên Cục (cuộc cờ Tiên trên núi Hoành Sơn)
- Vân Cát Thần Nữ (Công Chúa Liễu Hạnh).
- An Ấp Liệt Nữ (chuyện vợ của Tiến Sĩ Đinh nho Hoàn)
- Nghĩa khuyển khuất miêu (chó khôn bắt mèo).

Trong quyển “Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí”, ông Phan Huy Chú ca ngợi tác phẩm *Tục Truyền Kỳ* như sau : *Lời văn trau chuốt, ý chuyện dồi dào.*

Về sau, Bà có chồng là ông Nguyễn Kiều, trong thời gian ông Nguyễn Kiều đi sứ sang Tàu và bị kẹt ở bên đó 3 năm, Bà ở nhà diễn nôm tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm Hán văn* của Đặng Trần Côn. Văn chương trong tác phẩm này rất hay, lời thơ đẹp đẽ đầy âm điệu, diễn tả sống động hình ảnh của nàng chinh phụ.

Khúc ngâm Chinh Phụ này chỉ có 412 câu thơ song thất lục bát, nhưng thể hiện được tài năng xuất chúng của Bà Đoàn Thị Điểm, đưa Bà lên địa vị cao trong nền văn học VN.

III. Tâm Trạng của Bà Đoàn Thị Điểm khi diễn nôm Chinh Phụ Ngâm :

Đoàn Thị Điểm khi còn là thiếu nữ, lúc ở nhà của dường phụ Lê Anh Tuấn tại phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long, có dịp gặp Đặng Trần Côn. Côn nhỏ hơn Cô Điểm chừng hai tuổi, con nhà quý tộc, quê ở Kẻ Mục Hạ Đình. Đó là một trang thiếu niên anh tuấn tài hoa, năm 15 tuổi đã đậu Hương Cống. Côn rất quý mến Cô Điểm về nhan sắc cũng như về tài văn chương, nên có gởi đến Cô Điểm một bài thơ tỏ ý cầu hôn.

Cô Điểm không trả lời nhưng có nói đùa với các chị em bạn :

- Cái ông Công Đặng, miệng còn hôi sữa, làm thơ chưa xong mà lại đi nói chuyện vợ chồng.

Đặng Trần Côn nghe thuật lại thì tức lấm, nên cố gắng miệt mài đèn sách, cố đậu cho được Tiến Sĩ trong kỳ thi Hội.

Đầu tiên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê Trung Hưng, gấp buổi chiến tranh ly loạn, trai tráng bị bắt đi lính giặc phương xa, gây cảnh biệt ly đau đớn cho nhiều gia đình, ông Đặng Trần Côn cảm xúc, đem hết sức học bình sanh viết nên tác phẩm Chinh Phụ Ngâm bằng Hán văn theo thể thơ xưa Cổ Nhạc phủ.

Khi viết xong, Đặng Trần Côn đưa tác phẩm này cho ông Ngô Thời Sĩ xem. Ông Sĩ xem xong lấy làm thán phục nói rằng : “ *Văn chương tôi mức này thì Lão Ngô tôi chỉ còn biết bái phục mà thôi.* ”

Ông Đặng Trần Côn sau đó gởi tác phẩm này đến cho Bà Đoàn Thị Điểm xem, ngụ ý cho Bà Điểm biết rằng, trước đây Bà xem thường ông là lầm to. Lúc này Bà Điểm đã lấy chồng là ông Nguyễn Kiều, và ông Kiều đang đi sứ sang Tàu, bị kẹt ở lại bên đó vì giặc giã cắt đứt đường giao thông,

nên chưa trở về Việt Nam được. Bà Điểm xem xong tác phẩm Hán văn của ông Đặng Trần Côn thì rất phục tài văn chương của họ Đặng, lại thấy tâm sự của nàng Chinh phụ trong tác phẩm giống y hệt tâm sự của Bà lúc đó : Chồng đi sứ sang Tàu giống như đi lính thú chinh chiến ngoài biên thùy, Bà ở nhà lòng nhớ nhung lo lắng cho chồng không nguôi, lại còn lo phụng dưỡng mẹ già, nuôi nấng và dạy dỗ đàn con thơ của chồng xem như con ruột.

Tâm hồn của người Nữ sĩ rung động, và cũng muốn đáp lại tấm tình cảm của Đặng Trần Côn khi trước, Bà đem hết sự xúc cảm của tâm hồn, diễn nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn, theo lối thơ trữ tình hoàn toàn Việt Nam là song thất lục bát.

- Lòng nhớ nhung của Bà đối với chồng khi chồng phụng mạng đi sứ sang Bắc Kinh, giống hệt tâm trạng của nàng Chinh phụ nhớ mong chồng đang đánh giặc ngoài quan ải, nên Bà diễn nôm đoạn này rất tuyệt diệu :

169. Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá,
Gương lâu Tần dấu đã soi chung.

Cậy ai mà gởi tới cùng,

172. Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.

Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nghĩa,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.

Cậy ai mà gởi tới nơi,

176. Để chàng trân trọng dấu người tương thân.

.....

233. Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều dòi dỗi nương song.

Nương song luống ngắn ngơ lòng,

236. Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai ?

.....

253.Nếm chua cay, tấm lòng mới tỏ,
Chua cay nầy há có vì ai ?

Vì chàng lè thiếp nhỏ đỗi,

256. Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bồ.
Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
Lè thiếp nào chút vương bên khǎn.

Duy còn hồn mộng được gần,

260. Đêm đêm thường đến Giang Tân tìm người.

- Trong lúc vắng chồng, Bà ở nhà lo phụng dưỡng mẹ già, nuôi dạy đàn con thơ của chồng, giống y như người Chinh phu ở nhà nuôi dạy con thơ và săn sóc mẹ già đầu bạc :

153. Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kia lão thân khuê phụ nhớ thương.

Mẹ già phơ phất mái sương,

156. Con thơ măng sữa vả đương phù trì.
Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.

Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam,

160. Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân.
Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mẻ biết bao.

Nhớ chàng trải mấy sương sao,

164. Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư.

- Sau 3 năm, ông Nguyễn Kiều thành công trong nhiệm vụ sứ thần, trở về triều được vua khen thưởng và được thăng quan tiến chức, thì cũng giống hệt như người Chinh phu đã bình xong giặc nơi biên ải, ca khúc khải hoàn, trở về được vua phong thưởng tước lộc, vinh hiển gia đình :

381.Bóng kỳ xí già ngoài quan ải,
Tiếng khải ca trở lại thần kinh.

Đỉnh non khắc đá đẽ danh,

384. Triều thiên vào trước cung đình dâng công.

389.Nền huân tướng đai cân rạng vẻ,
Chữ đồng hưu bia để nghìn đồng.

Ôn Trên tử ấm thê phong,

392. Phần vinh thiếp cũng đượm chung hương Trời.

- Rồi chàng trở về sum họp gia đình, viếng thăm mẹ già, nâng niu con cái. Chàng sẽ kể cho nàng nghe chiến công và nỗi nhớ gia đình, còn nàng thì kể lể nỗi hiu quạnh nhớ nhung và đưa chàng xem những bài thơ thương nhớ :

401.Giở khăn lệ, chàng trông từng tấm,

Đọc thơ sầu, chàng thảm từng câu.

Câu vui đổi với câu sầu,

404. Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.

Sẽ rót với lần lần từng chén,

Sẽ ca dần rén rén từng thiên.

Liên ngâm đối ấm đòi phen,

408. Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.

Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ,

Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.

Ngâm nga mong gữi chữ tình,

412. Dường nầy âu hẩn tài lành trượng phu./.

IV. Những giai thoại văn chương :

1. Đối chữ sách :

Cô Điểm, khi lên 6 tuổi, đang học Sử Ký Trung hoa, anh là Đoàn Doãn Luân lấy một câu trong Sử Ký ra câu đối :

Bạch xà đương đạo, Quý bạt kiếm nhi trảm chi.

Cô Điểm liền lấy một câu cũng trong Sử Ký đối lại :

Hoàng long phụ chu, Vũ ngưỡng Thiên nhi thán viết.

Nghĩa là :

. Rắn trắng giữa đường, ông Quý (Lưu Bang) tuốt gươm mà chém.

. Rồng vàng đội thuyền, ông Vũ (Hạ Vũ) ngửa mặt lên Trời mà than.

2. Đối chữ bóng :

Anh Luân thấy Cô Điểm đang soi gương trang điểm nơi cửa sổ, liền ra câu đối :

Đối kính họa mi, nhứt điểm phiên thành lưỡng điểm.

Cô Điểm liền đối lại :

Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.

Nghĩa là :

. Trước gương vẽ mày, một điểm hóa thành hai điểm, cũng có nghĩa là một Cô Điểm hóa thành hai Cô Điểm.

. Tới ao xem trăng, một vũng tròn chuyển thành hai vũng, cũng có nghĩa là 1 anh Luân chuyển thành 2 anh Luân.

Sự tài tình ở đây là cảnh rất thực, dùng được tên hai người đúng với cảnh vẽ mày và ngắm trăng.

3. Có lần Đoàn Doãn Luân từ ngoài đi vào nhà, thấy em gái đang ngồi bên rổ kim chỉ, liền đọc :

Huynh lai đường thượng tâm song nguyệt.

(Anh trai đến nhà trên tìm hai mặt trăng)

Song nguyệt là hai mặt trăng, mà theo chữ Hán, 2 chữ Nguyệt 月 ghép lại là chữ *Bằng 朋* : Bè bạn, bằng hữu, nên câu trên còn có nghĩa là là : Anh trai đến nhà trên tìm bạn.

Cô Điểm liền đối lại :

Muội đáo song tiền tróc bán phong.

(Em gái đến trước cửa sổ bắt nửa làn gió)

Bán phong là nửa làn gió, mà cũng có nghĩa là phân nửa chữ Phong 風 tức là chữ Sắt 鋸 nghĩa là con rận. Nên câu đối trên có nghĩa là : Em gái đến trước cửa sổ bắt con rận.

4. Khi hay tin chị dâu sanh được con gái đầu lòng trong đêm rộn rịp vui mừng, Cô Điểm đùa với anh, đọc rằng :

Bán dạ sinh hài, Hợi Tý nhị thời vị định.

(Nửa đêm sanh con, Hợi Tý hai giờ chưa định)

Đoàn Doãn Luân liền đổi lại :

Lưỡng tình tương phối, Kỷ Dậu song hợp nãi thành.

(Hai tình phối hợp, Kỷ Dậu hai hợp mà thành)

Với lối chơi chữ, hai chữ *Hợi* 子 và *Tý* 子 ghép lại thành chữ *Hài* 孩 ; chữ *Kỷ* 己 và chữ *Dậu* 酉 ghép lại thành chữ *Phối* 配 .

5. Vịnh nước Đằng bốn ông hai vợ :

Có lần ở Chương Dương, Bà Đoàn đang giảng sách cho học trò, tới đoạn : Đằng là nước nhỏ, lại lọt vào giữa hai nước lớn là Tề và Sở, nên việc ngoại giao với hai nước lớn rất khó khăn. Vào lúc ấy, ông hàng xóm có hai bà vợ gây lộn om sòm. Bà tức cười, bảo học trò lấy đầu đê nước Đằng làm thơ bốn ông hai vợ. Học trò có nhiều đứa làm bài, nhưng bài của Đoàn Lệnh Khương (con của anh Luân) là có ý hay hơn cả, được Bà chỉnh văn lại, ghi ra như sau đây :

*Đằng quốc xưa nay vốn nhỏ nhen,
Lại thêm Tề, Sở ép hai bên.
Quay đầu với Sở, e Tề giận,
Ngảnh lại sang Tề, sợ Sở ghen.*

Đó đúng là hoàn cảnh của ông hàng xóm có hai bà vợ hay ghen.

6. Ba cái túi của Cô Điểm :

Cô Điểm có thêu ba cái túi đựng trầu cau rất đẹp để đeo bên cạnh dây lưng : - Chiếc túi thứ nhất thêu hình ba cây tùng trúc mai, phía dưới có thêu hai chữ Tam Hữu, - Chiếc túi thứ nhì thêu hình Bát Quái, - Đặc biệt chiếc túi thứ ba thêu hai câu thơ của Lý Bạch đời Đường :

*Đãnsửchủnhânнăngtúykhách,
Bất tri hà xu thi tha hương.*

Dịch nghĩa : *Chỉ cốt chủ nhân say nỗi khách,
Chẳng hay đâu nữa chốn quê xa.*

Chiếc túi thêu hai câu thơ này, Cô Điểm rất quý, luôn luôn đeo bên mình. Có người xin đổi chiếc túi ấy với ngôi nhà bằng gỗ soan nhưng không được.

7. Thách đối kén chồng :

Nhiều người khoa bảng thời bấy giờ nghe tiếng Cô Điểm hương sắc vẹn toàn, văn chương lối lạc, nên đều có ý muốn đến thử tài và cầu hôn, nhưng tất cả đều chịu thua tài Cô Điểm và rút lui.

* **Chuyện thứ nhứt** là ông Vũ Diệm, bạn của Nhữ Đình Toản, đỗ Hoàng Giáp năm 1739, đến viếng Cô Điểm. Biết được dụng ý của người khách tài hoa này, Cô Điểm liền ra tay trước, bằng cách sai con hầu bưng ra một khai trầu mời khách, rồi Cô sẽ ra sau, nhưng trên khai trầu Cô để sẵn một tờ giấy, trên đó Cô viết một vế đối, nhờ khách đối giúp :

Dinh tiền thiếu nữ khuyến tân lang.

Câu này có nghĩa đen là : Trước sân gió thoảng phất cây cau. Thiếu nữ là cơn gió nhẹ, tân lang là cây cau; nhưng nghĩa bóng của câu này theo cách đồng âm : Trước sân, người con gái mời chàng rể mới. (Thiếu nữ : con gái. Tân lang : chàng rể)

Vũ Diệm thấy câu thách đối khó quá, không thể đối nổi nên đành rút lui, không dám trêu vào giai nhân nữa.

* **Chuyện thứ nhì** được truyền khẩu nhiều trong dân gian là Cô Điểm nhiều lần thách đối với Trạng Quỳnh, vì Trạng Quỳnh dò dè trêu Cô và lần nào Trạng Quỳnh cũng đành chịu thua.

- Một hôm, Cô Điểm đang ngồi bên cửa sổ thì Trạng Quỳnh tới, Cô liền đọc một câu thách đối :

Song song là hai cửa sổ, hai người ngồi trong cửa sổ song song.

Trạng Quỳnh đối không được, chịu thua rút lui.

- Lần khác, Cô Điểm gặp Trạng Quỳnh đi theo Cô lên phố Mía ở Sơn Tây, Cô đứng lại chờ Quỳnh tới đọc một câu thách đối :

Lên phố Mía gặp cô hàng mật, cầm tay kẹo lại hỏi thăm đường.

Trạng Quỳnh lại chịu thua nữa vì câu thách đối ra toàn là mía, đường, mật, kẹo, nên không thể kiểm ra chữ để đổi lại.

- Lần khác nữa, Trạng Quỳnh lại gần chõ Cô Điểm tắm, Cô biết vậy liền ra một vế thách đối :

Da trắng vỗ bì bạch.

Bì là da, bạch là trắng, bì bạch là da trắng, nhưng hai tiếng này theo nghĩa nôm là để tượng thanh, tiếng vỗ vào da thịt. Trạng Quỳnh cũng đành chịu thua keo nữa.

- Lần cuối, nhân buổi Hội Xuân, Cô Điểm thuận tay bẻ một nhánh xương rồng, chợt thấy Quỳnh đi tới, liền đọc :

Cây xương rồng trông đất rắn, long vẫn hoàn long.

Long, chữ Hán là rồng, mà tiếng nôm nghĩa là không chặt. Lần này, Quỳnh đối lại được, chữ nghĩa rất chỉnh mà lại biểu lộ tính ngang ngạnh của mình :

Quả dưa chuột tuột thẳng gang, thủ chơi thì thủ.

Thủ là con chuột, nhưng tiếng nôm nghĩa là làm thủ, chưa phải làm thiêt.

Tương truyền, sau lần đối này, Trạng Quỳnh và Cô Điểm chia tay, không còn gặp nhau nữa.

8. Sứ Tàu bị lõm :

Thời xưa, mỗi lần có đoàn sứ bộ của nước Tàu sang nước ta, triều đình thường kén chọn những người tài giỏi, lành lợi, văn hay chữ tốt, thạo việc ứng đối, để giả làm các công việc : Bán hàng, đưa đò, hoặc làm việc nơi các Công quán, mục đích là để đối đáp với Sứ Tàu làm cho họ kính phục nước Nam ta.

Sử có chép, đoàn Sứ Mãn Thanh sang nước ta, hai vị đứng đầu là : Hàng Địch Lộc và Nhiệm Lan Chi. Trong số những người bán hàng trên đường Sứ Tàu đi qua, có Cô Điểm và chú bé Trần Quang Trạch, con trai của ông Hoàng Giáp Trần Danh Ninh, mới hơn 10 tuổi mà đã giỏi văn thơ ứng đối.

Bộ điệu Sứ Tàu hống hách, thấy có cô bán hàng xinh đẹp thì nói đùa một câu :

Nam phương nhất thốn thổi, bất tri kỹ nhân canh.

(Phương Nam có một tấc đất, không biết bao nhiêu người cày)

Cô Điểm đứng đó liền đáp lại rằng :

Bắc quốc đại trượng phu, gai do thử đồ xuất.

(Nước Tàu phương Bắc các đại trượng phu đều bởi đường ấy mà ra)

Hai câu đối trên, nếu giải nghĩa thanh thì đối nhau rất thanh, giải nghĩa tục thì đối nhau rất tục, ý nghĩa hơn hẳn Sứ Tàu, thật xuất sắc tài tình.

Bọn Sứ Tàu tưởng nói bỡn như vậy là bóng gió cao kỵ để hạ nhục Cô bán hàng, nào dè Cô hiểu ý, lanh trí trả lời đích đáng, đem cái nhục trả lại chúng, làm chúng hổ thẹn rút lui, phục tài gái nước Nam, không còn dám bỡn cợt gái nước Nam nữa.

Kết luận :

Bà Đoàn Thị Điểm đứng hàng đệ nhứt trong các Nữ sĩ tên tuổi trên văn đàn Việt Nam như : Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Sương Nguyệt Anh, . . .

Bà là một Nữ sĩ có thi tài lối lạc, lời thơ tao nhã, dài các, bóng bẩy đầy âm điệu. Bà còn là một phụ nữ mẫu mực Nho phong, đầy đủ hiếu thảo, nghĩa khí, Tứ Đức, Tam Tùng.

Tác phẩm Chinh Phụ Ngâm của Bà được các nhà văn trong nhóm *Mercure de France* của nước Pháp dịch ra tiếng Pháp, xuất bản năm 1939 tại Ba-lê (Paris) nhan đề là : “*Les Plaintes d'une Chinh phu.*”

Bà Đoàn Thị Điểm là một vị Nữ Tiên trên Thượng giới giáng trần. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Bà không đầu kiếp xuống trần, mà chỉ dùng huyền diệu cơ bút, nhờ hai vị đồng tử trong Đạo Cao Đài phò loan để Bà giáng cơ viết tác phẩm NỮ TRUNG TÙNG PHẬN có mục đích giáo dục Nữ phái Việt Nam trong chủ trương Nho Tông Chuyển Thể của Đạo Cao Đài.

Đức Chí Tôn có nói trước rằng : “ *Nam phong thủ nhứt biển Nho phong.* ” nghĩa là : Nên Phong hóa của người VN ngày ấy sẽ trở thành nền Phong hóa của nhơn loại, tức là nhơn loại ngày sau sẽ học tập và làm theo Phong hóa VN.

Do đó, cần phải củng cố và chấn chỉnh nền Phong hóa nước nhà cho tốt đẹp vẹn toàn thì mới làm gương mẫu được.

Nền Phong hóa đó phải bắt đầu từ gia đình, mà người phụ nữ là người đảm nhiệm vai tuồng quan trọng nhất. Cần phải hướng dẫn người phụ nữ trở lại nền nếp tốt đẹp thời xưa với Tứ Đức, Tam Tùng, nhưng chỉ nên giữ lại phần tinh hoa tốt đẹp, bỏ bớt những điều làm giảm nhân cách phụ nữ và bất bình đẳng với Nam phái, cho hợp với trình độ tiến hóa của nhơn sanh ngày nay.

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN của *Bà Đoàn Thị Điểm* nhất định sẽ đóng góp một phần tích cực và quan trọng trong chiều hướng giáo dục này.

* * * * *

3

Mục đích Giáo dục của NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

Nội dung của tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận là lời tự thuật của một phụ nữ có sắc đẹp, có tài năng và đức hạnh, kể từ lúc tuổi thanh xuân, rồi có chồng theo về nhà chồng, phục vụ cho chồng và gia đình chồng, sanh con đẻ cái, nuôi dạy con cho khôn lớn, đến lúc tuổi già răng long đầu bạc, qui y lo việc tu hành và thoát xác về Tiên.

165. *Cầm bút ngọc đê thi tự thuật,
Một kiếp sanh của bậc văn tài.*

Nêu gương tuyết giá hậu lai,

168. *Gõ trong muôn một những bài sanh ly.*

Bà Đoàn Thị Điểm mượn lời tự thuật này để giáo dục Nữ phái lúc tuổi trẻ phải lo cho tròn Nhơn đạo, giữ vững Tứ Đức, Tam Tùng, giúp chồng và gia đình nhà chồng, nuôi dạy con cái lớn khôn nên người. Đến lúc trung niên thì xong phần Nhơn đạo, người phụ nữ cần tiến lên tu phần Thiên đạo thì mới mong giải thoát khỏi kiếp luân hồi. (Thiên đạo là đạo tu giải thoát để lên cõi Trời. Đó là Tiên đạo và Phật đạo).

Tác phẩm này được Bà giáng cơ bắt đầu viết vào ngày 26-2-Quí Dậu (1933), nên nội dung tác phẩm cũng căn cứ vào hiện tình xã hội của nước VN ta thời đó. Đó là thời mà miền Nam VN (Nam Kỳ) là thuộc địa của nước Pháp, Trung Kỳ thì vẫn do vua quan nhà Nguyễn cai trị, nhưng đặt dưới sự bảo hộ của Pháp, xã hội vẫn còn phong kiến như thuở Bà Đoàn Thị Điểm sanh tiền, Nữ chưa được bình quyền cùng Nam.

Mở đầu tác phẩm, Bà Đoàn Thị Điểm thúc giục Nữ phái phải lo học tập văn hóa trong lúc tuổi còn niên thiếu, vì Bà cho rằng phụ nữ chưa được bình quyền cùng nam là vì dốt nát, nên bị khinh rẻ.

1. Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
2. Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.

13. Nấu kinh sử ra mùi son phấn,
14. Cầm bút nghiênặng thăm má đào.

Bà còn thúc đẩy Nữ phái học cả võ nghệ nữa để giúp Nam phái bảo vệ non sông tổ quốc :

3. Gươm thư giúp sức gươm hùng,
4. Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.

15. Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
16. Xây hình thục nữ giãm màu nước non.

Người phụ nữ thời đó vẫn còn bị phái nam khinh rẻ vì dốt nát thiếu học, nên hoàn toàn lệ thuộc vào người chồng :

5. Bởi rẻ rúng thuyền quyền thiếu học,
6. Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.
19. Vật chơi ở chốn khuê phòng,
20. Đã cam phận vợ để chồng cầm duyên.

Nếu thời niên thiếu không lo học tập thì đến tuổi trưởng thành, có chồng con rồi thì đâu còn thì giờ và tâm trí thảm thời để học tập.

33. Mảng lo lảng chữ nhàn nào rõ,
34. Huống để công đến ngõ Khổng Trình.
Rừng Nho biển Thánh thịnh thịnh,
36. Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.

Trong gia đình, người mẹ gần gũi thân cận với con nhiều hơn cha, nên việc giáo dục của mẹ đối với con lúc con còn thơ bé rất là quan trọng.

Trong phần tiếp theo là lời Mẹ dạy con trai và con gái.

*** MẸ DẠY CON TRAI :** (từ câu 357 đến 592 : 236 câu)

- *Dạy con trai phải lo thờ cúng Tổ tông :*

357. Định hương hỏa hằng bày quý tế,

Lập pháp gia tự kế phụng thờ.

Con chàng thiếp trả khi thờ,

360. Dòng chàng thiếp dạy phụng thờ tổ tông.

- *Lựa chọn nghề nghiệp cho con học tập để lớn lên có nghề nghiệp thích hợp bảo đảm cuộc sống gia đình :*

361. Lựa chọn học các công các nghề,

Tính cho hay mọi vẻ văn tài.

Sĩ, Nông, Công, Cổ sanh nhai,

364. Ngư, Tiều, Canh, Mục làm bài bảo thân.

- *Dạy con đạo Nhơn luân, gồm Ngũ luân : Cách cư xử đối với quốc gia, đối với cha mẹ, đối với vợ, đối với anh em và đối với bạn bè.*

. *Đối với quốc gia dân tộc, phải có lòng yêu nước và lòng trung thành (TRUNG) :*

381. Nếu đêặng tinh trung hai chữ,

Vạch lưỡng con viết thử để dành.

Rủi cơn loạn quốc khuynh thành,

384. Tấm gan liệt sĩ cũng dành độ dân.

397. Nào quốc thể người khi kẻ thị,

Nào dân đen phép qui hớp hồn.

Nấu sôi cái máu anh phong,

400. An bang tế thế một lòng lo âu.

. *Dạy con phải có hiếu với cha mẹ (HIẾU) :*

485. Con ví biết trọng ngài phụ tử,
Hiển tông môn khá giữ nơi lòng.
Đừng làm nhục tổ hổ tông,

488. Lập thân trả hiếu nối dòng truyền hương.

. *Dạy con phải biết tôn kính thầy (KÍNH) :*

449. Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ,
Mới đắc truyền mọi lẽ cao sâu.
Học hay kế nhiệm mưu машу,

452. Học nên tài đặng giải sâu quốc gia.

473. Con nhờ thầy công danh mới toại,
Như nhờ cha mới giỏi hình dung.
Hai ơn ấy gấm so đồng,

476. Nghĩa kia như hiếu, mặn nồng cả hai.

. *Dạy con phải thương yêu dạy dỗ em út trong nhà :*

493. Còn em út trong nhà thơ bé,
Trai dạy khuyên, gái để khép khuôn.
Con đừng quen tánh luông tuồng,

496. Các em hư nết gieo buồn song thân.

. *Dạy con phải biết chọn bạn mà chơi :*

501. Ngoài gia tộc non vầy bạn,
Lựa tài danh giao cạn tâm tình.
Đời như trận giặc đua tranh,

504. Dầu tài một ngựa một mình khó nêu.

517. Trong võ trụ hiệp hào là mạnh,
Phận đồ thơ phái gánh non sông.
Anh em bạn tác vầy đong,

520. Xô thành cõng ngã, lấp sông cõng băng.

. *Dạy con trai khi lớn lên có vợ thì phải biết thương yêu
giúp đỡ vợ nhà, ăn ở cho có tình nghĩa thủy chung :*

525. Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
Đạo nhơn luân gầy sống của đời.

Dầu cho non nước đổi dời,

528. Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.

529. Bạn trăm tuổi thân hòa làm một,
Dầu sang hèn xấu tốt cũng duyên.

Cùng nhau giữ vẹn hương nguyên,

532. Cái duyên kinh bối là duyên Châu Trần.

- *Dạy con phải lo xây dựng nền văn hóa cho dân tộc
mình và phát triển nền kinh tế cho văn minh tiến bộ :*

393. Giang sơn bốn nghìn năm tổ nghiệp,
Văn hóa so cũng kịp tha bang.

Xa thơ nay gãy giữa đàng,

396. Con tua giữ dạ cứu nàn giúp nguy.

461. Học cho thấu máy linh cơ tạo,
Học cho toàn trí xảo văn minh.

Thâu tài hay nhập nước mình,

464. Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.

- *Dạy con trai không được đam mê sắc dục, ăn chơi
trác táng :*

581. Có chi trọng đàn ong xóm bướm,
Nơi phồn ba đậm nhuộm màu gian.

Đừng quen kết lũ vầy đoàn,

584. Cửa thanh lâu những nhộn nhàng gió trăng.

* MẸ DẠY CON GÁI : (từ câu 593 đến 712 : 120 câu)

*Con gái phải lo trau giòi Tứ Đức : Công, Dung, Ngôn,
Hạnh và gìn giữ Tam Tùng : Tùng phu, Tùng phu, Tùng tử.*

- *Mẹ dạy con gái về DUNG :*

621. Phàm phận gái đứng hàng khuê các,
Phải trau tria tướng hạc hình mai.

Chín tầng cửa đóng then gài,

624. Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.

- *Mẹ dạy con gái về NGÔN :*

625. Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,

628. Tiếng tiêu khải phụng, phục người mới ngoan.

- *Mẹ dạy con gái về CÔNG :*

629. Gặp cơn rãnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề dẫu chẳng đủ tài,

632. Dệt ván Tô Huệ gõ dày chinh phu.

- *Dạy con gái về HẠNH :*

633. Sửa từ nết ngày thâu tập tánh,
Trăm hạnh hay bối tránh điều thô.
Xấu xa rách rưới lõa lồ,

636. Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.

- *Dạy con gái lúc chưa chồng thì ở nhà phải tùng Cha (TÙNG PHỤ) và phải hiếu thảo với cha mẹ :*

637. Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,
Ráng theo cha học lễ học văn.
Phép xưa tùng phụ đã rằng,

640. Dựa thân cội tử đợi hàng trượng phu.
Thánh xưa dạy từ câu nói hiếu,
Đạo thờ thần chầm khíu nên kinh.

Tích xưa nhắc đến Đè Oanh,
644. Thương cha nên phải bán mình kêu oan.

- *Dạy con gái phải lựa chọn tấm chồng cho xứng đáng
với tài sắc của mình :*

653. Đợi nơi cửa khách tìm thức ngọc,
Đừng đỗ đường rời bốc áo hoa.
Trông người so sánh với ta,

656. Lưỡng tài cân sắc hiệp hòa mới nê.

- Dạy con gái khi có chồng thì phải tùng chồng (TÙNG PHU) và giữ lòng chung thủy với chồng :

673. Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,
Phải tùng phu là phép xưa nay.
Mạnh Quang tích trước ghi tài,
676. Tê mi vẹn đạo chẳng nài khổ thân.
701. Hễ thất nghĩa rẻ khinh kim cài,
Khó tưới hoa trở lại thanh tươi.
Hư nêu cũng có một đời,
704. Hay chi thay đổi nhành mai sái mùa.

Hai đoạn : Mẹ dạy con trai và Mẹ dạy con gái rất quan trọng, tính theo số câu thì chiếm $\frac{1}{3}$ tác phẩm.

Người Mẹ cần lợi dụng sự thương yêu gần gũi các con để nhỏ to dạy dỗ và khuyên nhủ con. Bởi vì nuôi một đứa con thì dễ, nhưng việc dạy một đứa con nên người đạo đức hữu ích cho nhơn quần xã hội là một việc muôn vàn khó khăn, đòi hỏi người cha, nhất là mẹ phải tế nhị, sâu sắc và nhẫn nại.

Người phụ nữ, nếu gặp phải số phận bạc bẽo, gãy gánh giữa đường thì điều cao quý nhất vẫn là giữ lòng chung thủy với chồng, ở vậy nuôi con và dạy dỗ con, hy sinh bản thân mình để tạo sự nghiệp cho con, hơn là tái giá, bước thêm bước nữa (TÙNG TỬ) :

777. Thôi dành gởi tâm hồn gió tuyết,
Theo nương con cho hết Tam Tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,
780. Hoặc là chia dạ não nùng với con.
- Khi con đã khôn lớn nên người, người phụ nữ cần nên hướng về đường đạo đức tu hành :*
969. Tiếng U Minh tía lia gợi thảm,
Giọng kình khua cửa Phạm đậm đòn.

Câu kinh tiếng kệ gọi hồn,

972. Kêu thương khách tục, giải lòng người nhân.

997. Rón rén trước Phật ngồi cúi gật,

Mấy lạy trình mấy nấc tương tư.

Mảnh tâm xin gởi bấy chừ,

1000. Nương theo thuyền huệ vào bờ Tương giang.

*Nhìn lại cuộc đời đã qua, thấy rõ như là một giấc mộng,
có chông có con, mưu cầu danh lợi chỉ là chuốc thảm deo sầu.*

1109. Ngắm thế cuộc chặng bằng một giấc,

Kiếp phù sinh đặng thất là bao.

Nhẵng là đeo thảm chác sầu,

1112. Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.

*Người phụ nữ lúc bấy giờ nên xuất gia tu hành, tầm
đường Thiên đạo thì mới mong giải khổ và thoát khổ.*

1153. Thay đạo phục bước xăng lánh thế,

Mơi thì kinh, tối kệ giải lòng.

Tử bi hứng giọt nhành dương,

1156. Lau thanh trái chủ, lấp đường nghiệt căn.

1233. Vẹn Nhơn đạo đi lần nẻo chánh,

Đến vô ưu đặng lánh nhơn luân.

Thuyền con mèch mèch như rừng,

1236. Đon đường Thánh đức hỏi chừng Như Lai.

Tu thì nên luyện đạo và sẽ được đắc đạo tại thế :

1249. Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,

Diệt lục trần xa lánh phàm tâm.

Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,

1252. Đoạt phương tự diệt, giải phần hữu sinh.

1257. Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,

Linh quang đầy đặng tiếp hồng ân.

Xác tại thế đã nên Thần,

1260. Ba mươi sáu cõi đặng gần linh Thiên.

Ráng cầm viết ghi lại những kinh nghiệm sống của đời mình để lưu lại khuyên dạy Nữ phái :

1381. Gắng cầm viết nín hơi sống rốt,
Đề năm vẫn khắc cốt nữ lưu.

Dứt tình ái, giải sầu ưu,

1384. Hẽ thương thì cũng lo mưu giữ mình.

Nhiệm vụ đã xong, linh hồn thoát xác về Tiên, hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn :

1397. Buông ngọn viết vào làn mây trăng,
Hẽ có thương nhớ dạng là hơn.

Cảnh Thiên gởi tấc hương hồn,

1400. Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.

1401. **Đời đời danh chói CAO ĐÀI ./.**

Tác phẩm NTTP của Bà Đoàn Thị Điểm viết ra vào năm 1933, lúc đất nước ta còn phong kiến và Pháp thuộc, nên thích hợp với hoàn cảnh xã hội thời đó, nhưng so với hoàn cảnh của người phụ nữ thời nay có nhiều đổi mới thì tác phẩm có một số chi tiết không còn thích hợp nữa.

Tuy nhiên, đứng trên mặt tổng quát, đặt nặng phần cẩn bản mà xem nhẹ tiểu tiết thì tác phẩm NTTP này rất có giá trị về hai phương diện : Văn chương và Giáo dục.

- Lời thơ bóng bẩy, quý phái, gợi cảm, đầy âm điệu, ý tứ thanh cao, góp phần làm phong phú văn chương Việt Nam.

- Nội dung giáo dục chủ yếu dành cho Nữ phái, nhưng không phải không có dạy Nam phái, góp phần củng cố nền tảng đạo đức gia đình, đúng theo chủ trương Nho tông Chuyển thế của Đạo Cao Đài, để từ đó xây dựng nền phong hóa VN càng lúc càng tốt đẹp, làm gương mẫu cho toàn nhơn loại, đúng theo Thánh ngôn của Đức Chí Tôn :

“Nam phong thủ nhứt biến Nhơn phong.”

4

Những giới hạn thời gian trong NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

Bà Đoàn Thị Điểm giáng cơ viết tác phẩm NTTP vào 1933, trong một hoàn cảnh lịch sử của đất nước Việt Nam vô cùng rối ren và đen tối.

Người Pháp đã đặt ách đô hộ hoàn toàn lên Nam Kỳ và Bắc Kỳ (Miền Nam và miền Bắc VN), còn Trung Kỳ thì người Pháp bảo hộ, họ duy trì chế độ vua quan nhà Nguyễn làm bù nhìn cho chúng, để chúng thẳng tay đàn áp các phong trào Cách mạng hay Cân Vượng của các sĩ phu yêu nước.

Người Pháp đã đem nền văn minh cơ khí tiến bộ của họ và nền văn hóa Thiên Chúa giáo sang khai hóa dân tộc ta, khiến người dân Nam cảm thấy rất xa lạ, thấy nó như các phép thuật của ma quỷ, nên người VN yêu nước gọi người Pháp là đám Bạch quỷ (quỷ da trắng).

398. Nào dân đen phép quỷ hớp hồn.

Người VN phải chịu trong cảnh nô lệ, tù đày :

412. Tài chi trong kiếp tội tù dã man.

Một số người VN bị Pháp dụ dỗ bằng miếng mồi danh lợi nên chạy theo ủng hộ Pháp, được Pháp cho làm quan, trở lại đàn áp các phong trào yêu nước chống Pháp, được Pháp dung túng cho bọn họ tham nhũng, bốc lột dân chúng :

421. Thất xã tắc dân mình nghịch chửng,

Quen nghè tham, lại nhũng, quan gian.

Sâu dân mọt nước bạo tàn,

424. Mua quan bán chức nhộn nhàng cân đai.

Do đó, Bà Đoàn Thị Điểm đã viết trong phần Mẹ dạy con trai phải tận trung với vua và tham gia phong trào Cần Vương :

- 369. *Quan thì phải tận trung vì chúa.*
- 371. *Sang thì giữ vững ngai vàng.*
- 378. *Thương quê hương trọng ngãi quân thân.
Ngọn rau tặc đất là ân.*
- 380. *Ưu quân ái quốc, vua cần dân nghinh.*
- 386. *Đạo Cần Vương nêu tiếng thanh cao.*

Đây là điều giới hạn về thời gian của tác phẩm NTTP, vì thời xưa, dưới chế độ quân chủ, vua cai trị dân một cách độc đoán, còn nay thì đã tiến đến thời tự do dân chủ, dù có vua đì nữa thì vua chỉ để tượng trưng cho nước, giữ phần nghi lễ, chớ không tham dự vào việc cai trị dân, mà quyền cai trị dân nằm trong tay của Chánh phủ do dân trực tiếp hay gián tiếp bầu ra, dưới sự giám sát của Quốc Hội, một cơ quan hoàn toàn dân cử.

Vào năm 1933, xã hội VN vẫn còn ảnh hưởng nặng nề tính chất của thời quân chủ, nên quan niệm các vấn đề như :

- Trung với vua một cách cứng ngắt, hẹp hòi.
- Trọng Nam khinh Nữ, không cho phụ nữ đi học và làm quan.
- Duy trì chế độ đa thê, chồng chúa vợ tôi.

Dó là 3 vấn đề mà tác phẩm NTTP còn bị giới hạn đối với xã hội VN tiến bộ ngày nay. Chúng ta đi chi tiết từng điểm một :

a) **Vấn đề trung với vua :**

Bà Đoàn đã viết như đã trình bày ở phần trên.

b) **Vấn đề trọng Nam khinh Nữ :**

Thuở đó, phụ nữ không được đi học và ra làm quan.

5. Bởi rẽ rúng thuyền quyền thiếu học.
6. Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.
17. Cửa Thánh miếu hãy còn thiếu gái.
18. Chốn quyền môn Nữ lại vẫn không.
35. Rừng Nho biển Thánh thinh thinh,
36. Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi tho.

Ngày nay, Nam Nữ đã hoàn toàn bình đẳng với nhau, con gái được học hành y như con trai, lại còn có phần giỏi hơn con trai, số học trò Nữ thường đông hơn Nam. Có nhiều phụ nữ đậu các bằng cấp rất cao như : Thạc sĩ, Bác sĩ, Tiến sĩ.

Phụ nữ được làm tất cả các công việc, các ngành nghề y như Nam phái, kể cả các ngành Chính trị, Kinh tế, Văn hóa. Nhiều phụ nữ đã làm Dân biểu, Nghị sĩ, Bộ trưởng, Thủ Tướng, Quản trị kinh doanh, Luật sư, Bác sĩ, Dược sĩ, vv . . .

c) **Vấn đề đa thê, chồng chúa vợ tôi :**

Trong NTTP, Bà Đoàn Thị Điểm đã viết :

- Người đàn bà bị xem như món đồ chơi :

19. Vật chơi ở chốn khuê phòng.

- Chồng chúa vợ tôi, người vợ không có quyền quyết định các việc trong gia đình :

113. Thân lòn cúi vợ tôi chồng chúa.

119. Dầu cho lúc đứng khi ngồi,

Chàng là chúa cả, thiếp thời gia nô.

- Người đàn ông được xã hội cho phép lấy nhiều vợ :

139. Thung dung quân tử hảo cừu,

Năm thê, bảy thiếp mặc dầu trăng hoa.

709. Trai bảy thiếp cũng cho chẳng hại.

Ngày nay, luật pháp nước VN cấm hẳn đa thê, chỉ cho phép 1 vợ 1 chồng. Tân Luật của Đạo Cao Đài cũng không cho phép đa thê.

Phụ nữ ngày nay được hoàn toàn bình đẳng với Nam phái trong mọi lãnh vực, về quyền lợi cũng như về trách nhiệm, đối với Đời cũng như về mặt Đạo, không còn cảnh chồng chúa vợ tôi, cử án tề mi.

Trong quan niệm chồng chúa vợ tôi của thời đó, Bà Đoàn Thị Điểm đã xây dựng một mẫu người vợ với đạo Tùng Phu (trong Tam tùng) một cách quá mức đến độ người vợ mất hẳn cá tính, giống như một nữ kinh sĩ chỉ lo diễn xuất cho trọn vẹn vai tuồng làm vợ, chứ không hề có chút gì sống thực với chính bản thân mình :

61. Dầu khôn mấy giả ngu cho thuận,
62. Phải bao nhiêu cũng nhận lỗi lầm.
67. Chiều vui dưới trướng ngoài màn.
78. Ép nhỡ thương làm điếc làm đui.
81. Hiểu thương ghét giả cam phận dại,
Biết nên hứ chẳng cãi cho cùng.
91. Dầu chàng đổi dạ én anh,
92. Tề mi vẹn đạo, giữ gìn phép khuôn.
93. Nâng khăn tráp giải buồn quân tử,
94. Hầu tửu trà giấc ngủ không an.
95. Chàng vui thiếp cũng vui càn,
96. Chàng buồn thiếp tựa bên màn khóc theo.
111. Trăm năm kim cải cũng chồng,
112. Trái duyên vẫn vẹn đạo lòng mà thôi.

Người phụ nữ thời nay, khi đọc những đoạn thơ có nội dung chồng chúa vợ tôi, chắc chắn rất lấy làm bất mãn trước bao nỗi bất công mà người phụ nữ thời xưa phải gánh chịu, và cảm thấy lòng vừa đau đớn vừa thương xót.

Tuy nhiên chúng ta cũng nhận thấy Bà Đoàn đã thấy rõ những nỗi bất công đó, nên có lúc Bà muốn đứng lên tranh đấu mạnh mẽ cho quyền lợi của phụ nữ :

1325. Thấy nhi nữ kiếp căn mỏng mảnh,

1326. Muốn binh lời làm mạnh đỡ nâng.

Nhưng bà lại sợ, vì luân lý xã hội với truyền thống lâu đời lúc bấy giờ chưa cho phép :

1327. Lại e lỗi đạo nhơn luân,

1328. Dở dang gia pháp, vương thần loạn ngôi.

Bà nhận thấy rằng, nguyên nhân chủ yếu của các bất công đó là do phụ nữ ít học, dốt nát, thiếu tài năng, nên Bà khuyến khích phụ nữ, việc đầu tiên là phải lo học tập, trau giồi kiến thức :

1. Dụng văn hóa trau tria nữ phách,

2. Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.

Bà cũng muốn đòi hỏi bình quyền giữa vợ và chồng :

85. Ngoài mặt phép, chàng sao thiếp vậy,

86. Giữa cửa công, phải quấy đồng thân.

113. Đạo phu thê như đưa nêu đôi.

Nhưng đứng trước một xã hội còn nặng nề đầu óc quan liêu phong kiến, tiếng nói đòi hỏi của Bà trở thành tiếng than uất ức :

160. Phải chi vợ dám phụ phàng mới sao ?

Và khi Bà viết đoạn Mẹ dạy con trai cách đối xử với vợ, phải thương yêu vợ, đối xử bình đẳng với vợ và giữ lòng chung thủy với vợ, thì chúng ta thấy rõ Bà vốn chủ trương vợ chồng bình đẳng với nhau :

533. Con đừng thấy phụ nhân nan hóa,

Cầm hồn hoa vày vã thân hoa.

Vợ con thay phận mẹ già,

536. Nuôi con mẹ cậy bóng ngà nữ dung.

537. Khi sớm tối lạnh nồng có kẻ,
Thân mật con đặng để giữ con.
Mẹ lo trong lúc còn non,
540. Vợ con lo lúc thân mòn gối rung.
Nếu khổ cực cùng chung chia sốt,
Đầu sang hèn đừng bớt tình nồng.
Hãy là vào đạo vợ chồng,
544. Hư nêu đều có của ông công bà.
545. Con chớ ý mình là nam tử,
Chiếm chủ gia, hẹp xử thê nhi.
Đừng xem ra phật tiện tỳ,
548. Quyền trong nội trợ cũng bì đồng nhau.

Tóm lại, đứng trên mặt tổng thể của tác phẩm, ba điểm giới hạn vừa nêu trên chỉ là một phần nhỏ mà thôi. Ngoài những điểm hạn chế nhỏ này ra, toàn bộ phần lớn còn lại của tác phẩm NTTP đều có tính cách phi thời gian và không gian, tức là có giá trị bất hủ trong mọi trường hợp.

Do đó, tác phẩm NTTP vẫn có giá trị giáo dục rất cao. Đương nhiên khi áp dụng vào việc giáo dục phụ nữ thời nay, hay thời sau này nữa, dù là sự giáo dục trong cửa Đạo Cao Đài hay là sự giáo dục ngoài xã hội, cần phải bớt đi những phần hạn chế không thích hợp, giữ lại và phát huy tất cả những phần thích hợp. Điều đó là cần thiết vì sự tiến hóa tất nhiên của nhơn sanh.

* * * * *

5

TỨ ĐỨC & TAM TÙNG

đối với phụ nữ thời nay

Khi mở đề nói về Tứ Đức và Tam Tùng đối với người phụ nữ thời nay, có một số không ít chị em khoát tay lia lịa cho rằng cái đó là cổ hủ, lỗi thời rồi. Đời tự do dân chủ, Nam Nữ bình quyền, thời khoa học văn minh tiến bộ, Nữ còn giỏi hơn Nam mà đem chuyện Tứ Đức và Tam Tùng cách đây hơn 25 thế kỷ ra bàn luận áp dụng cho phụ nữ có phải là trật đường rầy chăng ?

Nhưng xin thưa rằng, trước khi chúng ta nặng lời phê phán, chúng ta cũng nên bình tâm dành chút ít thời gian tìm hiểu trở lại một cách rõ ràng Tứ Đức, Tam Tùng là gì, hay dở ra làm sao, để tránh những điều ngộ nhận sai trái đáng tiếc.

I. Tứ Đức :

Tứ Đức là bốn đức tốt của người phụ nữ. Tứ Đức gồm : Công, Dung, Ngôn, Hạnh.

1. Công :

Công là chăm sóc việc nhà cho sạch sẽ, trật tự, vén khéo; thêu thùa may vá, nấu nướng món ăn, nuôi dạy con cái.

Trong NTTP, Bà Đoàn Thị Điểm dạy về Công :

629. *Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.*

Trăm nghề dầu chảng đủ tài,

632. *Dệt văn Tô Huệ, gỡ dày chinh phu.*

Trong phần Công, Bà Đoàn còn dạy phụ nữ nên dành thì giờ lo học tập, trau giồi kiến thức.

Nếu người phụ nữ trong nhà để cho nhà cửa dơ dáy đầy rác bẩn, đồ đạc vứt bỏ lung tung, không biết nấu ăn, áo đứt nứt không biết cầm kim kết lại, con cái mặt mày lem luốc, quần áo dơ dáy, thử hỏi người ta sẽ đánh giá trị người phụ nữ ấy ra sao ?

2. Dung :

Dung là vẻ mặt và dáng dấp bề ngoài. Phụ nữ cần chăm sóc dung nhan cho tươi tắn, tướng đi dịu dàng, cử chỉ từ tốn đoan trang, thân thể sạch sẽ, quần áo tươm tất gọn gàng.

Trong NTTP, Bà Đoàn dạy về Dung :

621. *Phàm phận gái đứng hàng khuê các.*

Phải trau tria tướng hạc hình mai.

Chín tầng cửa đóng then gài,

624. *Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.*

3. Ngôn :

Ngôn là lời nói phải thành thật, ngay thẳng, dịu dàng, xác đáng, gây được tình cảm tốt đẹp trong mọi người; tránh lời thị phi, đâm thọc, xảo trá lợi mình hại người.

Trong NTTP, Bà Đoàn dạy về Ngôn :

625. *Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,*

Nhớ cho hay lời nói giọng cười.

Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,

628. *Tiếng tiêu khải phụng, phục người mới ngoan.*

Nếu người phụ nữ không giữ gìn lời nói, phát ngôn bừa bãi, chua ngoa, gian xảo, nói lời thô tục, người ta sẽ đánh giá trị người phụ nữ ấy như thế nào ?

4. Hạnh :

Hạnh là tánh nết hiền lành, hòa nhã, hiếu thảo, kính trên nhường dưới, khoan dung, đoan chính.

Trong NTTP, Bà Đoàn dạy về Hạnh :

633. *Sửa từ nết, ngày thâu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.*

Xấu xa rách rưới lõa lồ,

636. *Doan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.*

Nếu người phụ nữ không giữ tánh nết cho hoà nhã doan chánh, để cho buông lung lăng loàn, hay cãi lẫy bướng bỉnh, ác độc, ích kỷ, thì người ta sẽ đánh giá trị người phụ nữ ấy thế nào ?

Đó là ý nghĩa của Tứ Đức, nó là tiêu chuẩn để định giá trị của phụ nữ. Như thế, chúng ta nhận thấy ai ai trong giới phụ nữ cũng đều đang có Tứ Đức, nhưng có điều là ở mức độ nhiều ít, đầy đủ hay thiếu sót thế thôi.

Tứ Đức là bốn điều hết sức cần thiết, đến độ xem là tự nhiên sẵn có của phụ nữ. Nhờ Tứ Đức mà giá trị của phụ nữ được nâng cao. Không cần phải giàu sang quyền quý hay là trí thức mới có đủ Tứ Đức, người nghèo khó, dốt nát, quê mùa cũng vẫn có Tứ Đức. Chính Tứ Đức mới định giá trị thực sự của phụ nữ. Giá trị này không do phấn son, nước hoa hay quần áo đắt tiền đúng kiểu thời trang.

Chỉ có hạng phụ nữ bị xã hội chê bỏ mới không có Tứ Đức mà thôi.

II. Tam Tùng.

Tam Tùng hay Tam Tòng là ba điều nên theo của phụ nữ . Tam Tùng gồm : Tùng phụ, Tùng phu, Tùng tử, tức là :

- Tại gia tùng phụ,
- Xuất giá tùng phu,
- Phu tử tùng tử.

1. Tại gia tùng phụ : Ở nhà thì tùng theo cha.

Điều này rất đúng đắn và tự nhiên, bởi vì cha mẹ sanh ra mình, nuôi mình lớn lên, dạy cho biết điều hay lẽ thiệt, thì mình phải vâng lời cha mẹ là lẽ đương nhiên. Tuy nhiên,

tùng cha mẹ nhưng phải ý thức là tùng theo lẽ phải và đạo đức, chứ không phải tùng theo một cách mù quáng mây móc.

Phần cha mẹ thì phải là người hiền lương chơn chất, hết lòng thương con, lo lắng cho con, dạy dỗ con thành người tốt hữu ích cho gia đình và xã hội.

Trong NTTP, Bà Đoàn dạy về Tùng Phụ :

637. *Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,
Ráng theo cha học lẽ học văn.*

Phép xưa tùng phụ đã rằng,

640. *Dựa thân cội tử đợi hàng trượng phu.*

Chỉ không tùng cha khi nào lời dạy bảo của cha không hợp với luân lý đạo đức và trái với lẽ phải. Trong trường hợp này, người con cần phải hết sức khiêm tốn, nhỏ nhẹ nhưng cương quyết, nắn nิ cha xét lại, tranh đấu cho lẽ phải bằng tình thương yêu một cách tế nhị để khuyên lơn cha.

2.Xuất giá tùng phu : Có chồng thì tùng theo chồng.

Trời phú cho người đàn ông một sức khỏe mạnh mẽ, một ý chí cương quyết, nên người chồng đảm nhận trách nhiệm kinh tế, lo làm việc sanh lợi nuôi sống gia đình gồm vợ và các con. Do đó, một cách rất tự nhiên, người vợ nhường cho chồng quyền làm chủ gia đình, làm chỉ huy trưởng, còn vợ thì phụ tá, làm chỉ huy phó. Mọi việc trong gia đình, người vợ cần đóng góp ý kiến cho chồng giải quyết, nhưng dành cho chồng quyền quyết định sau cùng.

Đó là tùng theo chồng, với điều kiện chồng sáng suốt và tài năng, chứ không phải như thời xưa qui định chồng chúa vợ tôi, chồng xem vợ như kẻ nô tỳ.

NTTP :

673. *Đến lúc đã chung phòng hòa hợp.
Phải tùng phu là phép xưa nay.*

Sự tùng theo chồng là hình thức phân chia trách nhiệm giữa vợ và chồng trong gia đình.

Trong công bằng xã hội, Nam Nữ bình quyền, phong tục và tạp quán thời nay cũng như luật pháp chỉ cho phép một vợ một chồng. Người đàn ông chỉ được có một vợ, và người phụ nữ chỉ được có một chồng, và vợ chồng phải sống chung thủy với nhau.

3. Phu tử tùng tử : Chồng chết thì theo con.

Tùng theo con, không có nghĩa là nghe lời con hay bị con chỉ huy, mà ý nói rằng, khi chồng chết thì người vợ nên ở vậy, thủ tiết với chồng, quên mình mà lo tạo dựng cho con.

Thật ra, đây không phải là điều bắt buộc, thời xưa cũng như thời nay, mà chỉ là lời khuyên. Nếu người vợ còn trẻ tuổi, luân lý và luật pháp không cấm người vợ tái giá khi mãn tang chồng.

Việc người quả phụ bước thêm bước nữa là việc bình thường, và chúng ta cũng thường thấy như thế. Nhưng nếu người phụ nữ ấy thủ tiết với chồng đã chết, ở vậy chờ chồng nuôi dạy con khôn lớn thì đó mới là điều phi thường, đáng tôn trọng. Cái khó khăn mà người ta không làm được, mình làm được thì mới đáng quý, đáng bậc tiết liệt, vì nó thể hiện lòng cứng cỏi bất khuất, chiến thắng dục vọng tầm thường.

Không có chiến công vê vang nào bằng tự thắng được dục vọng của mình.

Tôn giáo thì luôn luôn mong muốn người phụ nữ sống cao thượng, cho nên khuyến khích người phụ nữ khi chồng chết thì không nên tái giá, ở vậy chờ chồng nuôi con và xây dựng cho con. Tuy nhiên, đây chỉ là sự chỉ vẽ đường lối có tính cách khuyến khích, chứ không bắt buộc. Người phụ nữ tùy ý lựa chọn con đường mình đi, muốn mình sống bình thường như bao nhiêu phụ nữ khác hay muốn trở nên bức phi thường. Người phụ nữ có quyền tự do lựa chọn và định đoạt cuộc đời mình.

Trong NTTP, Bà Đoàn viết về Tùng tử :

777. *Thôi dành gởi tâm hồn gió tuyết,*

Theo nương con cho hết Tam Tùng.

Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,

780. *Hoặc là chia dạ não nùng với con.*

III. Tứ Đức & Tam Tùng của phụ nữ Cao Đài :

1. Thể Pháp và Bí Pháp của Nhơn đạo :

Phần I (Tứ Đức) và phần II (Tam Tùng) vừa trình bày bên trên là *Thể Pháp của Nhơn đạo* của người phụ nữ .

Nếu người phụ nữ nào làm tròn được Thể Pháp này thì được bước vào Thần vị. Riêng người tín nữ Cao Đài cần tiến lên một nấc thang kế tiếp là *Bí Pháp của Nhơn đạo*.

Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ dại như sau :

“ *Tam Tùng, Tứ Đức là về phần Nữ phái :*

- **Tùng phu :** Như người con gái phải giữ trọng tiết trinh, cũng như kẻ tín đồ phải giữ tròn danh Đạo.

- **Tùng phu :** Như bóng với hình, tức nhiên phải ví mình như một trong Thánh thể, tùng Hội Thánh vậy.

- **Tùng tử :** là phải vì đám hậu sanh mà quên mình để dang tạo nên sự nghiệp tương lai cho chúng, tức nhiên là bốn phận của Chức sắc vậy.

- **Công, Dung, Ngôn, Hạnh :** tức là việc làm cho nhơn sanh thoát khổ, lời nói để đưa đường giáo hóa, hành vi cử chỉ để treo gương mặt thế, tức là phải biết nâng cao giá trị của Thánh thể Đức Chí Tôn, nết na đầm thấm, giữ trọng thương yêu, tức nhiên là làm nền móng cho Đại đồng Thế giới.”

Người nữ tín đồ Cao Đài thực hành trọng vẹn Thể Pháp và Bí Pháp của Nhơn đạo thì đắc Thánh, bước vào Thánh vị.

2. Tam Tùng và Tứ Đức theo Thiên đạo :

Khi đã làm trọn được Tam Tùng và Tứ Đức ở Thể Pháp và Bí Pháp của Nhơn đạo, người nữ tín đồ Cao Đài cần tiến lên một nấc thang cuối nữa, cho Tam Tùng và Tứ Đức thăng hoa lên đến tột bức để bước vào Thiên đạo, thì mới được giải thoát khỏi vòng luân hồi.

- **Tùng phụ** : Tùng Cha, Cha đây là Đấng Cha Trời, là Đại Từ Phụ. Phải tuân theo lời dạy của Đấng Cha Trời, siêng năng tu tiến thì linh hồn mới trỗi bước lên phẩm vị cao sang.

NTTP :

1251. *Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
Đoạt phương tự diệt, giải phân hữu sanh.*

- **Tùng phu** : Theo chồng, chồng thuộc Dương, vợ thuộc Âm, vợ chồng hòa hợp thì cũng như sự tu luyện làm cho hai khí Âm Dương trong cơ thể tương hiệp nhau, tức là đạt được Ngũ Khí triều nguồn, Tinh Khí Thần hiệp nhất, đắc đạo tại thế.

1257. *Ngũ Khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặng tiếp hồng ân.
Xác tại thế đã nên Thần,*

1260. *Ba mươi sáu cõi, đặng gần Linh Thiên.*

- **Tùng tử** : Sau khi đắc đạo rồi, còn phải trở lại dìu dắt những đứa con đang dại khờ chìm đắm trong vòng vật欲, để chúng sớm giác ngộ mà quay trở lại con đường Đạo.

NTTP :

1261. *Hiệp Tạo Hóa cầm quyền chuyển thế,
Dạy vạn linh dụng thế từ bi.
Sanh ấy ký, tử là qui,*

1264. *Diệu huyền cơ tạo chẳng gì gọi hơn.*

- **Công** : Từ chỗ chăm làm việc nhà, phát triển lên làm việc cho xã hội, truyền bá kinh sách giáo hóa người đời, phụng sự nhơn sanh, để tạo công đức tu hành mau tinh tấn.

NTTP :

1267. *Ham phương cứu thế độ nhơn,
Giải mê khách tục, cõi trần lánh xa.*

- **Dung** : Tiến lên bồi đắp sắc đẹp tinh thần, thể hiện bằng tình thương bao la cứu giúp chúng sanh thoát khổ.

NTTP :

1269. *Lấy bác ái làm hòa vạn vật,
Đem thiện duyên xây nắc thang hồng.
Đoạn căn, đóng chặt Âm cung,*

1272. *Tòa sen chín phẩm để cùng Phật tâm.*

- **Ngôn** : Từ chĭ nói năng đoan chính đem lại hòa ái cho mọi người, tiến lên nói điều đạo đức, thuyết minh giáo lý khai mở tâm tánh cho nhơn sanh thức tỉnh, học đạo tu hành .

NTTP :

1185. *Gót nhân ái đến nhà kẻ bệnh,
Giọng từ bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trỗi cầm,*

1188. *Lấy hơi hòa nhã đẹp lần bỉ thô.*

- **Hạnh** : Từ đức tánh hiền hòa khiêm tốn, tiến lên đến mức khiêm tốn tối đa để chinh phục người đời, phổ độ người đời vào đường đạo đức, lập hạnh từ bi cứu vớt chúng sanh đồng thoát khổ.

NTTP :

1229. *Lấy tâm chánh làm cân đong thế,
Cậy lòng lành làm kế dùi đời.
Chông gai, vạch bước thảnh thorossover*

1232. *Cầm phương cứu khổ độ người trầm luân.*

Tóm lại, Tứ Đức và Tam Tùng trong Thiên đạo chỉ là sự thăng hoa đến mức cao tột của Tứ Đức và Tam Tùng trong Nhơn đạo của người phụ nữ Đạo Cao Đài.

6

Giải thích hình bìa, tên sách, khảo đính

I. Giải thích hình bìa :

Bên trên là những con chim, đó là những con **Hạc**
ĐẠO. Bên dưới là chiếc **Thuyền Tình** lướt trên **Khổ hải**.

Hình vẽ trên ứng với hai câu thơ :

1227. *Tâm ẩn ái giúp Chí Linh,*

1228. *Biển mê chèo chiếc thuyền tình độ nhân.*

Tâm ẩn ái : lòng trắc ẩn thương yêu.

Chí Linh : rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn.

Biển mê : mê là mờ hồ lầm lạc. Trái với Mê là Giác. Mê là còn khổ, còn phiền não, nên là chúng sanh; Giác là hết khổ, an lạc, nên là Phật. Biển mê chính là Biển khổ (Khổ hải). Chúng sanh đang trầm luân trong Biển mê, gây ra lắm oan nghiệt mà không biết nên cứ mãi mãi luân hồi chuyển kiếp nơi cõi trần ai phiền não. *Độ nhân* : Cứu giúp người.

Thuyền tình : Trong văn chương, Thuyền tình được dùng với ý nghĩa là chiếc thuyền chở tình yêu của đôi Nam Nữ

theo câu thơ cổ : “Nhất phiến tình chu dĩ đáo ngạn.” nghĩa là : Một chiếc thuyền tình đã đến bờ, ý nói tình yêu của đôi Nam Nữ đến bờ hạnh phúc, kết hôn với nhau thành vợ chồng và sống hạnh phúc bên nhau.

Theo nghĩa này, trong Truyện Kiều có câu :

Thuyền tình vừa ghé tới nơi,

Thì đà trâm gãy, bình rơi bao giờ.

Ở đây, Bà Đoàn dùng chữ Thuyền tình với ý nghĩa được thăng hoa lên thành chiếc thuyền của tình thương yêu, thuyền bác ái, chiếc thuyền từ bi, mà Đức Quan Âm Bồ Tát chèo trên Biển khổ để cứu độ nhơn sanh đưa qua Bờ giác.

Tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận này được ví như chiếc Thuyền tình thương yêu cứu giúp chị em Nữ phái vượt qua Khổ hải đến nơi Bờ giác, đắc đạo, thung dung tự tại như những con Hạc đạo tự do bay liệng trong không trung.

II. Giải nghĩa tên sách :

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN 女 中 從 分

Nữ : đàn bà con gái, phụ nữ. *Trung* : giữa, trong.

Nữ trung : trong giới phụ nữ, chỉ giới phụ nữ.

Tùng : theo. *Phận* : bốn phận.

Nữ Trung Tùng Phận là những bốn phận mà phụ nữ phải tùng theo.

Người phụ nữ muôn được mau tiến hóa về tâm linh, thì phải lo làm tròn các bốn phận của mình trong phần Nhơn đạo.

Sách NTTP vẽ đường cho người phụ nữ làm tròn Nhơn đạo. Nhơn đạo xong thì tiến lên Thiên đạo.

Thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá, nên không cần phải tu luyện, chỉ cần lo lập công quả phụng sự nhơn sanh. Người phụ nữ lập công quả 1 thì Đức Phật Mẫu cho hưởng 2, nên phụ nữ nếu chịu lo tu thì mau đắc đạo hơn мам phái rất nhiều.

III. Khảo đính một số từ ngữ :

Chúng tôi có 3 bốn NTTP do Hội Thánh xuất bản :

- 1) Bốn năm Nhâm Thìn (1952), gọi tắt là NT.
- 2) Bốn năm Bính Ngọ (1966), gọi tắt là BN.
- 3) Bốn năm Quý Sửu (1973), gọi tắt là QS.

Chúng tôi so sánh 3 bốn nầy thì nhận thấy có một số từ ngữ không đồng nhau (không kể việc in sai chánh tả). Do đó, chúng tôi nghiên cứu ý nghĩa của câu thơ trong đoạn thơ để chọn chữ thích hợp nhất.

Thí dụ : Câu 11 :

- Bốn NT : Thêm duyên chước quý *gioe* tình.
- Bốn BN : Thêm duyên chước quý *giao* tình.
- Bốn QS : Thêm duyên chước quý *giao* tình.

Chúng tôi nhận thấy chữ “*giao* tình” hợp nghĩa hơn, nên chúng tôi chọn chữ “*giao* tình” thay vì “*gioe* tình”.

Những chữ chọn được in nét đậm và xiên.

Xin ghi ra sau đây những từ ngữ sai biệt đó :

- C.260 : - NT : *truông trân*. - BN : *trân truông*. - QS : *trân truông*.
 C.292 : - NT : thương *thẩy*. - BN : thương *ẩy*. - QS : thương *ẩy*.
 C.364 : - NT : Canh *Độc*. - BN : Canh *Mục*. - QS : Canh *Mục*.
 C.381 : - NT : *tinh* trung. - BN : *tinh* trung. - QS : *trinh* trung.
 C.396 : - NT : *chữ* dạ. - BN : *giữ* dạ. - QS : *giữ* dạ.
 C.446 : - NT : khai *phát*. - BN : khai *thác*. - QS : khai *thác*.
 C.525 : - NT : *phu phu*. - BN : *phụ tử*. - QS : *phụ tử*.
 C.566 : - NT : sau *phuốc*. - BN : sau *trước*. - QS : sau *trước*.
 C.581 : - NT : *xóm* bướm. - BN : *cánh* bướm. - QS : *cánh* bướm.
 C.588 : - NT : *Noi* cân. - BN : *Noi* cân. - QS : *Noi* cân.
 C.600 : - NT : *treo* duyên. - BN : *trao* duyên. - QS : *trao* duyên.
 C.613 : - NT : cõng *mến*. - BN : cõng *ném*. - QS : cõng *ném*.
 C.652 : - NT : Trá *hôn*. - BN : Trá *ngôn*. - QS : Trá *ngôn*.

- C.699 : - NT : đức *tánh*. – BN : đức *hạnh*. – QS : đức *hạnh*.
- C.700 : - NT : *Dở* dang. – BN : *Dở* dang. – QS : *Dang* *dở*.
- C.702 : - NT : trả *lại*. – BN : trả *la*. – QS : trả *la*.
- C.728 : - NT : *dở* đầu. – BN : *đổi* đầu. – QS : *đổi* đầu.
- C.740 : - NT : *biết* sống. – BN : *thiết* sống. – QS : *thiết* sống.
- C.748 : - NT : *Gãm* thân. – BN : *Gãm* thân. – QS : *Gần* thân.
- C.825 : - NT : bóng *Hồng*. – BN : bóng *hồng*. QS : bóng *hồng*.
- C.841 : - NT : soi *bóng*. – BN : soi *dòng*. – QS : soi *dòng*.
- C.989 : - NT : nắng *nồng*. – BN : nắng *nồng*. – QS : nắng *hồng*.
- C.1016 : - NT : *cổi* phiền. – BN : *đổi* phiền. – QS : *đổi* phiền.
- C.1029 : - NT : *hiệp* mặt. – BN : *gặp* mặt. – QS : *gặp* mặt.
- C.1055 : - NT : *minh* mênh. – BN : *mông* mênh – QS : *mông* mênh
- C.1134 : - NT : căn *sanh*. – BN : căn xưa. – QS : căn xưa.
- C.1152 : - NT : *kiếm* lời. – BN : *để* lời. – QS : *để* lời.
- C.1156 : - NT : *nghiệt* căn. – BN : *nghiệp* căn. – QS : *nghiệp* căn.
- C.1159 : - NT : *sông* mê. – BN : *bến* mê. – QS : *bến* mê.
- C.1192 : - NT : thiên *hương*. – BN : thiên *lương*. – QS : thiên *lương*.
- C.1248 : - NT : *gọi* quen. – BN : *gọi* quen. – QS : *gọi* quen.
- C.1313 : - NT : *tiết* ngọc. – BN : *thiết* ngọc. – QS : *thiết* ngọc.
- C.1362 : - NT : giục *đả*. – BN : giục *giã*. – QS : giục *giã*.
- C.1388 : - NT : hương *hồng* – BN : hương *nồng*. – QS : hương *nồng*

Đó là một số các từ ngữ có sai biệt mà chúng tôi cố gắng liệt kê ra để tượng trưng.

Ngoài ra, chúng tôi có sửa những lỗi chánh tả theo các quyển Từ Điển Chánh Tả hiện hành.

7

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

Nguyên văn & Chú thích

Nữ Trung Tùng Phận

1. Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.
Gươm thư giúp sức gươm hùng,
4. Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.

CHÚ THÍCH :

Văn hóa : văn là vẻ đẹp, hóa là biến đổi. Văn hóa là tất cả những công trình vật chất và tinh thần của con người đã sáng tạo ra để làm cho cuộc sống được tốt đẹp hơn. Văn hóa còn có nghĩa là dùng văn chương để giáo hóa con người.

Trau tria : giỏi mài cho trở nên tốt đẹp và tài giỏi hơn.

Nữ phách : phách là tinh thần, khí phách. Nữ phách là cái tinh thần của người phụ nữ. *Kinh luân* : Trong công việc của người thợ dệt, chia các sợi tơ ra gọi là Kinh, so các sợi tơ cho bằng đầu gọi là Luân. Kinh luân, dùng theo nghĩa bóng là sắp đặt, sửa sang các việc chánh trị trong nước một cách khéo léo tài giỏi như việc kéo tơ dệt lụa.

Thúc thách : thúc giục. *Quần hồng* : cái quần màu đỏ, chỉ đàn bà con gái. Thời xưa ở bên Tàu, các nhà giàu thường cho con gái mặc quần màu đỏ.

Gươm thư gươm hùng : Thường nói là Gươm thư hùng hay Thư hùng kiếm. Gươm thư là cây gươm mái, chỉ người vợ; gươm hùng là cây gươm trống, chỉ người chồng. Cặp gươm thư hùng có đủ âm dương, nếu dùng một cây thì tác dụng của nó bình thường, nhưng nếu dùng hai cây thư và hùng phối hợp thì tác dụng của nó tăng lên gấp bội vì có đủ âm dương. Gươm thư hùng là chỉ một cặp vợ chồng đồng tâm nhất trí, vợ tài giỏi giúp chồng làm nên sự nghiệp vang vang.

Điểm tô : tô điểm. *Nghiệp cả* : sự nghiệp lớn. *Cả* : lớn.

Con Rồng cháu Tiên : Đồng nghĩa với con Hồng cháu Lạc, chỉ dân tộc VN. (Hồng : Hồng Bàng; Lạc : Lạc Long Quân)

Theo truyền thuyết trong cổ sử nước ta, vua Đế Minh, cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Linh tỉnh Hồ Nam, gặp một nàng Tiên, lấy làm vợ, sanh ra Lộc Tục. Vua Đế Minh có người con lớn là Đế Nghi, cho làm vua ở phương Bắc, còn Lộc Tục thì cho làm vua ở phương Nam, lấy hiệu là Kinh Dương Vương. Vua Kinh Dương Vương lấy nàng Long Nữ, con gái của Động Đình Quân, sanh ra Sùng Lâm. Sùng Lâm lên nối ngôi Kinh Dương Vương, lấy hiệu là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ, con của vua Đế Lai, sanh ra một cái bọc 100 trứng, nở ra 100 người con trai. Lạc Long Quân bảo bà Âu Cơ : “Ta là dòng dõi Long Quân (vua Rồng), nàng là dòng dõi Thần Tiên, ăn ở với nhau lâu ngày không đặng, nay được 100 đứa con, nàng đem lên núi 50 đứa, còn 50 đứa ta đem xuống miền Nam Hải.” Lạc Long Quân phong con trưởng làm vua nước Văn Lang, xưng hiệu là Hùng Vương, lập ra họ Hồng Bàng, truyền được 18 đời, cả thảy được 2622 năm. (Theo VN Sử Lược của Trần Trọng Kim)

Dân tộc VN là con cháu của Lạc Long Quân (Vua Rồng) và bà Âu Cơ (Tiên Nữ), nên thường tự hào là “**con Rồng cháu Tiên**”.

5. Bởi rẻ rúng thuyền khuyên thiếu học,
 Dẫu chí thân tơ tóc cũng khi.
 Tinh thần cao thấp nhờ thi,
 8. Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.

CHÚ THÍCH :

Rẻ rúng : coi thường, coi không có giá trị gì hết.

Thuyền khuyên : xinh đẹp dịu dàng, chỉ con gái hay đàn bà đẹp. *Thiếu học* : không được học hành.

Chí thân : rất gần gũi thân thiết. Chí là rất, thân là gần gũi thương yêu.

Tơ tóc : xe tơ kết tóc, ý nói kết thành vợ chồng.

Cũng khi : cũng khinh rẻ, cũng coi thường.

Hai câu 5-6 : Theo tục lệ thời xưa, con gái không được phép đi học nên phải chịu phận dốt nát, khiến cho con trai khinh rẻ. Do đó, dẫu là vợ chồng với nhau rất gần gũi thương yêu mà người chồng cũng không tránh khỏi khinh khi vợ.

Tinh thần : phần vô hình sáng suốt tốt đẹp nhất trong con người. Chính cái tinh thần này làm chủ thể xác và điều khiển các hoạt động của thể xác.

Thi : Thơ, tức là Thư : sách, kinh sách .

Dục tài : Chữ Hán, Dục là nuôi nấng; tài là khả năng làm được việc. Dục tài là nuôi nấng tài năng cho phát triển.

Nữ sĩ : Người phụ nữ có học thức, có tài viết văn và làm thơ. *Sánh bì* : So sánh để có thể cân bằng được.

Hai câu 7-8 : Nhờ học trong kinh sách mà tinh thần của con người được trỗi cao. Cần phải nuôi dưỡng tài năng của các Nữ sĩ để Nữ phái vương lên đứng ngang hàng cùng Nam phái.

9. Chinh phụ trước treo nêng giá quý,
Áng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
Thêm duyên chước quý giao tình,
12. Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.

CHÚ THÍCH :

Chinh phụ : vợ của người lính đi đánh giặc phuơng xa. Chinh là đánh giặc, phụ là vợ. Trong Câu 9, Chinh phụ là chỉ tác phẩm “**Chinh Phụ Ngâm**” do bà Đoàn Thị Điểm diễm nôm viết ra hồi Bà sanh tiền. *Giá quý* : giá trị cao quý.

Áng văn : một bài văn, một tác phẩm văn chương.

Nhuệ khí : cái khí thế hăng hái mạnh mẽ.

Cầu vinh : cầu mong sự vể vang. Vinh là vể vang.

Hai câu 9-10 : Bà Đoàn Thị Điểm, trong kiếp sanh, đã diễm nôm, viết nêng tác phẩm “**CHINH PHỤ NGÂM**” . Đó là một áng văn chương có giá trị cao quý để lấy đó làm thế mạnh cầu mong đạt đến sự vinh hiển.

Hai câu thơ này, một lần nữa xác nhận chính Bà Đoàn Thị Điểm là người diễm nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn, bởi vì học giả Hoàng Xuân Hãn có viết sách nói rằng : “Bản diễm nôm này là của ông Phan Huy Ích, nhưng còn có chỗ hổ nghi.”

Duyên : cái vẻ hài hòa tế nhị đáng yêu tạo cho người con gái một sức hấp dẫn tự nhiên.

Chước quý : cách sắp đặt khôn khéo rất hay.

Giao tình : tình cảm bạn bè giao tiếp với nhau.

Mỹ ngôn : lời nói đẹp, lời nói thanh nhã dịu dàng, gây được sự hòa hiệp tốt đẹp giữa mọi người trong gia đình.

Nương ý : dựa theo các ý kiến để dung hòa cho được tốt đẹp giữa mọi người.

13. NẤU KINH SỬ RA MÙI SON PHẤN,
CẦM BÚT NGHIÊN ĐẶNG THẮM MÁ ĐÀO.
QUẦN XOA ĐỠ NGỌN BINH ĐÀO,
16. XÂY HÌNH THỰC NỮ GIẶM MÀU NƯỚC NON.

CHÚ THÍCH :

Kinh sử : kinh là sách do các bậc Thánh Hiền viết ra, như Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân Thu, . . . ; sử là sách chép lại các việc xảy ra trong nước theo thời gian.

Nấu kinh sử : Do thành ngữ “Nấu sử xôi kinh”, ý nghĩa là học tập kinh sử cho nhuần nhuyễn để đi thi.

Bút nghiên : cây viết và bình mực, chỉ về văn chương.

Thắm : có màu đậm và tươi.

Má đào : gò má ửng hồng như màu hoa đào, chỉ con gái đẹp. *Thắm má đào* là làm cho con gái thêm xinh đẹp.

Hai câu 13-14 : Người con gái săn có sắc đẹp, lại được thêm kiến thức văn chương thì vẻ đẹp càng cao quý hơn nữa.

Quần xoa : cái quần và cái trâm cài tóc, chỉ phụ nữ.

Ngọn binh đào : khí giới dùng vào việc đánh giặc.

Dỡ ngọn binh đào là ý nói chống ngăn quân giặc.

Thực nữ : người con gái hiền lành, nết na. Thực là đức tánh hiền lành. Kinh Thi : Yếu điệu thực nữ, quân tử hảo cùu. (Người con gái xinh đẹp hiền lành, đẹp đôi cùng người quân tử.)

Giặc : kết thêm vào chỗ thiếu. *Giặc màu nước non* : Ý nói thêm cái công chống giặc bảo vệ tổ quốc.

Hai câu 15-16 : Phụ nữ cũng phải biết chống giặc để bảo vệ tổ quốc. Phải xây dựng người phụ nữ hiền lành xinh đẹp có thêm cái công bảo vệ tổ quốc.

“*Xây hình thực nữ giặc màu nước non*” gợi lên một bức tranh sơn thủy, nếu chỉ có non và nước thì bức tranh còn thiếu sót, thêm vào đó bóng dáng nàng thực nữ thì bức tranh mới toàn bích.

17. Cửa Thánh miếu hỡi còn thiếu gái,
Chốn quyền mông nữ lại vẫn không.
 Vật chơi ở chốn khuê phòng,
20. Đã cam phận vợ để chồng cầm duyên.

CHÚ THÍCH :

Thánh miếu : miếu thờ Đức Khổng Tử và các vị Thánh Hiền của Nho giáo. *Cửa Thánh miếu* : chỉ giới Nho sĩ thời xưa, tức là giới trí thức khoa bảng.

Hỡi : từ ngữ biểu thị ý muốn kêu lên để than thở.

Quyền mông : cửa quyền, nơi làm việc của quan lại.

Chốn quyền mông : Ý nói nơi quan lại cầm quyền cai trị dân chúng.

Hai câu 17-18 : Trong giới trí thức khoa bảng, cũng như trong giới quan lại (thời xưa) vẫn không có phụ nữ góp mặt vào. (Đây là một thiệt thòi rất lớn cho phụ nữ).

Vật chơi : món đồ chơi.

Khuê phòng : nơi đàn bà con gái ở. Khuê là cái cửa buồng nhà trong. *Cam* : đàm chịu vây.

Duyên : mối dây ràng buộc thành vợ chồng.

Thời xưa quan niệm trọng Nam khinh Nữ, cho rằng “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” (một đứa con trai gọi là có, 10 đứa con gái gọi là không), vì con trai mới được nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên; lại cho phép đàn ông cưới nhiều vợ, chồng chúa vợ tôi. Do đó :

Hai câu 19-20 : Người phụ nữ chỉ được xem là món đồ chơi nơi khuê phòng, cam đàm chấp nhận số phận làm vợ tùy thuộc hoàn toàn vào chồng, và người chồng cầm quyền định đoạt tất cả các công việc trong gia đình.

21. Phần nội trợ trăm phiền đeo đắng,
Đạo phụ cơ đã nặng cho mình.
Duyên may chồng đã nghĩ tình,
24. Còn cha còn mẹ có dành phận đâu ?

CHÚ THÍCH :

Nội trợ : lo liệu sắp đặt các việc sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Nội là bên trong. Trợ là giúp đỡ.

Trăm phiền : trăm thứ phiền phức, bức bối.

Đeo đắng : theo đuổi mãi, không dứt bỏ được.

Đạo : phép tắc, đường lối phải theo trong cuộc sống chung bụng trong xã hội. *Phụ* : vợ. *Cơ* : tiếng gọi người đàn bà quý phái, vợ yêu. *Đạo phụ cơ* : cách thức mà người vợ trong gia đình phải theo để cư xử cho đúng phép.

Câu 22 : Cái bốn phận làm một người vợ trong gia đình đã là nặng nhọc lắm rồi.

Duyên may : số phận may mắn dành cho mình.

Nghĩ tình : nghĩ đến tình thương yêu mà dành cho sự tốt đẹp.

Dành : cam chịu. *Phận* : bốn phận.

Câu 23-24 : Có được cái số phận may mắn là chồng nặng tình thương yêu, nhưng còn có cha mẹ chồng thì làm con đâu đâu có dành lòng mà không lo tròn bốn phận.

25. Nỗi em chị bởi đâu chẳng thuận,
 Nỗi nhi tôn lẩn bẩn bên lưng.
 Nỗi nhà, nỗi bếp, nỗi lân,
 28. Nỗi trong thân tộc, nỗi gần, nỗi xa.
 Trên lo thảo, giữa hòa, dưới thuận,
 Ngoài nêu danh, trong vững mối giềng.
 Nỗi trông hương hỏa giữ bền,
 32. Giúp nêu chồng có phẩm quyền cao sang.

CHÚ THÍCH :

Nỗi : sự tình, tình cảnh không hay xảy ra ảnh hưởng đến tình cảm con người. *Nỗi em chị* : tình cảm giữa chị em.

Nhi tôn : con cháu. Nhi là con, tôn là cháu.

Lẩn bẩn bên lưng : quanh quẩn bên mình, không rời ra được. *Nỗi lân* : tình cảm cư xử với xóm giềng.

Nỗi gần nỗi xa : những tình cảm xảy ra ở gần bên mình và những tình cảm xảy ra ở cách xa mình.

Thảo : hiếu thảo, quan tâm săn sóc cha mẹ, ông bà.

Ngoài nêu danh : bên ngoài tạo được tiếng tăm tốt.

Trong vững mối giềng : trong nhà thì giữ vững khuôn phép gia đình. Mối giềng là chỉ khuôn phép gia đình.

Hương hỏa : nhang đèn, chỉ sự thờ cúng tổ tiên. Hương là cây nhang đốt cháy tỏa mùi thơm. Hỏa là lửa, chỉ cây đèn.

Câu 30 : Bên ngoài gia đình thì người chồng làm nên danh phận, trong nhà thì người vợ giữ vững mối giềng.

Câu 31 : Tâm trạng của người vợ là trông mong sanh đặng con trai để nối dõi dòng họ nhà chồng, giữ bền việc thờ cúng tổ tiên.

Phẩm quyền : chức tước và quyền hành.

Cao sang : Ở bực cao quý và sang trọng.

33. Mảng lo lăng chữ nhàn nào rõ,
 Huống để công đến ngõ Khổng Trình.
 Rừng Nho biển Thánh thinh thinh,
36. Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.
 Kinh tổ hiển nỗi thờ nỗi phụng,
 Tế tông đường lo cúng lo đơm.
 Kiến thân viếng sớm thăm hôm,
40. Chua cay rõ miếng cơm ngon cá bùi.

CHÚ THÍCH :

Mảng : mải miết. *Mảng lo lăng* : mải lo lăng.

Huống : phuơng chi, không có cách gì. *Ngõ* : cái cổng.

Khổng Trình : Đức Khổng Tử và ông Trình Di. Đức Khổng Tử là Giáo chủ Nho giáo. Trình Di, hiệu là Y Xuyên, một bức đại nho vào thời nhà Tống bên Tàu.

Ngõ Khổng Trình : ý nghĩa giống như “cửa Khổng sân Trình” là trường đào tạo nhân tài trí thức thời xưa.

Câu 33-34 : Mãi bận rộn việc gia đình, không khi nào rảnh rang, huống chi là nói đến việc học hành kinh sách.

Rừng Nho biển Thánh : chữ của Thánh Hiền nhiều như cây trên rừng, sâu rộng như biển. Ý nói việc học không biết đến bao giờ mới biết hết được. *Thinh thinh* : thênh thang.

Nữ lưu : nữ phái. Lưu là một ngành, một phái.

Thấu : biết rõ. *Thi thơ* : ý nói kinh sách. Thơ là sách.

Tổ hiển : tiếng con cháu kính xưng Tổ tiên đã chết.

Tế tông đường : cúng tế tổ tiên nơi nhà thờ của dòng họ với nghi thức long trọng. *Đơm* : sắp đặt thức ăn vào đĩa.

Kiến thân : thăm viếng cha mẹ. Kiến là gấp gỡ thăm viếng, thân là chỉ cha mẹ.

Chua cay : ý nói khổ cực vất vả, chữ hán là : Tân toan.

41. Lưỡi lừa miếng nhai cơm lũ trẻ,
 Kiêng vật ăn đặng để nuôi con.
 Còn con nòi giống chồng còn,
 44. Mảnh thân đành chịu hao mòn với ai ?
 Còn gấp thuở xanh mày lịch sắc,
 Dâng hình hoa treo mắt bướm ong.
 Nào là hương đượm lửa nồng,
 48. Nết khuôn giữ vẹn chữ đồng lương nhân.

CHÚ THÍCH :

Lừa miếng : chọn lựa miếng ăn.

Kiêng vật ăn : tránh không ăn vì sợ có hại sức khỏe.

Xanh mày : Mày xanh, chỉ thời thanh xuân tuổi trẻ.

Lịch sắc : nhan sắc xinh đẹp. Lịch là xinh đẹp.

Hình hoa : hình dáng đẹp đẽ của người con gái. Hoa là chỉ người con gái. *Dâng* : đưa lên. *Treo mắt* : treo trước mắt để ngắm, ý nói khêu gợi sự ham muốn.

Bướm ong : con bướm và con ong gấp hoa thì đáp vào để hút mật. Hoa tượng trưng con gái, bướm ong tượng trưng con trai. Trai gấp gái thường hay đến gần chọc ghẹo tỏ tình.

Hương đượm lửa nồng : tình yêu thắm thiết sâu đậm giữa vợ chồng. Đượm là thấm sâu. Nồng là đậm đà. Hương lửa là tình yêu thắm thiết giữa vợ chồng.

Nết khuôn : nết na và khuôn phép cư xử trong nhà.

Chữ đồng : Đồng là cùng chung. Hẽ là vợ chồng thì nghèo chung chịu, giàu chung hưởng, khổ chung lo.

Lương nhân : người tốt, người lành. Khi xưa, vợ gọi chồng là *Lương nhân*.

49. Muốn trau chuốt mặt ngàn thân dịu,
Vẽ cho hay mày liễu má đào.
Thương gìn lúc ốm khi đau,
52. Sợ chê xấu phận, cậy màu phấn son.
Mình mỏng mảnh sức non nớt yếu,
Đỡ nâng chồng vốn thiếu tay co.
Không toan sớm đổi chiều no,
56. Lụa là tứ hải ngũ hồ giúp nhau.

CHÚ THÍCH :

Mặt ngàn thân dịu : gương mặt sáng đẹp, mình mẩy mềm mại dịu dàng. Ngàn là sáng bóng.

Mày liễu : cặp chân mày nhỏ như lá liễu. Do câu thơ của Bạch Cư Dị đổi Đường : Phù dung như diện, liễu như mi (Mặt như hoa phù dung, mày như lá liễu), tả con gái đẹp.

Hai câu 51-52 : Thương chồng nên lo gìn giữ nhan sắc, lúc ốm đau, nước da xanh tái, sợ chồng chê xấu xí, nên phải nhờ phấn son trang điểm.

Tay co : từ ngữ xưa, chỉ cánh tay đắc lực, ý nói người cộng sự thân tín và đắc lực.

C.54 : Giúp đỡ chồng vì chàng vốn thiếu người cộng sự thân tín và đắc lực.

Toan : lo liệu. *Lụa là* : lụa là, huống chi.

Tứ hải Ngũ hồ : bốn biển năm hồ, ý nói khắp thế giới. Như thường nói : Năm châu bốn biển.

Hai câu 55-56 : Lo liệu không hết việc cơm nước sáng chiều, huống chi là việc thiên hạ trong khắp năm châu bốn biển, anh em giúp nhau.

57. Cứ tựa cửa phòng đào giấu dạng,
Ngoài nước non nào hẵn với chênh.

Mảng trong thấm nghĩa nặng tình,

60. Để công bé liễu, bắn bình trưng phu.
Dầu khôn mấy giả ngu cho thuận,
Phải bao nhiêu cũng nhận lỗi lầm.

Phòng đào giữ rủi rơi trâm,

64. Sợ lời hời sắt, tiếng cầm lạc cung.

CHÚ THÍCH :

Phòng đào : phòng của người vợ. *Giấu dạng* : giấu kín hình bóng của mình. *Voi chênh* : không đầy và nghiêng lệch, chỉ sự đổi thay. *Bé liễu* : ý nói lấy người con gái làm vợ.

Bắn bình : ý nói cưới được vợ đẹp.

Điển tích : Lý Uyên bắn trúng mắt con chim sẻ vẽ trên tấm bình phong, nên được ông Đậu Nghi gả con gái là Đậu thị cho.

Trưng phu : vợ gọi chồng là Trưng phu.

Hai câu 61-62 : Dầu khôn ngoan cách mấy, người vợ cũng nên giả vờ ngu dại cho được hoà thuận trong nhà, dầu có lẽ phải bao nhiêu đi nữa cũng nhận lỗi để gia đình được yên. Đó là người trí, không để việc nhỏ làm hư việc lớn.

Thời xưa, con gái thường dùng cái trâm cài tóc làm vật đính hôn. *Giữ rủi rơi trâm* : giữ không cho cái trâm rơi gãy, ý nói : giữ cho tình thương yêu giữa vợ chồng được toàn vẹn.

Hời sắt tiếng cầm : tiếng đòn sắt và đòn cầm hòa hợp nhau nghe rất êm tai. Sắt cầm hảo hiệp là chỉ đôi vợ chồng hòa hiệp. *Lời hời sắt* : *Lạc cung cầm* : vợ chồng không hòa hợp nhau.

Hai câu 63-64 : Trong nhà, người vợ cố gắng giữ gìn không để xảy ra sơ sót vì sợ ảnh hưởng xấu đến sự hòa hợp giữa vợ chồng.

65. Thủ từ nét khi chung lúc chạ,
Gióng từ hơi hòa nhã tơ loan.
Chiều vui dưới trướng ngoài màn,
68. Nhãng lo ngại nỗi phụ phàng ái ân.
Nghe từ lệnh, cúi vâng từ mạng,
Nhọc lòng chi nào dám dỉ hơi.
Sợ cơn giông gió tối bời,
72. Trà mi sơ sẩy hoa rời rã bông.

CHÚ THÍCH :

Thủ từ nét : người vợ làm một việc nào đó để xem phản ứng của chồng như thế nào, qua đó biết được tính nết của chồng.

Chung chạ : sống chung đụng với nhau đến mức không còn phân biệt cái nào là của riêng mình.

Gióng từ hơi : nghe ngóng từ cái hơi trong giọng nói của chồng để đoán biết ý chồng. *Hòa nhã* : hòa hợp tốt đẹp.

Tơ loan : Loan là chất keo làm bằng máu chim loan, để nối dây đàn bằng tơ khi dây đàn đứt. Tơ loan là chỉ dây đàn.

Chiều vui : chiều theo ý của chồng để chồng vui vẻ.

Trướng : bức màn che có thêu hình trang trí cho đẹp.

Nhãng : những, chỉ. *Phụ phàng* : đối xử bạc bẽo.

Từ lệnh = *Từ mạng* : mạng lệnh của mẹ. Từ là tiếng để chỉ người mẹ. *Dỉ hơi* : xì hơi, kêu than cho hả hơi.

Trà mi : loại hoa đẹp như hoa hồng, chỉ con gái đẹp.

Sơ sẩy : không cẩn thận để xảy ra điều đáng tiếc.

Hai câu 71-72 : Lo sợ những tai biến xảy đến (giông gió tối bời) không khéo thì làm cho thân gái phải chịu cảnh tan nát đau khổ (hoa rời rã bông).

73. Che đậm kín tường đông ong bướm,
Giấu nhặt nghiêm nhụy tường hương hình.
E khi vách có âm thịnh,
76. Để gương lỗi đạo, lỗi tình phu thê.
Giao thân cứ gần kề kẻ thiết,
Ép nhớ thương làm điếc làm đui.
Mặc người cha dẽ mẹ duôi,
80. Ngoại tông nương phận nếm mùi trân cam.

CHÚ THÍCH :

Tường đông : bức tường phía đông, nhà phía đông, chỉ nhà có con gái đẹp. Thơ của Lý Bạch : Tự cổ hữu tư sắc, Tây Thi tự đông lân. (Từ xưa có sắc đẹp, Tây Thi ở nhà láng giềng phía đông).

Câu 73 : Che đậm kín đáo chõ con gái đẹp ở, sợ đám con trai (ong bướm) biết mà tới lui chọc ghẹo.

Giấu nhặt nghiêm : giấu kín một cách nghiêm nhặt.

Nhụy tường hương hình : hình dạng và mùi thơm của nhụy hoa, ý nói sắc đẹp và đức hạnh của người con gái.

Câu 75 : E sợ như vách có lỗ tai nghe được tiếng nói thì lộ chuyện ra hết, không giấu kín được nữa.

Gương : tấm gương soi, chỉ người phụ nữ vì phụ nữ thường soi gương trang điểm. *Giao thân* : giao tiếp thân mật.

Kẻ thiết : người thân thiết. *Làm điếc làm đui* : làm bộ như đui điếc để không thấy không nghe.

Cha dẽ mẹ duôi : cha mẹ dẽ tánh, rộng lượng.

Ngoại tông : dòng họ nhà chồng, do câu : Nữ sanh ngoại tộc, vì con gái khi lớn lên có chồng thì về ở nhà chồng.

Trân cam : quí và ngọt, chỉ đồ ăn ngon. Làm con hiếu thảo thì phải dành những thức ăn ngon cho cha mẹ.

Trân cam là chỉ sự phụng dưỡng cha mẹ.

81. Hiểu thương ghét giả cam phận dại,
Biết nên hứ chẳng cãi cho cùng.
Nên thì an phận kiêm cung,
84. Hư thì khổ vợ tội chồng chung nhau.
Ngoài mặt phép, chàng sao thiếp vậy,
Giữa cửa công, phải quấy đồng thân.
Vinh thì chàng mão thiếp cân,
88. Hèn thì chàng váy thiếp quần đổi thay.

CHÚ THÍCH :

Câu 81 : Hiểu rõ lẽ thương lẽ ghét và những hậu quả của nó, nên đành giả vờ ngu dại để được người ta thương.

Câu 82 : Biết rõ lẽ nên lẽ hư, nên chẳng dám tranh cãi cho tận cùng lý lẽ, vì sợ chạm tự ái, mích lòng.

Kiêm cung : chỉ người chồng, vì kiêm cung là hai thứ binh khí mà đàn ông con trai thường luyện tập.

An phận kiêm cung : an phận sống bên chồng.

Ngoài mặt phép : bên ngoài, về mặt pháp luật quốc gia.

Giữa cửa công : giữa nơi cơ quan nhà nước.

Phải quấy : việc đúng lẽ phải, việc sai quấy.

Đồng thân : cùng đem thân gánh chịu.

Hai câu 85-86 : Đối với luật pháp quốc gia hay trước cơ quan nhà nước, người vợ và người chồng đều bình đẳng, chịu trách nhiệm như nhau.

Câu 87 : Khi vinh hiển, chàng làm quan thì mặc áo mao của triều đình, thiếp cũng được đội khăn. Ý nói khi vê vang thì vợ chồng cùng hưởng. Cân là cái khăn bịt đầu.

Váy : cái quần mà không chia ra hai ống.

Câu 88 : Lúc nghèo nàn không đủ tiền mua quần áo mặc thì vợ chồng mặc quần áo chung, đổi thay với nhau.

89. Lấy khổ cực làm bài thuốc mến,
Dụng đau thương rù quến thâm tình.
Dâu chàng đổi dạ én anh,
92. Tè mi vẹn đạo, giữ gìn phép khuôn.
Nâng khăn tráp giải buồn quân tử,
Hầu tửu trà giấc ngủ không an.
Chàng vui thiếp cũng vui càn,
96. Chàng buồn thiếp tựa bên màn khóc theo.

CHÚ THÍCH :

Mến : thương yêu. *Bài thuốc mến* : bài thuốc thương yêu.

Rù quến : rủ rê dụ dỗ. *Thâm tình* : tình cảm sâu đậm.

Câu 89-90 : Dùng những nỗi khổ cực đã qua làm bài thuốc thương yêu trị bệnh chia rẽ ghen ghét. Dùng những nỗi đau thương vừa qua để dấn dụ tình thương yêu thêm sâu đậm.

Én anh : chim én và chim anh, chỉ sự vui chơi phóng đãng. *Đổi dạ én anh*: thay lòng đổi dạ, sanh ra chơi bời phóng túng.

Tè mi : ngang mày. *Do thành ngữ* : Cử án tè mi (nâng mâm cơm lên ngang mày), chỉ sự cung kính của vợ đối với chồng, theo điển tích nàng Mạnh Quang. (Xem câu 676).

Vẹn đạo : trọng vẹn bốn phận của vợ đối với chồng.

Nâng khăn tráp : nâng khăn sửa tráp, ý nói vợ chăm sóc chồng. *Quân tử* : tiếng vợ gọi chồng.

Câu 94 : Vợ không yên giấc ngủ vì lo phục vụ chồng, rót rượu châm trà cho chồng.

Vui càn : vui theo mà không cần biết trong lòng ra sao.

Hai câu 95-96 : Người vợ sống hoàn toàn thuộc vào nhịp sống của chồng, khi chồng vui thì vui theo, khi chồng buồn thì buồn theo.

97. Dòng Tương chảy thân bèo trôi nổi,
Chẳng ai thương chữa lỗi binh lời.
Chàng thì biến cả voi voi,
100. Thiếp như bóng bợt giữa vời linh đinh.
Nếu gặp phước bố kinh đáng khách,
Biết yêu hoa dưới ngạch phòng thu.
Rủi duyên gặp phải thường phu,
104. Nhành xuân thì trọng, gương thu dở cầm.

CHÚ THÍCH :

Dòng Tương : dòng nước mắt. *Điển tích* : Vua Thuấn đi tuần thú phương Nam và chết. Hai bà vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh đi tìm, đến bờ sông Tương ngồi khóc thảm thiết.

Câu 97 : Người vợ than khóc cho tấm thân của mình như cánh bèo trôi nổi trên mặt nước, không biết đi về đâu.

Chữa lỗi : bào chữa lỗi lầm. *Binh lời* : dùng lời nói binh vực.

Câu 99 : Chàng thì biến biệt như đi vào biển cả mênh mông, không biết chừng nào trở về.

Bóng bợt : cái bợt bong bóng nước rất mau tan vỡ.

Bố kinh : do câu chữ Hán : Kinh thoa bố quần, nghĩa là trâm cài tóc bằng cây kinh, quần mặc bằng vải bô, chỉ người vợ hiền đức, theo điển tích nàng Mạnh Quang (Xem câu 675).

Câu 101 : Nếu có phước thì người con gái hiền đức gặp được người chồng xứng đáng.

Hoa : chỉ con gái. *Phòng thu* : chỉ người con gái luống tuổi. *Phòng xuân* là chỉ người con gái trẻ tuổi. *Nhành xuân* : người con gái trẻ tuổi. *Gương thu* : người con gái đã luống tuổi. Gương là chỉ người con gái vì con gái hay soi gương.

Câu 102 : Vẫn biết yêu vợ lúc vợ đã luống tuổi.

Thường phu : người đàn ông tầm thường.

Dở cầm : không muốn cầm, muốn bỏ.

105. Khi lịch sắc trao trâm đáng giá,
Cơn tàn hoa, keo rã sơn rời.
Vẻ hồng măc mỏ bao mươi,
108. Dưa cho quân tử trọn đời chủ thương.
Nhụy đương nở mùi thơm ngào ngọt,
Dâng hình hoa lo lót con ong.
Trâm năm kim cài cũng chồng,
112. Trái duyên cũng vẹn đạo tòng mà thôi.

CHÚ THÍCH :

Lịch sắc : nhan sắc xinh đẹp. *Trao trâm* : con gái lấy cây trâm cài tóc trao cho bạn trai làm vật đính hôn.

Cơn tàn hoa : lúc người vợ về già, sắc đẹp phai tàn.

Keo rã sơn rời : vợ chồng không còn gắn bó thương yêu nhau nữa. Keo sơn là chỉ sự gắn bó giữa vợ chồng.

Vẻ hồng : vẻ đẹp tươi thắm của người con gái.

Măc mỏ bao mươi : dù có đắt giá bao nhiêu đi nữa.

Hai câu 107-108 : Cái sắc đẹp của người con gái dù có đắt giá bao nhiêu đi nữa, mà đã có chồng thì trao tất cả cho chồng quyết định đến trọn đời.

Câu 109 : ý nói : Thời thanh xuân của người con gái.

Câu 109-110 : Dâng cho chồng tất cả sắc đẹp và cái thanh xuân của đời con gái để mong được chồng thương yêu.

Kim cài : cây kim và hột cài, ý nói tình vợ chồng khít nhau như nam châm hút cây kim, hổ phách hút hột cài.

Trái duyên : tình duyên ngang trái, bị chồng phụ bạc.

Đạo tòng : bốn phận tùng phu của người phụ nữ.

Hai câu 111-112 : Dầu thương yêu khắt khít cũng là chồng, dù phụ bạc cũng là chồng, người vợ suốt đời cũng vẫn gìn giữ trọn vẹn cái đạo tùng phu mà thôi.

113. Thân lòn cúi, vợ tôi chồng chúa,
Đạo phu thê như đũa nêu đôi.
Dầu cho lúc đứng khi ngồi,
116. Chàng là chúa cả, thiếp thời gia nô.
May quan cả, rủi cho lê thứ,
Trong tộc gia cũng cứ phép nhà.
Hèn người sang ấy của ta,
120. Chê người ta lại cho là đáng khen.

CHÚ THÍCH :

Thân lòn cúi : hạ mình chiêu lụy.

Chồng chúa vợ tôi là quan niệm về vợ chồng dưới thời quân chủ thuở xưa.

Câu 114 : Ý nói vợ chồng phải bình đẳng nhau như hai chiếc đũa. Câu này có ý đối chọi với hai câu : 113 và 116.

Chúa cả : ông chủ lớn. *Gia nô* : đày tớ trong nhà.

Quan cả : quan lớn. *Lê thứ* : dân đen, dân nghèo. Lê là màu đen, thứ là đồng đảo. Lê thứ đồng nghĩa với Lê dân.

Câu 117 : May mắn thì lấy được chồng làm quan lớn, rủi phận thì lấy chồng là dân nghèo.

Tộc gia : gia tộc, họ hàng trong dòng họ.

Phép nhà : gia pháp, phép tắc cư xử trong nhà.

Câu 119-120 : Cái mà người ta cho là hèn (xấu), nhưng trong hoàn cảnh của mình, cái ấy là sang (tốt) đối với mình. Cái mà người ta chê, thì cái ấy lại là đáng khen đối với mình.

Tai sao vậy ? Bởi vì người phụ nữ ấy muốn an phận và tri túc (biết đủ), cho những cái của mình hiện đang có được là tốt đẹp và đầy đủ lắm rồi, không nên đòi hỏi hay ước vọng cao hơn nữa để mà có sự đổi thay gây nhiều đau khổ.

121. Chồng sang đặng, ta hèn chảng quản,
Chồng đẹp hình, ta mảng lo âu.
E ra nhiều thiếp nhiều hầu,
124. Rồi tham bỉ lựu, bỏ đào bơ vơ.
Hết xấu dạng thì nhơ phận thiếp,
Còn đẹp hình, nhát kiếp phù dung.
Mình thương người cũng thương cùng,
128. Còn như chê bỏ, lại dùng vào đâu ?

CHÚ THÍCH :

Chảng quản : chảng ngại. *Mảng* : mải miết.

Đẹp hình : hình dáng đẹp đẽ, đẹp trai. *E ra* : sợ rằng.

Thiếp : vợ nhỏ. *Hầu* : người con gái có bốn phận hầu hạ, mà cũng là vợ nhỏ. Thuở xưa, nhà giàu có thì người đàn ông, ngoài vợ chánh ra, còn được lấy thêm vợ nhỏ gọi là Thiếp, và bỏ tiền ra mua nàng Hầu để hầu hạ và sai vặt.

Lựu và đào : hai thứ trái cây mà trong văn chương dùng để tượng trưng người con gái. Thành ngữ : *Tham lựu bỏ đào*, hay *Tham lê bỏ lựu* là ý nói có mối nới cũ, chỉ người có lòng dạ đổi thay, không chung thủy.

Câu 124 : Chồng mê vợ bé, bỏ bê vợ lớn bơ vơ ở nhà.

Xấu dạng : hình dạng xấu xí. *Nhơ* : nhục nhã.

Câu 125 : Hết chồng xấu xí thì nhục cho phận thiếp.

Nhát : hay sợ sệt. *Phù dung* : tên một thứ hoa đẹp, dùng để ví sắc đẹp của người con gái. Hoa phù dung nở to vào sáng sớm có màu vàng rất đẹp, buổi trưa biến thành màu hồng, buổi chiều thì đổi sang màu đỏ thắm rồi tàn.

Kiếp phù dung : kiếp sống của người con gái đẹp.

Câu 126 : Còn chồng có hình dáng đẹp đẽ thì người vợ lo sợ có người con gái khác quyến rũ chồng mình.

129. Kiếm xứng mặt mày râu dưới thế,
E không mưu đủ kế gìn duyên.
Còn theo tham ván bán thuyền,
132. Trông chi giữ mảnh hương nguyên cùng nhau.

CHÚ THÍCH :

Xứng mặt : người xứng đáng, có đủ tài đức và hình dung tốt đẹp.

Mày râu : Do chữ Hán là Tu mi : Tu là râu, mi là mày, Tu mi là mày râu, chỉ đàn ông con trai.

Dưới thế : trong đời. Thế là đời.

Không mưu đủ kế : không đủ mưu kế.

Tham ván bán thuyền : Tham là ham muốn, ván là tấm ván bằng gỗ, bán thuyền là bán chiếc thuyền đi.

Chúng ta nhớ thành ngữ : Ván đã đóng thuyền là chỉ người con gái đã có chồng, tức là chỉ người vợ ở nhà. Như vậy, tấm ván (chưa đóng thuyền) là chỉ người con gái chưa chồng. *Tham ván bán thuyền* là ý nói : ham mê người con gái khác mà bỏ bê người vợ ở nhà, tức là chỉ người chồng không chung thủy.

Mảnh : một miếng. *Mảnh hương* : một bó hương nhỏ.

Nguyên : thề nguyên với nhau. Những đôi trai gái yêu nhau thường đốt nhang khấn vái Trời Đất thề nguyên chung thủy với nhau. *Mảnh hương nguyên* : bó nhang đốt lên để thề nguyên chung sống với nhau đến trọn đời.

Hai câu 131-132 : Còn theo ở với người chồng không chung thủy thì có mong chi giữ được lời thề nguyên với nhau thuở trước.

133. Lỡ lối cũ động đào lạc bước,
Khó cầm duyên đợi ngọc cầu Lam,
Thân Tiên dầu lỡ gót phàm,
136. Gương xưa lối ráp, ai cầm làm chi ?

CHÚ THÍCH :

Động đào : Động là cái hang núi, đào là cây đào có hoa đào. Động đào là cái hang núi có cây đào mọc hai bên, và có hoa đào rơi xuống, cảnh rất đẹp mắt. Động đào là chỉ cảnh Tiên theo điển tích sau đây :

Trong bài Đào Hoa Nguyên Ký của Đào Tiêm có kể lại rằng : Một người đánh cá ở huyện Vũ Lăng, bơi thuyền ngược theo dòng suối, hai bên bờ suối có mọc đầy cây đào. Đi mãi, người ấy đến một hang núi, rời thuyền lên bộ, lách mình vào hang thì thấy phía sau hang núi nở rộng và hiện ra một khung cảnh tuyệt đẹp như cảnh Tiên, dân cư sống rất hạnh phúc. Người đánh cá trở về thuật chuyện cho mọi người biết. Sau người đánh cá muốn trở lại nơi đó, lần theo lối cũ là suối hoa đào (Đào nguyên), nhưng không tìm được lối vào cửa động.

Văn học thường dùng các từ ngữ : Động đào, Đào nguyên để chỉ cảnh Tiên , căn cứ theo điển tích này.

Ngọc cầu Lam : Cái chày bằng ngọc để giã thuốc mà Bùi Hàng dùng làm sinh lễ cưới nàng Vân Anh ở tại cầu Lam (Lam kiều) theo điển tích sau đây :

Bùi Hàng, người đời Đường, đi thi hỏng, trở về nhà. Trên đường đi, Bùi Hàng gặp nàng Vân Kiều tặng cho bài thơ :

Một chén quỳnh tương dẽ cảm tình,
Chày sương giã thuốc gấp Vân Anh.
Lam kiều là chốn Thần Tiên đấy,
Len lỏi làm chi đất ngọc kinh.

Ý của Vân Kiều là khuyên Bùi Hàng không nên len lỏi vào chốn quan trường ở kinh đô, mà nên đến Lam kiều

(cầu Lam) là chốn Thiên Tiên, dùng chày ngọc giã thuốc thì gấp được nàng Tiên Vân Anh.

Bùi Hàng đọc thơ xong thì lòng nghi hoặc, nhưng cũng thuê ngựa đi đến Lam kiều thử coi thế nào. Khi đến đấy thì Bùi Hàng cảm thấy khát nước lắm, phải dừng ngựa lại, rồi vào nhà của một Bà Lão ở bên đường để xin nước uống. Bà Lão biếu cháu gái là Vân Anh bưng nước ra. Bùi Hàng nhìn thấy Vân Anh tuyệt đẹp thì nhớ lại bài thơ của Vân Kiều, liền ngỏ ý cầu hôn.

Bà Lão nói : Trước đây, Tiên có cho Lão một thứ thuốc, bảo rằng phải có cái chày bằng ngọc, giã thuốc đủ 100 ngày thì uống được trường thọ. Lão định hẽ ai hỏi cưới Vân Anh thì phải có cái chày ngọc làm sinh lẽ thì Lão mới gả, còn vàng bạc thì Lão đây không cần.

Bùi Hàng xin Bà Lão chờ để chàng lên đường đi tìm chày ngọc. Chàng may mắn tìm mua được chày ngọc, liền đem về Lam kiều dâng lên Bà Lão.

Bà Lão nói : Có được chày ngọc rồi thì ở đây giã thuốc cho Lão đủ 100 ngày mới được thành thân cùng Vân Anh.

Bùi Hàng làm y lời. Thuốc giã xong, Bà Lão uống ngay, rồi tổ chức đám cưới cho Bùi Hàng và Vân Anh.

Gương vỡ lại lành :

Điển tích : Lạc Xương Công Chúa là em của Trần Hậu Chủ, vợ của Từ Đức Ngôn. Gặp lúc Trần Hậu Chủ bị Tùy Dượng Đế đánh sấp thua tối nay, Từ Đức Ngôn lúc đó nghĩ rằng chắc vợ chồng chàng khó được trọn vẹn cùng nhau, nên bảo vợ là Lạc Xương Công Chúa rằng :

- Công Chúa sắc tài gồm đủ, hẽ nước mắt ắt bị nhà Tùy chiếm lấy, còn mong gì sum họp nhau lâu dài. Nếu nàng chưa dứt hẳn mối tình với tôi thì đây là tấm gương đã bể làm hai mảnh, nàng giữ một mảnh, tôi giữ một mảnh, hẹn rằng về sau, cứ đến rằm tháng giêng mỗi năm thì nàng đem mảnh gương ra bán ở chợ Kinh đô, tôi sẽ tìm đến mà gặp nhau.

Đến khi nhà Trần mất, Lạc Xương Công Chúa lọt vào tay danh tướng nhà Tùy là Dương Tố; còn Từ Đức Ngôn lưu lạc gian

nan. Khi yên giặc, chàng lần về kinh đô. Chàng y hẹn, ra chợ kinh đô vào ngày rằm tháng giêng, tìm thấy một người ăn mặc theo dáng đầy tớ, đem ra chợ bán một mảnh gương, nói giá thật cao, ai cũng cho là điên khùng. Từ Đức Ngôn đến mời người ấy ra chỗ vắng, đem mảnh gương của mình ra ghép với mảnh gương kia thì khớp nhau. Chàng hỏi thì biết được Lạc Xương Công Chúa đang ở trong dinh của Dương Tố.

Chàng viết bức thơ bảo người bán gương đem về cho Công Chúa. Công Chúa nhận thơ biết chồng mình còn sống, nên khóc lóc thảm thiết, tỏ hết sự tình cho Dương Tố rõ. Dương Tố là người anh hùng quảng đại, mời Từ Đức Ngôn đến, đem Công Chúa trả lại, còn tặng cho nhiều tiền bạc.

Thành ngữ : *Gương vỡ lại lành*, ý nói vợ chồng sau thời gian lìa xa nhau vì hoàn cảnh, nay được đoàn tụ hạnh phúc.

Gương xưa lỗi ráp : Hai mảnh gương ráp lại không đúng khớp, ý nói tình duyên đổ vỡ không nối lại được.

Bốn câu thơ : 133, 134, 135, 136 đều nói về sự lỡ làng, tan vỡ của cuộc tình duyên vợ chồng.

Câu 133 : *Lỡ lỗi cũ động đào lạc bước* : Lỡ hết rồi, theo lỗi cũ đến động đào nhưng bị lạc bước. Ý nói không thể tìm lại được cảnh cũ người xưa.

Câu 134 : *Khó cầm duyên đợi ngọc cầu Lam* : Khó cầm giữ được cái duyên để chờ người đem chày ngọc tới cầu Lam. Ý nói duyên phận lỡ làng.

Câu 135 : *Thân Tiên dẫu lỡ gót phàm* : Tấm thân là một Tiên Nữ cõi Thượng giới là đã lỡ bước xuống cõi phàm trần đầy gió bụi.

Câu 136: *Gương xưa lỗi ráp ai cầm làm chi* : Hai mảnh gương ráp không khớp nhau, dành chịu tình duyên tan vỡ.

137. Nhẹ là bắc, nặng chì tình nghĩa,
Để dùng riêng cho phia nữ lưu.
Thung dung quân tử hảo cừu,
140. Năm thê bảy thiếp mặc dâu trăng hoa.
Nào có tưởng vợ nhà đau đớn,
Ôm tình si muôn lượng sầu than.
Máu ghen chăn gối dãy tràn,
144. Hình mai ủ dột sắc càng héo don.

CHÚ THÍCH :

Bắc : tức là bắc, ruột của cây điên điển, màu trắng, rất nhẹ, thường nói nhẹ như bắc. *Nặng chì* : nặng như chì.

Quân tử : tiếng vợ gọi chồng. *Hảo cừu* : tức Hảo cầu, nghĩa là đẹp đôi. Hảo là tốt đẹp, Cầu hay Cầu là sánh duyên.

Câu 139 : Người chồng thông dong đi kiếm người con gái khác kết đôi. Ý nói người chồng có vợ bé.

Trăng hoa : ngắm trăng xem hoa, chỉ sự lả loi chơi giỡn không đứng đắn giữa nam và nữ.

Mặc dâu : mặc sức làm, không ai ngăn cản.

Tình si : tình yêu đắm đuối đến độ như ngây dại.

Muôn lượng : ý nói nhiều lắm.

Máu ghen : tánh hay ghen. Ghen là tức giận khi biết người hôn phối của mình ngoại tình. *Chăn gối* : cái mền và cái gối, chỉ sự ân ái của vợ chồng. *Dãy tràn* : tràn ra đầy dãy.

Hình mai : hình dáng mảnh của người vợ.

Ủ dột : buồn rầu ảm đạm. *Héo don* : héo úa như sắp mất hết sự sống.

Hai câu 143-144 : Người vợ ghen tuông vì chồng ngoại tình nên hình dáng gầy mòn, mặt mày ủ dột buồn rầu, nhan sắc càng héo úa.

145. Hẽ càng ngắm hao mòn đóa ngọc,
Càng riêng lo tơ tóc không bền.

Chàng vui cung nguyệt trao duyên,

148. Thiếp sâu sợ nén hương nguyên bốt thơm.
Lo ngại rồi ra cơn mất nết,
Vì ghen tương hết biết thân mình.

Dám toan tử tiết với tình,

152. Còn chi kể đến gia đình hư nê.

CHÚ THÍCH :

Đóa ngọc : chỉ người đàn bà đẹp quý phái. Đóa là cái hoa, chỉ đàn bà hay con gái; ngọc là đá quý, chỉ sự quý phái.

Tơ tóc : xe tơ kết tóc, chỉ sự kết duyên vợ chồng.

Cung nguyệt : cung trăng, nơi ở của Hằng Nga. Ở đây, cung nguyệt là chỉ nơi ở của người con gái đẹp.

Trao duyên : đưa cái duyên của mình cho người mình yêu, ý nói kết duyên thành vợ chồng.

Nén hương nguyên : đồng nghĩa *Mảnh hương nguyên*, nơi câu 132. Nén hương là một bó nhang nhỏ gồm vài ba cây.

Hai câu 147-148 : Chàng vui vẻ cùng người con gái khác trao đổi duyên tình với nhau. Còn thiếp thì ở nhà rầu buồn lo sợ cho lời thề nguyên phai lạt dần, tình nghĩa vợ chồng không còn khăn khít nữa.

Ghen tương : biểu lộ sự tức giận khi biết chồng mình ngoại tình. Ghen tương là đặc tính của tình yêu ích kỷ của vợ đối với chồng, mà tình yêu nào lại không ích kỷ ?

Tử tiết : tự giết chết mình để giữ tròn tiết nghĩa. Tiết nghĩa là lòng cứng cỏi quyết giữ đúng lẽ phải.

Tử tiết với tình : tự tử vì muốn giữ tròn tình yêu chung thủy của mình, và vì tình yêu ấy nay đã bị phản bội.

153. Nếu ôm ấp một bên thương nhớ,
Bịnh tương tư khó gỡ cho kham.
 Nên toan đậm nát cung cầm,
156. Vô duyên dành phận, sống làm chi đây ?
 Thương ra giận khó khuây nỗi nhớ,
 Mối tơ duyên ai gỡ cho đang ?
 Hỡi người cõi phụng ngừa loan,
160. Phải chi vợ dám phụ phàng mới sao ?

CHÚ THÍCH :

Tương tư : Trai gái thương nhớ nhau một cách tha thiết, quên ăn bỏ ngủ đến độ sanh bịnh, gọi là bịnh tương tư.

Gỡ : tháo ra cho hết rối. *Kham* : chịu đựng nổi.

Cung cầm : tiếng đàn và cây đàn. Đây là kỷ niệm lúc vợ chồng sống hòa hợp hạnh phúc bên nhau, lúc rảnh đem đàn ra ca hát với nhau. *Đậm nát cung cầm* : Ý nói phá vỡ cho tan nát tình yêu. *Ai gỡ cho đang* : Ai tháo ra cho được ?

Cõi phụng ngừa loan : Phụng loan là chỉ vợ chồng, phụng là con chim trống chỉ người chồng, loan là con chim mái chỉ người vợ. *Ngừa* : từ ngữ xưa, có nghĩa là bỏ. Cõi phụng ngừa loan là cõi con phụng bay đi, bỏ con chim loan ở lại, ý nói : chồng phụ bạc vợ, bỏ vợ đi mất.

Phụ phàng : đối xử tệ bạc không kể gì đến tình nghĩa thương yêu thuở trước.

Câu 160 : Nếu vợ phụ bạc chồng thì sao ? Đây là tiếng nói uất hận của người vợ bị chồng phụ bạc. Luân lý của xã hội thời xưa dành cho người chồng nhiều đặc quyền, gây bất bình đẳng giữa vợ chồng, làm người vợ uất ức, muốn nổi dậy tranh đấu cho quyền lợi của phụ nữ, nhưng không thể được, đành ôm hận thở than cho số kiếp !

161. Tả nỗi thảm thêm đau mẩy đoạn,
Mượn bút hoa đắp cạn thành sầu.
Tiếng tiêu dầu lọt phụng lầu,
164. Hoặc may gỡ đặng dây sầu nữ nhi.
Cầm bút ngọc đề thi tự thuật,
Một kiếp sanh của bậc văn tài.
Nêu gương tuyết giá hậu lai,
168. Gõ trong muôn một những bài sanh ly.

CHÚ THÍCH :

Bút hoa : cây viết nở hoa. Nhà thơ Lý Bạch đời Đường nắm mộng thấy cán bút của mình nở hoa. Từ đó, thơ văn của Lý Bạch viết ra mỗi ngày một xuất sắc, tiếng tăm lừng lẫy. Bút hoa là cây bút viết ra văn chương đẹp như hoa.

Thành sầu : mối sầu muộn lớn lao, chứa cả một thành.

Đắp cạn thành sầu : làm cho sự sầu thảm bớt dần.

Hai câu 161-162 : Mượn cây viết để ra mẩy vần thi để tả nỗi sầu thảm của mình, lòng đau đớn như cắt ruột ra mẩy đoạn, nhưng nhờ vậy mà nỗi sầu thảm với đi dần dần.

Tiếng tiêu : tiếng sáo, chỉ tiếng nói nhỏ nhẹ của vợ khuyên chồng. *Phụng lầu* : cái lầu có con chim phụng đến đậu, ý nói nơi người chồng đến chơi bời.

Hai câu 163-164 : Tiếng nói nhỏ nhẹ của vợ khuyên can chồng, nếu lọt tai chồng làm cho chàng thức tỉnh thì may ra mới tháo gỡ được mối dây sầu muộn của người vợ.

Bút ngọc : cây viết quý như ngọc. *Đề thi* : viết ra các câu thơ. *Bậc văn tài* : người có tài về văn chương.

Tuyết giá : chỉ lòng trong sạch của vợ đối với chồng.

Hậu lai : thời gian sắp tới. *Sanh ly* : sống mà xa cách nhau, chỉ cảnh vợ bị chồng phụ bạc, chồng bỏ nhà theo làng chơi.

169. Khi đầu áp cùng khi tay gối,
Thân thiết nhau sớm tối quen hơi.
Chữ sao chong ngọn đèn ngồi,
172. Cô đăng giãn bóng, ghẹo người thương tâm.
Nào là thuở âm thầm dan díu,
Vịn bóng trăngặng níu hoa đào.
Chữ sao bỏ cảnh úa xào,
176. Nhụy phai hương lợt, khuôn rào tảtoi.

CHÚ THÍCH :

Dầu áp tay gối : Cảnh vợ chồng thương yêu quấn quít nhau không rời. *Quen hơi* : Vợ chồng chung sống lâu ngày quen mùi nhau. *Chữ sao* : Sao bây giờ lại . . .

Chong ngọn đèn : Đốt ngọn đèn lên, vặt cho cháy vừa đủ sáng và để vội suốt đêm.

Cô đăng : ngọn đèn cô đơn, chỉ có một ngọn đèn trong phòng. Người cô đơn thấy ngọn đèn cũng cô đơn như mình.

Giãn bóng : Ngọn đèn leo lé t làm cho bóng người ngồi lung linh chập chờn trên vách. *Thương tâm* : đau lòng.

Âm thầm dan díu : yêu nhau một cách thầm lén.

Vịn : đặt bàn tay tựa vào. *Níu* : nắm kéo xuống.

Câu 174 : Tả cảnh thơ mộng lúc hai người mới yêu nhau, hẹn hò nhau đi ngắm trăng xem hoa.

Úa xào : cây lá héo úa rủ xuống.

Nhụy phai hương lợt : tình trạng hoa tàn, nhụy hoa phai màu, mùi hương bay hết. *Khuôn rào tảtoi* : hàng rào chung quanh nhà tảtoi hư nát vì không người chăm sóc.

Hai câu 175-176 : Người vợ trách chồng bạc tình, bỏ vợ ở nhà một mình trong cảnh héo úa, nhan sắc phai tàn, cảnh nhà tảtoi tả.

177. Nào khi đứng lúc ngồi đủ mặt,
Qua tường đồng lóng bậc tơ đồng.
Chừ sao chăn chiếu lạnh lùng.
180. Phím loan nín bắt, tranh tòng đứt dây.
Nào khi lén vẽ mày thực nũ,
Nào khi lo gìn giữ hương thề.
Chừ sao bướm cũ lìa huê,
184. Vườn thu vắng khách, ủ ê canh tàn.

CHÚ THÍCH :

Tường đồng : (đã giải nơi câu 73) chỉ nơi ở của người con gái đẹp. *Lóng* : lắng nghe. *Bậc tơ đồng* : cung bậc âm thanh do dây đàn bằng đồng phát ra.

Câu 178 : Người vợ nhớ lại lúc mới yêu nhau, chàng qua nhà nàng lắng nghe thường thức tiếng đàn của nàng.

Phím loan : phím đàn, vì phím đàn được dán dính vào cần đàn bằng keo loan (làm bằng máu chim loan). *Nín bắt* : lắng im một cách đột ngột. *Tranh tòng đứt dây* : tranh đua nối theo nhau mà đứt dây. *Tòng* : *Tùng* : theo, nối theo.

Câu 180 : Tiếng đàn nín bắt vì các dây đàn tranh nhau mà đứt. Khi ngồi đàn mà bỗng nhiên đàn đứt dây, đó là điềm chẳng lành, báo hiệu cảnh biệt ly.

Hương thề : cây nhang đốt lên để thề nguyên với nhau.

Hai câu 181-182 : Tả cảnh hạnh phúc vui vẻ khi vợ chồng mới cưới nhau.

Huê : hoa. *Bướm cũ lìa huê* : ý nói chồng lìa xa vợ.

Vườn thu vắng khách : ý nói : nhà của người vợ ở mà vắng mặt chồng. Hai từ ngữ : *Vườn thu*, Phòng thu, chỉ nơi ở của người vợ hay của người đàn bà luống tuổi.

Ủ ê : buồn rầu âm thầm kéo dài. *Canh tàn* : đêm tàn.

185. Nào khi tựa bên màn canh lụn,
Nào khi ngồi ngó bóng Hằng Nga.
Chữ sao để lụn canh gà,
188. Vắng hoe gối phụng, nguyệt tà hoa thưa.
Nào khi đổ mây mưa đánh giáp,
Nào khi lo ấm áp cung thiềm.
Chữ sao vắng dạng tàn đêm,
192. Gia cư rách cửa, ven thiềm cỏ chen.

CHÚ THÍCH :

Canh lụn : canh tàn, trời gần sáng. Lụn là tàn dần. Một đêm có 5 canh. Canh năm là lúc gà gáy sáng, nên được gọi là canh gà. *Lụn canh gà* : canh năm tàn dần, trời rụng sáng.

Bóng Hằng Nga : ánh sáng mặt trăng.

Vắng hoe : vắng vẻ im lặng. *Gối phụng* : gối có thêu chim phụng dành cho chồng nầm, chỉ người chồng.

Nguyệt tà : trăng đã chêch qua đầu, trời gần sáng.

Hoa thưa : Vườn hoa thưa thoảng, chỉ cảnh buồn bã vắng vẻ.

Đổ mây mưa đánh giáp : chỉ việc ái ân giữa vợ chồng.

Cung thiềm : Tương truyền nơi cung trăng có con thiềm thử (con cóc) to lớn, dưới họng có chữ son. Cung thiềm là cung trăng, nơi ở của Hằng Nga. Ở đây, cung thiềm là chỉ nơi ở của người vợ, cũng chỉ người vợ. *Gia cư* : nhà ở.

Câu 192 : Nhà cửa rách nát, thiềm nhà cỏ mọc chen vào. Ý nói : Nhà cửa thiếu tay người chồng chăm sóc.

Các đoạn 4 câu thơ trong phần này, thường thì 2 câu đầu nhắc lại những kỷ niệm êm đep lúc hai người mới yêu nhau, rồi cưới nhau và sống hạnh phúc bên nhau. Hai câu lục bát tiếp theo là nói người vợ trách chồng phụ bạc, bỏ nhà đi theo vợ bé bỏ con thơ.

193. Nào khi ước giữ niêm son sắt,
 Nào thề non nấm chặt dải đồng.
 Chữ sao đổi dạ thay lòng,
 196. Hẹn xưa bỏ chảy theo dòng Tương giang.

CHÚ THÍCH :

Niêm : lòng tưởng nghĩ tới. *Son sắt* : đỏ như son, cứng như sắt. Ý nói bền vững như sắt, không phai lợt như màu đỏ của son. *Niêm son sắt* : lòng trung thành cứng cỏi, không đổi đổi, trước sau như một.

Thề non : Do thành ngữ : Minh sơn thê hải : thề non hẹn biển, chỉ núi mà thề, chỉ biển mà nguyên, dẫu cho biển cạn non mòn, lòng dạ quyết không thay đổi.

Dải đồng : dải đồng tâm. Theo Tùy thư, vua Tùy Dượng Đế sai lấy lụa ngũ sắc kết thành nút gọi là đồng tâm kết (dịch nôm là dải đồng tâm) để ban cho quý phi, tỏ lòng yêu đương khẩn khít. Do đó, dải đồng là chỉ sự thương yêu khẩn khít giữa vợ chồng. *Nấm chặt dải đồng* : ý nói giữ chặt lòng thương yêu khẩn khít giữa vợ chồng.

Tương giang : sông Tương. Đây là dòng sông tượng trưng sự đau khổ, vì khi vua Thuấn đi tuần thú phương Nam và chết ở đó, hai bà vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh đi tìm vua Thuấn, bị dòng sông Tương ngăn lại, hai bà buồn rầu, ngồi bên bờ sông Tương khóc than thảm thiết.

Câu 196 : Lời thề hẹn ngày xưa, chàng đã bỏ trôi hết theo dòng nước chảy.

196. Nào khi đứng giữa đàng trông ngọc,
 Nào khi ngồi dưới bộc trong dâu.
 Chữ sao phụ nghĩa sơ giao,
 200. Phòng toan ném gánh tâm đầu sông Ngân.

CHÚ THÍCH :

Trông ngọc : ý nói trông ngóng người yêu. Thơ cổ có câu : Nguyệt di hoa ảnh ngọc nhân lai, có nghĩa là : Bóng trăng đã xế, người ngọc đến. Người ngọc là người con gái đẹp như ngọc, chỉ người yêu.

Dưới bộc trong dâu : chỉ sự hẹn hò tình tự lén lút bất chánh giữa trai và gái. *Điển tích* : Theo Hán thư, con trai và con gái của nước Trịnh và nước Vệ thường hẹn hò nhau ra bờ sông Bộc, núp trong các ruộng dâu để tình tự và làm chuyện dâm ô. (Sông Bộc là con sông chảy qua hai nước Trịnh, Vệ).

Sơ giao : mới quen biết nhau. *Phụ nghĩa sơ giao* : phụ bạc cái tình nghĩa lúc mới quen biết nhau.

Phòng toan : dự bị toan tính.

Gánh : nhận lãnh trách nhiệm. *Ném gánh* : Vứt bỏ cái trách nhiệm mà mình đã mang lấy trước đây.

Tâm đầu : tâm là lòng dạ, đầu là hòa hợp. Thường nói : Tâm đầu ý hợp. Tâm đầu là lòng dạ hòa hợp nhau.

Sông Ngân : Ngân Hà. Theo truyền thuyết, vợ chồng Nguồn Lang và Chức Nữ mắc tội với Trời, nên bị Trời phạt, mỗi người phải ở một bên sông Ngân Hà, mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần vào đêm Thất tịch (mùng 7 tháng 7 âm lịch). Sông Ngân là chỉ sự chia cách giữa vợ chồng.

Câu 200 : Dự bị toan tính ném bỏ cái gánh tâm đầu ý hợp của vợ chồng để gây ra cảnh chia ly đôi ngả.

201. Nào khi đến cầu Lam chưởng ngọc,
 Nào khi lo giã thuốc trường sanh.
 Chữ sao bỏ nghĩa én anh,
204. Tham lê bỏ lựu, phụ tình trước mai.
 Nào khi cửa then gài mấy lớp,
 Cấm vườn xuân nườm nượp én anh.
 Chữ hoang cây cổ xù mành,
208. Gần cây chim lánh, đến cành gió day.

CHÚ THÍCH :

Chưởng : cầm. *Chưởng ngọc* : cầm cái chày ngọc.

Hai câu 201-202 : Lấy theo điển tích Lam kiều (đã có giải nơi Chú thích câu 134). Hai câu này nhắc lại lúc hai người mới đính hôn nhau, thật là thơ mộng.

Én anh : Từ ngữ này đều có trong 2 câu thơ : 203 và 206, nhưng nghĩa lý khác hẳn nhau.

- Trong câu 203 : Én anh là chỉ vợ chồng. *Nghĩa én anh* là tình nghĩa vợ chồng.

- Trong câu 206 : Én anh là chỉ nhiều người đi chơi lũ lượt như chim én và chim anh bay từng đàn. *Nườm nượp én anh* : người ta đi lại đông đảo lớp này tiếp đến lớp khác.

Tham lê bỏ lựu : ý nói có mối nới cũ.

Trước mai : cây trúc và cây mai, chỉ tình nghĩa vợ chồng khắn khít. *Vườn xuân* : giống chữ Phòng xuân, chỉ người con gái lúc trẻ. *Cấm vườn xuân* : chưa cho ai vào vườn xuân, ý nói con gái mới lớn chưa chồng. *Hoang* : vắng vẻ.

Cây cổ xù mành : lá cây và cỏ rủ xuống như bức mành.

Câu 208 : Chim bay đến gần cây mà không đáp vào, lại bay lánh đi; gió thổi đến gần cành cây, gió cũng day qua hướng khác. (Dùng cảnh để nói lên tâm trạng của vợ bị chồng phu bạc).

209. Nào khi sắc so tài đẹp dạ,
Nào khi nhen hương hỏa ba sinh.

Chữ toan bứt mảnh tơ tình,

212. Trà ngâu chê nhớ, rượu quỳnh chối thương.

CHÚ THÍCH :

Sắc so tài : người con gái thì cần nhan sắc, người con trai thì cần tài hay, sắc so tài cân xứng, đẹp đôi vừa lứa.

Nhen : nhen nhúm, ý nói : mới khởi đầu.

Hương hỏa ba sinh : Diển tích : Sách Truyền đăng lục chép rằng : Có người nầm mộng thấy một vị lão tăng, trước mặt có tia khói rất nhỏ. Vị tăng ấy nói : Đó là khói hương của một người đi lễ chùa kết nguyện, người ấy đã trải qua ba kiếp mà khói ấy vẫn còn. Do đó, Hương hỏa ba sinh là chỉ sự thề nguyện kết thành vợ chồng, có hiệu lực trong ba kiếp, thế nào cũng phải gặp nhau.

Bứt mảnh tơ tình : bứt cho đứt sợi dây tơ tình yêu mà bấy lâu đã cột chặt hai người.

Trà ngâu : trà ướp hoa ngâu. Hoa ngâu là loại hoa rất thơm, giống như hoa lài, dùng để ướp trà.

Rượu quỳnh : chữ Hán gọi là Quỳnh tương. Quỳnh là loại ngọc màu đỏ, được vua chúa hay các nhà quyền quý mướn thợ gọt đẽo, tạo thành cái chung uống rượu, cái chất ngọc quỳnh làm tăng thêm mùi vị thơm ngon của rượu.

Câu 212 : Hồi vợ chồng thương yêu sống chung với nhau, thường ngồi uống trà ngâu hay uống rượu quỳnh với nhau, nhưng giờ đây, chàng đã chê trà ngâu, không còn muốn nhớ tới nữa, chê rượu quỳnh, chối bỏ tình thương yêu vợ chồng thuở trước.

213. Nào khi hỏi thăm hang Từ Thức,
 Nào khi dò mẩy bức cầu ô.
 Chữ sao kẻ Hớn người Hồ,
 216. Để cho phòng hạnh ra mồ quạt duyên.

CHÚ THÍCH :

Từ Thức : Từ Thức là người ở Hóa Châu nước ta, làm Tri huyện Tiên Du, đời nhà Trần. Gần huyện có một ngôi chùa nổi tiếng đẹp, trồng nhiều hoa mẫu đơn. Hằng năm du khách đến xem đông như ngày hội. Năm Quang Thái thứ 9 (1396), trong số du khách có một thiếu nữ vô ý làm gãy một cành mẫu đơn. Nhà chùa bắt đèn. Nàng không có sẵn tiền, lại không có người quen nên không biết tính sao. May lúc ấy có quan huyện Từ Thức đi đến, thấy vậy động lòng, liền cởi áo thế cho nhà chùa, cô gái mới được buông tha ra về.

Từ Thức có tâm hồn phóng dật, không thích gò bó trong chốn quan trường, nên xin treo ấn từ quan, đi ngao du sơn thủy, với bầu rượu túi thơ. Một hôm Từ Thức bơi thuyền dạo chơi cửa biển, chợt thấy một hòn núi nổi lên giữa biển có phong cảnh rất kỳ vĩ, liền bơi đến nơi, trèo lên xem, gặp một hang núi nhỏ liền đi vào, đường dốc lần lần lên tới đỉnh núi, gặp một khung cảnh hoàn toàn khác lạ, đẹp đẽ vô cùng.

Từ Thức gặp một người con gái, nhìn kỹ thì đúng là nàng đã làm gãy cành mẫu đơn ngày nọ. Cô gái liền chào hỏi và xưng tên là Giáng Hương. Nàng cho biết nàng là Tiên Nữ và đây là cảnh Tiên. Nàng lại nói việc Từ Thức giúp nàng hôm nọ, khiến cho Từ Thức có duyên phận với nàng, nên xui khiến chàng lên đây gặp nàng. Từ Thức ở lại đó và kết hôn với Giáng Hương.

Thời gian thấm thoát được một năm, Từ Thức quá nhớ nhà, nên đòi về thăm. Giáng Hương hết sức ngăn cản, nhưng không được, đành viết một phong thư niêm kín, dặn chàng chừng nào về tới quê nhà mới mở ra xem, rồi đưa chàng xuống núi từ biệt.

Đây là bức thư vĩnh biệt, vì Giáng Hương biết rằng Từ Thức không có căn Tiên, nên mới xảy ra việc nhớ nhà đòi về, khiến chàng trở lại trần gian, không thể lên cõi Tiên được nữa.

Từ Thức về tới làng cũ thấy cảnh vật đổi khác rất nhiều, vì đã qua 60 năm nơi cõi trần. Các người cùng thời với chàng đã chết hết, nhà Trần đã mất, đổi sang nhà Lê. Từ Thức bùi ngùi thương cảm. Con cháu đều không nhìn ra nữa.

Từ Thức trở lại đường cũ, đi tìm Giáng Hương, nhưng không thấy hòn núi. Chàng quá thất vọng, đi vào núi Hoành Sơn và mất tích luôn trong đó.

Câu 213 : Nào khi hỏi thăm hang Từ Thức, nghĩa là : Người vợ nhắc lại lúc vợ chồng còn trẻ, dẫn nhau đi du sơn, hỏi thăm nơi nào là cái hang mà Từ Thức đi vào gặp Tiên.

Câu ô : Ô là con quạ, cũng gọi là chim ô thước.

Điển tích : Theo sách Kinh Sở Tuế Thời Ký, Chức Nữ là cô gái dệt vải nơi cõi Trời, làm việc rất siêng năng, có chồng là Ngưu Lang chăn trâu nơi Thượng giới. Hai vợ chồng quá âu yếm nhau mà bê trễ bốn phận. Trời phạt đày mỗi người ở một bên sông Ngân Hà, chỉ cho gặp nhau một lần trong một năm vào đêm Thất tịch (mùng 7 tháng 7 âm lịch). Đêm đó, các con chim ô thước đội đá bắc cầu qua sông Ngân Hà, để cho Ngưu Lang đi qua sông gặp vợ. Khi gặp nhau, vợ chồng than khóc kể lể cảnh ly biệt, nước mắt rơi xuống trần gian tạo thành các đám mưa nhỏ, gọi là mưa ngâu.

Câu 214 : Nào khi dò mẩy bực câu ô, nghĩa là : Nào những khi 2 vợ chồng ngắm xem trăng sao giữa Trời, tìm đâu là sao Chức Nữ, sao Ngưu Lang, đâu là mẩy bực câu ô thước.

Kẻ Hồn người Hồ : kẻ Hồn là người Trung hoa, người Hồ là rợ Hồ (Hung Nô) ở phía Bắc Trung hoa.

Vào thời nhà Tống, vua Hung Nô đem quân đánh vào Trung nguyên, buộc vua Tống phải đem nàng Chiêu Quân là ái phi của vua Tống, nạp cho vua Hung Nô. Vua Tống nhu nhược, đánh thua quân Hồ nên phải ép lòng đưa Chiêu Quân đi cống Hồ. Từ ấy, vua và nàng Chiêu Quân xa cách nhau, kẻ Bắc người Nam, đau khổ vô cùng.

Câu 215 : Chù sao kẽ Hờn người Hồ, ý nói : sao bây giờ, vợ chồng chia ly kẽ Bắc người Nam ?

Phòng hạnh : hạnh là trái mơ, cùng loại với trái đào. Phòng hạnh đồng nghĩa với Phòng đào, chỉ nơi ở của người đàn bà. Ở đây, phòng hạnh là chỉ người vợ.

Ra mồ quạt duyên : Quạt cái mả còn ướt của chồng cho mau khô để ngay đi tìm duyên mới.

Điển tích : Trang Tử là vị Tiên đắc đạo tại thế. Một hôm ông đi chơi ở mé chân núi, gặp một thiếu phụ còn trẻ đang mặc đồ tang, tay cầm cái quạt lớn, đứng quạt vào một nấm mồ mới đãp đất. Trang Tử thấy lạ đến gần hỏi thử cho biết nguyên do.

Thiếu phụ đáp : Chồng tôi chết vừa mới chôn cất xong. Lúc hấp hối, chàng có trối lại dặn rằng, chừng nào nấm mộ của chàng mồ khô cỏ ráo thì nàng mới được đi lấy chồng khác. Nay tôi thấy nấm mồ còn ướt mãi nên tôi lấy quạt ra đây quạt cho mau khô.

Trang Tử ngẫm nghĩ một lát rồi nói với chị ta là để ông giúp chị ta quạt cái mồ cho mau khô. Nói rồi, Trang Tử làm phép trên cái quạt, trao trả cho chị ta, và chị ta quạt mấy cái thì mồ khô cỏ ráo liền.

Chi ta vui mừng không xiết, cảm tạ Trang Tử và tặng Trang Tử cái quạt làm kỷ niệm.

Câu 216 : Để cho phòng hạnh ra mồ quạt duyên, ý nói : để cho người vợ chịu cảnh chồng chết mà đi tìm duyên mới.

Bốn câu thơ trên : từ 213 đến 216 : Dùng bốn điển tích nói lên bốn cảnh biệt ly giữa vợ và chồng.

Người vợ bị chồng ruồng bỏ, ở nhà một mình, ngồi nhớ đến những cảnh biệt ly sầu khổ giữa vợ và chồng trong các điển tích xưa.

217. Nào là lúc ngửa nghiêng đêm quạnh,
Nào là khi thức tỉnh đêm khuya.

Chữ sao loạn phụng chia lìa,

220. Con trông vợ nhớ, mắt kề ngó song.

Càng thấy con khờ không đủ trí,

Càng thêm lo huyết khí bên chồng.

Nâng niu lúc ấm khi bồng,

224. Phụ thân thế phận cho chồng dạy khuyên.

CHÚ THÍCH :

Ngửa nghiêng : lúc nằm ngửa, lúc nằm nghiêng, ý nói nằm trăn trở thao thức không ngủ được.

Đêm quạnh : đêm vắng vẻ im lặng, gây cảm giác trống trải buồn bã.

Loan phụng chia lìa : vợ chồng xa cách nhau.

Mắt kề ngó song : mắt kề sát vào cửa sổ ngó mong ra ngoài, trông đợi người chồng đi chưa về. Song là cái cửa sổ.

Khờ không đủ trí : khờ khạo không đủ trí khôn.

Huyết khí : huyết là máu, khí là chất tinh túy do máu tạo thành để lưu truyền nòi giống. Huyết khí là chỉ dòng giống nhà chồng.

Phụ thân : cha ruột. *Thế phận* : thay thế bốn phận.

Câu 224 : Chồng ra đi không về, người vợ ở nhà thay thế chồng làm bốn phận người cha dạy khuyên con trẻ.

Câu này có ý nghĩa rất giống câu thơ trong Chinh Phụ

Ngâm : Câu 160 : *Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân.*

225. Càng sợ hở thung huyên phiền muộn,
Thảm bao nhiêu gắt gượng làm vui.
Tảo tần sớm dưỡng chiều nuôi,
228. Thế chàng thiếp lanh vai người hiếu nam.
Thấy em dại không ham đèn sách,
Càng để lòng hỏi hạch kinh luân.
Thay chàng thiếp trả nghĩa thâm,
232. Dạy em văn hóa, thiếp làm trưởng huynh.

CHÚ THÍCH :

Càng sợ hở : càng sợ không kín chuyện, tin tức lọt ra ngoài. Hở là không kín. *Phiền muộn* : buồn rầu.

Thung huyên : cây thung, cũng gọi là cây xuân, chỉ cha; cỏ huyên chỉ mẹ. Thung hay xuân là loại cây, sống rất lâu năm, cứ 8000 năm mới tới mùa xuân của nó, 8000 năm nữa mới tới mùa thu của nó. Dùng cây xuân để chỉ người cha vì con muốn cha sống lâu như cây xuân. Huyên là loại cỏ sống lâu năm, ăn cỏ huyên thì hết buồn phiền, nên cỏ huyên còn được gọi là Vong ưu thảo. Dùng cỏ huyên chỉ người mẹ, vì con muốn mẹ không buồn phiền, vui vẻ mãi.

Tảo tần : Trong Kinh Thi, bài Thái tần có câu : Vu dĩ thái tần, nam giàn vu chi tần, vu dĩ thái tảo, vu bỉ hàng lạo. Nghĩa là : Đi hái rau tần, bên bờ khe phía nam, đi hái rau tảo bên lạch nước kia. Dùng chữ Tảo tần để chỉ người vợ hiền hiếu thảo cần kiệm, đi hái rau tần rau tảo về làm cỗ cúng tổ tiên.

Hiếu nam : con trai có hiếu với cha mẹ.

Kinh luân : tổ chức, xếp đặt việc chánh trị trong nước. (Xem lại Chú thích 2 câu : 1 và 2). *Nghĩa thâm* : nghĩa sâu.

Câu 228, có ý nghĩa giống câu 159 của CPN : “Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam.”

233. Càng nghĩ đến linh đình phận thiếp,
 Càng ngại lo tội nghiệp thân con.
 Những ngòi nước thấm đầu non,
236. Nào hay trăng khuyết hao mòn nhơn duyên.
 Càng đeo đắng nỗi phiền nỗi thảm,
 Càng thương thân chích bạn lìa đôi.
 Phận sao phận bạc như vôi,
240. Nước lưng đáy gáo, hương trôi dòng là.

CHÚ THÍCH :

Linh đình : lênh đênh, trôi nổi nay đây mai đó.

Tội nghiệp : đáng thương vì gặp hoàn cảnh không may.

Nước thấm đầu non : Mưa rơi đỉnh núi, nước chảy tuột xuồng hết, chỉ thấm được một ít trên đầu núi mà thôi. Nhưng nếu mưa nhiều lần nhiều ngày, mỗi ngày thấm một ít thì lần lần cũng thấm ướt đầu núi. Ý nói : Lời khuyên nhủ, mỗi ngày mỗi khuyên thì lâu ngày cũng lọt lỗ tai mà nghe theo.

Nhơn duyên : mối ràng buộc giữa người này với người khác, ở đây chỉ sự ràng buộc vợ chồng.

Hai câu 235-236 : Những tưởng rằng, khuyên can chồng lâu ngày rồi cũng kết quả, nhưng nào hay đâu thời gian trôi qua, tình thương yêu cũng hao mòn dần.

Chích bạn lìa đôi : lẻ loi một mình. Chích là lẻ loi, chích bạn là lẻ bạn. Lìa đôi là hai người chia lìa nhau.

Nước lưng đáy gáo : Nước trong gáo 10 phần, lưng tới đáy hết 7 phần, còn 3 phần, ý nói : người phụ nữ đã luống tuổi.

Dòng là : dòng sông ban đêm trăng sáng, trông giống như dải lụa trăng uốn khúc. *Là* : lụa là. *Dòng là* : dòng sông.

Hương trôi dòng là : hương sắc bỏ trôi theo dòng nước, ý nói nhan sắc của người vợ phai tàn dần.

241. Càng ngǎm đến cỏ hoa vật loại,
 Càng thẹn vì vẫn vối tơ tình.
 Chim kết cánh, cây liền cành,
244. Còn thân thiếp chịu một mình đơn cô.
 Kìa cá giỡn vẫn vờ đáy nước,
 Nợ kết đôi cưu thưốc ven trời.
 Còn thân thiếp chịu cút côi,
248. Đèn khuya nhắc thảm, gió mồi ghẹo sầu.

CHÚ THÍCH :

Vẫn vối : ngắn ngủi. *Vẫn vối tơ tình* : tình yêu thương vợ chồng chỉ được một thời gian ngắn ngủi.

Chim kết cánh, cây liền cành : Ý nói vợ chồng gắn bó không rời nhau. **Điển tích** : * Theo sách Sơn Hải Kinh của Đông Phương Sóc, có loài chim, chỉ có 1 cánh và 1 con mắt, nên lúc nào con trống và con mái phải kết cánh lại thì mới bay được, gọi là Ty dực điểu. (Ty dực là kết cánh lại). * Hàn Băng làm quan Đại phu nước Tống đời Chiến quốc, có vợ là Hà thị rất đẹp. Vua Khang Vương thấy vậy liền cướp Hà thị về làm vợ và cầm tù Hàn Băng. Băng tự sát chết. Hà thị cự tuyệt Khang Vương và tự tử theo, để lại bức thư xin được chôn cùng mộ với chồng. Khang Vương căm giận, đem chôn riêng. Qua một đêm, bỗng nhiên người ta thấy có 2 cây tử mọc lên ở nách 2 ngôi mộ, thân cây và cành cây quấn vào nhau.

Trong bài Trưởng Hận Ca của Bạch Cư Dị, đoạn nói vua Đường Minh Hoàng thề thốt với Dương Quý Phi, có hai câu : “ *Tại thiên nguyên tác ty dực điểu, tại địa nguyên vi liên lý chi.* ” (Trên trời xin làm chim kết cánh, dưới đất xin làm cây liền cành.)

Đơn cô : cô đơn. *Vẫn vờ* : nhởn nhơ qua lại một cách thong thả tự nhiên. *Cưu thưốc* : cũng gọi là chim cưu, luôn luôn sống từng đôi. *Cút côi* : lẻ loi không nơi nương tựa.

Câu 248 : Lòng buồn nêu thấy ngọn đèn khuya hay gió ban mai, như khêu gợi hay trêu ghẹo nỗi buồn.

249. Kìa oan ương ấp nhau chẳng hở,
Nợ én anh rỉ rả kêu thương.
Còn ta luống những đoạn trường,
252. Gối chăn tê tái, chiếu giường lạnh tanh.
Kìa cầm điểu bẻ cành kết ổi,
Nợ thú trùng moi lỗ làm hang.
Nầy thân thiếp chịu gian nan,
256. Linh đình đất chiếu, trời mèn không nơi.

CHÚ THÍCH :

Oan ương : chim uyên ương, con trống là uyên, con mái là ương, sống từng đôi, nếu một con chết thì con kia nhịn đói chết theo. Uyên ương được ví đôi vợ chồng chung thủy.

Én anh : chỉ vợ chồng. (Xem lại Chú thích câu 203).

Rỉ rả kêu thương : nói chuyện yêu thương rỉ rả với nhau.

Đoạn trường : đứt ruột, chỉ sự đau khổ dữ dội. Đoạn trường có nghĩa bóng là sự đau đớn phủ phàng của người phụ nữ bạc mệnh trong tình trường.

Tê tái : đau khổ đến mức không còn cảm giác.

Lạnh tanh : rất lạnh lẽo, không một chút hơi ấm.

Câu 252 : Cảnh người vợ cô đơn, có chồng mà chồng đã bỏ đi, làm cho gối mền lạnh lẽo, nhà cửa vắng tanh.

Cầm điểu : chỉ chung loài chim. Cầm là loài chim, điểu là chim. *Thú trùng* : thú vật và côn trùng.

Đất chiếu trời mèn : chỉ kẻ sống nghèo khổ, lang thang đây đó, không nhà cửa, không mùng chiếu, dùng mặt đất làm chiếu (tức là nằm dưới đất), dùng bâu trời làm mùng (tức là không giăng mùng).

257. Kìa ong kiến tha mồi dành để,
Cơm khốn cùng có thể nuôi thân.
 Còn thân thiếp chịu khốn nàn,
260. Tảtoi nỗi mẹ, truồng trần nỗi con.
 Thôi dành kiếp nốt non gượng sống,
 Sống vì con, chẳng sống vì thân.
 Đòi phen đổi thảm ra mây,
264. Nâng niu trẻ dại cho gần đặng cha.
 Đưa giọt sữa ra hòa giọt lụy,
 Trong tình chung huyết khí đúc hình.
 Còn con may đặng giữ tình,
268. Khối chung tình ở nơi mình ấu nhi.

CHÚ THÍCH :

Tảtoi nỗi mẹ : tình cảnh của mẹ thì rách rưới tảtoi.

Truồng trần nỗi con : tình cảnh của con thì ở trần ở
truồng, không quần áo mặc.

Kiếp nốt non : kiếp sống non nớt yếu đuối của người
phụ nữ. *Gượng sống* : sống một cách miễn cưỡng.

Đòi phen : nhiều lần. *Mây* : mừng.

Giọt lụy : giọt nước mắt.

Huyết khí đúc hình : Huyết là máu của mẹ, Khí là tinh
khí của cha. Tinh cha huyết mẹ hiệp lại tạo nên hình hài đứa
con trong bụng mẹ. Đúc hình là nắn đúc nên hình thể đứa bé.

Khối chung tình : khối tình thương yêu giữa vợ chồng.

Ấu nhi : đứa con bé bỏng non nớt. Ấu là bé nhỏ non
nớt, nhi là đứa con.

269. Nghe trẻ khóc như chì dần dạ,
 Thấy con đau như đá đập đầu.
 Còn con ô thước bắc cầu,
272. Mất con là cửa vô lầu lanh cung.
 Thấy xuân đến vẻ hồng khắp chốn,
 Nương con thơ sống rốn cùng xuân.
 Ru con giọng hát ngập ngừng,
276. Xuân ôi ! Xuân biết mấy lần đau thương ?
 Ve kêu hạ như dường trêu thảm,
 Mưa sầu tuôn mấy dặm biệt ly.
 Dỗ con lệ ngọc li bì,
280. Hạ ôi ! Hạ có biết nghìn phu thê ?

CHÚ THÍCH :

Chì dần dạ : đau đớn như có cục chì đập tan nát ruột gan trong bụng. Dần là đập liên tiếp nhiều lần cho mềm ra.

Đá đập đầu : đau đớn như có cục đá đập lên đầu.

Ô thước bắc cầu : Chim ô thước đội đá bắc cầu nối liền hai bờ sông Ngân Hà cho Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau. (Xem Điển tích nơi câu 214). *Lãnh cung* : cung lạnh, nơi giam giữ các bà vợ có tội của vua. Lãnh là lạnh.

Hai câu 271-272 : Còn đứa con thì như còn cây cầu ô thước để vợ chồng tái hợp với nhau; mất đứa con thì duyên vợ chồng chấm dứt, như vợ vua bị đày vào lãnh cung.

Sống rốn cùng xuân : ráng sống cho hết những ngày xuân. *Rốn* : cố kéo dài thêm một ít thời gian nữa.

Câu 275 : Vừa ru con vừa khóc nên giọng ru đứt đoạn.

Lệ ngọc : giọt nước mắt long lanh như hạt ngọc. *Li bì* : liên tục không dứt. *Nghì phu thê* : tình nghĩa vợ chồng.

281. Chiều thu nhắc ủ ê cảnh hạn,
Nhấp nhô xem cánh nhạn vê non.

Trông thu râu nhớ thân con,

284. Thu ôi ! Thu biết hao mòn tấm duyên ?

Đông lạnh ngắt mảnh mền úm trẻ,

Ngồi đêm trường quanh quẽ phòng không.

Nhớ chồng thấy trẻ nao nồng,

288. Đông ôi ! Đông biết tấm lòng kiên trinh ?

CHÚ THÍCH :

Cảnh hạn : cảnh là hoàn cảnh, hạn là điều không may lớn hay tai nạn gấp phải do số phận đã định sẵn. Cảnh hạn là hoàn cảnh không may.

Nhấp nhô : khi lên cao khi xuống thấp.

Câu 282 : Xem cảnh trời chiều gần tối, đàn chim nhạn bay nhấp nhô trở về núi (tức bay về tổ), gợi nhớ cảnh sum họp buối tối trong gia đình gồm đủ mặt vợ chồng con cái.

Tấm duyên : cái tình thương yêu ràng buộc vợ chồng.

Lạnh ngắt : lạnh lẽo như không còn chút hơi ấm.

Mảnh mền : cái mền rách chỉ còn có một mảnh.

Đêm trường : đêm dài. *Quanh quẽ* : vắng vẻ im lặng đến mức gây cảm giác cô đơn buồn bã.

Phòng không : cái phòng không có người nào ở khác hơn là mình, thường nói : Phòng không chiếc bóng.

Nao nồng : Nao nùng, buồn rầu sâu đậm.

Kiên trinh : kiên là lòng cứng rắn vững chắc, trinh là lòng trong sạch của vợ đối với chồng. Kiên trinh là lòng trong sạch bền vững của vợ đối với chồng.

289. Vắng mặt chồng, cân hình của trẻ,
Ngó thấy con đặng vẽ tượng chồng.

Cân thương trẻ ấy mà đong,

292. Thì trong thương ấy, của chồng tám phân.
Kìa máu huyết, cành xuân nhụy nở,
Khối ái ân dành ở nơi con.

Dầu cho biển cạn non mòn,

296. Tơ duyên khắn khít chỉ còn bấy nhiêu.

CHÚ THÍCH :

Cân hình của trẻ : đem đứa trẻ đặt lên bàn cân mà cân
Tượng chồng : hình ảnh của chồng.

Câu 290 : Đứa con sanh ra giống chồng như đúc, nên
ngó thấy con thì vẽ được hình ảnh của chồng.

Tám phân : ý nói phân nửa. 1 cân có 16 lượng, 8 phân
tức là 8 lượng, bằng nửa cân.

Hai câu 291-292 : Vợ chồng thương yêu nhau, kết quả
là sanh được đứa con. Người vợ thương chồng mà cũng thương
con. Tình thương ấy thể hiện bằng sức nặng của đứa con. Nếu
đem cân so sánh, thương chồng 8 phân thì thương con cũng 8
phân, hai tình thương ấy đồng đều như nhau.

Máu huyết : chỉ đứa con, vì máu thịt của con là do máu
huyết của mẹ tạo nên.

Cành xuân nhụy nở : cành xuân là chỉ người con gái trẻ
tuổi, nhụy nở là ý nói sanh ra được đứa con. Cành xuân nhụy
nở là người con gái trẻ tuổi sanh ra được đứa con.

Biển cạn non mòn : ý nói thời gian lâu dài, sự đổi nhiều
thay đổi.

Câu 296 : Tình thương yêu khắn khít của vợ chồng
ngày nay chỉ còn có đứa con mà thôi.

297. Trẻ nhỏ dại lấm điều học hỏi,
Thường kiếm cha mong mỏi thấy nhau.

Dỗ con chỉ bóng giải sầu,

300. Rằng khuya đèn thấp cha hầu về thăm.

CHÚ THÍCH :

Chỉ bóng : người mẹ chỉ cái bóng của mình hiện lên vách khi thấp đèn lên. Giải sầu : cởi bỏ sự buồn rầu.

Cha hầu về thăm : cha sắp về thăm. Hầu là sắp sửa.

Hai câu 299-300 :

Nói theo sự tích **Thiếu phụ Nam Xương**.

Thiếu phụ Nam Xương là nàng Vũ Thị Thiết, ở quận Nam Xương, tỉnh Hà Nam nước ta. Nàng Vũ Thị Thiết có tánh tình thùy mị đoan trang, dung nhan xinh đẹp.

Chàng Trương Sinh mến mộ, xin mẹ đem trầu cau và lẽ vật cưới nàng Thiết về. Trương Sinh có tính hay ghen, đối với vợ phòng ngừa nhiều điều thái quá. Cuộc sống chung chẳngặng bao lâu thì nước ta có chiến tranh với nước Chiêm Thành, chàng Trương Sinh phải sung vào quân ngũ. Chàng lạy mẹ từ giã và dặn dò nàng Thiết rồi lên đường, lúc đó nàng Thiết đã có thai gần ngày sanh nở.

Sau khi chồng ra đi chừng mươi ngày thì nàng Thiết sanhặng một đứa con trai, đặt tên là Đản.

Bà mẹ vì thương nhớ con trai mà đau ốm luôn. Nàng dâu hết sức thuốc thang nuôi mẹ, hằng đêm cầu khẩn Trời Phật cho mẹ qua cơn bệnh. Nhưng số Trời đã định, bà mẹ mất. Nàng Thiết thương xót vô cùng, lo liệu đầy đủ tang lễ cho mẹ.

Hơn một năm sau, quân Chiêm Thành bị đánh bại, quân ta kéo quân trở về ca khúc khải hoàn.

Trương Sinh sau đó được rời quân ngũ, trở về quê nhà, mới hay mẹ đã mất, và con mới vừa biết nói.

Chàng hỏi vợ mồ của mẹ ở đâu rồi ấm đứa con đi ra thăm mồ của mẹ. Ra đến đồng, thằng bé quấy khóc. Trương Sinh dỗ dành con :

- Con nín đi đứng khóc. Cha về thì bà nội mất, lòng cha buồn khổ lắm !

Thằng Đản ngây thơ nói :

- Ô ! Ông là cha sao lại biết nói ? Chớ không như cha Đản trước kia cứ nín thin thít.

Chàng Trương Sinh ngạc nhiên, sinh nghi, gạn hỏi đứa con thì đứa con nói :

- Khi đêm thì cha Đản hiện đến, đi theo mẹ Đản, mẹ đi thì cha đi, mẹ ngồi thì cha ngồi, nhưng chẳng bao giờ nói hay là bồng Đản cả.

Vốn tính hay ghen, Trương Sinh nghe con nói vậy thì vội tin chắc là vợ hư, ngoại tình với kẻ khác, máu ghen nổi lên, lật đật vê nhà la mắng vợ dữ dội, không ai can ngăn được.

Nàng Thiết khóc lóc nói rằng :

- Thiếp vốn nhà nghèo, được vào làm vợ chàng, sum họp chưa thỏa tình chồng vợ, lại bị chia phôi vì việc đao binh. Cách biệt đã gần 3 năm, thiếp giữ gìn một tiết, ở nhà thờ mẹ nuôi con, chờ chàng trở về, nào biết việc gì khác bên ngoài, đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Xin chàng đừng nghi oan cho thiếp.

Trương Sinh vẫn không tin lời vợ. Nàng hỏi chuyện đó do ai nói với chàng thì Trương Sinh giấu biệt, không kể lại lời nói của thằng Đản, mà chỉ nheéric mắng nàng nặng lời và đánh đuổi nàng đi. Họ hàng lối xóm đều bênh vực và biện bạch cho nàng Thiết nhưng chẳng làm Trương Sinh thôi mắng vợ.

Nàng Thiết quá tuyệt vọng, chỉ còn biết lấy cái chết mà bày tỏ lòng trinh liệt của mình. Nàng liền tắm gội sạch sẽ, chạy ra bến bờ sông Hoàng giang của huyện Nam Xương, ngửa mặt lên trời vái rằng :

- Kẻ bắc mệnh nầy, duyên phận hẩm hiu, bị chồng ruồng bỏ, tai bay họa gởi, chịu tiếng nhuốc nhơ, Thần sông có linh, xin Ngài chứng giám. Nếu thiếp đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc My Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ, nhược bẳng lòng chim dạ cá, lừa dối phản bội chồng, dưới nước xin làm mồi cho tôm cá, trên bờ xin làm mồi cho diều quạ, và chịu cho mọi người phiền khổ.

(- *Mỹ Nương* là vợ của Trọng Thủy, con gái của Thục An Dương Vương, vì chồng mà thác oan, hóa thành ngọc trai dưới biển.

- *Ngu Mỹ* là *Ngu Mỹ nhơn*, tức là nàng *Ngu Cơ*, vợ của Sở Vương Hạng Võ. Khi Hàn Tín đánh đuổi Hạng Võ chạy vào thành Cai Hạ, *Ngu Cơ* rút gươm tự tử để Hạng Võ rảnh tay đối phó với Hàn Tín, nhưng sau đó Hạng Võ thất thủ thành Cai Hạ, chạy đến bến sông Ô Giang, tự cắt đầu chết. Tục truyền hồn *Ngu Cơ* không tan, hóa thành hai khóm cỏ quấn quít nhau trên môt nàng, gọi là cỏ *Ngu Mỹ*).

Vái xong, nàng Thiết nhảy xuống sông Hoàng giang mà chết. Trương Sinh thấy vợ tự tử cũng động lòng thương, tìm kiếm vớt xác nàng, nhưng chẳng thấy đâu cả.

Đêm đến, phòng không vắng vẻ, Trương Sinh ngồi buồn, đốt ngọn đèn lên. Chợt đứa con là thằng Đản nói :

- Ô ! Cha Đản đã về.

Trương Sinh liền hỏi : - Đâu ?

Thằng Đản chỉ cái bóng của chàng trên vách và nói :

- Đây nầy.

Thì ra, khi chàng đi tòng quân, nàng ở nhà thường đùa với con, chỉ cái bóng của nàng trên vách mà bảo rằng đó là cha của Đản. Bấy giờ, Trương Sinh tỉnh ngộ, biết mình ghen bậy, gây ra cái chết oan uổng của vợ, hối hận vô cùng.

Ở dưới sông Hoàng giang huyện Nam Xương, có một tòa cung điện gọi là Qui động của Bà Linh Phi, vợ của Nam Hải Long Vương.

Bà Linh Phi biết nàng Vũ Thị Thiết có lòng trinh liệt nên rất thương tình. Khi nàng Thiết gieo mình xuống sông thì Bà Linh Phi rẽ nước rước nàng về Qui động.

Tại bến sông Hoàng giang có một Đầu mục tên là Phan Lang, khi trước có ơn cứu sống Linh Phi, nay bị chìm tàu chết đuối, Bà Linh Phi biết được nên cứu sống đem về Qui động. Phan Lang gặp nàng Thiết thì biết là người cùng làng, liền hỏi :

- Nương tử, từ khi lạc đến thủy cung thẩm thoát đã một năm, há không nhớ tưởng quê hương ư ?

Nàng Thiết liền đáp :

- Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà chết ở thủy cung chớ không còn mặt mũi nào về gặp chồng.

Hôm sau, Bà Linh Phi lấy một túi lụa, bỏ vào 10 hạt minh châu, trao tặng Phan Lang, rồi sai sứ giả đưa Phan Lang lên khỏi mặt nước.

Nàng Thiết bèn gởi một chiếc hoa vàng trao lại cho chàng Trương và nhờ nói hộ với chàng Trương : “Nếu còn nhớ chút tình xưa thì lập đàn nơi bờ sông giải oan cho nàng, đốt một cây đèn lớn cho ánh sáng chiếu xuống mặt nước thì sẽ thấy nàng hiện về.”

Phan Lang được đưa lên khỏi mặt nước liền trở về nhà.

Phan Lang kể chuyện gặp nàng Thiết nơi thủy cung cho Trương Sinh nghe. Ban đầu Trương Sinh không tin, nhưng khi nhận được chiếc hoa vàng của nàng Thiết thì kinh sợ nói :

- Đây quả thật là vật dùng của vợ tôi.

Trương Sinh liền lập đàn tràng nơi bến sông Hoàng giang, cúng tế nàng Thiết trong 3 ngày đêm, đốt một cây đèn sáng đúng theo lời nàng Thiết dặn, quả nhiên trong đêm tối, thấy nàng Thiết ngồi trên chiếc kiệu hoa hiện ra giữa dòng sông, theo sau có hơn 50 chiếc nữa, cờ tán rực rỡ, lúc ẩn hiện.

Trương Sinh cất tiếng gọi thì nàng Thiết đáp vọng vào :

- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi nên không trở lại nhơm gian nữa. Đa tạ chàng đã giải oan cho thiếp.

Rồi trong chốc lát, nàng Thiết và cả xe cộ biến mất.

301. Hơi mảnh áo còn cầm đặng ngึ-i,
Gối loan gìn từ buổi kết duyên.
Ba sanh dầu toại thửa nguyễn,
304. Họa trong giấc mộng giải phiền giao hoan.
Càng bạc phước càng than con dại,
Lo tảo tần mẩy mạy dưỡng nuô-i.
Còn cha con tỷ như côi,
308. Chít chiu trẻ khó, bồi hồi mẹ đơn.
Nhịn ăn mặc ngừa cơn thiếu thốn,
Làm lụng nhiều nuôi dưỡng sắp con.
Nại chi xác yếu thịt mòn,
312. Gia tư miễn đặng vuông tròn giữ duyên.

CHÚ THÍCH :

Gối loan : cái gối có thêu hình chim loan, dành cho người vợ nằm; cái gối dành cho chồng thì thêu hình chim phụng. Đây là cặp gối cưới.

Ba sanh : ba kiếp sống, ý nói cái duyên vợ chồng đã tiên định do sự thê nguyễn với nhau từ kiếp trước.

Thửa nguyễn : cái ước muốn ấy. *Họa* : may ra.

Giải phiền : cởi bỏ sự buồn rầu.

Tảo tần : (đã giải ở câu 227), chỉ sự cần kiệm và chịu cực khổ của người vợ. *Mẩy mạy* : một chút nhỏ.

Câu 307 : Con có cha, mà vì cha bỏ nhà đi biển biệt nê-n con giống như là mồ côi cha.

Chít chiu : chiu chít, tiếng chim con kêu đòi chim mẹ đút mồi cho ăn. *Trẻ khó* : đứa trẻ con nhà nghèo.

Mẹ đơn : người mẹ cô đơn.

Sắp con : đàn con. *Gia tư* : cửa cải trong nhà. Tư là cửa cải. *Giữ duyên* : gìn giữ cái duyên vợ chồng.

313. Lớn một tuổi, mẹ thêm một khổ,
Hiểu một điều, mẹ hổ cho thân.

Trí con lần mở nẻo gân,

316. Hỏi cha sao phụ, tố trần làm răng ?
Chẳng lẽ nói cho chàng đen bạc,
Chẳng lẽ cho cõi hạc quên nhà.

Không dành nói thác ra ma.

320. Không dành nói ngụ nơi nhà lầu xanh.

CHÚ THÍCH :

Hổ : hổ thiện, xấu hổ. *Trí non* : sự hiểu biết non kém.

Câu 314 : Tại sao đứa con hiểu một điều mà làm cho mẹ xấu hổ ? Bởi vì nó muốn hiểu cha nó làm gì ? Ở đâu ? Tại sao cha phụ bạc mẹ ? Những điều đó làm mẹ nó khó trả lời và cảm thấy xấu hổ vì những việc làm không tốt của cha nó.

Câu 315 : Sự hiểu biết non nớt của đứa con từ từ mở ra, từ việc gần rỗi đến việc xa, từ việc dễ đến việc khó.

Tố trần : tố là nói cho biết rõ, trần là bày tỏ. Tố trần là bày tỏ cho mọi người biết rõ. *Làm răng* ? : Làm thế nào ?

Câu 316 : Đứa con hỏi tại sao cha phụ bạc mẹ, thì phải tỏ bày với nó thế nào đây ?

Đen bạc : trắng đen, ý nói thay đổi, không thủy chung.

Cõi hạc quên nhà : ý nói đi chơi xa, quên nhà quên cửa. Hạc là loại chim chân cao cổ dài, lông trắng, bay cao và xa, sống đến ngàn năm. [Cõi hạc còn có ý nghĩa là chết, linh hồn cõi chim hạc lên chơi cõi Tiên : Cõi hạc du Tiên].

Thác ra ma : chết thành ma. Thác là chết.

Lâu xanh : chữ Hán là Thanh lâu, chỉ nhà chứa gái điếm, gái làng chơi.

321. Không lẽ nói mến anh quên én,
Không lẽ rằng trộm nén hương thửa.

Nói chi tìm vợ dâng dưa,

324. Lẽ nào nói rượt theo vừa Hằng Nga.

CHÚ THÍCH :

Mến anh quên én : đồng nghĩa với các thành ngữ : Tham lựu bỏ đào, Tham lê bỏ lựu, Có mới nới cũ, ...

Trộm nén hương : Ý nói việc trai gái yêu nhau vụng trộm, thầm lén.

Điển tích : Theo Thế Thuyết Tân Ngữ, Hàn Thọ đang làm thư lại cho quan đại thần Giả Sung, dưới triều nhà Tần. Hàn Thọ đẹp trai, nên con gái của Giả Sung phải lòng và tư thông nhau. Giả Sung có thứ hương liệu quý do vua Tần ban thưởng, bị con gái đánh cắp đem cho Hàn Thọ. Khi lộ chuyện ra, Giả Sung buộc lòng phải gả con gái cho Hàn Thọ.

Thửa : thửa thải, không có giá trị. *Hương thửa* : chỉ người con gái không có giá trị, gái làng chơi.

Trộm nén hương thửa : ý nói yêu đương vụng trộm với một người con gái thuộc loại không ra gì.

Tìm vợ dâng dưa : Đội dưa xuống dâng cho Diêm Vương để tìm vợ.

Điển tích : Vua Đường Thái Tôn du Địa phủ, khi từ giã Thập Điện Diêm Vương, vua Thái Tôn nói :

- Tôi trở về dương thế, chẳng có gì biếu Thập Điện, chỉ xin dâng mấy quả dưa kính tạ.

Hồn vua Thái Tôn được sứ giả đưa về thế gian nhập xác sống lại, uống thuốc bổ an dưỡng vài ngày thì khỏe mạnh như trước. Vua liền ra Bảng chiêu hiền, để chọn người đi dâng dưa cho Thập Điện.

Lúc đó có một hiền giả đến gõ bảng tình nguyện đi dâng dưa. Người này tên là Lưu Toàn, quê ở Quận Châu, nhà giàu có.

Vợ là Lý Thúy Liên rút kim thoa đem cúng nhà sư ngoài cổng. Lưu Toàn trông thấy liền mắng vợ là không biết giữ nết. Lý thị tức giận chồng bèn treo cổ tự tử, bỏ lại hai đứa con thơ kêu khóc. Lưu Toàn buồn rầu, gởi gấm hai con ở lại, quyết xuống Âm phủ tìm vợ nên liều chết, lãnh nhiệm vụ đi dâng đưa cho Thập Điện.

Vua Đường hạ chỉ cho Lưu Toàn đến Kim Đình quán, đầu đội một quả dưa to, túi đựng tiền vàng, miệng ngậm thuốc độc.

Giây lát, Lưu Toàn chết, linh hồn đội dưa xuống Âm phủ, được Quỷ sứ dẫn vào điện Sum La, tâu lên Thập Điện :

- Tôi vâng chỉ vua Đường, từ cõi dương gian, đội dưa dâng hiến Thập Điện Diêm Vương để báo đáp ân nghĩa của Thập Điện đã tha thứ vua Đường.

Diêm Vương cả mừng nói :

- Tốt lắm, Đường Thái Tôn thật có tín nghĩa.

Diêm Vương thâu dưa, rồi hỏi tên họ và quê quán của Lưu Toàn. Lưu Toàn đáp :

- Tiểu nhân họ Lưu tên Toàn, quê ở Quận Châu, vì vợ là Lý Thúy Liên tự tử, bỏ lại hai đứa con không người trông nom, tiểu nhân lùng nguyên bồ nhà lìa con, trước là liều chết để báo ơn vua, đi dâng dưa lên 10 Vua, sau là tìm vợ.

Thập Điện nghe nói vậy thì sai Quỷ sứ dắt hồn Thúy Liên đến cho gặp mặt chồng. Hai vợ chồng gặp nhau, giải bày chuyện cũ và tạ ơn Mười Vua. Diêm Vương cho tra xét Sổ Sinh Tử, thấy hai vợ chồng Lưu Toàn có số thọ và được lên Tiên, với sai Quỷ sứ dẫn hai hồn trở về dương thế nhập xác. Quỷ sứ tâu :

- Lý Thúy Liên về cõi Âm khá lâu nên thi thể đã thui nát thì hồn nhập xác sao được ?

Diêm Vương nói :

- Em gái vua Đường là Công Chúa Lý Ngọc Anh nay bị chết tưới, nhà ngươi mượn xác ấy cho Thúy Liên nhập đở.

Quỷ sứ vâng lệnh dẫn hai hồn Lưu Toàn và Thúy Liên ra khỏi Âm phủ, trở về dương thế. Hồn Lưu Toàn được dẫn đến Kim Đình quán và cho nhập vào xác sống lại, còn hồn

Lý Thúy Liên được dẫn vào Hoàng cung, thấy Công Chúa Lý Ngọc Anh đi dạo, Quỷ sứ đẩy mạnh làm Ngọc Anh té xuống, Quỷ sứ bắt hồn Ngọc Anh dẫn đi và xô hồn Thúy Liên vào xác Công Chúa.

Xác Công Chúa sống lại nhưng là hồn của Lý Thúy Liên, nên không nhận mình là Công Chúa làm cho Hoàng gia bối rối.

Vua Đường Thái Tôn đã được Thập Điện báo trước em gái vua sẽ bị bắt đắc kỳ tử, nên vua không ngạc nhiên, xác nhận việc đó và cho vợ chồng Lưu Toàn tái hợp mà vợ là Thúy Liên trong xác Công Chúa và ban thưởng rất hậu.

Hằng Nga : Theo Thần Tiên Truyện, Hằng Nga là vợ của Hậu Nghệ. Hậu Nghệ có tài bắn cung. Tương truyền, thời xưa bỗng nhiên có 10 Mặt Trời mọc lên một lượt làm cho nắng nóng cháy cây chết vật. Hậu Nghệ giương cung, lần lượt bắn rớt 9 Mặt Trời, làm khí hậu trở lại mát mẻ. Dân chúng vui lòng tôn lên làm vua.

Hậu Nghệ được Đức Bà Tây Vương Mẫu ban cho thuốc trường sanh. Về sau, Hậu Nghệ làm nhiều điều tàn ác, Hằng Nga khuyên can không được nên lén lấy thuốc trường sanh của Hậu Nghệ uống vào, thì nhẹ mình bay lên ở trên Cung Trăng.

Hậu Nghệ mất thuốc Tiên, nên không thể bay lên Mặt Trăng để bắt Hằng Nga trị tội.

Câu 321 : Chẳng lẽ nói cha con là người đen bạc, mê theo vợ bé, bỏ bê vợ lớn ở nhà.

Câu 322 : Chẳng lẽ nói cha con lén lút vụng trộm với những người con gái hư hỏng, không ra gì.

Câu 323 : Nói chi đến chuyện chung tình như chàng Lưu Toàn liều chết đi dâng đưa cho Thập Điện Diêm Vương để tìm vợ nơi cõi Âm phủ.

Câu 324 : Chẳng lẽ nói cha con như chàng Hậu Nghệ rượt theo đuổi bắt Hằng Nga.

325. Không lẽ nói đi qua Đông Độ,
Không lẽ rằng vô số chinh phu.
Lẽ nào nói bị tội tù,
Còn nói thiệt rằng chàng phụ thiếp,
Cũng vì mê theo kiếp làng chơi.
E con đến lớn nên người,
328. Lẽ nào nói trấn Tây Âu làm hoàng.
332. Gương cha để thẹn những lời bợm hoang.
Riêng chịu thảm không than với trẻ,
Đổ lụy rơi theo khóc miệng cười.
Vui là gắng gượng làm vui,
336. Cái vui cùng trẻ là hồi ai bi.

CHÚ THÍCH :

Đông Độ : danh từ của Phật giáo, chỉ nước Tàu. Đông độ tức là Đông thổ, là đất ở phía Đông của nước Ấn Độ. Xưa, Đạt Ma Tổ Sư, từ Ấn Độ đi thuyền qua nước Tàu để truyền bá Phật giáo tại đó, nên gọi nước Tàu là Đông độ.

Câu 325 : Không lẽ nói chàng đi qua nước Tàu.
Câu 326: Không lẽ nói chàng đi chinh chiến phương xa.
Câu 327 : Không lẽ nói chàng bị tội ở tù.
Câu 328 : Không lẽ nói chàng được bổ trấn nhậm Tây Âu và làm vua nơi đó.

Kiếp làng chơi : đời sống của những người chỉ biết chơi bời, tìm hưởng thú vui xác thịt. *Bợm hoang* : Bợm là tay ăn chơi sành sỏi, có nhiều mánh khóc xảo quyết lừa gạt người. Hoang là rong chơi đàng điếm, không có độ lượng.

Đổ lụy : rớt nước mắt. *Gắn gượng* : cố gắng làm một cách gượng gạo. *Ai bi* : bi ai, buồn rầu thương xót.

337. Ngàn dâu ngày chầy thăm thăm,
Bận lòng con lại vấn nô y.

Xem chừng coi mảnh anh nhi,

340. Co tay đếm tuổi bấy chầy không cha.
Hột cơm té nhai ra như cát,
Gan còn nguyên như nát bao chừ.

Nuôi con từ lúc đào thư,

344. Bao nhiêu máu thịt công chờ bấy nhiêu.

CHÚ THÍCH :

Ngàn dâu : rừng cây dâu. Ngàn là rừng. Chữ Hán có thành ngữ : Tang điền biến vi thương hải, nghĩa là : Ruộng dâu biến thành biển xanh. Ngàn dâu là ý nói cuộc đời nhiều biến đổi. *Ngày chầy* : ngày dài. *Chầy* là dài, lâu.

Vấn : quấn chung quanh. *Nô y* : cái áo của đứa trẻ, ý nói cái áo choàng để làm các công việc nhà hay trong bếp.

Anh nhi : đứa con bé nhỏ. Anh là bé bỏng, nhi là con.

Co tay đếm tuổi : xòe bàn tay trái ra, co ngón tay cái để làm dấu đếm trên các lóng tay, tính tuổi con theo năm âm lịch : Tý, Sửu, Dần, Mão,

Cơm té : cơm nấu từ gạo thường. Té có nghĩa là ít nhựa. Nói cơm té để phân biệt với Cơm nếp, mềm có nhựa.

Đào thư : Đào là cây đào chỉ người con gái, thư tức là thơ, trẻ tuổi. Đào thư hay Đào thơ là người con gái trẻ tuổi. Đào thơ cũng là Đào non, chữ Hán là Đào yêu. Kinh Thi có nói : Con gái về nhà chồng gấp lúc đào non lá xanh mướt. Do đó, chữ Đào yêu là chỉ con gái mới về nhà chồng.

Câu 344 : Bao nhiêu máu thịt của đứa con thì cái công chờ đợi chồng trở về cũng bằng bấy nhiêu (vì người chồng đã bỏ nhà ra đi từ lúc vợ mới sanh đứa con).

345. Chàng đâu rõ khúc khuỷu cực nhọc,
Lớn khôn ngoan biết học biết hành.
Biết ơn nuôi dưỡng sanh thành,
348. Tìm cha lại bỏ một mình thiếp côi.
Càng thấy lớn, mắng rồi lại sợ,
Mắng nêu hình, còn sợ theo cha.
Dưỡng như con vịt mẹ gà,
352. Trẻ thơ vội phản, mù già kinh tâm.
Làm lụng té bao lăm của cải,
Để cho con làm ngãi cùng con.
Nỗi lo đôi lứa vuông tròn,
356. Còn lo gia thất vĩnh tồn hậu lai.

CHÚ THÍCH :

Khúc khuỷu : những nỗi khó khăn vất vả.

Sanh thành : sanh ra, nuôi nấng và dạy dỗ thành người.

Câu 348 : Người vợ sợ đứa con khi lớn đi tìm cha, bỏ mẹ ở lại một mình cô đơn.

Con vịt mẹ gà : ý nói con nuôi, không phải con ruột.

Kinh tâm : lòng rất sợ sệt.

Câu 351 : Dưỡng như là con nuôi, chở không phải con ruột (nên người mẹ lo sợ khi con lớn nó đi theo cha, bỏ mẹ).

Té : dư ra. *Bao lăm* : không nhiều. *Ngãi* : nghĩa.

Gia thất : Gia là chỉ người chồng, thất là chỉ người vợ.

Gia thất là vợ chồng. Có câu : Nữ tử sinh nhi nguyện vi chi hưu gia và Tam thập viết tráng hưu thất. Nghĩa là : Con gái sanh ra mong cho nó có chồng. 30 tuổi gọi là tráng niên có vợ. *Lo gia thất* : lo lập gia đình cho nó.

Vĩnh tồn : tồn tại lâu dài. *Hậu lai* : thời gian về sau.

357. Định hương hỏa, hằng bày quý tế,
Lập pháp gia, tự kế phụng thờ.
Con chàng thiếp trả khi thơ,
360. Dòng chàng thiếp dạy phụng thờ tổ tông.
Lựa cho học các công các nghệ,
Tính cho hay mọi vẻ văn tài.
Sĩ, Nông, Công, Cổ sanh nhai,
364. Ngư, Tiều, Canh, Mục làm bài bảo thân.

CHÚ THÍCH :

Bắt đầu từ câu 357 đến câu 592 là phần :

MẸ DẠY CON TRAI :

Định : sắp đặt. *Hằng* : thường thường.

Hương hỏa : nhang đèn, chỉ việc thờ cúng tổ tiên.

Quí tế : Quý là thời gian 3 tháng, tương ứng với một mùa. Tế là cúng và dâng lễ phẩm theo nghi thức long trọng. Quý tế là cúng tế vào mỗi mùa (3 tháng).

Pháp gia : gia pháp, phép tắc cư xử trong nhà.

Tự kế : Tự là nối dõi, con cháu nối dõi; kế là nối theo. Tự kế hay Kế tự là nối dòng.

Phụng thờ : phụng sự việc thờ cúng.

Công nghệ : các nghề làm thợ chế tạo vật dụng.

Văn tài : có tài về văn chương.

Sĩ : học văn chương, thi đậu ra làm quan. *Nông* : nghề làm ruộng. *Công* : nghề làm thợ. *Cổ* : buôn bán. *Ngư* : nghề đánh cá. *Tiêu* : nghề đốn củi. *Canh* : nghề cày ruộng. *Mục* : nghề chăn nuôi súc vật. *Sanh nhai* : làm ăn sinh sống.

Bảo thân : gìn giữ và nuôi dưỡng thân thể cho khỏe mạnh.

365. Hết phải mặt văn nhân tài tử,
Dạy con nên vẹn giữ nhơn luân.

Văn là thượng sĩ danh thần,

368. Võ thì bạt tuy siêu quần quân trung.
Quan thì phải tận trung vì chúa,
Dân thì hay tập búa Lỗ Ban.

Sang thì giữ vững ngai vàng,

372. Hèn thì trừ đảng bạo tàn hại dân.

CHÚ THÍCH :

Văn nhân : người học thức có tài làm văn làm thơ.

Tài tử : người tài giỏi. Tử là người.

Nhơn luân : nhơn là người, luân là phép tắc ở đời đúng theo đạo lý. Nhơn luân là phép tắc đối xử mà con người phải tuân theo để giữ phẩm giá của mình cho được cao trọng.

Thượng sĩ : người trí thức bức trên, tức là đại trí thức.

Danh thần : vị quan lớn có tiếng tăm tốt.

Bạt tuy : tài giỏi hơn người. Bạt là vượt lên trên, tuy là gom nhóm lại. *Siêu quần* : đồng nghĩa với Bạt tuy. Siêu là vượt lên trên, quần là nhiều người.

Quân trung : trong quân đội. Trung là ở trong.

Tận trung : hết lòng trung thành. Tận là hết.

Lỗ Ban : người thợ mộc nổi tiếng tài giỏi của nước Lỗ thời Xuân Thu. Lỗ Ban sử dụng cái búa đẽo gỗ thật tài tình, không ai sánh kịp. *Tập búa Lỗ Ban* : tập tành nghề thợ mộc.

Ngai vàng : cái ngôi vua, tượng trưng một quốc gia.

Câu 371 : Nếu tài giỏi thì đem tài ra giữ vững đất nước

Câu 372 : Nếu không có tài thì cũng phải ra sức trừ diệt các đảng cướp tàn bạo hại dân.

373. Trọng thì lấy đai cân làm lệnh,
Khinh thì lo trừ nghịch làm duyên.

Nước non để tuổi cùng tên,

376. Quốc gia khinh trọng bở bèn nơi dân.

Con thương mẹ dầu vâng lệnh dạy,

Thương quê hương trọng ngã i quân thần.

Ngọn rau tấc đất là ân,

380. Một dòng một giống lo cần ích chung.

CHÚ THÍCH :

Trọng : coi nặng, quan trọng. *Khinh* : xem nhẹ.

Đai cân : áo mao của các quan nơi triều đình.

Câu 373 : Việc quan trọng thì do nơi lệnh của các quan.

Trừ nghịch : diệt trừ kẻ phản nghịch.

Làm duyên : làm điều tốt đẹp gây sự chú ý của cấp trên.

Câu 374 : Việc không quan trọng thì lo diệt trừ kẻ phản nghịch để gây sự chú ý của cấp trên.

Bở bèn : bở là dễ hư hỏng, bèn là vững bền.

Câu 376 : Việc nước, quan trọng hay không quan trọng, bền vững hay không bền vững, đều do nơi dân. Thuận lòng dân thì bền vững, nghịch lòng dân thì không bền vững.

Trọng ngã i : trọng nghĩa, xem nặng việc đối xử đúng theo lẽ phải và đạo lý. *Nghĩa quân thần* : cách đối xử đúng theo đạo lý giữa vua và bê tôi.

Câu 379 : Chế độ quân chủ thời xưa quan niệm rằng, đất nước là của vua, ngọn rau cũng của vua, nên người dân ở trên đất của vua, ăn ngọn rau của vua thì phải biết ơn vua.

Câu 380 : Dân tộc Việt Nam là dòng giống Rồng Tiên, phải xem nhau như anh em một nhà, nên giúp đỡ và lo lắng các công việc cần ích chung.

381. Nếu đẽ đặng tinh trung hai chữ,
Vạch lưng con viết thử đẽ dành.

Rủi cơn loạn quốc khuynh thành,

384. Tấm gan liệt sĩ cũng dành độ dân.

CHÚ THÍCH :

Tinh trung : tinh là tốt đẹp nhất, trung là hết lòng với vua. Tinh trung là lòng ngay thẳng tốt đẹp trung thành với vua

Loạn quốc : nước loạn, có giặc giã nổi lên.

Khuynh thành : thành trì nghiêng đổ vì giặc giã.

Tấm gan : chỉ cái ý chí mạnh mẽ của con người.

Liệt sĩ : người hy sinh tánh mạng của mình để phụng sự quốc gia. *Độ dân* : cứu giúp dân chúng.

Bốn câu thơ trên lấy theo sự tích Nhạc Phi, một danh tướng trung liệt thời nhà Tống bên Tàu :

Nhạc Phi : Nhạc Phi họ Nhạc tên Phi, hiệu là Bàng Cử, sanh ở huyện Thang Âm. Nhạc Phi sớm mồ côi cha lúc 3 tuổi, mẹ ở vậy thủ tiết nuôí con.

Năm Nhạc Phi lên 8 tuổi, gấp nạn giặc Kim từ phương Bắc đánh xuống Trung nguyên, mẹ con Nhạc Phi phải chạy lánh nạn xuống phương Nam.

Mẹ Nhạc Phi biết con trai mình sẽ là người phi thường, nên Bà lấy kim xâm vào lưng con 4 chữ : “TẬN TRUNG BÁO QUỐC”, mà mãi đến khi Nhạc Phi lớn lên cho đến khi chết, 4 chữ này vẫn in sâu vào da thịt không phai.

Khi Nhạc Phi lớn lên, ông rất ham học, thích nhất là bộ sách Xuân Thu của Đức Khổng Tử. Ông đau lòng trước nạn giặc Kim xâm lăng, nên không học khoa cử, mà chuyên luyện tập võ nghệ và học binh thư.

Đời Tống Cao Tông, Nhạc Phi đi thi đậu Võ Trạng, được bổ cầm binh đi đánh giặc Kim.

Nhạc Phi có tài chinh chiến, đánh thắng quân Kim nhiều trận, lập được công to, một lòng trung trực vì vua vì nước, được vua ban thưởng một lá cờ thêu 4 chữ “TINH TRUNG NHẠC PHI”.

Vua nước Kim đánh không lại Nhạc Phi nên dùng kế ly gián vua tôi trong triều đình nhà Tống, cho người liên kết và mua chuộc Tể Tướng Tần Cối, cho rằng sau này Nhạc Phi lập được nhiều công lớn, sẽ chiếm địa vị của Tần Cối. Tần Cối tâu vua Tống giảng hòa với nước Kim, triệu Nguyên soái Nhạc Phi trở về triều để tìm cách hâm hại.

Lúc đó Nhạc Phi đang chỉ huy mặt trận, liên tiếp thắng lớn quân Kim, nên Nhạc Phi không chịu lui quân giảng hòa với quân Kim. Vua Tống Cao Tông hòn ám, để cho gian thần Tần Cối lộng quyền, giả lệnh của vua, phát ra liên tiếp 12 đạo kim bài buộc Nhạc Phi rút binh trở về triều.

Nhạc Phi buộc phải án binh và đơn thân độc mã trở về triều để tâu bày cùng vua Tống. Khi Nhạc Phi vừa về tới cửa ngõ kinh thành, liền bị Tần Cối cho phục binh đón bắt, đem giam vào ngục mà vua Cao Tông không hay biết.

Vua nước Kim lại thúc giục Tần Cối giết chết Nhạc Phi, cho rằng Nhạc Phi còn sống thì không thể giảng hòa với nhà Tống.

Tần Cối vu cáo Nhạc Phi mưu phản, sai bọn quan giữ ngục giết chết Nhạc Phi vào đêm 30 Tết tại Phong Ba Đình, cùng với người con cả là Nhạc Vân và đứa con nuôi là Trương Hiến. Năm đó Nhạc Phi được 39 tuổi.

Dân chúng đều thương tiếc Nhạc Phi và vô cùng oán giận gian thần Tần Cối.

Vua Tống Cao Tông truyền ngôi cho vua Tống Hiếu Tông. Gian thần Tần Cối bị lột mặt nạ và bị giết chết cả ba họ.

Câu chuyện đối đáp giữa vua Cao Tông và Nhạc Phi :

Vua Cao Tông hỏi : - Lúc nào thiên hạ thái bình ?

Nhạc Phi đáp : - Văn thần bất ái tiền, võ thần bất tích tử, thiên hạ thái bình hý. (Quan văn không ham tiền, quan võ chẳng tiếc chết, lúc đó thiên hạ thái bình).

385. Đầu rủi phận nợ thân chẳng vẹn,
Đạo Cần Vương nêu tiếng thanh cao.

Trung thành giữ cõi Nam trào,

388. Hùng anh trước đặng Ngụy Tào khiếp oai.

CHÚ THÍCH :

Nợ thân : món nợ đối với song thân, tức là món nợ về công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Đạo : dưỡng lối phép tắc phải giữ gìn và tuân theo.

Cần Vương : cần là lo lắng giúp đỡ. Cần Vương là hết lòng lo lắng cứu giúp vua khi vua gặp nguy hiểm.

Trong lịch sử cận đại của nước ta, vào tháng 4 năm Ất Dậu (1885), vua Hàm Nghi đang ở tại triều đình Huế, không chịu nổi sự áp bức của Khâm Sử Pháp là Thống Tướng De Courcy, vua Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết nổ súng chống quân Pháp, nhưng đánh không lại, phải rút lui lánh nạn ở Quảng Trị, sau đó lên Tân Sở thuộc Quảng Bình lo việc khôi phục. Tôn Thất Thuyết ra hịch Cần Vương gởi khắp các nơi, các sĩ phu và dân chúng hưởng ứng nổi lên chống quân Pháp.

Nam trào : triều đình của vua nước Việt Nam.

Cõi Nam trào là nước VN. *Hùng anh* : anh hùng.

Ngụy Tào : Ngụy là nhà Ngụy, Tào là họ Tào gồm Tào Tháo, Tào Phi, . . . Đầu tiên, Tào Tháo, dưới thời vua Hán Hiến Đế, làm Thừa Tướng chuyên quyền, xưng là Ngụy Vương. Sau đó, con của Tào Tháo là Tào Phi, phế vua Hán, tự mình lên ngôi vua, xưng là Ngụy Văn Đế, lập ra nhà Ngụy, truyền ngôi được hai đời thì bị Tư Mã Viêm, con của Tư Mã Chiêu, cháu nội của Tư Mã Ý diệt, lập ra nhà Tấn.

Ngụy Tào là chỉ nước Tàu.

Từ ngữ *Ngụy Tào* dùng có ngầm ý khinh miệt, theo cách hiểu đồng âm dị nghĩa : là giặc Tàu.

389. Trước quốc chánh chia hai tộc chủng,
Núi Hoành sơn định phỏng biên cương.
Bắc Nam hiệp Tổ Hùng Vương,
392. Xúm nhau nâng nổi miếu đường Việt Nam.
Giang san bốn ngàn năm tổ nghiệp,
Văn hóa so cung kịp tha bang.
Xa thơ nay gãy giữa đàng,
396. Con tua giữ dạ cứu nàn giúp nguy.

CHÚ THÍCH :

Quốc chánh : chánh trị quốc gia. *Định phỏng* : định chủng. *Hoành Sơn* : núi Hoành Sơn ở đèo Ngang thuộc Trung phần Việt Nam.

Hai câu 389-390 : Thời trước, nền chánh trị của nước ta chia chủng tộc làm hai, lấy núi Hoành sơn làm biên giới.

Hai câu này nhắc lại thời Trịnh Nguyễn phân tranh : Chúa Trịnh ở miền Bắc, Chúa Nguyễn ở phương Nam, đôi bên lấy Hoành Sơn làm ranh giới.

Miếu đường : nhà thờ tổ tiên của vua. Miếu đường được cất trong Hoàng thành, kế bên triều đình, nên Miếu đường chỉ triều đình. *Nghĩa bóng* : Miếu đường là Hồn nước.

Tha bang : nước khác. Tha là khác, bang là nước.

Xa thơ : xa là xe, thơ là sách. Sách Trung Dung có câu : Kim thiên hạ, xa đồng quỹ, thư đồng văn, hạnh đồng luân. Nghĩa là : Ngày nay trong thiên hạ, xe cộ cùng đi một lối, sách vở cùng một thứ chữ, thói nết đâu cũng như đấy. Do đó, từ ngữ xa thơ chỉ nền văn hóa thống nhất của một nước. *Tua* : nên, phải.

Câu 395 : Ý nói nền văn hóa của dân tộc VN bị sụp đổ giữa đường. Tác giả viết câu này vì VN lúc đó đang bị nước Pháp đô hộ. Người Pháp đem nền văn hóa Ây Tây truyền sang nước ta, làm cho nền văn hóa vốn theo Tam giáo của nước ta bị sụp đổ.

397. Nào quốc thể, người khi kẻ thị,
Nào dân đen, phép quỉ hớp hồn.

Nấu sôi cái máu anh phong,

400. An bang tế thế một lòng lo âu.

Đẳng nam tử đâu đâu cũng nợ,

Khắp năm châu khai mở qui mô.

Châu lưu tứ hải ngũ hồ,

404. Thơ hương đắc vận cậy nhờ dân sanh.

CHÚ THÍCH :

Quốc thể : thể diện của một nước. *Người khi kẻ thị* : người ta coi rẻ khinh thường. *Khi thị* : xem rẻ, coi thường.

Phép quỉ hớp hồn : phép thuật của bọn quỉ bắt hồn người để sai khiến. Người Pháp đem vào VN những kỹ thuật khoa học tân tiến, khiến người VN rất kinh ngạc, xem đó như những phép thuật lạ lùng của ma quỷ. Vì vậy, người VN lúc đó gọi người Pháp là bọn bạch quỷ (quỷ trắng).

Anh phong : tánh cách cao quý tốt đẹp đã có từ lâu đời. Anh là phần đẹp và quý nhất, phong là thói quen lâu đời.

Câu 399 : Thúc đẩy cái truyền thống anh hùng tốt đẹp đã có từ lâu đời.

An bang : làm cho nước yên ổn. *Tế thế* : giúp đời.

Nam tử : con trai. *Qui mô* : độ rộng lớn về mặt tổ chức thực hiện. Qui : cây thước tròn của thợ mộc, mô là cái khuôn.

Châu lưu : đi vòng quanh khắp nơi. *Tứ hải ngũ hồ* : bốn biển năm hồ, chỉ khắp thế giới.

Thơ hương : mùi thơm của sách, chỉ người học thức cao, tài giỏi. *Đắc vận* : được thời vận tốt.

Câu 404 : Người có học thức tài giỏi khi đắc thời thì dân chúng nhờ cậy được.

405. Vùng Nam Hải uy linh nhứt quốc,
Cỏ rẽ hai chia đất rấp ranh.
Trời còn roi nước hùng anh,
408. Giang sơn là đây, còn mình ở đâu ?
Con cũng đứng mày râu dưới thế,
Nếu kém phuong thiếu thế vận trù.
Dầu khôn, mẹ cũng cho ngu,
412. Tài chi trong kiếp tội tù dã man.

CHÚ THÍCH :

Vùng Nam Hải : vùng đất cắp theo bờ biển ở phía nam Trung quốc mà xưa, Lạc Long Quân đem 50 đứa con xuống lập nghiệp, ngày nay là nước VN.

Uy linh : cái oai quyền thiêng liêng đáng nể sợ.

Hai câu 405-406 : Vùng Nam Hải có một nước uy linh, tại đường ranh giới phân chia hai nước, cỏ mọc rẽ ra hai bên.

Ý nói : Vùng Nam Hải do Trời định làm nước VN.

“ Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đắng hành khan thủ bại hú. “ (*Lý Thường Kiệt*)

Nghĩa là : *Núi sông nước Nam vua Nam ở,
Rõ ràng như thế, sách Trời đã định như vậy.
Làm sao quân giặc lại kéo tới xâm phạm,
Bạn bây rồi coi sẽ nắm lấy phần thất bại.*

Câu 408 : Non sông VN uy linh anh hùng là thế đấy, còn mình bây giờ đang ở đâu, làm gì ?

Roi : lưu lại. *Mày râu* : Tu mi, chỉ đàn ông con trai.

Dùng chữ : *Đắng* hay *Đứng* là để nói lên trách nhiệm quan trọng phải gánh vác cho xứng đáng với địa vị của mình.

Vận trù : tính toán trù liệu để hành động đạt kết quả.

413. Con phải nhớ da vàng máu đỏ,
Cõi Nam Châu rõ rõ quốc triều.
Con Hồng cháu Lạc bao nhiêu,
416. Thiếu tài khiếm đức, định triều an bang.
Mẹ dâu phải suối vàng nhắm mắt,
Vui thấy con đáng mặt làm trai.
Nhục con, con chịu chở nài,
420. Nhục cho quốc thể ra tài hy sinh.

CHÚ THÍCH :

Nam Châu : chỉ nước VN. Khi nước Tàu đô hộ nước ta, họ sáp nhập VN vào nước Tàu, thành một Quận hay một Châu của nước Tàu, gọi là Giao Chỉ Quận, sau gọi là Giao Châu, sau đổi lại là An Nam Đô Hộ Phủ. Đến đời nhà Nguyễn, vua Gia Long mới đặt tên nước là VN.

Rõ rõ : rực rỡ. *Quốc triều* : triều đình của một nước.

Con Hồng cháu Lạc : Con cháu của họ Hồng Bàng và Lạc Long Quân. (Xem Chú thích câu 4).

Khiếm đức : thiếu đức. *Định triều an bang* : sắp đặt triều đình làm cho nước nhà được yên ổn.

Suối vàng : do chữ Huỳnh tuyền, chỉ cõi Âm phủ.

Thời Xuân Thu, Trịnh Trang Công có chuyện ác cảm với mẹ nên thề rằng : “Bất cập hoàng tuyễn vô tương kiến giả” (Chưa đến suối vàng thì không cùng gặp mặt). Sau nhờ Dĩnh Khảo Thúc là người bê tôi hiền, bày mưu để giải lời thề bằng cách khuyên Trịnh Trang Công đào một đường hầm vô sâu trong lòng đất, bày cảnh như cõi Âm phủ, đưa bà mẹ vào đó rồi Trang Công xuống gặp mẹ. Tình mẹ con khấn khít trở lại.

Câu 420 : Khi quốc thể bị ô nhục, con phải đem tài sức ra tranh đấu, dù phải hy sinh tánh mạng.

421. Thất xã tǎc, dân mìnghịch chủng,
Quen nghè tham, lại nhũng quan gian.
Sâu dân mọt nước bạo tàn,
424. Mua quan bán chức nhộn nhàng cân đai.
Đem chơn chánh phô bày trùmị,
Nâng niu cho dân khí lẫy lừng.
Dân thì biết phận làm dân,
428. Chúa cho đáng chúa, đình thần đáng quan.

CHÚ THÍCH :

Xã tǎc : một nước. Xã là nơi tế Thần Đất, Tǎc là nơi tế Thần Nông. *Thất xã tǎc* : mất nước.

Nghịch chủng : phản nghịch lại chủng tộc.

Lại nhũng quan gian : quan lại tham nhũng, gian dối.

Sâu dân mọt nước : chỉ quan lại tham ô, chuyên đục khoét của dân để làm lợi riêng. Con sâu và con mọt là hai loại côn trùng chuyên đục khoét phá hại cây cối.

Nhộn nhàng : rộn rịp. *Cân đai* : cái mao và cái đai áo rộng, chỉ phẩm phục của các quan nơi triều đình.

Trùmị : diệt trừ tà mị. Mị là phỉnh nịnh để lừa gạt.

Dân khí : cái tinh thần của một dân tộc.

Đình thần : các quan nơi triều đình.

Hai câu 427-428 : Đây là áp dụng theo thuyết Chính danh Định phận của Đức Khổng Tử.

Luận Ngữ viết : Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử. Nghĩa là : Vua ra vua, bề tôi ra bề tôi, cha ra cha, con ra con. Giữ cái trật tự cho rõ ràng, danh phận cho chính đáng, tức là giữ căn bản cho việc chánh trị trong nước.

429. Trừ đảng dữ tham gian bạo ngược,
 Diệt những phuờng mưu chước cầu vinh.
 Xem dường cuồng khấu biên đình,
432. Cung dâu tên cỏ, nước mìn chấn hưng.
 Xem lịch sử vĩ nhân mấy mặt,
 Đại trượng phu trước giặc vong thân.
 Nên danh khai quốc công thần,
436. Nêu tên hậu thế xa gần tặng phong.

CHÚ THÍCH :

Cuồng khấu : giặc cướp tàn ác dữ dội.

Biên đình : miền biên thùy xa xôi.

Cung dâu tên cỏ : do thành ngữ chữ Hán : Tang bồng hồ thi : Cung bằng gỗ dâu, tên bằng cỏ bồng. Theo Kinh Lễ, khi Hoàng hậu sanh đặng Hoàng nam, quan coi việc lấy cây cung bằng gỗ dâu và cây tên bằng cỏ bồng bắn ra 4 phía Đông, Tây, Nam, Bắc, rồi bắn một phát lên trời, một phát xuống đất. Ngụ ý nói rằng : Người làm trai chí ở 4 phương, tung hoành giữa Trời Đất, ôm hoài bão giúp dân giúp nước.

Vĩ nhân : người có tài đức và sự nghiệp to lớn.

Đại trượng phu : người đàn ông tài giỏi xuất chúng, đáng được mọi người kính trọng.

Vong thân : quên mình. Vong là quên.

Khai quốc công thần : người bê tôi có công lớn trong việc mở ra một triều đại mới cho đất nước.

437. Muốn hiển tổ vinh tông báo hiếu,
Học cho hay trọng yếu miếu đường.
Tầng quen cõi ngựa cầm cương,
440. Trận trung quyết thắng chiến trường đoạt binh.
Lựa những mặt tài tình thợ giáo,
Học cho thông mối đạo quân thần.
Trương Lương dâng dép ba lần,
444. Chút công ấy định Hán Tần nên hưng.

CHÚ THÍCH :

Hiển tổ vinh tông : Vinh hiển tổ tiên của dòng họ.

Miếu đường : ý nói : quốc gia, hồn nước. (Xem C.392)

Câu 438 : Học tập cho trở nên tài giỏi, điều thiết yếu quan trọng là phải gìn giữ độc lập cho quốc gia.

Trận trung : giữa trận chiến. Trung là giữa.

Đoạt binh : thắng trận bắt được quân địch.

Đạo quân thần : bốn phận phép tắc cư xử đúng theo đạo lý giữa vua và bêôi. Vua thì phải sáng suốt và chăm lo cho dân, bêôi thì phải hết lòng giúp vua lo việc nước.

Hai câu 443-444 : nói về sự tích *Trương Lương*.

Nước Hán bị vua Tần Thủy Hoàng tiêu diệt. Trương Lương muốn báo thù cho nước Hán nên tìm cách giết Tần Thủy Hoàng.

Trương Lương tìm được một dũng sĩ, bày kế cho dũng sĩ cầm cái chùy nặng núp ở bãi cát Bác Lăng, đợi xe của vua Tần đi ngang thì nhào ra đánh, nhưng lại đánh lầm xe tùy tùng nên dũng sĩ bị giết chết ngay. Trương Lương bị vua Tần truy nã nên phải thay tên đổi họ trốn lánh ở Hạ Bì.

Có lần Trương Lương dạo chơi trên cầu Hạ Bì, thấy một cụ già đi đến cầu gần chỗ mình, chăm chăm nhìn Trương Lương rất lâu, rồi cụ làm rơi một chiếc dép xuống dưới cầu, bảo Trương Lương xuống lượm lên cho cụ.

Lương để ý thấy việc này hơi lạ, nhưng vẫn nghe lời cụ già, trèo xuống lượm dép rồi đem lên đưa cho cụ.

Cụ mang dép vào, rồi bật bật thế nào để dép rơi lần nữa. Cụ lại bảo Trương Lương xuống nhặt dép cho cụ. Lương lại chiêu ý cụ già, lội xuống cầu lượm dép đem lên cho cụ, rồi cẩn thận xỏ dép vào chân cụ.

Ông cụ đi tới đi lui quay thế nào làm rơi chiếc dép lần nữa, rồi cụ cũng không ngại ngùng gì cả, thản nhiên bảo Trương Lương xuống cầu lượm dép cho cụ.

Đây là lần thứ 3, Trương Lương rất bức mình, nhưng đã trót giúp cụ thì ráng giúp luôn để xem cụ già này thế nào. Cụ già xỏ dép vào chân, cười rồi bỏ đi, chẳng một tiếng cảm ơn. Đi được một đỗi, cụ quay lại bảo Lương : “Thằng bé này dạy được, 5 ngày sau, vào lúc tinh mơ, mà đến đây gặp ta.”

Y hẹn, Trương Lương đến thì đã thấy ông cụ ở đây rồi. Cụ trách Lương sao đến muộn để cụ phải chờ. Cụ lại hẹn 5 ngày sau nữa, Lương hãy đến nơi đây gặp cụ lúc sáng tinh mơ. Kỳ này, đúng ngày, Lương thức dậy thật sớm, đi đến chổ hẹn với cụ già, nhưng khi đến thì đã thấy cụ ở đó ngồi chờ. Cụ giận trách Lương sao đến trễ. Cụ lại hẹn 5 ngày sau nữa, hãy ra đây cho sớm.

Năm ngày sau, Lương đến chổ hẹn vào lúc nửa đêm để chờ cụ. Lát sau, cụ già đến, thấy Lương đã có mặt thì rất hài lòng, liền trao cho Lương quyển sách “Thái Công Bình Pháp” rồi nói :

- Con học hết quyển sách này thì làm thầy bậc vương giả. Mười năm nữa sẽ ứng nghiệm. 13 năm sau, con đến gặp ta, hòn đá màu vàng dưới chân núi Cốc Thành phía Bắc sông Tế là ta đó.

Sau đó, Trương Lương theo phò Hớn Lưu Bang, được cử làm Quận Sư, bày mưu cho Hớn đánh lấy nhà Tần, rồi tiêu diệt Sở Bá Vương Hạng Võ, thống nhất nước Tàu, lập ra nhà Hán, Lưu Bang lên làm vua, xưng hiệu là Hớn Cao Tổ.

Trương Lương không ham phú quý vinh hoa, xin vua cho lui về núi tìm Tiên Ông Huỳnh Thạch Công (Huỳnh Thạch là hòn đá vàng) học đạo tu Tiên.

Do 3 lần dâng dép Trương Lương được Tiên Ông tặng sách quý, nhờ đó giúp Lưu Bang diệt Tần, trừ Hạng Võ, mở ra nhà Hán.

445. Trọng Ni nhận vi sư Hạng Thác,
Học tinh thần khai phát Nho tông.

Gãm coi tổn bấy nhiêu công,

448. Làm cho thiên hạ đại đồng trí tri.

CHÚ THÍCH :

Trọng Ni : tên tự của Đức Khổng Tử. *Vi sư* : làm thầy.

Câu 445 : Đức Khổng Tử nhận Hạng Thác là bức thầy.

Đức Khổng Tử cùng một số môn đệ đi qua nước Trần, trên đường gặp cậu bé Hạng Thác đang cặm cụi đắp chổi một cái thành bằng cát giữa đường. Xe của Đức Khổng Tử đến gần, bảo :

- Sao cậu không tránh cho xe của tôi đi ?

Cậu bé thản nhiên đáp :

- Xưa nay, xe tránh thành chở thành nào có tránh xe.

Ngài thấy cậu bé rất lạ, liền xuống xe nói chuyện, thấy cậu rất thông minh, hỏi cậu nhiều điều rất khó khăn mà cậu giải đáp rất lưu loát làm Ngài kính phục. Sau, cậu bé hỏi lại Ngài vài điều làm Ngài rất khó trả lời, đành chịu thua, nhận Hạng Thác là thầy.

“Đức Khổng Tử khi còn nhập thế, chưa xuất thế, ở Nhơn đạo, chưa học Thiên Đạo. Ngài học văn chương, dạy cang thường luân lý, sau Ngài học Lễ với Lão Tử, cũng giáo huấn môn đồ về Nhơn đạo. Ngài có vợ có con, thịt ăn rượu uống. Vậy nên có câu rằng : Khổng Tử Thiên sanh chơn kỳ trí, Tánh mạng công phu thi bất minh. Nghĩa là : Khổng Tử, Trời sanh người trí lạ, Tánh mạng phép công phu chưa rõ đặng. Sau Ngài qua nước Trần, gặp Hạng Thác, chừng đó mới học qua Thiên đạo, mới cấm răn rượu thịt, dâm dục, y theo qui giới mà tu Thiên đạo, nên có câu : Trai minh thanh phục, yết dục dưỡng tinh.” (Trích Hội Lý Xiển Chơn Luận Ng.v.Kinh)

Khai phát: mở ra và phát triển. *Đại đồng* : cùng chung một qui mô lớn lao, cùng làm việc và cùng vui hưởng.

Trí tri : đạt được cái hiểu biết đến tận cùng. Trí là tới cùng, tri là sự hiểu biết.

449. Tôn kính thầy cõng bì cha trẻ,
Mới đắc truyền mọi lẽ cao sâu.
Học hay kế nhiệm mưu mầu,
452. Học nên tàiặng giải sầu quốc gia.
Học đặng định chánh tà giả thiệt,
Học cho thông đặc biệt hư nê.
Học gan sắt đá cứng bền,
456. Học cho đủ chước xây nền Nam phong.

CHÚ THÍCH :

Câu 449 : Con phải kính trọng thầy cõng bằng kính trọng cha của con vậy, bởi vì cái công giáo hóa sánh bằng công sanh thành dưỡng dục.

Đắc truyền : được truyền lại cho.

Kế nhiệm mưu mầu : mưu kế mưu nhiệm.

Câu 452 : Học cho thật giỏi đặng cỗi ách nô lệ cho nước ta, dân chúng hết sầu khổ.

Chánh tà : chánh là ngay thẳng, tà là cong quẹo. Nhờ có tà mà cái chánh mới trồi lên cao. Chánh tà là hai điều cần thiết để con người phân biệt mà trau giồi đức tính tiến hóa lên cao.

Câu 455 : Học để trau giồi chí khí cho cứng như đá, bền như sắt. (Gan là biểu tượng của tinh thần và ý chí).

Nam phong : nền phong hóa của dân tộc VN. Phong hóa là phong tục, tạp quán và nếp sống của một dân tộc.

Đức Chí Tôn nói rằng : “*Nam phong thử nhụt biến nhơn phong.*” nghĩa là : Nền phong hóa của dân tộc VN ngày sau sẽ trở thành nền phong hóa của nhơn loại.

457. Học cho rộng giao thông tứ xứ,
 Học cho cùng xử sự ngoại lân.
 Học cho đúng bậc tài thần,
460. Ưu quân ái quốc vua cần dân nghinh.
 Học cho thấu máy linh cơ tạo,
 Học cho toàn trí xảo văn minh.
 Thâu tài hay nhập nước mình,
464. Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.

CHÚ THÍCH :

Tứ xứ : bốn nước ở chung quanh, ý nói toàn cả các nước trên thế giới.

Ngoại lân : các nước ngoài láng giềng với mình.

Tài thần : tài là khả năng làm nên việc, thần là kẻ bê tội của vua. Tài thần là người bê tội tài giỏi.

Ưu quân : lo lắng cho vua, ý nói lo lắng cho nước.

Ái quốc : lòng yêu nước thương nòi.

Máy linh cơ tạo : linh là thiêng liêng, cơ là bộ máy, tạo là làm ra, cơ tạo là bộ máy của Đấng Tạo hóa. Máy linh cơ tạo là bộ máy thiêng liêng của Đấng Tạo hóa, tức là bộ máy thiêng liêng của Ông Trời, nói tắt là Thiên cơ.

Trí là sự hiểu biết, xảo là khéo léo. *Văn* là vẻ đẹp, *minh* là vẻ sáng.

Câu 462 : Học cho toàn trí xảo văn minh : Học cho biết rõ những cái hay khéo của nền văn minh mới.

Câu 463 : Thâu tài hay nhập nước mình : Phải đi du học ở các nước tiến bộ, có nền văn minh cao hơn mình, để đem những cái hay của họ về áp dụng cho đất nước mình.

465. Công dạy dỗ muôn ngàn khó nhọc,
Ơn của thầy con học nên người.
Tài hay tom góp một đời,
468. Cho con chẳng kể vốn lời hơn thua.
Thầy lao lực tùy vừa trí trẻ,
Dạy cho thông mọi lẽ gần xa.
Tuổi xanh con đặng trí già,
472. Còn thơ con học hóa ra lão thành.
Con nhờ thầy công danh mới toại,
Như nhờ cha mới giỏi hình dung.
Hai ơn ấy gãm so đồng,
476. Nghĩa kia như hiếu, mặn nồng cả hai.

CHÚ THÍCH :

Hai câu 467-468 : Thầy dạy chữ có một tinh thần khác hơn ông thầy dạy võ hay dạy nghề, vì ông thầy dạy chữ thâu thập được bao nhiêu hiểu biết đều đem dạy hết cho trò, chớ không giấu nghề giữ miếng như thầy dạy võ hay dạy nghề.

Câu 471 : Con còn trẻ mà có được sự hiểu biết của người già, bởi vì ông thầy già đã đem hết các kiến thức thâu thập được của cả đời ông truyền lại cho con.

Công danh : Ý nói việc ra làm quan để có danh tiếng và sự nghiệp vẻ vang với đời. *Toại :* Thỏa lòng.

Gỏi hình dung : hình dáng tốt đẹp.

Hai câu 475-476 : Ông thầy và ơn cha suy nghĩ kỹ thì đồng đều như nhau. Đối với thầy là nghĩa, đối với cha là hiếu, phải giữ cho tình nghĩa đậm đà thấm thiết cả hai.

477. Xưa ruộng Thuấn voi cày chim cấy,
Vì hiếu thân nổi dậy tuổi tên.

Đế Nghiêu tìm hiếu truyền hiền,

480. Nương nơi gương ấy vẫn bền đạo con.

CHÚ THÍCH :

Hiếu thân : có hiếu với cha mẹ. Thân là chỉ cha mẹ.

Truyền hiền : truyền ngôi vua cho người có đức hạnh và tài giỏi. Thời thượng cổ nước Tàu, vua Nghiêu (Đế Nghiêu) truyền ngôi cho Thuấn, vua Thuấn truyền ngôi cho Hạ Võ. Đó là hai lần ngôi vua được truyền hiền. Sau đó, vua Hạ Võ truyền ngôi lại cho con, bắt đầu truyền tử từ đó.

Bốn câu thơ trên nhắc lại sự tích vua Thuấn, gương hiếu thảo thứ nhứt trong Nhị Thập Tứ Hiếu.

Ông Thuấn họ Ngu, cha là Cổ Tẩu, mẹ mất sớm, ở với mẹ ghẻ và em khác mẹ là Tượng. Cổ Tẩu thường nghe lời vợ kế, đày đọa Thuấn. Còn mẹ ghẻ thì muốn trừ khử Thuấn, xúi Cổ Tẩu sai Thuấn đi cày ở đất Lịch Sơn, là nơi có nhiều cọp dữ để cọp ra bắt Thuấn ăn thịt. Thuấn vẫn nghe lời cha mẹ, không chút than van, đến đó cày ruộng. Lòng hiếu thảo cảm động Trời cao, khiến cọp dữ không dám đến gần, voi ra cày đất, chim bay đến nhặt cỏ.

Thấy không hại được Thuấn cách nầy, bà mẹ ghẻ lại xúi Cổ Tẩu sai Thuấn đi đánh cá ở đầm Lôi Trạch, là nơi thường có giông to gió lớn nhận chìm ghe thuyền. Thuấn vẫn nghe lời cha mẹ, đến đó đánh cá. Khi Thuấn đến thì gió lặng sóng êm, như ngầm giúp người con hiếu thảo.

Dù bị hãi hại nhiều lần, nhưng Thuấn vẫn một lòng hiếu thảo cha mẹ, vui thuận cùng em Tượng, làm mẹ ghẻ cảm động, đổi tính trở lại hiền lương thương yêu Thuấn. Vua Nghiêu nghe tiếng, biết Thuấn là kẻ hiền tài, đủ tánh đức trị dân. Ngài gả hai con gái Nga Hoàng và Nữ Anh cho Thuấn, và truyền ngôi cho Thuấn nối tiếp trị vì thiên hạ.

481. Mᾶn Tử Khiên tích còn roi dấu,
Dẩy xe cha áo xấu mặt dơ.

Sợ đàn em dại u σ,

484. Khổ thà cam khổ cũng thờ dưỡng nghi.

CHÚ THÍCH :

Roi dấu : lưu lại dấu tích. Roi là lưu lại.

Dẩy xe cha : đẩy cho xe của cha cất lên đi tối.

Em dại u σ : Em còn nhỏ dại, mới biết nói u σ.

Dưỡng nghi : Mẹ nuôi. Dưỡng là nuôi, nghi là khuôn mẫu, chỉ người mẹ. Dưỡng nghi đồng nghĩa Dưỡng mẫu.

Bốn câu thơ trên nhắc lại sự tích Mᾶn Tử Khiên, gương hiếu thảo thứ tư trong Nhị Thập Tứ Hiếu.

Mᾶn Tử Khiên, tên thật là Tổn, người nước Lỗ, sanh vào thời Xuân Thu, học trò của Đức Khổng Tử. Mẹ mất sớm, cha cưới vợ kế sanh được hai con. Cảnh mẹ ghẻ con chồng thật là khắc nghiệt, nhưng Mᾶn Tử Khiên giữ một lòng hiếu thảo với cha và mẹ ghẻ, hòa nhã thương yêu hai em.

Mùa đông giá rét, hai con của mẹ ghẻ được mặc áo bông ấm áp, còn Tử Khiên thì phải mặc áo lót bông lau không đủ ấm, lại còn phải đẩy xe cho cha đi dạo chơi. Vì quá rét, tay của Tử Khiên bị cong, phải rời xe ra. Người cha thấy vậy mới nghĩ lại biết là kế mẫu quá hà khắc với Mᾶn Tử Khiên, liền trở về nhà định đuổi bà đi. Mᾶn Tử Khiên khóc lóc xin cha nghĩ lại, vì nếu kế mẫu còn thì chỉ có một mình con chịu rét, còn nếu kế mẫu bị đuổi đi thì thêm hai em con cũng bị rét mướt khổ sở nữa.

Người cha nghe theo, về nhà thuật lại cho bà vợ kế nghe lời nói của Mᾶn Tử Khiên. Bà cảm động hồi tâm, thay đổi cách sống và từ đó trở đi, bà trở thành một hiền mẫu.

485. Con ví biết trọng nghì phụ tử,
 Hiển tông môn khá giữ nơi lòng.
 Đừng làm nhục tổ hổ tông,
488. Lập thân trả hiếu nối dòng truyền hương.
 Nhìn thung đường đền ơn cúc dục,
 Nhớ công sanh giữ chút hình hài.
 Dưỡng nuôi lao khổ đắng cay,
492. Lửa hương chỉn ước có ngày nối xa.

CHÚ THÍCH :

Trọng nghì : tôn trọng cái nghĩa. *Phụ tử* : cha con.

Hiển tông môn : làm cho vang dội họ.

Nhục tổ hổ tông : làm nhục nhã tổ tiên của dòng họ.

Lập thân : tạo dựng sự nghiệp cho bản thân mình.

Truyền hương : Ý nói : Truyền kế lửa hương, nghĩa là nối tiếp sự thờ cùng tổ tiên.

Thung đường : nhà thung, chỉ người cha. Thung là cây thung, cũng gọi là cây xuân. Theo sách Trang Tử, thời xưa có cây xuân, sống rất lâu, mùa xuân của nó kéo dài đến 8000 năm. Do đó người ta dùng chữ Xuân hay Thung để chỉ người cha vì con muốn cha sống lâu.

Cúc dục : Cúc là nuôi dưỡng, dục là nuôi nấng. Cúc dục là chỉ công ơn nuôi dưỡng con cái của cha mẹ.

Lửa hương : Hương hỏa, chỉ sự thờ cúng tổ tiên.

Chỉn ước : chỉ mong. Chỉn là chỉ, vốn, vẫn.

Nối xa : nối tiếp mãi mãi về sau.

493. Còn em út trong nhà thơ bé,
 Trai dạy khuyên, gái để khép khuôn.
 Con đừng quen tánh luông tuồng,
496. Các em hư nết, gieo buồn song thân.
 Một cục máu chia phân mẩy mảnh,
 Hình hài em tượng ảnh thân con.
 Chữ rằng huyết mạch đồng môn,
500. Riêng chung thân thể, tâm hồn cũng con.

CHÚ THÍCH :

Hai câu 495-496 : Con là anh cả trong nhà, cần phải làm gương cho các em, đừng có quen tánh luông tuồng, làm các em bắt chước mà hư hỏng tánh nết, gây ra buồn phiền cho cha mẹ.

Câu 497 : Ý nói một mẹ mà sanh ra mấy đứa con.

Câu 498 : Hình hài của em con chính là hình ảnh của con, vì các anh em con đều là ruột thịt với nhau.

Chữ rằng : sách có câu rằng.

Huyết mạch : dòng máu. *Đồng môn :* cùng một cửa.

Huyết mạch đồng môn : Ý nói anh em ruột với nhau vì cùng một dòng máu, cùng một cửa sanh ra.

Riêng chung thân thể : riêng nhau là ở nơi thân thể. Chung là tại, ở tại.

Tâm hồn : nghĩa thông thường là : ý nghĩ và tình cảm tạo thành đời sống bên trong của con người.

501. Ngoài gia tộc, nước non vầy bạn,
Lựa tài danh giao cạn tâm tình.
Đời như trận giặc đua tranh,
504. Dầu tài một ngựa một mình khó nêん.
Coi gương trước Thánh Hiền ghi lại,
Kết bạn nhau đạo ngãi làm sao.
Tuy là khác thửa đồng bào,
508. Mà trong sanh tử một màu sắt son.

CHÚ THÍCH :

Câu 501 : Ngoài những người trong gia tộc, con nên kết bạn rộng rãi khắp nơi.

Tài danh : người tài giỏi có tiếng tăm.

Giao cạn tâm tình : ý nói bạn tâm giao, hiểu biết lòng dạ của nhau, đối đãi hết lòng hết dạ với nhau.

Một ngựa một mình : do thành ngữ chữ Hán : Đơn thân độc mã, ý nói chiến đấu lẻ loi, không ai giúp sức.

Đạo ngãi : đạo nghĩa. Đường lối mà con người phải tuân theo trong việc đối xử được công bằng và hợp lý phải.

Thửa : dịch chữ “ Kỳ 其” của Hán văn, là tiếng đại từ thế cho người hay vật, nghĩa là : người ấy, cái ấy.

Đồng bào : Cùng một bào thai, chỉ dân tộc VN. Người VN thường hay gọi nhau là đồng bào. (Xem Chú thích câu 4).

Sắt son : bền vững như sắt, không phai màu như son.

Hai câu 507-508 : Ban bè, tuy là người khác nhau nhưng là đồng bào với nhau, nên có thể sống chết cùng nhau, một lòng một dạ với nhau, bền vững không thay đổi.

509. Lưu Quan Trương giữ còn nghiệp Hớn,
Gìn trọn thề chết sống có nhau.

Dầu cơn độc mã đơn đao,

512. Tâm trung nghĩa khí, Ngô, Tào cũng kiêng.

CHÚ THÍCH :

Lưu Quan Trương : Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi là ba anh em kết nghĩa với nhau tại vườn đào. Giữ còn nghiệp Hớn : giữ cho sự nghiệp của nhà Hán được tồn tại.

Độc mã đơn đao : một ngựa một đao. Một ngựa là chỉ một con ngựa Xích thố, một đao là một cây Thanh long đao.

Tâm trung : tấm lòng trung thành. *Nghĩa khí* : có tinh thần cao cả làm việc nghĩa. *Kiêng* : nể sợ.

Ngô : Ngô Tôn Quyền, làm vua nước Ngô ở phía Đông. *Tào* : Tào Tháo là Ngụy vương ở phía Bắc. Còn *Lưu Bị* là vua nước Thục ở phía Tây. Nước Tàu chia làm ba nước, gọi là thời Tam Quốc.

Vào cuối đời nhà Hán, ba người : Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi, có chí hướng hợp nhau, nên sắm lễ vật đặt tại Vườn Đào (Đào viên) đốt nhang khấn vái Trời Đất thề nguyên kết nghĩa anh em với nhau, thề sống thác cùng nhau.

Ba vị Lưu, Quan, Trương giữ đúng lời nguyên, thương nhau như anh em ruột thịt, sang cùng hưởng, khổ đồng chịu, không một mảy may xích mích nhau, để lại cho đời sau một tấm gương sáng chói về anh em kết nghĩa.

Hai câu 511-512 : Nói về Quan Võ, một mình một ngựa một đao, phò nhị tẩu (hai chị dâu, tức hai vợ của Lưu Bị) từ dinh của Tào Tháo, vượt qua 5 ải, chém chết 6 tướng ngăn đường, qua sông Hoàng Hà, đến Cố Thành để tìm gặp Lưu Bị. Với tài võ dũng trác tuyệt, với tâm trung nghĩa khí sáng ngời làm cho Ngô Tôn Quyền và Tào Tháo phải nể sợ.

513. Sài Triệu Trịnh cũng nguyễn như thế,
Mà nên mưu đủ kế đồ vương.

Tống thâu thiên hạ Đại Đường,

516. Cũng do bởi học nơi trường hữu giao.

CHÚ THÍCH :

Sài Triệu Trịnh : Sài Vinh, Triệu Khuôn Dẫn, Trịnh Ân, ba người đồng thời nguyễn kết nghĩa anh em tại Huỳnh Thổ Ba. Sài Vinh lớn tuổi nhất làm đại ca, kế là họ Triệu làm Nhị ca, tam đệ là Trịnh Ân.

Vào cuối nhà Đường, ba anh em đồng phò tá Quách Ngạn Oai lên làm vua, ấy là vua Thái Tổ nhà Hậu Chu. Quách Ngạn Oai không con, truyền ngôi lại cho cháu là Sài Vinh. Triệu Khuôn Dẫn và Trịnh Ân phò tá Sài Vinh.

Sau, Sài Vinh chết, quân Khiết Đan rất mạnh, đem quân vào đánh Trung nguyên, Triệu Khuôn Dẫn đại phá quân địch, được các tướng đồng tôn Triệu Khuôn Dẫn lên làm vua, mở ra nhà Tống, lấy hiệu là Tống Thái Tổ.

Đồ vương : mưu tính sắp đặt kế hoạch để làm vua.

Tống : Nhà Tống. Đại Đường là nhà Đường, nói tôn lên, cũng như nhà Tống thì gọi là Đại Tống.

Câu 515 : Nhà Tống tóm thâu dân chúng của nhà Đường.

Hữu giao : hữu là bạn, giao là qua lại với nhau. Hữu giao là bè bạn giao tiếp với nhau.

Theo Trung Quốc sử, vào cuối nhà Đường, triều đình suy nhược, các chư hầu không phục, tách ra tự lập làm vua một cõi riêng, tạo thành năm nước : Đường, Lương, Tấn, Hán, Chu, gọi là đồi Ngũ Đại (907-960).

Sau Triệu Khuôn Dẫn đem quân đánh các nước, thâu về một mối, thống nhứt nước Tàu, lập ra nhà Tống.

517. Trong vũ trụ hiệp hào là mạnh,
 Phận đồ thơ phải gánh non sông.
 Anh em bạn tác vầy đong,
520. Xô thành cõng ngã, lấp sông cõng bồng.
 Trai nam tử gió trăng là phận,
 Đạp nước non đặng tấn khí hùng.
 Đi con đường thế gai chông,
524. Lớn gan hiu quạnh thì lòng cõng nao.

CHÚ THÍCH :

Vũ trụ : Vũ là khoảng không gian gồm bốn phương và trên dưới, trụ là thời gian xưa nay qua lại. Vũ trụ là khắp không gian và thời gian suốt xưa nay. Nghĩa hẹp, vũ trụ là thế giới loài người.

Hiệp hào : hợp lại thì tạo được sức mạnh hơn người. Hiệp là hợp lại, hào là người có tài sức hơn người.

Đồ thơ : Bản đồ và sách, chỉ người có học thức và có tài an bang tế thế.

Hai câu 519-520 : Anh em bè bạn kết hợp đong đảo tạo nên sức mạnh vĩ đại, có thể làm những việc phi thường như xô thành cõng ngã, lấp sông cõng đầy.

Gió trăng : ý nói những nỗi xông pha vất vả, lấy gió làm quạt, lấy trăng làm đèn.

Khí hùng : cái chí khí anh hùng.

Câu 524 : Dù có can đảm hơn người nhưng trong việc đấu tranh mà chỉ có một mình cô đơn thì lòng cũng cảm thấy lung lay, lo ngại.

525. Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
Đạo nhơn luân gầy sống của đời.
Dầu cho non nước đổi đời,
528. Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.
Bạn trăm tuổi thân hòa làm một,
Dầu sanh hèn xấu tốt cũng duyên.
Cùng nhau giữ vẹn hương nguyên,
532. Cái duyên kinh bố là duyên Châu Trần.

CHÚ THÍCH :

Tình phu phụ : tình nghĩa vợ chồng.

Đạo nhơn luân : đường lối cư xử theo đạo lý giữa con người với nhau trong xã hội. Ở đây, Đạo nhơn luân là chỉ đạo vợ chồng. (Xem Chú thích câu 366).

Gầy sống của đời : tạo ra cuộc sống cho xã hội.

Câu 526 : Đạo vợ chồng sản xuất ra những con người mới, tạo dựng cuộc sống cho xã hội được nối tiếp trường tồn.

Hương nguyên : cây nhang đốt lên để khấn vái Trời Đất thề nguyên chung sống với nhau nhau đến trọn đời.

Kinh bố : chỉ người vợ cần kiệm biết lo cho gia đình. (Xem Chú thích câu 101).

Châu Trần : Thơ của Bạch Cư Dị : Từ Châu cổ Phong huyện, hưu thôn viết Châu Trần. Nhất thôn duy luồng tính, thế thế vi hôn nhân. Nghĩa là : Đất Từ Châu xưa có huyện Phong, có một thôn gọi là Châu Trần. Một thôn chỉ có hai họ, đời đời gả cưỡi con cái cho nhau.

Duyên Châu Trần : việc kết hôn với nhau xứng đôi đẹp lứa.

533. Con đừng thấy phụ nhân nan hóa,
Cầm hôn hoa vầy vã thân hoa.

Vợ con thay phận mẹ già,

536. Nuôi con mẹ cậy bóng ngà nữ dung.
Khi tối sớm lạnh nồng có kẽ,
Thân mật conặng dẽ giữ con.

Mẹ lo trong lúc còn non,

540. Vợ con lo lúc thân mòn gối run.

CHÚ THÍCH :

Phụ nhân : người đàn bà. *Nan hóa* : khó làm cho thay đổi, tức là khó dạy dỗ. *Phụ nhân nan hóa* : khó làm cho người phụ nữ thay đổi, tức là khó dạy dỗ phụ nữ.

Cầm hôn hoa : Hoa chỉ người con gái. Người con gái có chồng thì giao trọng đời mình cho chồng định đoạt, cũng giống như người chồng cầm giữ hôn phách của vợ.

Cho nên trong bài Kinh Tụng khi chồng qui vị, Bà Đoàn Thị Điểm viết :

Gởi hôn phách cho chàng định số,

Gởi kiếp căn chàng mở dây oan.

Vầy vã thân hoa : đối xử thô bạo với vợ.

Bóng ngà : đồng nghĩa Bóng ngọc, chỉ người con gái.

Nữ dung : vẻ mặt của người con gái.

Bóng ngà nữ dung : chỉ người vợ vì nàng vốn là người con gái đẹp.

Lạnh nồng : ý nói lúc ốm đau.

Hai câu 539-540 : Mẹ lo cho con trong lúc con còn trẻ tuổi, vợ của con sẽ lo cho con lúc con trở về già.

541. Nếu khổ cực chung cùng chia sớt,
Dầu sang vinh đừng bớt tình nồng.
Hễ là vào đạo vợ chồng,
544. Hư nêu đều có cửa ông công bà.
Con chớ ý mình là nam tử,
Chiếm chủ gia hẹp xử thê nhi.
Đừng xem ra phận tiện tỳ,
548. Quyền trong nội trợ cũng bì đồng nhau.
Ai nâng đỡ khi đau lúc ốm,
Ai dù tròn nắng sớm mưa mới.
Tình chung bền giữ một đời,
552. Chia cơm cắn muối không dời lòng thương.

CHÚ THÍCH :

Tình nồng : tình yêu nồng nàn giữa vợ chồng.

Cửa ông công bà : cửa chồng công vợ, chồng làm ra cửa cải, vợ có công gìn giữ, hai công ấy bằng nhau.

Tiện tỳ : dày torsos gái hèn mọn. Tiện là hèn, tỳ là tớ gái.

Câu 548 : Quyền của người vợ là lo nội trợ gia đình, quyền của người chồng là lo công việc bên ngoài, hai quyền ấy có giá trị đồng đều như nhau. (Vợ chồng bình đẳng).

Dù tròn : cây dù giương lên có hình tròn, dùng che mưa nắng. *Ai dù tròn* : Ai che mưa che nắng cho.

Hai câu 544 và 548 : Bà Đoàn Thị Điểm chủ trương : vợ chồng bình quyền với nhau là hợp lý.

553. Áo trâu đắp đông sương lạnh lẽo,
Cửa hấp gà mở néo tiễn phu.

Lập thân đừng để danh lưu,

556. Cũng như Bá Lý Hề âu bạc tình.

CHÚ THÍCH:

Áo trâu : chữ Hán là Ngưu y : cái tấm làm bằng cỏ lác (tấm đậm) để đắp cho con trâu trong những đêm trời lạnh.

Điển tích : Hörn Vương Chương khi chưa gặp thời, nhà rất nghèo, đêm lạnh, vợ chồng lấy tấm áo trâu mà đắp chung. Hörn Vương Chương vị ngô, phu thê hàn dạ ngựa ngưu y, nghĩa là : Hörn Vương Chương khi chưa gặp thời, vợ chồng nằm đắp tấm áo trâu trong đêm lạnh.

Đông sương : sương tuyết mùa đông lạnh lẽo.

Câu 553 : Người quân tử chưa gặp thời thì phải chịu cảnh nghèo khổ.

Cửa hấp gà : lấy cánh cửa chẻ ra làm củi để hấp chín con gà, làm bữa tiệc tiễn chồng đi lập công danh.

Tiễn phu : đưa tiễn chồng lên đường.

Bốn câu thơ trên nói về sự tích Bá Lý Hề :

Bá Lý Hề, người nước Ngu, tự là Tỉnh Bá, ba mươi ngoài tuổi mới lấy Đỗ thị làm vợ, sanhặng một trai đặt tên Mạnh Minh. Bá Lý Hề có tài an bang tế thế nhưng chưa gặp thời, nhà lại nghèo, lại không người tiễn cử, ý muốn đi chầu lưu thiêng hạ để lập công danh, ngặt nỗi vợ con không nơi nương tựa, nên còn dùng dǎng.

Đỗ thị là người hiền đức, khuyên chồng cứ đi lập thân danh, chờ nên bận biu vợ con. Nói rồi, Đỗ thị liền bắt con gà duy nhất còn lại trong nhà, lại không củi nên lấy cánh cửa chẻ làm củi, nấu một bữa cơm gà, tiễn chồng lên đường.

Bá Lý Hề đi qua nước Tề, muốn vào ra mắt Tề Tương Công, mà không ai tiến dǎn, trong túi lại không tiền, nên phải tạm ăn xin tại đất Chất. Lúc đó, Bá Lý Hề được 40 tuổi.

Ở đất Chất có người hiền tên Kiển Thúc, thấy Bá Lý Hề có tướng mạo rất tốt, nhưng lỡ vận phải ra ăn mày, liền mời về nhà đãi cơm nước, kết làm anh em. Bá Lý Hề làm em.

Bá Lý Hề, đêm thì ngủ tại nhà Kiển Thúc, ban ngày thì đi chăn trâu mướn để lấy tiền độ nhụt, chở Kiển Thúc cõng nghèo, nuôi nhau hoài không đủ.

Khi nghe tin Công Tử Vô Tri giết Tề Tương Công, lên làm vua, đặng bảng cầu hiền, Bá Lý Hề muốn đến đâu Vô Tri. Kiển Thúc không cho, nói rằng Vô Tri tiếm ngôi thì có bền lâu gì.

Sau nghe bên Châu có Vương Tử Đồi, tánh ưa trâu, kẻ ở nuôi trâu mau lớn cho Đồi đều được trọng thưởng. Bá Lý Hề từ giã Kiển Thúc, qua xin chăn trâu cho Đồi.

Khi tiễn nhau, Kiển Thúc dặn rằng : “ *Hῆ là đại trượng phu thì không nên xem nhẹ mình mà đầu người. Đầu lỡ mà sau bỏ đi thì bất nghĩa, còn cứ theo hoài mà bị nạn thì bất trí. Em phải thận trọng. Anh liệu việc nhà xong thì sẽ qua Châu tìm em.* ”

Kiển Thúc sau đó qua kinh đô nhà Châu, đàm đạo với Vương Tử Đồi. Xong rồi, Kiển Thúc kêu Bá Lý Hề ra ngoài khẽ nói : “ Đồi có chí lớn mà tài sơ, kẻ tay chân đều là quân sàm nịnh, chi bằng anh em ta đi trước thì hơn.”

Bá Lý Hề xa nhà đã lâu, ý muốn trở về nước Ngu để thăm vợ và con. Kiển Thúc nói : “ Ở nước Ngu, anh có bạn thân là Cung Chi Kỳ. Em về Ngu thì anh đi theo cho có bạn và săn dịp ghé thăm Cung Chi Kỳ.”

Bá Lý Hề về đến Ngu, ghé nhà thăm vợ con thì mới hay Đỗ thị đã ốm con ra đi tìm phương sanh sống, giờ không biết ở đâu. Kiển Thúc vào thăm Cung Chi Kỳ, và nhờ tiến cử Bá Lý Hề với Ngu Công. Ngu Công nạp dụng, phong Bá Lý Hề làm chức Trung Đại Phu.

Kiển Thúc nói : “ Ngu Công thấy biết rất hẹp, không phải là Chúa đáng phò, nhưng em đã quá cùng khổn thì tạm nương thân nơi đây. Sau này, em muốn tìm anh thì qua nước Tống, tại làng Minh Lộc.”

Ngu Công không nghe lời can gián của Cung Chi Kỳ, cho Tấn Hiến Công mượn đường đánh nước Quắc.

Thắng nước Quắc rồi, Tấn Hiến Công chiếm luôn nước Ngu. Thế là Ngu Công mất nước.

Bá Lý Hề tự nói : Ta chẳng trí, lẽ nào chẳng trung.

Bởi vậy, khi Tấn Hiến Công bắt Ngu Công đem về Tấn thì Bá Lý Hề theo sát bên Ngu Công mà hầu hạ.

Chu Chi Kiều, trước làm quan Đại Phu ở nước Quắc, sau Quắc bị Tấn chiếm thì đầu Tấn, được Tấn cho làm Đại Phu.

Chu Chi Kiều dụ Bá Lý Hề đầu Tấn nhưng Bá Lý Hề khảng khái đáp : “Mình đã để nước nghịch thắng mình thì chân mình còn không muốn để bước đến xứ đó, huống chi nói chuyện đầu với theo.” Kiều hổ thẹn, rồi có ý oán Bá Lý Hề.

Khi Tấn Hiến Công gả công chúa về Tần, muốn có người theo đưa dâu, Chu Chi Kiều liền lâu : “Bá Lý Hề không muốn đầu Tấn, chi bằng thừa dịp này sai va đi đưa dâu.” Tấn Công bàng lòng.

Bá Lý Hề than : Ta ôm tài an bang tế thế mà không gặp Minh Chúa, nay già rồi lại còn làm kẻ đưa dâu thì hổ thẹn quá. Do đó, khi đưa dâu được nửa đường, Bá Lý Hề lén trốn sang nước Sở. Trốn đến Uyển Thành thì bị bọn thợ săn bắt đem về cho nuôi trâu. Bá Lý Hề có tài nuôi trâu, nuôi chẳng bao lâu trâu mập ra, lại sanh sản thêm nhiều. Sở Vương biết được nên đòi Bá Lý Hề về nuôi ngựa cho Sở Vương.

Tần Mục Công xem danh sách, không thấy Bá Lý Hề đưa dâu, thì hỏi Công tử Chấp.

Chấp đáp : “Bá Lý Hề là người hiền, biết Ngu Công chẳng chịu nghe lời can nêu không can, ấy là trí; theo Ngu Công qua Tấn mà không đầu Tấn, ấy là trung. Bá Lý Hề hiện nay nghe như ở nước Sở, xin Chúa Công cho người qua Sở dọ coi.”

Tần Mục Công sai người qua Sở dò la thì biết Bá Lý Hề đang nuôi ngựa cho vua Sở.

Tần Mục Công khiến Công Tôn Chi đem lễ vật qua Sở rước Bá Lý Hề. Tôn Chi can : “Sở bắt Hề nuôi ngựa vì không biết Hề là người hiền. Nay ta đem lễ trọng mà rước thì không khác nào ta nói Hề là người hiền, thì đời nào vua Sở cho Hề đi. Chi bằng, Chúa Công lấy cớ bắt tội Hề trốn đưa dâu, dùng vật mọn là 5 tấm da dê

mà thuộc thì mới đem Bá Lý Hề về Tần được. Quả nhiên nhờ kế đó mà rước được Bá Lý Hề về Tần.

Tần Mục Công thấy Bá Lý Hề đâu đã bạc thì than rằng :

- Già rồi còn chi, Quả nhân rất tiếc !

Bá Lý Hề đáp : - Như Chúa Công khiến hạ thần đi bắt chim hay giết thú thì hạ thần già thiệt, còn như khiến hạ thần ngồi lo việc nước thì hạ thần biết sức còn trẻ lầm vạy.

Khi Bá Lý Hề bàn việc nước thì rất hạp ý Tần Mục Công, nên Mục Công dùng Bá Lý Hề vào chức Thừa Tướng.

Kể từ đó, Bá Lý Hề lo sửa sang việc nước làm cho nước Tần càng ngày càng hưng thịnh.

Nói về vợ của Bá Lý Hề là Đỗ thị, khi chồng đi rồi thì ở nhà may vá không đủ tiền nuôi con, nên phải bỏ xứ trôi nổi đến nước Tần, làm nghề may mướn. Khi Đỗ thị dò la biết rõ Bá Lý Hề lúc này được vua Tần trọng dụng, làm quan đến chức Thừa Tướng đầu triều. Thừa dịp trong phủ Thừa Tướng cần người may áo, Đỗ thị liền xin vào làm. Tới ngày kia, nhân trong phủ có việc đờn ca, Đỗ thị liền xin ra ca một bài.

Đỗ thị cất tiếng hát : ”Bá Lý Hề năm bộ da dê, nhớ ngày nào, ly biệt cùng nhau, mổ con gà mái, chẻ cánh cửa cùi, thổi cơm gạo vàng. Chớ thương thì thương ! Ngày nay giàu sang, quên ta hay sao ? Bá Lý Hề năm bộ da dê, cha ăn thịt cá, con đói khóc dài, chồng mặc áo gấm, vợ giặt thuê hoài. Chớ thương thì thương ! Ngày nay giàu sang, quên ta hay sao ?”

Bá Lý Hề nghe ca thì sững sốt, lật đật kêu lại mà hỏi, quả là vợ của mình, liền ôm nhau khóc rống, rồi rước vợ và con về phủ. Vợ chồng con cái sum họp vô cùng vui vẻ.

Tần Mục Công hay tin vợ chồng Bá Lý Hề đoàn tụ gia đình, nên cho đem bạc vàng gấm lụa đến ban thưởng.

Hôm sau, Bá Lý Hề dẫn con vào triều bái tạ. Kể từ đó, hai cha con Bá Lý Hề đồng phò Tần Mục Công lo việc nước.

557. Chém vợ để cầu vinh thuở trước,
Ngô Khởi còn gian ngược chi danh.
Con đừng mượn nét khuynh thành,
560. Lợi thân mà hại đến mình hồng nhan.

CHÚ THÍCH :

Gian ngược chi danh : cái tiếng tăm gian xảo và ngang ngược.

Hai câu 557-558 : Nói về sự tích Ngô Khởi (Ngô Khỉ) giết vợ để lập công danh :

Ngô Khởi, người nước Vệ, lúc nhỏ từ giã mẹ đi tìm thầy học, thề rằng chừng nào lập được công danh mới trở về thăm mẹ. Nhưng sau đó, khi mẹ mất, Khởi không chịu về để tang mẹ. Tăng Sâm là thầy học của Khởi, thấy Khởi bất hiếu như thế, liền đuổi học ngay.

Ngoài Khởi dùng ba tấc lưỡi thuyết vua Tề, vua Tề nghe theo, dùng Khởi và gả công chúa cho.

Về sau, Khởi không ở nước Tề nữa, dời qua ở nước Lỗ. Khi Lỗ Hầu muốn đánh Tề, Tể Tướng Công Nghi Hựu tiến cử Ngô Khởi cầm quân đánh Tề. Lỗ Hầu không dám dùng Khởi vì vợ của Khởi là công chúa nước Tề. Ngô Khởi biết vậy, liền giết vợ, đem đầu vợ dâng lên Lỗ Hầu, để chứng tỏ mình đã dứt khoát với Tề.

Lỗ Hầu phong Khởi làm Đại Tướng, đem quân đánh tan quân Tề. Khởi biết Lỗ Hầu dùng mình nhưng không ưa mình, nên qua đầu Ngụy vì nghe Ngụy Hầu đang cầu người hiền. Ngụy Hầu cử Khởi cầm binh, đánh thắng được quân Tần nhiều trận lớn. Ngụy Hầu chết, Ngô Khởi bị Công Thúc gièm. Ngô Khởi thấy nguy, liền bỏ Ngụy qua đầu Sở.

Vua Sở trọng dụng, cho Khởi cầm binh, Ngô Khởi có tài chinh chiến, đánh ĐÔNG dẹp Bắc đều đại thắng.

Sau, nước Sở có loạn, Ngô Khởi cùng chịu chết một chỗ với vua Sở.

Ngô Khởi là vị tướng rất có tài cầm quân thời Đông Châu Liệt Quốc, nhưng Ngô Khởi là người vô đạo đức, trong nhà thì bất hiếu với mẹ, bất nghĩa với vợ, không trung thành với một vị vua nào hết, chỉ biết chạy theo công danh phú quý, để lại tiếng xấu muôn đời trong lịch sử.

Khuynh thành : khuynh là nghiêng đổ, thành là thành trì. Khuynh thành là làm cho thành trì nghiêng đổ, mất thành.

Thường nói : Khuynh quốc khuynh thành, dịch là : Thành nghiêng nước đổ, để chỉ sắc đẹp tuyệt vời của người đàn bà, có thể khiến cho tướng giữ thành đắm say, không lo giữ gìn thành trì; có thể khiến cho ông vua một nước mê mệt bỏ cả việc nước làm cho mất nước. Đó là sắc đẹp của : Tây Thi, Bao Tự, Đắc Kỷ, Dương Quý Phi, . . .

Kinh Thi có câu : Triết phu thành thành, triết phụ khuynh thành. Nghĩa là : Đàn ông giỏi dựng nên thành trì, đàn bà đẹp làm nghiêng đổ thành trì.

Lý Diên Niên đời nhà Hán có làm bài thơ :

Bắc phương hữu giai nhân,	<i>Phương Bắc có người đẹp,</i>
Tuyệt thế nhi độc lập.	<i>Đẹp hơn hết mà đứng một mình.</i>
Nhất cố khuynh nhân thành,	<i>Một lần nhìn làm thành người nghiêng,</i>
Tái cố khuynh nhân quốc.	<i>Nhìn một lần nữa làm nước người đổ.</i>
Ninh bất tri,	<i>Há không biết,</i>
Khuynh thành dū khuynh quốc,	<i>Thành nghiêng với nước đổ,</i>
Giai nhân nan tái đắc.	<i>Người đẹp khó trở lại được.</i>

Hai câu 559-560 : Mẹ khuyên dạy con trai : Đừng lợi dụng sắc đẹp của vợ mình mà làm lợi cho mình, để hại cho tẩm thân của vợ mình.

Lợi thân : có lợi cho bản thân mình.

Hồng nhan : Má hồng, chỉ người phụ nữ đẹp, ở đây chỉ người vợ. Nhan là dáng mặt, gương mặt.

561. Đừng sang trọng phụ phàng nghèò khó,
Gặp hâu xinh vội bỏ thê hèn.
Cá kia chung chậu hơi quen,
564. Ái ân đầm thấm bởi bền nghĩa nhân.
Gương đẹp đẽ Mãi Thần thuở trước,
Trọng nhơn luân sau phước nêu quan.
Hiền danh ghi tạc giang san,
568. Nghĩa trung đi cặp con đàng trưng phu.

CHÚ THÍCH :

*Câu 563 : Lấy ý theo câu ca dao : Chim quyền ăn trái
nhẵn lông, Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.*

*Sau phước nêu quan : về sau nhờ có phước đức nên
được làm quan. Con đàng trưng phu : con đường đi của người
có chí khí anh hùng.*

Châu Mãi Thần : người đời Hán Võ Đế, nhà rất nghèo
nhưng quyết chí học tập, thường đi đốn củi đem bán lấy tiền độ nhụt.
Khi gánh củi thì treo sách trên đầu gánh, vừa đi vừa học. Vợ của
Mãi Thần không chịu nổi cảnh nghèo túng đòi bỏ ông. Mãi Thần
khuyên vợ cố gắng chịu đựng nghèo khổ chừng một năm nữa, sang
năm ông 50 tuổi, nhứt định sẽ hiển đạt. Người vợ không tin nói :
“Như cung cách của ông thì chỉ có chết đói thôi, sao dám mong giàu
sang được.” Người vợ bỏ ông, đi lấy một người làm ruộng khá giả
cùng làng. Qua năm sau, Châu Mãi Thần được Nghiêm Trợ tiến cử
lên Hán Võ Đế, được vua thâu dụng, ban chức Trung Đại Phu. Lần
lần Mãi Thần lập được công nên vua thăng lên làm Thái Thú Cối
Kê. Cối Kê là quê hương của Mãi Thần.

Khi Mãi Thần đến Cối Kê nhậm chức, người vợ cũ ra đón
trước đầu ngựa, xin chàng bỏ qua lỗi xưa, cho nàng được trở lại làm
vợ chàng. Mãi Thần đổ một bát nước đầy trước đầu ngựa, bảo nàng
hốt nước cho đầy bát lại như trước thì chàng cho nàng trở lại làm vợ
như xưa. Người vợ cũ xấu hổ bỏ đi, về nhà treo cổ tự tử.

569. Tống Hoằng chí trượng phu không đổi,
Giữ nhơn luân sợ lối đạo hằng.

Từ duyên công chúa giao thân,

572. Đút cơm vợ quáng ân cần dưỡng nuôi.

CHÚ THÍCH :

Chí trượng phu : Chí khí của bậc trượng phu. Trượng phu là người đàn ông tài giỏi, có nhân cách và chí khí anh hùng. *Đạo hằng* : đạo thường, gồm Ngũ Thường : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. *Từ duyên* : từ chối kết duyên. *Giao thân* : giao tiếp thân mật với nhau. *Vợ quáng* : người vợ mù lòa.

Bốn câu thơ trên là nói về sự tích Tống Hoằng :

Tống Hoằng : làm quan Đại Phu dưới thời vua Quang Võ nhà Hậu Hán, tính rất chánh trực, lại có tình nghĩa.

Vua Quang Võ có người chị là Hồ Dương Công chúa, sớm góa chồng. Công chúa rất ái mộ Tống Hoằng, muốn được Tống Hoằng cưới làm vợ.

Hán Quang Võ biết vậy nên gọi riêng Tống Hoằng đến để thử ướm lời, hỏi rằng :

- Ngạn vân : Quý dịch giao, phú dịch thê, hữu chư ?

(Ngạn ngữ nói rằng : Sang đổi bạn, giàu đổi vợ, có chăng ?)

Tống Hoằng tâu rằng :

- Thần văn : Bần tiện chi giao mạc khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đương. (Thần nghe : Bạn bè lúc nghèo hèn chớ nêん quên, người vợ tấm cám chớ để ở nhà sau.)

Hán Quang Võ và Hồ Dương Công chúa nghe Tống Hoằng nói thế thì biết Tống Hoằng là người trung nghĩa, càng kính phục Tống Hoằng.

Tống Hoằng có vợ bị bệnh trở nên mù lòa. Hằng ngày, ngoài giờ lo việc quan, Tống Hoằng săn sóc vợ, đút cơm cho vợ ăn. Dù vợ bị mù lòa, Tống Hoằng vẫn một lòng thương yêu chung thủy. Trên đời ít có được người như thế.

573. Biết tình nghĩa biết mùi ân ái,
Chia đau thương cột dải đồng tâm.

Kìa ai đã gọi ân thâm,

576. Hơn niềm chồng vợ âm thầm giúp nhau.

Đừng đến lúc ốm đau chẳng ngó,
Hương sắc xinh lại bỏ hoa tàn.

Những là anh én nhộn nhàng,

580. Buôn duyên bán nợ như hàng chợ đồng.

Có chi trọng đàn ong xóm bướm,
Nơi phồn ba đậm nhuộm màu gian.

Đừng quen kết lũ vầy đoàn,

584. Cửa thanh lâu những rộn ràng gió trăng.

CHÚ THÍCH :

Dải đồng tâm : chỉ sự thương yêu khẩn khít giữa vợ chồng. (Xem Chú thích Câu 194). *Hương sắc* : người con gái đang lúc xuân thì được ví như đóa hoa mới nở đầy đủ hương sắc; khi trở về già thì ví như đóa hoa tàn.

Anh én : chỉ đám thanh niên nam nữ tới lui tấp nập.

Câu 580 : Đem cái duyên của người con gái ra buôn bán giữa buổi chợ đồng người.

Đàn ong xóm bướm : chỉ đám đàn ông con trai ăn chơi trụy lạc. *Phồn ba* : nơi dân cư đông đúc, tranh đua danh lợi.

Đầm nhuộm màu gian : đầy tánh chất gian dối xảo trá.

Kết lũ vầy đoàn : tụ tập thành một đám nhiều đứa kéo đi ăn chơi hay phá phách xóm làng.

Thanh lâu : lâu xanh, nhà chứa gái điếm.

Gió trăng : chữ Hán là Phong nguyệt, có nhiều nghĩa, ở đây chỉ sự lâ lói chung chạ không đứng đắn giữa trai gái.

585. Giấc phong nguyệt xem bằng túy mộng,
Vợ cùng hồn so sóng đồng thương.
Nhỏ thì trọng, lớn thì nhường,
588. Nơi cân quân tử ra trường đánh ghen.
Coi thân vợ như em nhỏ dại,
Đem lòng yêu phận gái đơn cô.
Đặng chồng dường thể đặng mồ,
592. Chôn thây cửa lạ, cậy nhờ ở ai ?

CHÚ THÍCH :

Phong nguyệt : gió trăng, chỉ sự lã loi chung chạ không đứng đắn giữa trai gái. *Giấc phong nguyệt* : giấc ngủ có sự chung chạ giữa trai gái. *Túy mộng* : uống rượu say nằm ngủ thấy chiêm bao. Túy là uống rượu say, mộng là chiêm bao.

Hồn : nàng hồn, cũng là vợ nhỏ.

Sóng : đặt sóng đôi để so sánh hơn kém.

Câu 586 : Thuở xưa, ở thời quân chủ, đàn ông được quyền lấy nhiều vợ : Vợ chính và nhiều vợ thứ. Câu này khuyên người chồng phải thương yêu vợ chính và vợ thứ đồng đều như nhau.

Câu 587 : Vợ nhỏ thì tôn trọng vợ lớn, vợ lớn thì nhường nhịn vợ nhỏ (thì mới êm đẹp trong nhà).

Quân tử : tiếng vợ gọi chồng. *Nơi cân quân tử* : do nơi sự đo lường nặng nhẹ của chồng, ý nói do nơi sự thương nhiều hay thương ít của chồng, mà có thể gây ra trường đánh ghen giữa vợ lớn và vợ nhỏ.

Cửa lạ : chỉ nhà chồng, vì chồng là người dung khác họ.

Hai câu 591-592 : Có chồng thì chỉ biết cậy nhờ nơi chồng, khi chết được chôn cất bên đất của họ nhà chồng, được gia đình nhà chồng làm cho mồ mả.

593. Phải tôn kính cành mai đương nở,
Đừng xa hoa làm mờ hàng chơi.
Sánh mình mỏng mảnh thương người,
596. Rủi sanh phận gái khó cười với thân.
Gái mẹ dạy ân cần cho lấm,
Đừng để mình lụy đến sông Tương.
Bông dầu đẹp, khá gìn hương,
600. Quý chi liễu ngõ hoa tường trao duyên.

CHÚ THÍCH :

Bắt đầu từ câu 593 đến 712 là phần : MẸ DẠY CON GÁI.

Cành mai đương nở : ý nói người con gái mới lớn lên đang độ xuân thì. *Xa hoa* : phung phí chưng diện lòe loẹt.

Mờ hàng chơi : món đồ chơi không có giá trị gì cả.

Sông Tương : Chỉ sự thương nhớ giữa trai và gái hay sự ly biệt của đôi lứa. *Điển tích* : Theo Tình sử, đời nhà Châu, nàng Lương Ý yêu chàng Lý Sinh, sau phải xa nhau, nên có làm bài thơ Tương giang (Sông Tương) :

Nhân đạo Tương giang thâm,	<i>Người bảo sông Tương sâu,</i>
Vị để tương tư bạn.	<i>Chưa bằng lòng tương tư.</i>
Giang thâm chung hữu đế,	<i>Sông sâu còn có đáy,</i>
Tương tư vô biên ngạn.	<i>Tương tư không bến bờ.</i>
Quân tại Tương giang dầu,	<i>Chàng ở đâu sông Tương,</i>
Thiếp tại Tương giang vĩ.	<i>Thiếp ở cuối sông Tương.</i>
Tương tư bất tương kiến,	<i>Nhớ nhau mà chẳng thấy,</i>
Đồng ẩm Tương giang thủy.	<i>Cùng uống nước sông Tương.</i>

Câu 598 : Mẹ dạy con gái đừng yêu ai trước để khỏi phải khổ thân vì thương nhớ. *Lụy* là làm cho khốn đốn khổ sở.

Liễu ngõ hoa tường : cây liễu ngoài ngõ, cái hoa bên tường, ai muốn bẻ muốn hái cũng được, ý nói những người con gái không có giá trị, hoặc là gái lầu xanh.

601. Đóng chặt cửa giữ nguyên trinh tiết,
Trọng thân danh bần nét đào yêu.
Phụng lầu gác quyển chờ tiêu,
604. Gieo cầu cho đáng, nhiều điều gói gương.

CHÚ THÍCH :

Thân danh : cái danh giá của con người mình.

Đào yêu : đào là cây đào, yêu là non. Kinh Thi : “Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trắn trắn, chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân.” nghĩa là cây đào đương non, cành lá rướm rà, gái về nhà chồng, hòa thuận trong nhà. Cho nên, Đào yêu (dịch ra là Đào thơ hay Đào non) là chỉ con gái mới lớn, đến tuổi lấy chồng.

Câu 603 : Nói về sự tích Tiêu Sử và nàng Lộng Ngọc.

Nàng Lộng Ngọc là con gái của vua Tần Mục Công, được vua cha cho ở trên gác phụng (Phụng lầu), nàng có tài thổi ống áo (Ống quyển). Nàng nằm mơ thấy ở phía Tây Nam núi Thiên sơn có một chàng trai, diện mạo đẹp đẽ, cõi chim phụng ngũ sắc bay đến phụng lầu, nơi nàng đang ở, nói rằng :

- Tôi là người coi giữ Thái Hoa sơn, Ngọc Hoàng cho tôi được kết duyên với nàng, đến tiết Trung Thu này gặp gỡ.

Nói xong, chàng rút ra một ống tiêu bằng hồng ngọc, đưa lên miệng thổi, âm điệu phát ra réo rất thanh tao, càng nghe càng say mê.

Hôm sau, Lộng Ngọc đem chuyện chiêm bao kể lại cho vua cha nghe. Tần Mục Công bèn cho người đến Thái Hoa sơn dò xét thử. Quan quân tìm được một chàng trai tuấn tú, có tài thổi ống tiêu, tên là Tiêu Sử, đang ở trên núi. Quan quân rước chàng về triều. Vua bảo Tiêu Sử thổi một khúc tiêu nghe thử. Nàng Lộng Ngọc đứng núp trong màn nhìn ra, thấy Tiêu Sử đúng là người mà nàng thấy trong mộng, và tiếng tiêu phát ra réo rất y như vậy, thì biết chàng trai này đúng là lương duyên của nàng. Hôm đó cũng đúng là ngày Trung Thu trăng tròn, vua Tần Mục Công làm lễ cho Tiêu Sử

thành hôn cùng Lộng Ngọc. Tiêu Sử dạy Lộng Ngọc thổi tiêu. Khi ở trên Phụng lầu, hai người thổi lên thì chim phụng hoàng bay đến trước sân nhảy múa.

Ở Phụng lầu được ít lâu, bỗng một hôm có một con rồng đỏ và một con chim phụng từ trên Trời đáp xuống trước thềm. Tiêu Sử nói với Lộng Ngọc : Ta là Thần Tiên ở Thượng giới, có duyên nợ với nàng nên phải xuống trần để kết duyên, nay đến kỳ chúng ta phải trở về Tiên. Chàng liền bước tới cõi rồng, nàng Lộng Ngọc thì cõi phụng, cùng bay lên Trời đi mất.

Trong các đám hỏi hay đám cưới, người ta làm **đôi đèn Long Phụng** để chỉ duyên vợ chồng là do điển tích này.

Câu 603 : Ở trên phụng lầu, gác ống sáo, chờ ống tiêu. Ý nói con gái nên ở trong nhà giữ gìn hạnh nết, chờ con trai tài giỏi đến hỏi cưới.

Gieo cầu : ném quả tú cầu để chọn chồng. Quả tú cầu được làm bằng vải kết lại nhiều màu rất đẹp.

Điển tích : Vua Hán Võ Đế mỗi khi kén chọn Phò mã (rể của vua) thì cất một cái đài cao, cho Công chúa lên ngồi trên đó, cầm sẵn trái tú cầu trong tay. Các vương tôn công tử hay khách anh hùng muốn làm chồng của Công chúa thì tụ tập dưới đài. Công chúa thấy người trai nào vừa ý thì ném trái tú cầu cho người ấy để người ấy bắt được, đem vào trình vua thì được vua nhận làm chồng Công chúa.

Cho nên, *Gieo cầu* là ý nói kén chồng, chọn lựa người chồng cho xứng đáng.

Nhiều điều gói gương : nhiều là loại tơ lụa quý giá thời xưa, điều là màu đỏ, gương là tấm kiếng soi mặt chỉ người con gái. Nhiều điều gói gương là cái gương soi mặt được gói trong tấm lụa điều, ý nói : người con gái đẹp sẽ có được người chồng quyền quý xứng đôi.

605. Đừng đứng dựa sông Tương nhăn khách,
Đừng trông trăng hỏi ngạch Cung Thiêm.
Đừng đê thi lá thơ chim,
608. Cầu hôn để phụng đến tìm cung loan.
Con khá nhớ hồng nhan phận mỏng,
Đừng làm cho thiện bóng trăng xuân.
Hồng quần tài sắc đa truân,
612. Vào vòng bạc phận, chỉ mong trọn nguyền.

CHÚ THÍCH :

Sông Tương : (Xem Chú thích câu 598).

Cung Thiêm : cung trăng. (Xem Chú thích Câu 190)

Câu 605 : Đừng yêu ai trước, rồi thương nhớ, nhăn gởi.

Câu 606 : Đừng mơ mộng lãng mạn như xem trăng rồi
hỏi con thiêm thử ở chỗ nào.

Thi lá : viết bài thơ trên chiếc lá cây.

Điển tích : Nàng Hàn Thúy Tần, một cung nữ đời Đường, ở
trong thâm cung buồn bực, bèn đê thơ trên chiếc lá đỏ, thả xuống
dòng nước từ trong cung chảy ra ngoài.

Thơ của Hàn thị đê rằng :

Nước chảy sao mà vội,
Cung sâu cả buổi nhàn.
Ân cần nhờ lá thăm,
Mau đến chốn nhơn gian.

Vu Hữu là môn khách của Hàn Vinh, nhân đi chơi, bắt được
chiếc lá có bài thơ đó, rồi cũng bắt chước cách ấy, lấy một chiếc lá
khác đê thơ, rồi chờ cho dòng nước chảy trở vào cung thì thả lá
nhau xuống. Bài thơ của Vu Hữu :

Nghe oanh thấy liễu chạnh lòng thương,
Thương kẻ trong cung lúc đoạn trường.
Chiếc lá đê thơ trôi mặt nước,
Gởi cho ai đó nói không tường.

Cách ít lâu sau, vua Đường hạ chiếu thả cung nữ hơn 3000 người cho trở về nhà lấy chồng làm ăn, trong đó có Hàn thị.

Nàng đến ngủ nơi nhà của người bà con là Hàn Vinh. Hàn Vinh làm mai gả Hàn thị cho Vu Hựu. Vu Hựu thấy trong rương của vợ có chiếc lá đề thi của chàng, rồi Vu Hựu cũng lấy chiếc lá đề thơ của Hàn thị ra khoe. Cả hai vợ chồng đều rất mừng rõ cho là có duyên tiên định.

Hàn Vinh mở tiệc chúc mừng. Hàn thị làm một bài thơ tạ ơn Lá Thắm làm mai :

Câu thơ tuyệt diệu theo dòng nước,
Ôm hận mười năm ngỏ với ai ?
Nay được vui vầy loan phượng sánh,
Khen thay Lá Thắm khéo làm mai !

Thơ chim : viết thơ buộc vào chân chim cho nó mang đi.

Điển tích : Nàng Túy Tiêu là vợ của Dương Nhuận Chi, bị quan Trụ Quốc thấy đẹp, sai quân bắt về làm thiếp. Nhuận Chi sợ thế lực của quan Trụ Quốc nên không dám thaiken, chỉ biết ôm hận trong lòng. Nàng Túy Tiêu và Nhuận Chi chỉ còn biết viết thơ qua lại tỏ lòng thương nhớ và nhờ chim yến mang đi.

Câu 607 : Đừng đề thi lá thơ chim, ý nói con gái đừng có tánh lảng mạn, đề thơ trên lá gửi theo dòng nước, hay viết thơ buộc vào chân chim gửi đi mênh lung.

Phụng đến tìm cung loan : đôi chim loan phụng được ví với một cặp vợ chồng : Phụng là con chim trống ví người chồng, loan là con chim mái ví người vợ. Phụng đến tìm loan là ý nói để cho con trai tìm đến cầu hôn con gái.

Hồng nhan : má hồng, chỉ con gái.

Phận mỏng : bạc phận. **Bóng trăng xuân** : ánh trăng mùa xuân rất đẹp, chỉ sự trong sáng tốt đẹp.

Đa truân : nhiều nỗi truân chuyên.

Câu 610 : Đừng làm điều gì nhơ nhớt mà phải hổ thẹn với sự trong sáng của ánh trăng xuân.

613. Hoa phong nhụy cung Tiên cũng mến,
Gấm lót đường trọng tiếng cũng nhơ.

Nhà vàng phận quý khi thơ,

616. Gót sen dâu lịch cũng nhờ vẻ xuân.

CHÚ THÍCH :

Hoa phong nhụy : cái hoa còn đóng kín nhụy hoa, chưa có con ong con bướm nào đến hút mật, ý nói : con gái mới lớn, còn trinh nguyên. *Phong* là gói kín.

Câu 613 : Con gái còn trinh nguyên, các vị Tiên đều thương mến. (Tức nhiên con gái phải giữ gìn tiết trinh của mình).

Gấm lót đường : ý nói nhà giàu nhiều của cải.

Trọng tiếng : Tiếng tăm nặng nề, ý nói : tiếng tăm không tốt. *Nhơ* : Dơ, nhơ nhuốc.

Câu 614 : Nhà giàu có mà con gái trong nhà có tiếng tăm không tốt thì cũng nhơ danh.

Nhà vàng : chữ Hán là Kim ốc : Nhà làm bằng vàng, ý nói quí báu lắm.

Điển tích : Hán Võ Đế, lúc còn là Thái Tử, Trưởng Công chúa muốn đem con gái là A Kiều gả cho Thái Tử, nên kêu Thái Tử đến hỏi. Thái Tử rất bằng lòng nên đáp : “Nếu cưới được A Kiều thì con sẽ cất một cái nhà bằng vàng cho A Kiều ở.” Do đó, dùng chữ *Nhà vàng* để chỉ người con gái quí phái, có phẩm giá cao.

Gót sen : chỉ người con gái đẹp quí phái.

Điển tích : Vào thời Nam Bắc Triều, vua Nam Tề là Đông Hôn Hầu có người vợ yêu là nàng Phan Phi. Vua cho lót hoa sen bằng vàng trên nền gạch trong cung của Phan Phi, để khi Phan phi đi, mỗi bước chân như có nở bông sen dưới đất.

Dâu lịch : dâu lịch sự, đẹp đẽ. *Vẻ xuân* : vẻ đẹp trẻ trung.

Câu 616 : Người con gái quí phái, dâu có sắc đẹp, nhưng cũng phải nhờ đến vẻ tươi đẹp trẻ trung.

617. Đừng cho nhuẽm lấm thân thục nữ,
 Chốn phòng the cứ xù rèm là.
 Vườn thu giấu dạng Hằng Nga,
620. Hải đường nở muộn mặn mà ái phong.
 Phàm phận gái đứng hàng khuê các,
 Phải trau tria tướng hạc hình mai.
 Chín tầng cửa đóng then gài,
624. Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.

CHÚ THÍCH :

Nhiẽm lấm : nhuẽm là nhuốm vào, lấm là dính dơ.

Thục nữ : người con gái hiền hậu nết na.

Phòng the : phòng dành riêng cho phụ nữ. *Xù* : buồng xuống. *Rèm là* : tấm rèm bằng lụa (lụa là).

Vườn thu : chỉ người phụ nữ đã luống tuổi. *Giấu dạng* : giấu kín hình bóng của mình. *Hằng Nga* : nàng Tiên ở Cung trăng, ở đây ý nói người con gái có sắc đẹp.

Câu 619 : Dù người con gái đẹp đã lớn tuổi rồi, nhưng cũng phải giấu kín hình bóng của mình.

Hải đường : tên một loài hoa đẹp, chỉ con gái đẹp.

Ái phong : cái dáng điệu dễ thương. Ái là thương yêu, phong là dáng dấp, phong cách.

Khuê các : buồng và gác, chỉ nơi ở của con gái quý phái.

Tướng hạc hình mai : đồng nghĩa : Mình hạc xương mai, ý nói hình dáng mảnh khảnh thanh nhã của con gái đẹp.

Câu 623 : Phải giữ gìn con gái thật cẩn thận chắc chắn.

Câu 624 : Đi ra bên ngoài thì phải nghiêm nghị, không được cười giỡn, bên trong nhà thì giữ tánh nết đoan trang.

Bốn câu 621-622-623-624 : Mẹ dạy con gái về chữ DUNG trong Tứ Đức.

625. Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
628. Tiếng tiêu khải phụng phục người mới ngoan.
Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.
Trăm nghệ dầu chẳng đủ tài,
632. Dệt văn Tô Huệ gỡ dày chinh phu.

CHÚ THÍCH :

Bốn câu 625-626-627-628 : Mẹ dạy con gái về NGÔN.
Ngôn từ : lời nói. Thanh tươi : thanh nhã vui tươi.

Tiếng tiêu khải phụng : Tiếng tiêu thổi lên rất hay, có mãnh lực khiến cho chim phụng bay đến nhảy múa và hót theo (giống như tiếng tiêu của Tiêu Sứ và Lộng Ngọc). Ý nói : lời nói phải nhỏ nhẹ nhưng có sức thuyết phục để người nghe làm theo lời mình.

Bốn câu 629-630-631-632 : Mẹ dạy con gái về CÔNG.
Nhà lan : chữ Hán là Lan thất, nghĩa là nhà có mùi thơm của hoa lan. Ý nói nhà có đạo đức.

Dệt văn Tô Huệ : tức là Tô Huệ chức cầm hồi văn : Tô Huệ dệt bài thơ lộn quanh trên gấm. Gỡ dày : gỡ ra khỏi nạn lưu dày. Chinh phu : người lính đánh giặc ở phương xa.

Tô Huệ : có tài về nghề dệt, có chồng là Đậu Thao. Đậu Thao phải đi lính chinh chiến phương xa. Nàng Tô Huệ quá nhớ chồng, đặt ra bài thơ tả nỗi lòng mình. Nàng dệt bài thơ lộn quanh trên bức gấm (gọi là Chức cầm hồi văn), đem dâng lên vua để xin vua tha cho chồng trở về sum họp gia đình. Vua đọc bài thơ, lòng cảm động, lại thương tài dệt của nàng, nên cho phép Đậu Thao trở về sum họp cùng nàng.

633. Sửa từ nết ngày thâu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điêu thô.

Xấu xa rách rưới lõa lồ,

636. Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.
Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,
Ráng theo cha học lễ học văn.

Phép xưa tùng phụ đã rằng,

640. Dựa thân cội tử đợi hàng trượng phu.

CHÚ THÍCH :

Bốn câu 633-634-635-636 : Mẹ dạy con gái về HẠNH.

Ngày thâu : suốt ngày. *Điêu thô* : điêu thô lỗ vụng về, không lịch sự. *Rách rưới lõa lồ* : nghèo nàn mặc quần áo rách rưới để hở cả da thịt. *Đoan nghiêm* : đoan trang nghiêm nghị.

Hai câu 635-636 : Dầu cho không đẹp, lại nghèo nàn, nhưng giữ đức hạnh cho đoan trang nghiêm nghị thì cũng được khen là con gái nhà lương thiện đạo đức.

Bốn câu 637-638-639-640 : Mẹ dạy con gái TÙNG PHỤ, một trong Tam Tùng.

Học lễ học văn : do câu : Tiên học lễ, hậu học văn. Trước hết là học về lễ nghĩa phép tắc xử thế, sau đó mới học văn chương thơ phú.

Tùng phụ : theo cha. Con gái lúc còn nhỏ, chưa chồng, ở nhà thì tùng cha, nghĩa là phải nghe lời cha mẹ.

Cội tử : cội cây thị. Tử là cây thị. Kinh Thi : Duy tang dũ tử, tất cung kính chi. Nghĩa là : nơi có cây dâu và cây tử, tất phải cung kính. Bởi vì cây dâu và cây thị này do cha mẹ trồng, nay cha mẹ mất rồi, thấy nó thì tưởng nhớ đến cha mẹ.

Dựa thân cội tử : sống dựa vào cha mẹ.

Trượng phu : vợ gọi chồng là trượng phu.

641. Thánh xưa dạy từ câu nói hiếu,
Đạo thờ thân chầm khúi nén kinh.

Tích xưa nhắc đến Đê Oanh,

644. Thương cha nén phải bán mình kêu oan.

CHÚ THÍCH :

Bốn câu thơ này, Mẹ dạy con gái về chữ HIẾU.

Đạo thờ thân : bốn phận của con phải thờ kính cha mẹ.

Chầm khúi : vá víu lại cho lành.

Kinh dạy về chữ Hiếu gọi là *Hiếu Kinh*.

Hai câu 643-644 : Nhắc sự tích nàng Đê Oanh rất có hiếu với cha :

Đê Oanh : Theo Liệt Nữ truyện, Đê Oanh là con gái út của Thuần Vu Ý đời nhà Hán. Thuần Vu Ý không con trai, chỉ có năm con gái. Vu Ý phạm tội, bị vua xử chém.

Vu Ý than rằng : Vì không có con trai, nên trong lúc nguy cấp không biết trông cậy vào đâu được.

Nàng Đê Oanh nghe cha than thở thì theo cha vào kinh đô, rồi dâng sớ lên vua, trong đó có câu :

“ Kẻ thác rồi không sống lại được, vậy xin Bệ hạ cho tiện nữ vào hậu cung, nguyện làm tôi mợi trọn đời để chuộc tội cho cha.”

Vua Hán Văn Đế cảm động trước sự hiếu thảo của nàng Đê Oanh, nên xuống chiếu tha tội chết cho Thuần Vu Ý.

Sự tích nàng Đê Oanh là để tượng trưng con gái có lòng hiếu thảo với cha mẹ.

Con gái hay con trai, con nào hiếu thảo với cha mẹ thì giúp được cha mẹ nhiều việc quan trọng.

645. Bến nước gái mơ màng trong đục,
Đếm mười hai họa phúc khó lừa.

Xem cha cư xử mà ngừa,

648. Phòng sau cho khỏi đổ thừa lỡ duyên.

CHÚ THÍCH :

Mười hai bến nước : Tục ngữ có câu : 12 bến nước, trong nhờ đục chịu. Trong Truyền Lục Vân Tiên có câu :

Lênh đênh một chiếc thuyền tình,

Mười hai bến nước biết mình về đâu ?

Thời xưa, các cụ ví thân con gái như chiếc thuyền, xã hội như biển rộng mênh mông, các hạng người trong xã hội như 12 bến nước. Thuyền sẽ chọn một bến nước để ghé vào đậu thuyền. Nếu gặp bến nước trong thì hưởng sự tốt đẹp, nếu gặp bến nước đục thì phải chịu lầm khổ cực nhọc nhằn.

Thường người ta cho rằng, 12 bến nước là chỉ 12 hạng người trong xã hội, có thể kể ra : Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngư, Tiêu, Canh, Mục, Nho, Y, Lý, Bốc.

Nho là người có học thức Nho văn. Y là thầy thuốc, Lý là thầy địa lý, Bốc là coi bói. Thật ra thì Nho, Y, Lý, Bốc cũng nằm trong chữ Sĩ. Cũng có người cho rằng 12 bến nước là 12 tuổi : Tý, Sửu, Dần, , Tuất, Hợi.

Kể 12 hạng người như trên thì không ổn lầm vì còn nhiều hạng người nữa. Chúng ta nên nghĩ rằng, người xưa dùng số 12 là để chỉ một số nhiều và cho đẹp lời.

Hơn nữa, trong dân gian thường có sự giải thích theo kiểu liên tưởng với từ ngữ “*Thập nhị nhân duyên*” của nhà Phật thành 12 cái nhân duyên của người con gái, từ đó nảy sanh từ ngữ 12 bến nước.

Khó lừa : khó lừa lọc, khó lựa chọn. Lừa là lựa chọn.

649. Cao niên biết tuyển hiền đáng mặt,
Khỏi lầm mưu kẻ giặc phong tình.
Sự đời thấu rõ dạng hình,
652. Trá ngôn lánh chước gia đình pháp nghiêm.
Đợi nơi cửa khách tìm thức ngọc,
Đừng đỗ đường rời bốc áo hoa.
Trông người so sánh với ta,
656. Lưỡng tài cân sắc hiệp hòa mới nên.

CHÚ THÍCH :

Cao niên : người lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm sống.

Tuyển hiền : tuyển lựa người tài giỏi có đạo đức.

Phong tình : lảng lơi tình tứ, không đứng đắn trong giao tiếp giữa nam và nữ. *Kẻ giặc phong tình* : kẻ phong tình được xem như là giặc phá hoại luân lý đạo đức.

Trá ngôn : lời nói giả dối. *Trá ngôn lánh chước* : xa lánh phuруг cách dùng lời nói giả dối.

Gia đình pháp nghiêm : phép tắc nghiêm khắc trong gia đình.

Thức ngọc : thức là thứ, món, ngọc là loại đá quý. Thức ngọc là chỉ người con gái đẹp.

Đỗ đường : dừng lại giữa đường.

Câu 654 : Đừng đi ra ngoài đường mà đem cái duyên của mình trao cho người trai.

Lưỡng tài cân sắc : đo lường cái tài năng của người trai có cân xứng với cái sắc đẹp của mình không ?

Hai câu 655-656 : Xem xét chàng trai để so sánh với mình, cái tài của chàng trai và cái sắc đẹp của mình phải cân xứng nhau thì mới hoà hiệp nên việc vợ chồng.

657. Ai nam tử giữ bên tơ tóc,
Nhiều người hay lừa lọc câu thè.
Trước khen sau ắt có chê,
660. Ghi tâm tánh đức, kiếm bề phụ nhau.
Rủi đế khách tóm thâu tiết hạnh,
Tránh không qua nhẹ tánh nghi ngò.
So mình nấm dẽ tóc tơ,
664. Ngoài ra còn lầm hăng hờ lứa đôi.

CHÚ THÍCH :

Giữ bên tơ tóc : giữ gìn lâu bền tình nghĩa vợ chồng.

Lừa lọc : không có nghĩa là chọn lọc cẩn thận, trong trường hợp này, lừa lọc có nghĩa là lừa gạt người bằng mánh khoe xảo trá. *Lừa lọc câu thè* : con trai thè thốt dối trá để lường gạt con gái nhẹ dạ dẽ tin.

Ghi tâm : ghi khắc vào lòng. *Tánh đức* : đức tánh.

Kiếm bề : tìm cách. *Phụ nhau* : đối xử tệ bạc với nhau.

Hai câu 659-660 : Người con trai giả dối, trước mặt con gái thì khen nào là đẹp, nào là có duyên, nhưng khi người con gái đi khuất rồi thì lại chê; bên ngoài thì giả bộ ghi tâm tánh đức, nhưng trong lòng thì kiếm cách bỏ nhau.

Tiết hạnh : ý nói cái trinh tiết của người con gái.

Nhẹ tánh : nhẹ dạ dẽ tin người nên thường bị lừa gạt.

Câu 662 : Tránh không khỏi cái tánh nhẹ dạ dẽ tin người mà đậm ra nghi ngờ chuyện nợ chuyện kia.

Hăng hờ : hờ hững, lạnh nhạt trong quan hệ tình cảm, không chút chăm nom hay lưu ý đến.

Hai câu 663-664 : Con gái mà để con trai tóm thâu tiết hạnh dẽ dàng thì nó sẽ hững hờ trong việc tiến tới hôn nhân.

665. Nét xuân sắc mấy hồi là trọng,
Xuân lỡ rồi khó mộng xuân nguyễn.

Thà cho đáng mặt thuyền quyền,

668. Đừng làm cầm sắt ra duyên bĩ bang.
Khi gặpặng phải trang tài mạo,
Hoặc trao trâm đắp áo làm tin.

Thì toan giữ vẹn chung tình,

672. Đưa thoi đừng để lỗi mình nữ trung.

CHÚ THÍCH :

Xuân sắc : vẻ đẹp trẻ trung của con gái. Chữ *Xuân* thường được dùng để chỉ tuổi trẻ.

Câu 666 : Tuổi xuân đã lỡ qua rồi thì khó mà mơ ước tuổi xuân nguyên vẹn trở lại. (Tuổi trẻ qua rồi thì không trở lại).

Thuyền quyền : người con gái xinh đẹp dịu dàng.

Cầm sắt : cây đàn cầm và cây đàn sắt, hai thứ đàn này hòa âm thì nghe rất hay, nên cầm sắt được ví đôi vợ chồng hòa hợp. *Bĩ bang* : Bĩ là bế tắc, bang là tiếng đệm. *Duyên bĩ bang* : cảnh hai người yêu nhau đến hồi tan rã.

Trang tài mạo : người tài giỏi và có hình dáng đẹp đẽ. Dùng chữ *Trang* là có ý lịch sự, tốt.

Câu 670 : Người con gái yêu người con trai, nàng có thể lấy cây trâm cài tóc hoặc chiếc áo trao cho chàng để làm vật đính ước hôn nhân.

Đưa thoi : do câu : Nhặt nguyệt như thoa, nghĩa là ngày tháng qua mau như cái thoi dệt vải, đưa qua đưa lại rất mau.

Nữ trung : trong giới phụ nữ.

Hai câu 671-672 : Đã đính ước cùng nhau thì phải lòng giữ chữ chung chình, dù ngày tháng qua mau nhưng phận gái đừng để cho lỗi ước.

673. Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,
Phải tùng phu là phép xưa nay.

Mạnh Quang tích trước ghi tài,

676. Tề mi vẹn đạo chẳng nài khổ thân.

CHÚ THÍCH :

Bốn câu thơ trên : Mẹ dạy con gái xuất giá TÙNG PHU.

Tùng phu : Khi có chồng phải tùng theo chồng. Đây là một trong Tam Tùng của người phụ nữ. Điều này rất tự nhiên, vì người chồng làm chủ gia đình, lo làm lụng nuôi sống vợ con, nên người vợ giữ vai trò phụ tá chồng, tùng theo chồng.

Tề mi : do câu : Cử án tề mi, nghĩa là nâng mâm cơm lên ngang mày, dâng cho chồng ăn, tỏ ý kính phục chồng.

Vẹn đạo : trọn vẹn đạo làm vợ.

Mạnh Quang : Thời Đông Hán, ở huyện Bình Lăng có một thư sinh tên là Lương Hồng, học trong nhà Thái Học, có học lực uyên bác, nhưng nhà nghèo, phải đi chăn heo mướn kiếm sống qua ngày, đặng lo học tập, bụng vẫn nuôi chí lớn.

Ở cùng huyện có người con gái họ Mạnh tên Quang, tuy không có sắc đẹp như nhưng có đủ tứ đức. Nhiều người trọng đức khinh sắc hỏi cưới nàng, nhưng nàng không chịu. Đến năm 30 tuổi, cha mẹ nàng buồn rầu thấy con gái chưa chịu lấy chồng, thì nàng nói : “ Con có lấy chồng thì chồng phải có đức hạnh và khí tiết như Lương Hồng mới chịu.”

Lương Hồng nghe được chuyện đó, biết nàng Mạnh Quang là tri kỷ của mình, nên đến hỏi cưới nàng làm vợ.

Khi làm lễ thành hôn, nàng Mạnh Quang mặc quần áo lộng lẫy, trang sức vàng ngọc quý giá, cốt làm tăng vẻ đẹp để vừa ý chồng. Lương Hồng thấy vợ như thế thì không bằng lòng, nhưng không nói gì.

Đám cưới đã qua 7 ngày đêm mà chàng chưa chịu giao bô hợp cẩn. Mạnh thị dò xét mới biết được ý chồng, liền bỏ hết lụa

gấm, trang sức quý giá, thay đổi để mặc quần áo vải bô, dùng cây gai làm thoả giặt tóc (Kinh thoả bố quần).

Lương Hồng thấy vậy vui mừng nói :

- Như vậy mới đúng là vợ của Lương Hồng. Hồng này không màng danh lợi, không ham tiền của bạc vàng, chỉ muốn sống thanh bần giữ tròn khí tiết và đức hạnh, cùng với vợ tương kính thương yêu.

Lúc bấy giờ triều chính thối nát, quan lại những nhiễu, vợ chồng Lương Hồng vào ở ẩn tại Bá Lăng, tỉnh Thiểm Tây, là nơi thâm sơn cùng cốc, chồng cày cấy, vợ dệt vải, lúc rảnh rang thì cùng đọc sách, đánh đàn, ngâm thơ, vợ chồng kính ái lẫn nhau, đời sống thật vui vẻ hạnh phúc.

Sau đó, vợ chồng Lương Hồng lại đến cư ngụ ở Lạc Dương. Lương Hồng thấy triều đình quá hủ bại, mới làm bài ca nhan đề “Ngũ Y”. Có người xấu bụng đem bài ca nầy tâu với vua, vua truyền lệnh bắt Lương Hồng.

Chàng phải trốn đi, thay tên đổi họ, chạy sang đất Ngô, tạm làm nghề giã gạo thuê cho một nhà giàu để tạm sống qua ngày.

Mỗi lần chàng giã gạo thuê xong, trở về nhà, nàng Mạnh Quang sửa soạn cơm nước xong xuôi, dọn lên một cái mâm, nâng mâm lên ngang mà, dâng lên cho chồng ăn cơm. [Cử án tề mi]

Người nhà giàu tình cờ trông thấy được, nghĩ rằng : Người giã gạo thuê nầy được vợ kính trọng như thế ắt không phải là kẻ tầm thường. Do đó, người nhà giàu mời vợ chồng Lương Hồng đến ở luôn trong nhà và trọng đãi.

Nàng Mạnh Quang để lại cho đời một tấm gương sáng về đạo tùng phu. Nhưng nàng Mạnh Quang sống vào thời quân chủ, trọng nam khinh nữ, chồng chúa vợ tôi, nên cách thức “Cử án tề mi” của nàng thời đó đúng, nhưng đối với thời dân chủ ngày nay, nam nữ bình quyền thì hành động ấy có phần quá đáng, không còn phù hợp nữa.

677. Vợ Châu Công đình thần mạng phụ,
 Ở thôn quê lam lụ làm ăn.
 Chồng thì triều nội cao sang,
680. Vợ lo canh củi cơ hàn tẩm thân.
 Giúp chồng trọng ân cần nghiệp chánh,
 Mới nên trang chúa thánh tôi hiền.
 Vợ không tham nhũng kim tiền,
684. Chồng lo trọng đạo nấm quyền chăn dân.

CHÚ THÍCH :

Tám câu thơ trên nói về sự tích của Vợ ông Châu Công Đán, đời nhà Châu.

Dinh thần : bê tôi của vua nơi triều đình, tức là quan lớn trong triều. *Mạng phụ* : vợ của quan được vua phong tước.

Lam lụ làm ăn : làm ăn vất vả cực nhọc.

Triều nội cao sang : quan lớn cao sang trong triều đình
Canh củi : nghề dệt vải thủ công. *Cơ hàn* : đói lạnh.

Nhiếp chánh : nhiếp là kiêm nhiệm, chánh là việc chánh trị trong nước. Nhiếp chánh là thay thế vua (vì vua còn nhỏ tuổi chưa đủ sức nắm quyền trị nước) giữ việc chánh trị trong nước.

Chúa Thánh tôi hiền : vua thì có đức độ và sáng suốt như bực Thánh, bê tôi thì đúng bực hiền tài.

Tham nhũng : lợi dụng quyền hành của một vị quan để hoạnh hẹ dân đói tiền hối lộ. *Kim tiền* : vàng và tiền bạc.

Chăn dân : do chữ Hán là Mục dân, vì người xưa cho rằng, vua quan cai trị dân chúng giống như mục đồng chăn gia súc. Chăn dân là từ ngữ xưa, chỉ việc cai trị dân chúng.

685. Phạm Trọng Yêm mấy lần xa vợ,
Nợ quân vương nhiều thuở truân chuyên.
May duyên gặp đặng vợ hiền,
688. Thanh liêm chánh trực giữ bền lòng son.

CHÚ THÍCH :

Bốn câu thơ trên nói về sự tích ông Phạm Trọng Yêm.

Nợ quân vương : món nợ đối với vua vì hưởng lộc vua.

Truân chuyên : nhiều nỗi gian nan vất vả.

Chánh trực : ngay thẳng.

Lòng son : Chữ hán là Đan tâm, nghĩa là lòng đỏ như son, tức là ngay thẳng trung thành trước sau như một.

Phạm Trọng Yêm : tự là Hy Văn, người xứ Tô Châu, tánh tình cương trực nhưng ôn hòa.

Ngay từ lúc thi đậu Tú Tài, họ Phạm đã nghĩ rằng chuyện chánh trị quốc gia là trách nhiệm của ông. Ông thường nói :

“Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ.”

Câu nói này được truyền rộng rãi từ đời Tống đến nay.

Sau đó ông thi đậu Tiến Sĩ, làm quan dưới triều Tống Nhân Tông, đến chức Lại Bộ Viên Ngoại Lang, từng giữ chức Tri Châu ở Hàng Châu.

Ông có tánh trọng nghĩa khinh tài, đối xử với bà con rất có hậu. Ông mua vài trăm mẫu ruộng dùng làm nghĩa địa cho dòng họ và lấy huê lợi chau cấp cho bà con khi đau ốm hay ma chay.

Ông có người con tên Nhân Đức, tánh cũng háo nghĩa như ông. Lúc ông làm quan ở Khai Phong, để dành được 500 thùng lúa, sai con chở về quê. Nhân Đức đến Đan Dương, gặp bạn cũ của cha là Thạch Man Kha, đang lúc cùng quẩn, lại chẳng may bị 3 cái tang cùng lúc. Nhân Đức liền lấy 500 thùng lúa cho Man Kha lo việc ma chay và lại cho luôn chiếc ghe bán lấy tiền gả hai đứa con gái.

Chừng Nhân Đức trở về nhà thuật lại việc làm của mình cho cha nghe thì ông không rầy la mà lại khen con : Vậy mới phải là con của ta.

689. Phải căn nợ cách non cõng gấp,
Lỡ trái duyên vội gấp ra hứ.
Con xem từ trước đến chừ,
692. Đáng anh hùng gấp anh thư mấy người ?
Dầu đẹp xấu để đời luận biện,
Vui duyên con, thân miễn an vui.
Đừng chê chồng phận thiệt thòi,
696. Đáng danh quân tử phải người lang quân.

CHÚ THÍCH :

Căn nợ : món nợ có gốc rễ từ kiếp trước, tức là món nợ đã thiếp từ kiếp trước, nay kiếp này phải trả.

Cách non : cách xa một cái núi, ý nói xa xôi cách trở núi sông. *Trái duyên* : tình duyên ngang trái, đổ vỡ.

Lỡ trái duyên : khi lỡ gặp cảnh tình duyên ngang trái.

Vội gấp : vội vã gấp rút. *Đến chừ* : đến bây giờ.

Anh thư : người phụ nữ tài giỏi nổi bậc hơn người.

Luận biện : đưa ra nhiều lý lẽ để bàn cãi đúng sai.

Câu 694 : Mẹ khuyên con gái nên an phận, vui vẻ với cuộc sống gia đình mà mình đang có.

Quân tử : người có tài đức hơn người, sẵn sàng đem tài sức ra giúp đỡ. Người quân tử là mẫu người lý tưởng mà Nho giáo nêu lên để giáo dục thanh niênn.

Lang quân : tiếng vợ gọi chồng.

Hai câu 695- 696 : Đừng nên chê chồng là kẻ bất tài, chịu phận thiệt thòi, cũng đừng nên nghĩ rằng, đáng mặt là người quân tử thì mới phải là chồng của mình, bởi vì duyên nợ vợ chồng của hai người đã được cái nghiệp định ra từ kiếp trước.

697. Chữ hằng dạy thanh xuân bất tái,
Vợ người rồi danh gái hết kêu.
Noi gương đức tánh Nhị Kiều,
700. Dở dang Du Sách, giữ điệu tiết trinh.
Hết nghĩa rě khinh kim cài,
Khó tưới hoa trở lại thanh tươi.
Hư nêu cũng có một đời,
704. Hay chi thay đổi nhành mai sái mù.

CHÚ THÍCH :

Chữ hằng dạy : sách thường dạy rằng.

Thanh xuân bất tái : tuổi trẻ không trở lại. Thanh xuân là tuổi trẻ, tái là lập lại.

Nhị Kiều : hai nàng Kiều đẹp nhất của đất Giang Đông nước Đông Ngô. Chị là Đại Kiều, gả cho Tôn Sách, vua nước Đông Ngô; em là Tiểu Kiều, gả cho Châu Du, Đại Đô Đốc Thủy Quân của Đông Ngô. Tôn Sách và Châu Du đều chết sớm, hai nàng Kiều ở vậy chờ chồng, thủ tiết nuôi con.

Dở dang : tình duyên dang dở vì chồng chết sớm.

Du Sách : Châu Du và Tôn Sách.

Thất nghĩa : mất cái tình nghĩa.

Kim cài : tình nghĩa vợ chồng. (Xem Chú thích C. 111)

Hai câu 701-702 : Khi tình nghĩa vợ chồng đã mất rồi thì khó mà hàn gắn lại được như lúc đầu.

Nhành mai sái mù : Cành mai chỉ có giá trị trong mấy ngày Tết, ai cũng quý trọng, đem đặt nơi thật trang trọng để cầu sự may mắn đến với gia đình trong năm mới. Nếu cành mai nở sái mù, không đúng vào dịp Tết, thì giá trị của nó chẳng đáng bao nhiêu. *Cành mai sái mù* là ý nói người con gái lỡ thời, đã qua thời xuân sắc tươi trẻ.

705. Tri âm ví đáng dây cầm nguyệt,
Đừng đem tình chí thiết giao hoan.
Căn duyên dâu có phụ phàng,
708. Cũng do tiết giá mở đàng ngại lo.
Trai bảy thiếp cũng cho chabilidad,
Gái lộn chồng đã hoại tánh danh.
Con coi phận mẹ mỏng mành,
712. Chánh thê nay lại sánh mình thứ thê.

CHÚ THÍCH :

Tri âm : hiểu biết tiếng đàn, chỉ đôi bạn hiểu thấu lòng nhau, theo điển tích Bá Nha - Tử KỲ.

Cầm nguyệt : Cầm là cây đàn, nguyệt là mặt trăng.
Cầm nguyệt là cây đàn mà thùng đàn hình tròn như mặt trăng.

Câu 705 : Đôi bạn hiểu biết nhau sâu sắc xứng đáng là bạn tri âm.

Tình chí thiết : tình yêu rất tha thiết.

Giao hoan : chỉ sự ân ái giữa nam nữ hay vợ chồng.

Căn duyên : duyên vợ chồng có gốc rễ từ kiếp trước.

Tiết giá : lòng trong sạch cứng cỏi đối với chồng.

Gái lộn chồng : gái bỏ chồng này đi lấy chồng khác, chỉ hạng gái hư thân mất nết.

Hoại tánh danh : Hư hỏng họ tên.

Hai câu 709-710 : Lấy ý theo câu ca dao : Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng. (Chính chuyên là đứng đắn trung thành). Thời xưa cho phép đàn ông có nhiều vợ (chế độ đa thê), nhưng đàn bà chỉ được có một chồng. Gái nhiều chồng thì bị người ta chê cười là gái lộn chồng.

Mỏng mành : đồng nghĩa mỏng manh.

Chánh thê : vợ chánh. *Thứ thê* : vợ thứ, tức là vợ bé.

713. Muốn còn phước dựa kề quân tử,
Phải hạ mình đặng xử vuông tròn.
Chia chồng vì dạ sắt son,
716. Nhịn chồng bởi chút sấp con cái nhà.
May tiểu thiếp biết hòa biết thuận,
An thân chồng đẹp xứng nợ duyên.
Rủi ro gặp gái bán thuyền,
720. Loạn gia phải chịu thảm phiền lấm cơn.
Thà thấy dạng còn hơn hiu quạnh,
Nên cắn răng nhịn nhín tình thương.
Ai đời thắt dạ mà lường,
724. Bưởi bòng bụng gái vẫn thường giống nhau.

CHÚ THÍCH :

Dựa kề quân tử : gân gùi kề bên chồng.

Hạ mình : tự đặt mình xuống địa vị thấp để mưu cầu một việc gì.

Chia chồng : ý nói để cho chồng có vợ bé.

Câu 716 : Nhường nhịn chồng vì còn lo nuôi mấy đứa con trong nhà.

Tiểu thiếp : vợ nhỏ của chồng.

Gái bán thuyền : con gái đem bán cái duyên của mình, chờ không có nghĩa chi hết. Đó là hạng gái chỉ biết có tiền, còn tiền thì còn tình, hết tiền thì hết tình.

Cắn răng : cố gắng chịu đựng âm thầm.

Nhịn nhín : nhịn bớt để chia sớt cho người khác.

Bưởi bòng : trái bòng nhỏ hơn bưởi nhưng chua hơn.

Bưởi bòng bụng gái : ý nói đàn bà con gái có tính ghen tuông.

725. Cội thung thấy càng cao tuổi hạc,
Nhớ liễu mai chêch mác mà đau.

Trường đình giục thảm canh thâu,

728. Gối còn nửa nguyệt đỡ đầu phòng thu.

CHÚ THÍCH :

Cội thung : chỉ người cha. (Xem Chú thích câu 489).

Tuổi hạc : tuổi của con chim hạc, ý nói rất lớn tuổi. Hạc là loại chim sống đến cả ngàn năm, nên gọi tuổi hạc là ý muốn cha mẹ sống lâu.

Liễu mai : cây liễu và cây mai được ví với người phụ nữ, vì con gái thì mảnh khảnh như mai, thưốt tha như liễu.

Chêch mác : nghiêng ngã xiêu vẹo.

Trường đình : Bên nước Tàu thời xưa, những quãng đường gần đô thị thường có trồng cây liễu ở hai bên đường, rồi cách 5 dặm đường thì dựng lên một cái nhà nhỏ gọi là Đoản đình, 10 dặm đường thì dựng lên một cái nhà lớn hơn gọi là Trường đình. Những người đi xa, cùng những người đưa tiễn, đem nhau vào Đoản đình hoặc Trường đình để uống rượu từ biệt nhau, rồi bẻ cành liễu tặng nhau làm roi ngựa.

Do đó, Trường đình là chỗ từ biệt nhau.

Nửa nguyệt : phân nửa mặt trăng. *Dỗ đầu* : kê đầu.

Phòng thu : chỉ người vợ đã luống tuổi.

Gối còn nửa nguyệt : ý nói người chồng đã đi rồi, chỉ còn người vợ ở nhà một mình trong phòng. Thơ cổ có câu :

Thùy bả kim bôi phân lưỡng đoạn,

Bán trầm thủy để, bán phù không.

(Ai đem chén vàng chia hai mảnh,

Nửa chìm đáy nước, nửa trên không.)

Truyện Kiều : Vầng trăng ai xé làm đôi,

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Đây là tả cảnh vợ chồng ly biệt rất văn chương, tuyệt diệu.

729. Con quốc quốc chưa âu đỗi bạn,
Máu đổ quyên đợi mãn kiếp sanh.

Trương phu hà hải đã đành,

732. Nỡ nào đày thiếp một mình tương tư.

CHÚ THÍCH :

Con quốc quốc : chim đỗ quyên. *Chưa âu* : có lẽ chưa.

Đỗ quyên là tên của một giống chim, còn gọi là chim Đỗ Vũ, Tử Quy, tiếng nó kêu quốc quốc nên cũng được gọi là chim quốc quốc. Cuối xuân sang hạ thì nó bắt đầu kêu vào đêm trăng thanh vắng, giọng kêu buồn thảm nao nuột, gợi lòng lữ khách nhớ nhà, nhớ quê hương.

Điển tích : Tương truyền, vua nước Thục (Thục Đế) tên là Đỗ Vũ, thấy vợ của một người bê tông tên là Biết Linh rất đẹp, nên thông dâm. Biết Linh bắt được, buộc Thục Đế phải nhường ngôi cho mình và cho Thục Đế dẫn vợ của mình đi để sống cho trọn mối tình với người đẹp. Nhưng thảm cho Thục Đế, người đẹp lại bỏ Thục Đế mà trở về với Biết Linh.

Thục Đế buồn tủi, nhớ ngai vàng, nhớ người đẹp, đành chịu chết trong rừng, hóa thành con chim Đỗ quyên, ngày đêm kêu quốc quốc nao nuột, như hồn Thục Đế kêu than nhớ tiếc ngai vàng, oán giận người yêu.

Hai câu 729-730 : Nói về con chim đỗ quyên để tả nỗi lòng của người vợ vừa thương chồng vừa oán giận chồng đã phụ bạc bỏ nhà ra đi.

Hà hải : sông biển, ý nói đi xa.

Tương tư : sự nhớ thương da diết giữa 2 người yêu nhau.

Hai câu 731-732 : Chồng đã ra đi xa xôi, đã đành cho phận thiếp, nỡ nào đày đọa thiếp trong nỗi niềm thương nhớ.

733. Chiêu Quân chịu giã từ đất Hớn,
Thân cống Hồ ngất ngưởng tha bang.

Thiếp nay cũng giống như nàng,

736. Thân Hồ tâm Hớn đôi dàng khó guyên.

CHÚ THÍCH :

Thân cống Hồ : tấm thân bị đem dâng nạp cho Rợ Hồ nước Phiên ở phương Bắc. *Ngất ngưởng* : lắc lư không vững.

Tha bang : nước khác. Tha là khác, bang là một nước.

Bốn câu thơ trên nói về sự tích : **Chiêu Quân** cống Hồ.

Nàng Chiêu Quân, tên là Vương Tường, tiểu tự là Hạo Nguyệt Chiêu Quân, con gái của Vương Trung, đang làm quan Tri Phủ Việt Châu. Bấy giờ, quan Nội thần Mao Diên Thọ được lệnh vua Hớn Nguyên Đế đi tuyển gái đẹp đưa vào cung. Diên Thọ tuyển được nàng Chiêu Quân, nhưng vì gia đình Vương Trung không tiền lo lót cho Diên Thọ, nên khi vẽ hình Chiêu Quân dâng lên vua Nguyên Đế, Thọ thêm vào mặt Chiêu Quân một nốt ruồi đen dưới mắt gọi là “Thương phu trich lệ” làm Hán Nguyên Đế không dám đưa nàng vào cung. Thọ lại giả chiếu vua, đem Chiêu Quân giam vào lanh cung. Việc đổ bể ra, Diên Thọ bị bắt tội chết, nhưng Thọ lanh chân trốn thoát sang nước Hồ.

Chiêu Quân được vua Hớn yêu mến, đưa nàng vào Tây Cung làm Quý Phi. Thọ qua tâu hót với vua Hồ là nàng Chiêu Quân đẹp nhất trên đời, muốn được nàng thì vua Hồ đem quân đánh vào Trung nguyên buộc vua Hán phải đưa Chiêu Quân qua cống Hồ thì mới bái binh. Kế ấy thành công vì nhà Hán suy nhược, không có tướng tài đủ sức chống cự quân Hồ.

Chiêu Quân được đưa đi, đến Nhạn Môn Quan, nàng lên Nhạn lạc đài, khải một khúc đàn buồn thảm, rồi viết một bức thơ lâm ly thống thiết, buộc vào chân chim nhạn, gửi về Nguyên Đế. Nàng đến đất Hồ, nàng yêu cầu vua Hồ giết chết tên thần Mao Diên Thọ, rồi sau đó nàng tìm cách tự tử, nhảy xuống sông để xác nàng theo dòng nước trôi trở về đất Trung nguyên.

737. Còn Tình Vệ lấp phiền biển ái,
Đòi trả chồng hà hải sóng chôn.

Thiếp thân như ốc mượn hồn,

740. Sóng không biết sống, chết còn ngậm đau.

CHÚ THÍCH :

Tình Vệ : một loài chim nhỏ ở bờ biển.

Tương truyền, con gái vua Viêm Đế (Thần Nông) vượt biển, bị sóng biển đánh chìm chết đuối, hồn mang mối căm hờn, hóa thành chim Tình Vệ, hằng ngày ngậm gỗ và đá ở núi Tây Sơn đem ra lấp biển Đông cho cạn để trả hờn chết đuối vì sóng biển.

Trong văn chương, người ta dùng điển tích này để chỉ mối căm hờn hay điều tức giận dữ dội.

Biển ái : biển ái tình, biển tình yêu, đó là biển khổ.

Hai câu 737-738 : Nỗi tức giận của người vợ như con chim Tình Vệ, muốn lấp bằng biển tình ái, cho hết phiền não, vì biển tình ái đã nhận chìm người chồng bấy lâu nay, để đem chồng trở lại gia đình.

Ốc mượn hồn : ý nói ngơ ngơ ngẩn ngẩn, ngây dại như kẻ mất hồn. Trong Lục Súc Tranh Công có câu :

Dại không ra dại, khôn chẳng nên khôn,

Ngất ngơ như ốc mượn hồn.

Sóng không biết sống : sống mà không biết được hạnh phúc và tương lai, sống mà bị đau khổ đến mức như ngây dại.

Chết còn ngậm đau : chết mà trong lòng vẫn còn mang nỗi đau đớn giận hờn như con gái của vua Thần Nông.

Hai câu 739-740 : Thiếp bấy giờ ngơ ngơ ngẩn ngẩn như kẻ mất hồn, sống mà không biết hạnh phúc và tương lai, mà nếu chết thì linh hồn vẫn còn ngậm đau như con chim Tình Vệ.

741. Nơi Phiên quốc xôn xao lương thảm,
Hạnh Nguơn xưa đã dám hy sinh.

Cũng như thiếp nặng khói tình,

744. Gãy trâm Lương Ngọc, bể bình Lý Uyên.

CHÚ THÍCH :

Lương thảm : nhiều nỗi sầu thảm. Lương là số lượng.

Hạnh Nguơn cống Hồ : Hạnh Nguơn (Hạnh Nguyên) là con gái của Trần Đông Sơ, đính hôn với Mai Bích tự là Lương Ngọc, con của Mai Bá Cao. Bá Cao đang làm quan triều nhà Đuờng, tánh cương trực, nên bị Thái Sư Lư Kỷ căm ghét tìm cách hãm hại. Nhân việc quân Phiên xâm lấn ở phía Bắc, thế quân rất mạnh, quân Đuờng chống cự không lại. Lư Kỷ tâu vua, bắt Hạnh Nguơn đem cống Phiên xin bãi binh. Vua ưng thuận. Đối với Mai Bá Cao, Lư Kỷ vu vào tội chết, truy bắt cả nhà, may mắn là mẹ con Lương Ngọc trốn thoát được. Nàng Hạnh Nguơn, trên đường đi cống Hồ, nhảy xuống đầm Lâm Trì tự tử để thủ tiết cùng Lương Ngọc. Bà Châu Bá Phù may mắn cứu được Hạnh Nguơn, đem về làm con nuôi. Về sau, vua Đuờng xét ra tội trạng của bọn gian thần Lư Kỷ, bắt cả bọn đem chém đầu, minh oan Mai Bá Cao. Lương Ngọc gấp lại Hạnh Nguơn, sum họp gia đình.

Gãy trâm Lương Ngọc : cây trâm đính hôn của nàng Hạnh Nguơn với Lương Ngọc bị gãy, ý nói tình duyên đổ vỡ.

Bể bình Lý Uyên : tấm bình phong kỷ niệm tình duyên vợ chồng của Lý Uyên và Đậu thị bị bể nát, ý cũng nói tình duyên gãy đổ. (Xem Chú thích C. 60)

Khối tình : Tình yêu thương tư bị thất vọng, tụ lại thành một khối không tan, gọi là Khối tình. **Điển tích** : Người con gái chết vì thất tình do người yêu không trở về đúng hẹn. Xác nàng được hỏa táng thì thấy còn lại một khối rắn chắc, đậm không bể. Lúc người tình trở về, nghe thuật lại, cầm khối ấy lên xem, rồi khóc nức nở. Nước mắt chàng rơi lên khối tình, làm khối tình vỡ tan thành nước.

745. Dầu chàng có vui riêng quên thiếp,
Thiếp cũng lo tội nghiệp thân chàng.
Đậm hương cho toại hồng nhan,
748. Gãm thân có lúc khốn nàn ốm o.
Thương chi thật con đò đưa khách,
Nghĩa chi nồng những cách bán duyên.
Còn thân còn mến còn quyến,
752. Hết ưa hết chuộng thì duyên hết nồng.

CHÚ THÍCH :

Đậm hương : ý nói sắc dục quá độ, chơi bời trác táng.

Toại : thỏa lòng. *Hồng nhan* : má hồng, chỉ đàn bà con gái đẹp. Hồng là màu đỏ, nhan là vẻ mặt.

Gãm thân : suy nghĩ kỹ về cái bản thân mình.

Con đò đưa khách : ví thân phận của gái làng chơi, mỗi lần bán dâm, như con đò đưa khách lấy tiền, không có tình nghĩa chi hết.

Nồng : nồng nàn, tha thiết sâu đậm.

Bán duyên : người con gái đem bán cái duyên của mình để lấy tiền, ý nói gái điếm, gái làng chơi.

Hai câu 749-750 : Thương mến làm chi, thật đó chỉ là những gái làng chơi ! Có tình nghĩa nồng nàn gì đối với những kẻ bán duyên !

Hai câu 751-752 : Còn thân thiết, còn thương mến khi người đàn ông còn quyến chức bạc tiền. Hết ưa hết chuộng khi hết quyến hết tiền, thì duyên kia cũng hết nồng nàn.

753. Đây còn nỗi bế bồng thêm trẻ,
Hết giao tình chẳng lẽ không con.
Hai vai gánh nặng thân mòn,
756. Cơn đau thất nghĩa, hầu hờn giảm thương.
Chẳng như thiếp nhớ ơn giải cứu,
Mến từ khi mở nụ đào yêu,
Trăm cay ngàn đắng cũng chiều,
760. Quí thân quân tử, dám liều với thân.

CHÚ THÍCH :

Giao tình : ân ái với nhau trong tình yêu vợ chồng.

Thân mòn : thân thể gầy mòn ốm yếu.

Thất nghĩa : mất đi cái tình nghĩa vợ chồng.

Hầu hờn giảm thương : để mà sự hờn giận làm giảm bớt tình thương yêu chồng. *Hầu* : gầy, sấp, để mà.

Giải cứu : giải là tình cờ, cứu là gặp gỡ. Giải cứu là tình cờ không hẹn mà gặp.

Kinh Thi : Giải cứu tương ngộ, thích ngã nguyện hề. Nghĩa là : Tình cờ gặp nhau, thích nguyện ta vậy.

Đào yêu : (Xem Chú thích câu 602). *Mở nụ đào yêu* : ý nói : con gái mới lớn lên, vừa tới tuổi lấy chồng.

Thân quân tử : tấm thân của chồng.

Câu 760 : Vợ yêu mến và quí trọng chồng đến độ dám liều mình để cứu chồng.

761. Rẻ rúng bấy, hẽ cân cõng trọng,
Quí bao nhiêu, hờ hững cõng khinh.
Chàng thì nhẹ thể vì tình,
764. Thiếp thì lo sợ lụy mình trượng phu.
Niềm âu yếm ai đâu rõ giá,
Vui trăng hoa dối trá là thường.
Ăn nhở, ở tạm, mua thường,
768. Tiếc chi những thói hoa thường buôn ong.

CHÚ THÍCH :

Hai câu 761-762 : Việc coi trọng hay xem khinh là do theo tình cảm thương ghét của mình. Dầu cho người ta coi là rẻ rúng, nhưng vì mình thương yêu nên mình quí trọng; còn người ta cho là quí giá bao nhiêu đi nữa mà mình hờ hững không yêu mến thì mình xem nó cũng tầm thường.

Nhẹ thể : xem nhẹ danh dự của mình. Thể là thể diện.

Lụy mình : tẩm thân bị khốn đốn khổ sở vì dính dấp tới chuyện của người khác. *Trượng phu :* tiếng vợ gọi chồng.

Câu 765 : Tấm lòng yêu mến nhau chân thành, chàng đâu rõ cái giá trị của nó.

Trăng hoa : chỉ việc trai gái không đứng đắn hẹn hò nhau ngầm trăng xem hoa đặng đùa giỡn nhau.

Câu 766 : Trong xóm làng chơi, sự âu yếm lâ lơi, vui đùa với nhau thường là dối trá.

Hoa thường : cái hoa bên tường không có giá trị cả, ai muốn cầm hay muốn bẻ cũng được, chỉ gái làng chơi.

Hoa thường buôn ong : gái làng chơi bán thân cho đám thanh niên phóng đãng (ong bướm) mua vui.

769. Trông tin nhạn về đông mòn mỏi,
Thả lá hồng biết hỏi nơi ai ?

Khối sầu càng chất càng dày,

772. Chờ năm, năm lụn, đợi ngày, ngày qua.

CHÚ THÍCH :

Tin nhạn : tin tức do con chim nhạn mang thơ đưa lại.

Câu 769 : Nói theo điển tích Tô Võ chăn dê :

Tô Võ, tự là Tử Khanh, làm quan Trung Lang Tướng, đời vua Hán Võ Đế, được cử đi sứ sang Hung Nô (nước Phiên hay Rợ Hồ). Chúa Hung Nô là Thuyền Vu biếu Lý Lăng và Vệ Luật, tôi nhà Hán đã đầu Hung Nô, dù Tô Võ đầu Hung Nô luôn. Tô Võ nhứt định không chịu. Thuyền Vu giận, nhốt Tô Võ vào hang đá và bỏ đói 3 ngày cho chết. Tô Võ nhờ vuốt hột sương trên ngù cờ thấm giọng trong 3 ngày nên không chết. Thuyền Vu cho Tô Võ là Thần nên không dám giết, chỉ đày lên Bắc Hải chăn dê, giao hẹn chừng nào dê được đẻ con thì mới tha về nước.

Tô Võ sống 19 năm nơi Bắc Hải, tuy cực nhọc đói lạnh nhưng tinh thần bất khuất, một lòng vì vua vì nước. Mỗi lần chim nhạn lánh tuyết lạnh, bay về hướng Đông Nam thì Tô Võ viết thơ buộc vào chân nhạn, để nó đem về Trung nguyên báo tin cho vua biết, ông hiện còn sống ở Bắc Hải.

Về sau, Thuyền Vu giải hòa với vua Hán, Tô Võ mới được tha về. Vua Hán phong thưởng Tô Võ và cho vẽ hình ông nơi gác Lân để ghi công.

Thả lá hồng : viết thơ lên chiếc lá đỏ, thả trôi theo dòng nước, hay thả cho bay theo gió để tìm dịp may hỏi thăm tin tức của chồng.

Hai câu 769-770 : Người vợ mòn mỏi trông ngóng tin tức của chồng, không biết bấy giờ chàng đang ở đâu ?

Năm lụn : năm tàn. Sự lập lại các từ ngữ : *năm* và *ngày*, làm cho thời gian như kéo dài ra theo sự đợi mỏi mòn.

773. Soi kính cũ mặt hoa đã nhíu,
Tóc hoa râm mày liễu ướm sương.
Mùi chè dưới mắt chán chuồng,

776. Còn duyên chi mộng đến đường tái hôn.
Thôi dành gởi tâm hôn gió tuyết,
Theo nương con cho hết tam tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,

780. Hoặc là chia da não nùng với con.

CHÚ THÍCH :

Soi kính cũ : lấy cái tấm gương cũ ra soi mặt. Lâu ngày không soi mặt trang điểm nên cái gương đóng bụi cũ kỹ.

Mặt hoa dã nhíu : gương mặt đẹp của người vợ bấy giờ
đã nhăn nheo, ý nói đã bắt đầu già rồi.

Mày liễu ướm sương : đôi lông mày lá liễu có một vài sợi bắt đầu bạc như điểm sương trắng. *Ướm* là mới bắt đầu.

Mùi : màu (từ ngữ xưa). *Mùi chê* : màu bị chê, màu xấu.

*Mái tóc và đôi lông mày liêu chuyển sang màu hoa
râm, là màu bị đàn ông chê vì nó báo hiệu tuổi già.*

Mộng : mơ tưởng. *Tái hôn* : lấy chồng một lần nữa.

Câu 777 : Ý nói : Tâm hồn chán chường lạnh lẽo, không còn sôi nổi trong tình yêu, thì đem gởi cho gió tuyêt.

Tam Tùng : ba điều phải theo của người phụ nữ theo luân lý của Nho giáo : Tại gia tùng phu, Xuất giá tùng phu, Phu tử tùng tử.

Câu 778 : Ý nói : Tùng tử.

Nghĩa thủy chung : cách đối xử trước sau như một, không có gì thay đổi. Thủy là lúc đầu, chung là lúc cuối.

Chia dạ : san sẻ nỗi lòng.

Não nùng: buồn rầu sâu đậm.

781. Ngắm đường thế đã mòn vinh nhục,
Đổi thay duyênặng phúc hạnh gì.
Lánh buồn lại lạc lối bi,
784. Rẻ duyên kim cài, đem bì phấn hương.
Liếc mắt ngó vào trường phong nguyệt,
Mua trận cười nào tiếc ngàn vàng.
Chừng cơn phấn lạt hương tàn,
788. Núm mồ bạc mệnh bên đàng cỏ chôn.

CHÚ THÍCH :

Đường thế : con đường đời. *Đã mòn vinh nhục* : đã từng trải qua nhiều lần vinh và nhục.

Rẻ duyên kim cài : coi rẻ cái tình nghĩa vợ chồng.

Phấn hương : buôn phấn bán hương : chỉ gái làng chơi.

Trường phong nguyệt : nơi trăng gió, chỗ để chơi bời.

Câu 786 : theo thành ngữ : *Nứt tiểu thiên kim* : Một tiếng cười giá đáng ngàn vàng. Đó là tiếng cười của nàng Bao Tự làm cho Vua U Vương nhà Châu mất ngôi mất nước.

Điển tích : *Bao Tự* là vợ yêu của U Vương, nàng rất đẹp nhưng luôn luôn ủ đột, không cười. Nàng chỉ ưa nghe tiếng lụa xé. U Vương muốn Bao Tự vui, cho xuất kho ra hằng trăm cây lụa, bảo cung nữ xé ra cho Bao Tự nghe, mặt nàng hơi tươi một chút chớ không cười. U Vương nghe lời nịnh thần Quách Thạch Phủ, sai đốt lửa Phong Hỏa Đài, các chư hầu thấy hiệu lửa tưởng là có giặc đánh kinh đô, cấp tốc kéo quân tới cứu, đến nơi mới biết mắc lừa. Các vua chư hầu tức giận kéo binh trở về. Bao Tự thấy vậy cả cười. Về sau, khi giặc đến thật, U Vương sai đốt lửa Phong Hỏa Đài báo hiệu, các chư hầu không ai đem quân đến cứu. U Vương bị giặc bắt giết ở Ly Sơn. *Phấn lạt hương tàn* : ý nói nhan sắc tàn phai.

Hai câu 787-788 : Nấm mồ của kẻ hỏng nhan bạc mệnh chôn dựa bên đàng, cổ mọc bìm leo (như nấm mồ hoang của nàng kỹ nữ Đạm Tiên trong Truyện Kiều).

789. Nào những khách đoạn trường kim cổ,
Bởi trái duyên nên lỡ gót trần.
Bán xuân khi đắt giá xuân,
792. Thu qua để hẹn hồng quần biết bao.
Hỏi đến khách sớm đào tối mận,
Đón những trang ngọc cận hương thân.
Tầng nghe giá tuyết trong ngần,
796. Cớ sao bị nhiễm phong trần bởi đâu ?

CHÚ THÍCH :

Khách đoạn trường : người phụ nữ có tên trong số đoạn trường, tức là người phụ nữ phải chịu cảnh éo le ngang trái trong tình trường, khiến phải chịu nhiều nỗi gian truân.

Lỡ gót trần : lỡ đi vào nơi cát bụi làm hoen ố tấm thân.

Xuân : chỉ thời con gái son trẻ. *Thu* : chỉ người con gái đã luống tuổi. *Bán xuân* : bán cái nhan sắc lúc tuổi trẻ. *Khi đắt giá xuân* : khi tuổi xuân có giá trị cao. *Thu qua* : người con gái lúc trở về già. *Khách sớm đào tối mận* : chỉ người đàn ông không đứng đắn, sớm cặp cô nầy, tối ôm cô khác.

Đón : hỏi thăm chừng (từ ngữ xưa).

Ngọc cận hương thân : kế bên người ngọc, thân thiết mùi thơm. Ý nói người thường chung đụng gần gũi với đàn bà con gái, tức là người đam mê sắc dục.

Phong trần : có nghĩa đặc biệt là nhà chứa gái điếm.

Điển tích : Theo Hậu Thôn Thi Thoại, Phan Tử Tiên đời Đường để vào bức ảnh của một kỹ nữ : "Gia hựu phong trần trung nhân diệc như thử, thịnh tai ! " nghĩa là : Trong đám nhà chứa cũng có người như thế nầy, thịnh vậy thay !

Trong Truyện Kiều có hai câu tương tự :

Tiếc thay trong giá trăng ngần,
Đến phong trần cũng phong trần như ai.

797. Bởi thuyền bá sóng xao biển ái,
 Bởi non thề sương trai lạnh lùng.
 Bởi chàng phụ tấm tình chung,
800. Bởi tơ duyên cũ, tơ hồng hết xe.
 Bởi nhan sắc không khoe không mặn,
 Bởi hơi đồng không thảng không kêu.
 Bởi quen mùi vị phòng tiêu,
804. Bướm ong kiếm dựa vườn điêu đổi hương.

CHÚ THÍCH :

Thuyền bá : thuyền làm bằng cây bá. Chữ Hán gọi là Bá châu (Bá chu). *Điển tích* : Nàng Cọng Khương, vợ của Vệ Thái Tử, sau khi chồng chết, nàng không chịu tái giá. Cha mẹ cố ép nhưng nàng kiên quyết không chịu và làm bài thơ “Bá châu” để tự khuyên mình. Do đó, thuyền bá là chỉ người góa phụ tiết liệt. *Biển ái* : biển tình ái, cũng là biển khổ.

Câu 797 : Người vợ bị chồng phụ bạc giống như một góa phụ đứng trước những làn sóng của biển tình.

Câu 798 : Bởi vì sương mù trai ra bao phủ non thề, chàng không thấy nó nữa, nên chàng không nhớ đến lời thề.

Hơi đồng : chỉ tiếng đàn, vì dây đàn bằng đồng. *Không thảng không kêu* : dây đàn lên không thảng thì không phát ra tiếng đàn. *Phòng tiêu* : phòng của vợ chánh, cũng chỉ người vợ chánh. Theo Hậu Hán Thư, các Hoàng Hậu đều ở trong tiêu phòng thuộc Cung Vị Ương. Gọi là Tiêu phòng vì vách phòng được trát bằng tiêu tán nhuynh cho thơm và ấm.

Vườn điêu : vườn đào, chỉ nơi ở của đàn bà con gái. *Đổi hương* : chán mùi hương cũ, đổi mùi hương mới.

Hai câu 803-804 : Bởi quen mùi vị của vợ chánh nên nhảm chán, học đòi theo đám bướm ong, đi tìm nơi có nhiều gái đẹp đặng thay đổi mùi vị.

805. Bởi hoa chạ bên đường dẽ hái,
 Bởi buôn hương nặng ngãi nhiều nhơn.
 Đờn hay vặt lấm trục lờn,
808. Đổi hơi cầm sắt ra trường ca xang.
 Bởi vào trường ra màn hết vị,
 Bởi ngồi lớn lên kỷ hết nồng.
 Nên ưa mèo mả gà đồng,
812. Bỏ hình loan phụng dựa lồng chim xanh.

CHÚ THÍCH :

Hoa chạ bên đường : bông hoa của cây cổ mọc hoang bên đường, không sắc không hương, chỉ gái làng chơi.

Nặng ngãi nhiều nhơn : nặng nhiều nhơn nghĩa.

Hai câu 805-806 : Bởi hay gần gũi với gái làng chơi, bởi nghe bọn chúng nói những lời đường mật nhân nghĩa.

Câu 807 : Ngón đòn dù có hay mà cứ lên dây vặt trực hoài thì trực mau lờn, đòn mau hư. Ý so sánh việc làm của người kỹ nữ, họ sẽ sớm bị bệnh mà chết.

Đổi hơi cầm sắt : thay đổi tiếng đòn cầm đòn sắt, ý nói thay đổi cuộc vợ chồng hòa hợp. *Ca xang* : múa hát.

Câu 808 : Thay đổi cảnh vợ chồng hòa hợp, đi tìm nơi múa hát vui chơi.

Hết vị : hết mùi vị, chán rồi. *Ngồi lớn lên kỷ* : ngồi hoài trên cái ghế. *Hết nồng* : hết cảm thấy nồng nàn.

Hai câu 809-810 : Nhàm chán cảnh sống giàu có êm đềm.

Mèo mả gà đồng : Con mèo hoang ngoài mả, con gà hoang ngoài đồng. Ý nói kẻ vô lại, hoang đàng.

Bỏ hình loan phụng : bỏ cảnh vợ chồng tốt đẹp.

Chim xanh : loại chim thường, không cao quý như chim loan và phụng. *Dựa lồng chim xanh* : ý nói đi giao du với những kẻ tầm thường không ra gì.

813. Bởi mến cảnh đồi cành đài liễu,
 Bởi ưa hoa bận biju đài hoa.
 Bởi ham nguyệt rạng lánh nhà,
816. Đèn chong buồn bức lập lòa rèm thu.
 Bởi quen mặt đào châu bớt đẹp,
 Bởi nhìn thường hoa ép liễu nài.
 Chê vành xuân hết biju mai.
820. Kiếm đường hỏi liễu Chương đài bao mươi.

CHÚ THÍCH :

Dôi cành đài liễu : vài nhánh liễu ở xóm Chương đài.
 Xóm Chương Đài ở Trường An là xóm tập trung nhiều kỹ nữ.

Liễu Chương đài là chỉ các nàng kỹ nữ. *Ưa hoa* : Ý nói mê gái. Hoa hay Đài hoa là chỉ đàn bà con gái.

Nguyệt rạng : trăng sáng, chỉ người con gái đẹp, bởi vì trên cung nguyệt có nàng Hằng Nga. *Lánh nhà* : đi khỏi nhà.

Rèm thu : rèm là tấm đan bằng tre treo trước cửa. Rèm thu có nghĩa như Phòng thu, nơi ở của phụ nữ luống tuổi.

Câu 816 : Cảnh người vợ đã luống tuổi thức khuya chong đèn ngồi buồn bức nhớ chồng.

Đào châu : hoa đào và hạt châu, chỉ người con gái đẹp.

Hoa ép liễu nài : ý nói các cô kỹ nữ níu mời mọc.

Vành xuân : vành trăng xuân.

Hai câu 817-818 : Bởi thấy người vợ hoài, nên dù vợ có đẹp cũng cảm thấy bớt đẹp. Bởi thường thấy cảnh các cô kỹ nữ nài ép mời mọc các chàng.

Câu 819 : Chê vành trăng xuân hết ghẹo chọc hoa mai, ý nói mùa xuân đã qua, chê người vợ không còn xuân sắc nữa.

Câu 820 : Kiếm đường đi đến tìm các cô kỹ nữ trẻ đẹp.

821. Bởi cửa tía bóng trời nồng nực,
 Bởi hiên thu gió chật đường ong.
 Cánh hồng quen với cuồng phong,
824. Nước non thế giới vẫy vùng tinh trăng.
 Bởi cung Quảng bóng Hằng nhấp nhóá,
 Bởi đèn Ngô nghe gã Tây Thi.
 Bởi ham bóng sắc hơn chì,
828. Mỹ nhân thấy dạng kể gì đến duyên.

CHÚ THÍCH :

Cửa tía : cửa màu đỏ, chỉ nhà giàu sang quyền quý.

Bóng trời nồng nực : ánh sáng mặt trời nóng nực.

Hiên thu : hiên là cái mái hiên trước nhà. Thu là tiếng dùng cho đẹp lời và gợi ý buồn. *Gió chật đường ong* : ý nói đám thanh niên như ong bướm đi chật ngoài đường.

Cánh hồng : cánh của con chim hồng.

Tinh trăng : tinh tú và mặt trăng, chỉ bầu trời.

Hai câu 825-826 : Bởi nơi cung Quảng Hàn ở trên mặt trăng có thấp thoáng bóng nàng Hằng Nga. Bởi nơi đèn vua nước Ngô là Ngô Phù Sai có nàng Tây Thi rất đẹp.

Bóng sắc : sắc đẹp của đàn bà con gái. *Chì* : kim loại nặng, chỉ tình nghĩa vợ chồng nặng như chì, do câu 137 : Nhẹ là bức, nặng chì tình nghĩa. *Mỹ nhân* : người đẹp.

Hai câu 827-828 : Bởi ham mê sắc đẹp hơn là tình nghĩa vợ chồng, nên khi thấy người đẹp thì chạy theo, đâu kể gì đến duyên vợ chồng.

829. Quen xa mã chê thuyền là chậm,
Đã mùi chàm gọi thầm là hơn.
Ca hay quên hẵn giọng đờn,
832. Một đêm túy mộng sánh hơn gấp vàng.
Nơi tửu điểm nhà lang khác hẵn,
Vợ chồng thường ít săn chiêu thương.
Trà mi kém sắc hơn hường,
836. Tiếng cười Bao Tỷ hơn hờn Phan Vương.

CHÚ THÍCH :

Mùi chàm : màu chàm, màu xanh sẫm. *Đã mùi chàm* : đã dính màu chàm, theo thành ngữ : Tay đã nhúng chàm, ý nói đã phạm vào tội lỗi. *Thầm* : màu đậm, sẫm.

Câu 830 : Đã nhuộm màu chàm rồi lại làm cho màu đậm thêm. Ý nói : Đã phạm vào việc xấu xa rồi lại phạm sâu thêm nữa.

Câu 831 : Mới tập ca thì nương theo giọng đờn mà ca, đến chừng ca hay rồi thì không cần giọng đờn nữa. Ý nói : Kẻ vong Ơn, giống như : ăn cháo đá bát, qua sông nhận thuyền.

Túy mộng : uống rượu say nầm ngủ chiêm bao. (C.585)

Câu 832 : Người ghiền rượu, mê rượu hơn mê vàng.

Tửu điểm : quán rượu. *Nhà lang* : nhà của chồng.

Hai câu 833-834 : Ở nhà, vợ ít chiêu chuộng chồng hơn là ở nơi tửu quán, các cô chiêu đãi hay chiêu khách.

Trà mi : một loại hoa đẹp. *Hường* : hoa hồng.

Câu 835 : Vợ không đẹp bằng các cô nơi tửu điểm.

Bao Tỷ : Bao Tự, vợ của U Vương. *Phan Vương* : vua chư hầu, làm rào dậu cho Thiên tử ở trung ương. (Xem : C.786)

Câu 836 : Xem tiếng cười của nàng Bao Tự hơn sự hờn giận của các vua chư hầu. Ý nói : chết vì sắc đẹp của đàn bà.

837. Thiếp biết phận cánh buồm dưới gió,
Đã khổ đời chịu khổ cùng đời.
Thuyền nan sợ sóng dòng khơi,
840. Khúc quanh eo hẹp, chiều thời khúc quanh.
Soi bóng nướcặng nhìn thấy dạng,
Thấy nghi dung hết mặn nét ngài.
Chẳng còn yếu điệu hình mai,
844. Da mồi tóc đã ướm thay nửa vàng.

CHÚ THÍCH :

Câu 837 : Thiếp biết số phận của mình phải tùy thuộc vào chồng như cánh buồm tùy theo gió.

Thuyền nan : thuyền nhỏ mỏng manh, làm bằng nan tre, chỉ dùng đi gần bờ. *Dòng khơi* : dòng nước ngoài khơi.

Hai câu 839-840 : Thân phận người vợ như chiếc thuyền nan, sợ sóng ngoài khơi đánh chìm, nhưng khi đi vào khúc quanh eo hẹp khó khăn thì chiều theo dễ dàng.

Câu 841 : Nhìn xuống mặt nước phẳng lặng thì thấy hình ảnh của mình nơi đáy nước. Mặt nước như tấm gương soi.

Nghi dung : vẻ mặt và hình dáng bề ngoài.

Nét ngài : đôi chân mày nhỏ và cong như râu con bướm tằm. Ngài là con bướm tằm. *Hết mặn nét ngài* : đôi chân mày hết mặn mà.

Hình mai : hình dáng mảnh khảnh như cành mai.

Da mồi : da trổ đồi mồi, tức là trên da mặt hay da tay nổi những nốt nhỏ màu nâu nhạt như màu con đồi mồi. Da trổ đồi mồi là báo hiệu tuổi già và sống lâu.

Tóc đã ướm thay nửa vàng : mái tóc đã bắt đầu chuyển sang màu vàng hết phân nửa rồi (trước khi trở thành tóc bạc)

845. Mảng gượng vui cùng đàn cháu dại,
Chỉ lời hay sự phải khuyên răn.

Tóc xanh là bạn mày nhăn,

848. Nên ba dạy cháu biết bằng năm mươi.
Khóc của mụ pha cười của trẻ,
Chậm của già đổi lệ của tơ.

Ngắm coi cái nhỏ bây giờ,

852. Nhớ trong cái lớn mịt mờ chiêm bao.
Nương con gậy ra vào lụm cụm,
Lưng gối dùn lửng thửng bước đi.
Thôi gần hết kiếp còn gì,

856. Co tay đếm tuổi quá kỳ tri Thiên.

CHÚ THÍCH :

Mảng : mải miết. *Tóc xanh* : chỉ đám con cháu trẻ tuổi.

Mày nhăn : chỉ người lớn tuổi, mặt mày bắt đầu nhăn.

Câu 848 : Người vợ bây giờ đã 50 tuổi, có cháu mới lên 3 tuổi. Bà dạy cháu biết những điều mà tuổi 50 mới biết.

Câu 850 : Già thì chậm chạp, trẻ thì lanh lẹ. Tơ là non trẻ.

Cái nhỏ : đám con nít. *Cái lớn* : người lớn tuổi.

Câu 852 : Người già nhớ lại cuộc đời đã qua của mình thấy mịt mờ như một giấc chiêm bao.

Con gậy : cây gậy của người già dùng để chống đi, gần gũi thân thiết như đứa con.

Co tay đếm tuổi : co lại ngón tay cái của bàn tay trái để đếm tuổi trên các lóng tay : Tý, Sửu, Dần, ...

Tri Thiên : do câu nói của Đức Khổng Tử chép trong

Luận Ngữ : Ngũ thập nhi tri Thiên mệnh. (50 tuổi mới biết được mệnh trời), nên dùng chữ “tri Thiên” để chỉ 50 tuổi.

857. Bỗng tiếng sấm gần bên tai nổ,
Nghe tin chàng mệnh số du Tiên.

Ôi thoi trời động đất nghiêng !

860. Chết chàng hồn thiếp chơi miền Âm cung.
Khi tỉnh giấc còn trong vòng tục,
Mới biết thân ít phúc hơn chàng.

Giá chi một mảnh xương tàn,

864. Đày cho thiếp nỗi đoạn tràng tử ly.

CHÚ THÍCH :

Sấm gần bên tai nổ : tiếng sấm nổ bên tai, ý nói một tin khủng khiếp xảy đến bất ngờ.

Mệnh số : số mạng. *Du Tiên* : đi chơi nơi cõi Tiên, ý nói chết, linh hồn rời khỏi thể xác đi lên cảnh Tiên.

Ba câu 857-858-859 : Nghe tin chòng chết như sấm nổ bên tai, cảm thấy như Trời Đất nghiêng ngửa quay cuồng.

Âm cung : cung điện nơi cõi Âm phủ.

Chơi miền Âm cung : đi chơi xuống cõi Âm phủ, ý nói chết, linh hồn đi xuống cõi Âm phủ.

Câu 860 : Nghe tin chòng chết, người vợ ngã xuống bất tỉnh như muối chết theo.

Vòng tục : trong vòng cõi trần.

Một mảnh xương tàn : chỉ tấm thân của người vợ đã già rồi, cũng sắp tàn. *Giá chi* : có giá trị gì !

Đoạn tràng : đoạn trường, chỉ nỗi đau đớn dữ dội như bị cắt ruột thành nhiều đoạn.

Tử ly : chết thì biệt ly. Thường nói : Sanh ly tử biệt : Sống mà chia ly, chết thì cách biệt.

865. Một thân góa tang y lại mặc,
Chống gây lê nhúc nhắc đưa linh.
Đầu sương chất trăng khói tình,
868. Bao nhiêu ân ái trong mình tử thi.
Ngó vạn vật cũng kỳ lẽ chết,
Nghe non sông như hết khí sinh.
Hỏi ta có sống thật tình,
872. Hay là giấc mộng Diêm đinh đưa nhau.
Xem cây cỏ như màu thảm đạm,
Ngó thú cầm đường cảm đau thương.
Đất nhà cảnh vật ruộng vường,
876. Hình chàng như gắn nẻo đường vô ra.

CHÚ THÍCH :

Thân góa : tấm thân góa bụa vì chồng mới chết.

Tang y : áo tang, áo mặc vào khi làm lễ tang.

Chống gây lê : chống cây gây lê đi từng bước.

Nhúc nhắc : lúc lắc, đi từng bước chậm chạp lắc lư đầy vẻ khó khăn. *Đưa linh* : đưa linh cữu ra nghĩa trang.

Đầu sương : trên đầu mái tóc đã điểm sương.

Chất trăng khói tình : đội lên đầu chiếc khăn tang trắng giống như chất lên đầu cả khối tình thương yêu chồng.

Tử thi : xác chết. Tử là chết, thi là thi hài thể xác.

Cũng kỳ lẽ chết : cũng đều có kỳ hạn phải chết.

Khí sinh : sức sống. *Diêm đinh* : triều đình của Diêm Vương, chỉ cõi Âm phủ.

Câu 876 : Trên các nẻo đường vô ra, dường như chỗ nào cũng có gắn vào đó hình ảnh của chàng.

877. Kìa đào lý tàn già đã cỗi,
Nhắc tượng chàng dựa cội trông hoa.
Nào là trời lặn bóng tà,
880. Đêm khuya chờ lụn canh gà thăm em.
Kìa cụm liễu gió đêm xao xác,
Đám chim chiều tìm mát nghỉ ngơi.
Ấy là nơi thiếp trao lời,
884. Trăm năm khi hứa nửa đời buổi nay.
Kìa đầu rừng chòm mai đua nở,
Trước xem màu hớn hở như nay,
Có sao như ủ như vày,
888. Hay là nhắc thiếp những ngày trao tơ.

CHÚ THÍCH :

Bắt đầu từ câu 877 đến câu 920, gồm 44 câu : Nhắc lại những kỷ niệm thơ mộng hồi hai người mới quen biết, rồi yêu nhau và cưới nhau, trở thành vợ chồng.

Câu 877 : Kìa là hai cây : cây đào và cây lý, tàn cây đã già cỗi rồi, không còn sức phát triển. Cỗi là già.

Chờ lụn canh gà : Chờ cho đêm tàn đến canh năm gà gáy. Lụn là tàn dần.

Trăm năm khi hứa : khi hứa hẹn việc trăm năm, ý nói hứa hẹn kết thành chồng vợ suốt đời. *Nửa đời buổi nay :* tới ngày nay là nửa đời người rồi, tức là được 50 tuổi.

Như ủ như vày : như ủ rủ, như bị vây vò héo hắt.

Trao tơ : trao cho chàng sợi tơ để kết thành vợ chồng.

Điển tích : Nhà họ Trương có 5 con gái, muốn gả một đứa cho Đặng Nguyên Chấn, nên bảo 5 đứa con ngồi sau màn, mỗi đứa cầm một sợi dây tơ có màu khác nhau để Nguyên Chấn rút. Chấn rút sợi tơ hồng nhầm cô gái thứ ba, nên cưới cô ấy.

889. Kìa lũ én dật dờ cánh liêng,
Dựa chørn mây kêu tiếng nỉ non.
Cớ sao ngươi cũng vẫn còn,
892. Chồng ta thân mất hìnห chôn cớ nào ?
Bầy hồng nhạn lao xao vịnh liễu,
Đám cò ngà bận bịa gành khơi.
Là nơi lúc đứng khi ngồi,
896. Trông trăng hẹn biển, ngó trời thề non.
Kìa đường cũ bước mòn lăng tử,
Đám thú nhà dụ dụ bước chiều.
Áy là nẻo thiếp đến kêu,
900. Chàng vào kéo trẽ quá chiều bữa cơm.

CHÚ THÍCH :

Dật dờ cánh liêng : bay lơ lửng nương theo chiều gió.

Dựa chørn mây : ở gần cuối đám mây.

Vịnh liễu : cái vịnh mà trên bờ có trồng nhiều cây liễu.
Vịnh liễu để đối với Gành khơi.

Gành khơi : gành tức là ghềnh, chỗ có đá nổi ở giữa dòng nước khiến nước chảy xiết; khơi là ở ngoài xa.

Cò ngà : con cò có màu lông trắng như ngà.

Hẹn biển thề non : Do thành ngữ chữ Hán : Thệ hải minh sơn, nghĩa là chỉ biển mà thề, chỉ núi mà nguyền. Ý nói dầu cho biển cạn non mòn, tình yêu của đôi ta không thay đổi.

Lăng tử : người sống tự do, đi chơi đây đó không bị ràng buộc. *Đám thú nhà* : đám gia súc như trâu, bò, . . .

Dụ dụ bước chiều : bước đi ngập ngừng như chưa muốn trở về nhà vào buổi chiều.

901. Kìa bến nước dập dồn sóng dợn,
 Chỗ đôi ta vui giãn khi thơ.
 Cũng cây, cũng bãi, cũng bờ,
904. Mà sao buổi ấy bây giờ khác nhau ?
 Kìa nhịp cầu bên đầu khe nhỏ,
 Đông chòm cây, Tây có triền bưng.
 Ấy nơi đôi lứa gặp mừng,
908. Mà nay như nhắc mấy từng tương tư.
 Kìa chùa cũ nóc hư muối sập,
 Nơi đôi ta lén gặp gỡ nhau.
 Có sao cảnh tịnh úa xào,
912. Hay là thấy thiếp mà sâu lẻ loi.

CHÚ THÍCH :

Hai câu 903-904 : Cảnh vật không đổi thay nhưng tâm tình người thay đổi, nên có cảm tưởng như cảnh vật cũng thay đổi theo.

Khe nhỏ : suối nhỏ. *Triền bưng :* triền là dốc thoai thoái xuống, bưng là vùng đồng lầy ngập nước có nhiều cỏ lác.

Mấy từng tương tư : Ý nói người vợ thương nhớ chồng nhiều lắm, nhìn thấy có bao nhiêu nhịp cầu, có bao nhiêu chòm cây thì lòng thương tư cũng nhiều như thế.

Cảnh tịnh : chỉ cảnh chùa. Tịnh là trong sạch, vì nơi tu hành thì phải thanh tịnh.

Úa xào : héo úa như mất hết sự sống.

Sâu lẻ loi : buồn rầu vì chồng chết phải chịu cảnh lẻ loi tro troi một mình.

913. Bóng hải đường ta ngồi buổi nọ,
 Bồng con thơ tìm ngõ nhà thầy.
 Còn am tự, còn chùa mây,
916. Mà chàng đâu vắng, chốn này lặng trang.
 Kìa cuối xóm mây hàng trước tử,
 Nợ đâu làng chài lữ phơi sương.
 Ấy là nơi thiếp đến thường,
920. Thăm chàng đang học nơi trường sân ngô.

CHÚ THÍCH :

Am tự : am là cái chùa nhỏ, tự là cái chùa lớn. Am tự là chỉ chung các chùa thờ Phật.

Chùa mây : cái chùa cất trên sườn núi cao, nhìn lên thấy có mây bám trên nóc chùa.

Lặng trang : yên lặng hoàn toàn.

Trước tử : cây trúc màu đỏ tía.

Chài lữ : phuờng chài, xóm nhà làm nghề chài lưới. Lữ là bạn cùng đi cùng ở với mình.

Sân ngô : cái sân có trồng cây ngô đồng.

Trường sân ngô : ngôi trường học mà sân trường có trồng nhiều cây ngô đồng, để tượng trưng rằng, trường này đào tạo ra nhiều người tài giỏi hiền đạt.

Điển tích : Nhà họ Hàn có 8 anh em trai, đều học hành rất giỏi và thi đậu làm quan. Người đời có lời truyền tụng rằng “Hàn thị Bát đồng”, nghĩa là : Nhà họ Hàn có 8 cây ngô đồng.

921. Kìa xóm rẫy nấm mồ lố xố,
Nơi đôi ta tảo mộ đạp thanh.
Gò đâu phút nổi thình lình,
924. Nào dè chàng cũng đến giành một nơi.
Để thân thiếp mình ngồi hiu quạnh,
Còn thây chàng tuyết lạnh nắng nồng.
Đã dành bẻ gãy chữ đồng,
928. Chia đôi thiếp xóm chàng đồng không hay.

CHÚ THÍCH :

Xóm rẫy : xóm làm rẫy, trồng các loại hoa màu.

Nấm mồ lố xố : nhiều nấm mồ nhỏ lớn cao thấp không đều. Đây là nghĩa trang trong làng.

Tảo mộ : quét dọn mồ mả cho sạch sẽ, hoặc sủa sang sơn phết cho mới, cho đẹp. Tảo là quét.

Đạp thanh : nghĩa đen là đạp lên cổ xanh. Theo tục lệ thời xưa của Tàu, đến ngày lễ Thanh minh, khoảng giữa tháng 3 âm lịch, nơi các bãi cổ xanh, người ta tổ chức các hội chợ đồng vui. Các nam nữ thanh niên thường đến đó vui chơi.

Câu 923 : Một cái gò đất mới phút chốc nổi lên thình lình, dè đâu đó là nấm mộ của chàng, chàng cũng đến giành ở đây một chỗ.

Tuyết lạnh nắng nồng : tuyết làm cho lạnh lẽo, nắng làm cho nóng bức.

Bẻ gãy chữ đồng : đồng là cùng chung. Hễ là vợ chồng sống với nhau thì cái gì cũng đồng hết. Bẻ gãy chữ đồng là trong vợ chồng có một người chết. Thành ngữ này đồng nghĩa thành ngữ : Gãy gánh giữa đường.

Câu 928 : Vợ chồng bị chia đôi, vợ ở trong xóm, còn chồng ở ngoài đồng, vì mộ của chàng ở ngoài đồng.

929. Tiếng oan ương bên tai dan díu,
Gió đẩy đưa bờ liễu lao xao.

Lạ nghe lời vật thế nào,

932. Mà ra như tiếng chàng chào buổi xưa.

Nhành dâu khuất, bóng đưa mờ mèch,
Cội tà dương như hết reo chiều.

Hương tàn gió tối hiu hiu,

936. Dở chørn hỏi nợ buổi chiều nghỉ đâu ?

CHÚ THÍCH :

Oan ương : uyên ương, con trống là uyên, con mái là ương, là một loài chim nhỏ, luôn luôn sống từng cặp, không bao giờ rời nhau. Tương truyền, khi một con chết thì con kia nhịn đói chết theo. Uyên ương chỉ đôi vợ chồng thương yêu gắn bó không rời nhau. *Dan díu* : tiếng chim nhỏ kêu ríu rít.

Nhành dâu khuất : mặt trời đã khuất khỏi nhánh cây dâu, ý nói mặt trời chiều sấp lặn. *Mờ mèch* : mờ mịt.

Cội tà dương : cội cây vào lúc mặt trời chiều. Cội là gốc cây, tà là xế chiều, dương là mặt trời.

Hết reo chiều : buổi chiều gió thổi làm lá cây chạm vào nhau phát ra tiếng vi vu hay xào xạc, giống như lá reo. Hết reo tức là không có gió thổi, trời lặng gió.

Hương tàn : buổi sáng thì hoa nở tỏa hương thơm, buổi chiều tối thì hoa tàn hết thơm.

Dở chørn : bước chørn dang dở, tức là đi được nửa chừng hay được nửa đường.

Hỏi nợ : ý nói hỏi người duyên nợ của mình, tức là hỏi người chồng.

937. Ai sau gót giây lâu như nói,
Xin người thương tha lỗi khi xưa.
Giận đem đổi nhớ cũng vừa,
940. Trách mình nào có đổ thừa phụ duyên.
Phải buổi trước đừng phiền đừng oán,
Để nguyên tình uống cạn chén tình.
Làm chi rẽ nợ ba sinh,
944. Mà nay phải chịu một mình riêng thương.
Tôi chàng trước tiêu dường tuyết giá,
Còn thiếp mang trọn cả lỗi chàng.
Lời phiền đổi lại tiếng than,
948. Thương kia bao nǎ lại càng thêm thương.

CHÚ THÍCH :

Ai sau gót : Ai đứng ở sau lưng ?

Người thương : người yêu, ở đây chỉ người vợ.

Câu 939 : Lấy sự giận hờn đổi thành sự nhớ thương thì cũng vừa lúc vì người chồng mới chết.

Đổ thừa : đổ lỗi cho người khác để trốn trách nhiệm.

Phụ duyên : phụ bạc duyên vợ chồng.

Câu 942 : Giữ nguyên vịn tình thương yêu để hưởng trọn tình thương yêu của nhau như thuở đầu tiên mới cưới nhau, uống cạn chén rượu giao bôi hợp cẩn.

Rẽ : chia rẽ. *Nợ ba sinh* : duyên nợ tiền định, thề nguyên trong ba kiếp sống phải gặp gỡ nhau.

Tiêu dường tuyết giá : tiêu tan hết như tuyết và nước đá khi tiết trời trở nóng. Giá là nước đá.

Bao nǎ : có bao nhiêu.

949. Đời văn ngắn huỳnh lương in giắc,
Kiếp phù sinhặng thất nỡi thân.
Còn thân sống chịu phong trần,
952. Dứt hơi dâu muối trọn gần cõi xa.
Nếu thiếp trước biết hòa biết thuận,
Nhẫn ghen tương nhịn lẩn ân tình.
Chia thương ơn ấy đã dành,
956. Thứ thê chánh thiếp giựt giàn chi duyên.

CHÚ THÍCH :

Đời văn ngắn : một đời người ngắn lăm.

Huỳnh lương in giắc : giống in như một giấc mộng huỳnh lương.

Điển tích : Hớn Chung Ly muốn độ Lữ Đồng Tân đi tu, nên đến huyện Hàm Đang gặp họ Lữ, nói rằng :

- Ta là Chung Ly Văn Phòng, tu ở núi Triều Hạc, ông có muốn đi chơi với ta không ?

Lữ Đồng Tân có vẻ lưỡng lự vì còn muốn đi thi đậu Tiến Sĩ trổ danh với đời. Chung Ly biết vậy, liền mời họ Lữ đến bên nồi bắp vàng (huỳnh lương) mà ông đang nấu, ngồi chơi, rồi đưa cho một cái gối bao nằm nghỉ, còn mình vẫn tiếp tục đun nồi bắp vàng.

Lữ Đồng Tân kê đầu vào gối nằm xuống, giây lát thì ngủ thiếp đi, chiêm bao thấy mình đi thi, ngang qua nhà nọ, gặp người con gái tuyệt đẹp thì ướm lời. Nàng nọ nói rằng : Nếu chàng thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa trấp. Đồng Tân vào khoa, thi đậu Trạng, về cưới nàng ấy, được vua bổ làm quan Gián Nghị. Đồng Tân lần lần được thăng quan tiến chức, sau 40 năm lên đến chức Tể Tướng, giàu sang tột bậc, con cháu đầy đàn, sau đó chẳng may bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa. Vua truyền bắt tội, thâu hết quyền chức, tịch thâu gia sản đầy ra núi Lãng Biển, cực khổ vô cùng.

Kế giựt mình thức dậy, ngơ ngắn tâm thần.

Chung Ly cười lớn ngâm hai câu thơ :

Nỗi bấp hãy còn ngòi,
Chiêm bao đà thấy cháu.

Lữ Đồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng :

- Thầy biết sự chiêm bao của tôi sao ?

- Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát,ặng chẳng khá mừng, mất không nên thảm, hết vinh tới nhục là lẽ thường.

Lữ Đồng Tân nghe Hớn Chung Ly nói thế thì tinh ngộ, ngẫm nghĩ mà chán ngán cuộc đời, liền từ bỏ mộng công danh, cầu Hớn Chung Ly truyền đạo.

Do điển tích này, trong văn chương, người ta thường dùng các thành ngữ : Giác huỳnh lương, Giác kê vàng, Giác Hàm Đang, để chỉ giấc mộng của Lữ Đồng Tân, coi công danh phú quý của cuộc đời như là phù du mộng ảo.

Câu 949 : Cuộc đời của con người ngắn lắn, công danh phú quý giống in như một giấc chiêm bao.

Kiếp phù sinh : kiếp sống của con người như cái bọt nổi trên mặt nước, rất mau tan vỡ và không có gì nhất định. Kiếp là một đời sống, phù là nổi, sinh là sống.

Sách xưa có câu : “ Kỳ sinh nhược phù hề, tử nhược hưu.” nghĩa là : Sống như là trôi nổi, chết như được nghỉ ngơi.

Đặng thất : được mất, hòn thua.

Phong trần : gió bụi, chỉ cảnh gian nan vất vả ở đời.

Dứt hơi : hết thở, chết.

Nhẫn : nhường nhịn. *Nhịn lắn ân tình* : Nhường nhịn cả đến việc yêu đương ân ái với chồng.

Thứ thê chánh thiếp : vợ chánh và vợ thứ.

Câu 956 : Vợ chánh, vợ thứ giàn giụt nhau chi cái tình thương yêu của chồng.

957. Giọt lệ thiếp vì phiền mà chảy,
 Gãm thương người chia dải đồng tâm.
 Ta than lối bậc cung cầm,
960. Nàng sâu lạc nhạn ngư trầm biển mê.
 Vắng mặt chàng thiếp về kiềm kẽ,
 Chia tương tưặng để nên tình.
 Vì chàng thiếp kết bối kinh,
964. Giữ câu hải thệ sơn minh với nàng.

CHÚ THÍCH :

Dải đồng tâm : chỉ sự thương yêu gắn bó giữa vợ chồng. (Xem Chú thích câu 194). *Người chia dải đồng tâm* : chỉ người vợ nhỏ của chồng, vì người này chia cái dải đồng tâm của người vợ chính. *Lối bậc cung cầm* : cung đàn lối nhịp, chỉ sự không hòa hợp giữa vợ chồng.

Nhạn lạc : con chim nhạn lạc đà, cô độc, lẻ loi.

Ngư trầm : con cá chìm xuống nước.

Biển mê : chỉ cõi trần, vì chúng sanh trong cõi trần đều mê muội, nên chịu nhiều phiền não, khổ đau.

Câu 960 : Người vợ nhỏ thì buồn rầu vì thân nàng bây giờ như con nhạn lạc đà, như con cá chìm vào biển mê, biết bao giờ mới thoát khỏi biển mê cho hết đau khổ.

Hai câu 961-962 : Chàng chết rồi, thiếp (vợ chính) sẽ về kiềm người vợ nhỏ của chàng để chia sớt nỗi thương tư với nàng,ặng tạo nên tình thương yêu tốt đẹp về sau.

Bối kinh : chỉ người vợ hiền cần kiệm. *Kết bối kinh* : kết tình thương yêu với vợ nhỏ như tình chồng vợ. *Hải thệ sơn minh* : thề non hẹn biển. (Xem Chú thích C.896)

Hai câu 963-964 : Thiếp sẽ vì chàng mà chăm sóc nàng như chồng chăm sóc vợ, và giữ lời thề hẹn với nàng.

965. Mảng sâu muộn ngổn ngang trăm mối,
Chùa thu không bóng tối mịt mờ.

Oanh về tổ, dế reo tơ,

968. Đường về vắng bước như tờ canh khuya.
Tiếng U Minh tía lia gợi thảm,
Giọng kình khua cửa phạm đậm dồn.

Câu kinh tiếng kệ gọi hồn,

972. Kêu thương khách tục, giải lòng người nhân.

CHÚ THÍCH :

Thu không : thu là bắt lấy, không là không có gì. Ngày xưa dân chúng sống trong thành, mỗi khi trời sắp tối, quân lính đi tuần tra xem xét coi có kẻ gian vào thành ẩn nấp không. Nếu không có thì đánh chiêng hay đánh trống làm hiệu. Đó là tiếng chiêng hay tiếng trống thu không. Thu không là chỉ trời sắp tối. *Chùa thu không* : cảnh chùa lúc chiều tối.

Dế reo tơ : hai cánh dế chạm vào nhau rung lên phát ra tiếng kêu như tiếng nhạc phát ra từ dây đàn. Tơ là dây đàn.

Vắng như tờ : hoàn toàn vắng vẻ yên lặng.

Tiếng U Minh : tiếng chuông U Minh phát ra từ lầu chuông. Tiếng chuông U Minh có hiệu lực truyền xuống tới cõi U Minh, cõi của người chết, để làm thức tỉnh các tội hồn, sờm giác ngộ, nhận thức thiện ác, chánh tà, mà ăn năn sám hối tội tình, cầu nguyện Đức Chí Tôn tha thứ và cứu rỗi. Nhờ giác ngộ, các tội hồn nơi cõi U Minh được giải phóng, cho đi đầu thai nơi cõi trần để lập công chuộc tội và trả quả.

Tía lia : lia lịa liên tiếp không dứt.

Giọng kình khua : tiếng chuông vang lên do cái chày kình động vào chuông.

Trong sách Hậu Hán thư, lời chú trong bài ký của Ban Cố có chép : Kinh là loại cá kình rất lớn ở ngoài biển, và ở gần bờ biển có con thú gọi là Bồ lao. Con Bồ lao rất sợ cá kình. Mỗi lần cá kình lội vào bờ để đánh Bồ lao thì Bồ lao kêu vang lên.

Người xưa muốn cho chuông kêu to, thì khắc hình con cá kình lên cái chày động chuông, và đúc hình con Bồ lao trên chóp chuông. Khi chày kình động vào chuông Bồ lao thì chuông kêu to lên. Đó là cách trang trí cái chuông và cái chày động chuông mà có sự tích hay.

*Thoảng bên tai một tiếng chày kình,
Khách tang hải giụt mình trong giấc mộng.*

(Thơ của Chu Mạnh Trinh)

Cửa Phạm : do chữ Phạm môn, Phạm là Phật, môn là cửa, Phạm môn là cửa Phật, nhà cửa của Phật, nơi tu hành.

Kinh kệ : các bài kinh và các bài kệ dùng để tụng đọc trong đạo. Bài văn dài để tụng gọi là Kinh, bài thơ ngắn để ngâm gọi là Kệ. *Câu kinh tiếng kệ* : tiếng tụng kinh trong giờ cúng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng và tiếng kệ chuông lúc khởi đầu hay chấm dứt một thời cúng.

Gọi hồn : kêu gọi các chơn hồn mau thức tỉnh.

Kêu thương : kêu gọi thương yêu nhau.

Khách tục : khách trần. Tục là tầm thường thấp kém, chỉ cõi trần. Khách tục là chỉ nhơn loại sống nơi cõi trần. Gọi là **khách** bởi vì cõi trần là cõi tạm, cõi chơn thật của con người là cõi Thiêng liêng Hằng sống. Con người đến cõi trần sống tạm một thời gian nhiều lăm là trăm năm để học hỏi và tiến hóa, xong rồi thì bỏ xác phàm, linh hồn trở về cõi thiêng liêng. *Kêu thương khách tục* : kêu gọi con người nơi cõi trần hãy thương yêu nhau.

Giải lòng : cởi bỏ lòng trắc, tức là cởi bỏ lòng mê luyến cõi trần, lo việc tu hành để trở về cõi thiêng liêng.

Người nhân : người có lòng nhân đức thương người.

973. Rốn để bước đến gần điện Thánh,
Nhìn tượng thờ lại ngảnh thân mình.

Sao đó hiển, sao đó linh,

976. Phải chăng trước cũng lụy tình như ta ?
Đau đớn thế nắn ra tượng Phật,
Lánh khổ nên vụ tất cửa không.

Biết chăng cái thảm mất chồng,

980. Xin cho thiếp dựa nơi lòng từ bi.

CHÚ THÍCH :

Rốn : ráng (từ ngữ xưa). *Điện Thánh* : Chánh Điện của Thánh Thất thờ Đức Chí Tôn.

Ngảnh : nhìn trở lại. *Hiển linh* : thiêng liêng huyền diệu, có thể hiện ra thấy được.

Lụy tình : bị đau khổ vì tình yêu.

Vụ tất : chuyên lo có một việc.

Cửa không : chữ Hán là Không môn, chỉ cửa Phật.

Không là trống không, không có gì cả. Giáo lý của Phật đều cho rằng tất cả mọi vật đều gốc ở không mà sanh ra, rồi cuối cùng thì trở về không : không tức thị sắc, sắc tức thị không. Khi nói đến Sắc Không là nói đến giáo lý nhà Phật.

Hai câu 977-978 : Có đau đớn khổ sở mới nghĩ đến Phật, mới nhớ đến cửa chùa, vì Đức Phật giáng sinh lập ra đạo Phật là để giải khổ cho chúng sanh.

Từ bi : Từ là lòng thương tưởng lo lắng giúp ích chúng sanh, làm chúng sanh an ổn vui vẻ. Bi là lòng trắc ẩn thương cảm các cảnh khổ não của chúng sanh, lúc nào cũng muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi phiền não và tai họa.

Từ bi là hạnh của Phật. Đức Từ bi là Đức Phật.

981. Hay sợ khổ sanh ly tử biệt,
Nên tìm phương dứt tuyệt nợ đời.
Biết chẳng tình ái của người,
984. Xin cho thiếp hiểu ít lời chơn ngôn.
Hay đã sợ thân mòn gối mỏi,
Mến ngày xuân mà tuổi không chờ.
Linh đình bể khổ dật dờ,
988. Xin cho thiếp gởi thân nhờ cửa không.

CHÚ THÍCH :

Sanh ly tử biệt : sống mà chịu cảnh chia lìa, chết thì biệt ly. Đó là hai cảnh khổ trong nhiều cái khổ của con người.

Dứt tuyệt : cắt đứt hẳn. Tuyệt là đứt hẳn.

Nợ đời : các món nợ mà mình phải mang khi làm người sống trong cõi đời. Muốn tìm phương dứt tuyệt nợ đời thì phải tu hành lập công quả để trả cho dứt các món nợ tiền khen ấy.

Chơn ngôn : lời nói chơn thật phô diễn được chơn lý.

Thân mòn gối mỏi : chỉ lúc tuổi già.

Ngày xuân : ngày còn trẻ tuổi.

Dật dờ : lờ đờ trôi theo dòng nước.

Bể khổ : người sống nơi cõi trần phải chịu nhiều nỗi đau khổ phiền não. Đức Phật nói rằng, con người có Tứ Khổ : Sinh, Lão, Bệnh, Tử. Nước mắt của chúng sanh nhiều hơn nước bốn biển. Đó là những cái khổ về thể xác, còn những cái khổ về tinh thần, nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Do đó, cõi trần là bể khổ, con người đang lặn ngụp trong bể khổ ấy.

“Bể thảm mênh mông sóng lụt trồi,
Khách trần chèo một lá thuyền chơi.

Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió,
Coi lại cùng trong bể thảm thôi.“

(Đoàn Như Khuê)

989. Hay đã sợ nắng nồng tuyết lạnh,
Cánh đau thương khó lánh thân phàm.
Thuyền tình chịu sóng không kham,
992. Xin cho phận thiếp biến làm ni cô.
Buồn tình lóng nam-mô câu tụng,
Nhìn tượng cây rồi khủng cho thân.
Thân còn nương giữa phong trần,
996. Khổ kia còn đếm mấy lần mới thôi.

CHÚ THÍCH :

Thân phàm : xác thân của con người nơi cõi phàm trần, do cha mẹ phàm trần sanh ra và nuôi dưỡng bằng vật chất nơi cõi trần mà lớn lên.

Thuyền tình : chiếc thuyền chở tình yêu nam nữ, ở đây chỉ người vợ đang mang nặng tình yêu thương chồng.

Ni cô : người phụ nữ qui y theo Phật và xuất gia vào chùa tu hành. Ni cô là nữ tu sĩ Phật giáo.

Lóng : lắng tái nghe. *Câu tụng* : câu kinh để tụng.

Nam-mô : do phiên âm từ tiếng Phạn : Namah, có nghĩa là qui y, qui mạng, chí tâm hướng, tức là quyết chí vâng theo lời Phật dạy một cách cung kính và nguyện hiến trọn đời mình cho Đạo pháp. Tiếng Nam-mô sau này trở thành tiếng khởi đầu cho một câu cầu nguyện.

Tượng cây : tượng Phật làm bằng gỗ.

Khủng cho thân : sợ hãi cho tấm thân của mình.

Phong trần : gió bụi, chỉ những nỗi khó khăn vất vả của con người nơi cõi trần.

997. Rón rén trước Phật ngồi cúi gật,
Mấy lạy trình mấy nấc tương tư.
Mảnh thân xin gởi bấy chừ,

1000. Nương theo thuyền huệ vào bờ Tương giang.

CHÚ THÍCH :

Rón rén : đi khép nép nhẹ nhàng, sợ gây ra tiếng động làm mất vẻ tôn kính trang nghiêm.

Cúi gật : cúi lạy xuống và gật đầu. Lạy Phật thì lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm danh hiệu của Phật.

Mấy nấc tương tư : đồng nghĩa : Một tùng tương tư, ý nói lòng nhớ thương chồng nhiều lắm. (Xem Chú thích câu 908)

Thuyền huệ : Huệ cũng đọc Tuệ, là sự sáng suốt thông hiểu rõ ráo đạo lý. Thuyền huệ là chiếc Thuyền trí huệ, tức là Thuyền Bát Nhã, vì Bát Nhã, là phiên âm từ tiếng Phạn “Prajnâ” có nghĩa là huệ hay trí huệ.

Thuyền Bát Nhã là lời Phật nói ví dụ : Cõi trần là biển khổ sông mê, muốn đến Cực Lạc Thế giới thì phải vượt qua sông mê bể khổ. Muốn qua sông mê bể khổ thì phải dùng Thuyền Bát Nhã. Bên này bể khổ là Bến mê (Mê tân), bên kia biển khổ là Bờ giác (Giác ngạn). Thuyền Bát Nhã đưa người tu từ bến mê sang bờ giác, đắc đạo thành Tiên Phật.

Nương theo thuyền huệ : dựa vào cái trí huệ để phân biệt thiện ác chánh tà mà giác ngộ. Giác ngộ thì hết khổ, dứt luân hồi, đắc thành Tiên Phật. Muốn có trí huệ thì phải TU.

Tương giang : sông Tương, đây là con sông đau khổ chia cắt tình yêu, tượng trưng biển khổ. (Xem Chú thích C. 598)

Bờ Tương giang : ý nói bờ bên kia (Bỉ ngạn) của biển khổ, đó là bờ giác ngộ, bờ của người đắc đạo.

Câu 1000 : Tu hành để có được trí huệ thì qua được bể khổ, đến bờ giác ngộ, đắc đạo thành Tiên.

1001. Lui chân kiếm con đường nhà nội,
Lửa đốm nhen dẫn lối thảm trang.
Mắt xem cái cảnh điêu tàn,
1004. Lòng thương dường đổ đầy tràn khắp nơi.
Tiếng dế giống như lời chia thảm,
Ngọn đèn khuya nhấp nhoáng mùi thương.
Thương vì trong kiếp đoạn trường,
1008. Cùng căn là chết ấy đường xưa nay.

CHÚ THÍCH :

Nhà nội : nhà ở đồng nội. Nội là cánh đồng.

Lửa đốm nhen : nhúm lửa đốt đuốc lên hay đốt đèn lên để thấy đường đi về nhà lúc đêm tối.

Thảm trang : nhà đang có việc sầu thảm, ý nói nhà mới có tang. Trang là nhà có vườn cây bao quanh ở vùng quê.

Điêu tàn : xác xơ tàn tạ. *Đầy tràn* : đầy đầy tràn trề.

Câu 1004 : Lòng thương nhớ chồng nhiều lắm, dường như đổ xuống đầy tràn khắp nơi trên cảnh vật.

Mùi thương : màu thương nhở.

Kiếp đoạn trường : Kiếp sống bạc mệnh của kẻ hồng nhan trong tình trường, phải chịu nhiều nỗi đau đớn ê chề.

Cùng căn : cùng là hết, căn là cái gốc rễ nơi kiếp trước, nó chính là cái nghiệp, định đoạt số phận trong kiếp sống hiện tại này. Cùng căn là cái số phận đến lúc chấm dứt.

Hai câu 1007-1008 : Thương chồng vì người vợ ở trong kiếp sống đoạn trường. Số phận đến lúc tận cùng thì chết, con đường xưa nay đều trải qua y như thế.

1009. Một ngày sống là bày bước chết,
Sợ chết nên không tiếc sống thừa.
Đời không mến, thế không ưa,
1012. Lòng thương nẩy nở cho vừa tốt tươi.
Vì sợ chết mà người kiếm sống,
Trong căn oan lại mộng tầm duyên.
Già hay sợ, thế nên hiền,
1016. Khuyên đau giải thảm cỗi phiền của ai ?

CHÚ THÍCH :

Câu 1009 : Sống được một ngày là đi gần đến mức chết một ngày.

Sống thừa : chữ Hán là Dư sanh, nghĩa là sống mà không làm được điều gì hữu ích. Ở đây, sống thừa là đời sống lúc tuổi già, không làm được việc gì mà còn phải trông cậy vào con cháu nuôi dưỡng.

Câu 1010 : Biết rằng sống thừa là vô ích cho xã hội, nhưng vì sợ chết nên không hối tiếc khi phải sống thừa.

Câu 1011: Đời không mến, cũng không ưa kẻ sống thừa.

Câu 1012 : Nhờ tình thương nẩy nở trong gia đình mà người già sống đầy đủ tốt tươi.

Căn oan : căn là gốc rễ có từ kiếp trước, oan là mối dây oan nghiệt. Căn oan là mối dây oan nghiệt có gốc rễ từ kiếp trước, nên kiếp nầy phải đền trả. Duyên vợ chồng cũng do oan trái mà tìm đến nhau để trả nợ, cho nên mới nói rằng : Con là nợ, vợ là oan gia; Tu là cội phúc, tình là dây oan.

Câu 1015 : Già thì nhát, nên hay sợ sệt, vì đã thấy nhiều biết nhiều và đã trải qua nhiều nỗi nguy hiểm, nhờ vậy người già sống rất hiền hòa. *Giải thảm cỗi phiền* : cỗi bỗn nỗi phiền não buồn rầu. *Của ai* ? Của mình, của vợ nhỏ hay của cả hai ?

1017. Một vật nhỏ cũng mài cũng gọt,
Của đâu hèn cũng mót cũng cần.

Giá kia nào kể nên chặng,

1020. Tay chân chàng để cũng bằng báu châu.

Thấy ai thảm lòng đau ái ngại,

Nghe kẻ sầu như cháy lòng thương.

Lau giọt lệ, giải tai ương,

1024. Chia cơm nhịn muối đỡ đường khó khăn.

Thấy ai thảm lòng vàng xót xáy,

Nghe kẻ sầu như cháy tâm can.

Lau giọt thảm, giúp tai nàn,

1028. Nâng hình quân tử với hàng lụy chung.

CHÚ THÍCH :

Bốn câu 1017 đến 1020 : Những dấu tích của chồng để lại, dù không có giá trị gì, nhưng người vợ rất trân trọng và xem chúng rất quý báu.

Cũng mót cũng cần : cũng lo nhặt nhạnh từng chút, kỵ cóp từng tí, để dành sau này có việc cần dùng.

Như cháy lòng thương : Lòng thương đau xót như bị đốt cháy, nóng nảy muốn đi cứu giúp ngay.

Lau giọt lệ : ý nói dỗ dành cho bớt sầu khổ.

Giải tai ương : cởi bỏ những tai họa đã mắc phải.

Chia cơm nhịn muối : chia sớt từng miếng cơm, từng hột muối, ý nói hết lòng giúp đỡ nhau.

Lòng vàng : tấm lòng tốt quý báu. *Xót xáy :* đau rát trong lòng làm cho đứng ngồi không yên.

Như cháy tâm can : lòng dạ nóng nảy như bị đốt cháy.

Câu 1028 : Nâng tấm hình của chồng đặt lên bàn thờ, hai người vợ cùng khóc.

1029. Khi ghen ghét không cùng hiệp mặt,
Nay thấy nhau mà bắt động tình.
Hơn chi giành én giựt anh,
1032. Thước cưu khuất bóng dựa cành chung nhau.
Xem nét thảm, nàng đau như thiếp,
Trông tình chung mòn kiếp hồng nhan.
Phăng tâm dòm mảnh đoạn tràng,
1036. Thị trong mấy khúc của nàng như ta.

CHÚ THÍCH :

Động tình : khởi động tình cảm thương xót.

Gia giành én giựt anh : ý nói sự tranh đua giành giựt tình cảm để lấy phần hơn về mình.

Thước cưu : chim thước và chim cưu. Kinh Thi có câu : Duy thước hữu sào, cưu cư chi. Nghĩa là : Con chim thước có tổ, con chim cưu đến ở. Ý nói con chim cưu không biết làm tổ, chờ con chim thước làm tổ xong thì đến ở nhờ. Chim thước ví người vợ lớn, chim cưu ví người vợ bé. Vợ lớn xây dựng gia đình sẵn thì vợ bé vào ở. *Khuất bóng* : mặt trời lặn, tời tối.

Dựa cành chung nhau : sống chung và nương tựa nhau.

Trông : nhìn vào. *Tình chung* : tình yêu chung, chỉ người vợ nhỏ. *Mòn kiếp hồng nhan* : nhan sắc đã tàn phai vì tuổi già.

Phăng : dò xét lần lần để tìm manh mối.

Phăng tâm : dò xét lòng dạ của nàng.

Mảnh đoạn tràng : tấm lòng đau đớn như bị đứt ruột.

Câu 1036 : Trước cảnh chồng chết, ta (vợ chánh) và nàng (vợ thứ) đều đau đớn như nhau.

1037. Sầu đã cháy mặt hoa ủ dột,
Thảm đã tràn hình cốt héo don.
Xuân mai ba bảy đã mòn,
1040. Cội thu thêm nẩy mấy hoàn anh nhi.
 Tay bồng con, tay thì dùu trẻ,
 Cảnh gia đình quạnh quẽ không ai.
 Hương thề để trước vị bài,
1044. Châm đê thấy rõ những ngày biệt phu.

CHÚ THÍCH :

Hình cốt : hình hài xương cốt. *Héo don* : héo úa.

Xuân mai ba bảy : Cây mai mùa xuân có quả mai rụng hết 7 phần còn 3 phần. Ý nói người phụ nữ đã quá tuổi xuân rồi, nhưng chưa già lắm.

Kinh Thi, bài thơ Phiếu Mai (Mai rụng) : “Phiếu hữu mai, kỳ thực thất hế, . . . , kỳ thực tam hế.” (Quả mai rụng, 10 phần quả còn 7, 10 phần quả còn 3.)

Cội thu : chỉ người phụ nữ đã luống tuổi, đồng nghĩa với : Phòng thu, Rèm thu. *Hoàn* : viên tròn.

Mấy hoàn anh nhi : mấy đứa con bé bồng.

Hương thề : cây nhang thề, đốt lên để van vái Trời Phật thề nguyện hai người yêu nhau, sống với nhau trọn đời.

Vị bài : bài vị, cũng gọi là Linh vị, là tấm thẻ bằng giấy ghi tên họ người chết, năm sanh, chức phận và ngày chết, đặt lên bàn để thờ.

Châm đê : châm đèn cho sáng để thấy rõ những chữ đê trên bài vị. *Biệt phu* : xa cách chồng.

1045. Cặp liễn tang còn câu long ám,
Hạc qui hồi lạnh đậm trần ai.
Quả như chàng có chốn này,
1048. Tưởng khi đổ lụy châu mày với duyên.
Hỏi đơn thử lời nguyễn buổi trước,
Gãm thân nàng bạc phước như ta.
Oán hình liễu, ghét mày hoa,
1052. Kiếp tu mỏng mảnh mới là nữ nhi.

CHÚ THÍCH :

Cặp liễn tang : 2 câu đối đặt hai bên bàn thờ người chết.

Long : rồng. *Ám* : che. *Hạc* : chim hạc. *Qui* : trở lại.

Hồi : trở về. *Lạnh đậm* : lạnh nhạt. *Trần ai* : cõi trần.

Hai câu 1045-1046 nhầm vào hai câu thơ cổ, cũng là hai câu trong bài Tài hiến lễ hàng vong thường trong tang lễ.

Vân ám đinh hồ, long khứ viễn.

Nguyệt minh hoa biếu, hạc qui trì.

Nghĩa là : Mây che đinh hồ, rồng đi xa,

Trăng soi trụ hoa, hạc trở lại muộn.

Đinh hồ : Vua Huỳnh Đế, đúc cái đảnh (đinh) có hình cái bầu (hồ) ở núi Kinh sơn, đinh đúc xong thì vua cõi rồng bay lên cõi Tiên. Đời sau dùng chữ Đinh hồ để chỉ vua chết. *Hoa biếu* : cái trụ đá (biểu) trên đầu có làm hình búp sen (hoa) dùng để đặt chung quanh lăng mộ.

Hai câu 1045-1046 : Ý nói người chết, linh hồn cõi rồng hay cõi hạc bay trở về cõi Tiên, từ bỏ cõi trần.

Hỏi đơn thử : hỏi thăm dò thử cho biết.

Câu 1052 : Theo giáo lý Phật giáo, người nào có công tu thì kiếp sau đầu thai làm đàn ông con trai, còn nếu không tu hay tu ít thì kiếp sau làm đàn bà con gái.

1053. Giọt lụy đổ không chi ngăn nổi,
 Thương thân nàng chung với thân mình.
 Thương chàng đầy dẫy mông mênh,
1056. Khối thương khó lấy gáo tình đem đong.
 Đôi mặt cách mà lòng vẫn một,
 Khác tông môn hài cốt hòa chung.
 Thề nhau trọn kết dải đồng,
 1060. Cám ơn chàng giúp mặn nồng nghĩa nhân.
 Chia gia nghiệp trong cơn khốn khó,
 Hiệp đôi nhà con nhỏ làm chung.
 Nầy là vẹn giống trọn dòng,
 1064. Nàng sanh thiếp duông cưng đồng như nhau.

CHÚ THÍCH :

Khối thương : tình thương chồng rất nhiều, có thể tụ lại thành một khối, giống như khối tình.

Gáo tình : cái gáo để đong tình cảm coi nhiều hay ít.

Đôi mặt cách : hai gương mặt cách nhau, chỉ hai người vợ. *Khác tông môn* : khác dòng họ, không bà con thân thích.

Hài cốt : hình hài xương cốt, ý nói thể xác con người.

Dải đồng : chỉ sự thương yêu khẩn khít giữa vợ chồng. (Xem lại Chú thích câu 194).

Câu 1059 : Vợ lớn cùng vợ nhỏ thề nguyền kết dải đồng tâm, tức là thề nguyền thương yêu nhau suốt đời.

Gia nghiệp : sản nghiệp của một gia đình, tức là toàn bộ của cải, nhà cửa, ruộng vườn của gia đình.

Qua mấy câu thơ nầy, chúng ta thấy được tấm lòng thương yêu quảng đại và cao cả của người vợ lớn. Mọi hờn ghen không còn nữa, bấy giờ chỉ có tình thương mà thôi.

1065. Lập gia thất làm giàu con trẻ,
Định lứa đôi đủ thế cùng đời.
Nàng thì an phận an nơi,
1068. Con thì đáng mặt đáng người với ai.
Khi thong thả đặt bài trẻ học,
Lấy gương già gợi chọc sấp con.
Nhìn non chỉ nước làm hơn,
1072. Mượn bầu tuế nguyệt giải hờn căn sanh.
Cỏ huyên cắm kềnh kềnh đầu tuyết,
Con gậy lê mòn khuyết nửa cây.
Mắt mờ thêm nỗi lảng tai,
1076. Thất tuần đã quá từ ngày ấu xuân.

CHÚ THÍCH :

Lập gia thất : dựng vợ gả chồng cho con cái. (Xem Chú thích câu 356). *Định lứa đôi* : đồng nghĩa : Lập gia thất.

Tuế nguyệt : năm tháng, chỉ thời gian.

Căn sanh : cái gốc rễ của kiếp sống. Đó là những việc làm thiện ác của kiếp trước, tạo thành cái *nghiệp* ảnh hưởng lên kiếp này, làm cho kiếp này hạnh phúc hay đau khổ, giàu sang hay nghèo hèn. Căn sanh là cái số phận của mỗi người.

Hai câu 1071-1072 : Ngắm cảnh vật núi non sông nước là điều hay hơn hết để phôi pha lòng sầu muộn, mượn dòng thời gian để cởi bỏ sự hờn giận cái số phận không may.

Cỏ huyên : chỉ người mẹ. (Xem Chú thích C.225)

Kènh kềnh : nghênh ngang, bê bội.

Đầu tuyết : đầu bạc trắng như tuyết.

Con gậy : cây gậy của người già dùng để chống đi, thân thiết như đứa con. *Lê* : kéo lật bẹt trên mặt đất.

Thất tuần đã quá : đã hơn 70 tuổi.

1077. Dò đòn hỏi bước rừng thiền cũ,
Răng Phật còn ngụ ở Lôi Âm.
Tính niên rồi lại tủi thầm,
1080. Con đường Cực Lạc biết tâm sao ra.
Nhãng vơ vẩn vào ra bến khổ,
Trước mặt xem những chỗ sâu than.
Này là hình ảnh của chàng,
1084. Ngày là tiếng khóc của đàn trẻ con.

CHÚ THÍCH :

Dò đòn hỏi : Dò hỏi thăm chừng.

Rừng thiền : chữ Hán là Thiền lâm. Thiền là yên lặng suy tưởng. Thiền là pháp môn trọng yếu của Phật giáo, tu đốn ngộ, tạo thành một tông phái đặc biệt gọi là Thiền Tông. Các Thiền sư thường đi vào rừng, tìm chỗ thanh vắng mát mẻ để tu Thiền, nên Rừng Thiền là chỉ cảnh chùa, nơi tu hành.

Ngụ : cư ngụ. *Lôi Âm* : Lôi Âm Tự, chùa Lôi Âm. Đây là ngôi chùa rất lớn ở tại kinh đô của cõi Cực Lạc Thế Giới, là nơi ngụ của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A-Dì-Đà.

Tính niên : tính năm. *Con đường Cực Lạc* : Con đường tu hành đắc đạo lên cõi Cực Lạc Thế Giới.

Hai câu 1079-1080 : Tính tuổi rồi lại tủi thầm, vì đã già hơn 70 tuổi mà mới bắt đầu đi tìm con đường tu hành. Tủi thầm vì nghĩ đến hai câu thơ của Đức Phật Thích Ca :

Mặc đãi lão lai phương học đạo,

Cô phần tận thị thiếu niên nhơn.

Nghĩa là : *Đừng chờ đến lúc già mới lo học Đạo,*

Những nấm mồ hoang thấy rõ là những kẻ trẻ tuổi.

Nhãng : những, cứ. *Vơ vẩn* : ở trạng thái lơ mơ lửng lơng, không biết làm gì. *Bến khổ* : chỉ biển khổ.

1085. Nầy là chõ thiếp còn niên thiếu,
 Nầy là nơi chàng níu thiếp trì.
 Nầy là buổi hiệp hồi ly,
1088. Nầy là khi khóc khi thì cười mơn.
 Nầy là chõ lời hơn tiếng thiệt,
 Nầy là nơi cách biệt sanh ly.
 Nầy là chõ thiếp chẳngng vì,
1092. Nầy nơi chàng giận ra đi bỏ nhà.
 Nầy là chõ đôi ta tái hiệp,
 Nầy là nơi vừa kịp hòa vui.
 Nầy là chõ thiếp đương ngồi,
1096. Tin nghe chàng đã qui hồi Tiên bang.

CHÚ THÍCH :

Niên thiếu : ít tuổi, tuổi trẻ.

Níu trì : níu kéo và ghì lại.

Buổi hiệp hồi ly : Lúc sum họp, lúc chia ly.

Cười mơn : cười nịnh, cười để lấy lòng.

Lời hơn tiếng thiệt : cãi cọ với nhau để giành phần thắng về mình, không ai chịu thua ai.

Thiếp chẳngng vì : thiếp không vị nể chàng.

Tái hiệp : sum họp trở lại sau những ngày chia ly.

Vừa kịp hòa vui : vừa kịp lúc hòa thuận vui vẻ với nhau.

Qui hồi : qui là trở về, hồi là trở về. Qui hồi là trở về.

Tiên bang : cõi Tiên. Bang là một nước, một cõi.

Câu 1096 : Nghe tin chàng đã trở về cõi Tiên (chết).

1097. Các chõ ấy dãy tràn thảm tín,
 Càng ở gần khó nhín sâu than.
 Cam tâm nín nǎm gia đàng,
1100. Vì con chưa giữ vững vàng qui mô.
 Nay tuyết đóng song hồ động lanh,
 Đành cửa không gởi mảnh tâm hồn.
 Tiếng chuông thức giấc huỳnh lương,
1104. Toan nương thuyền huệ vào đường vĩnh sanh.

CHÚ THÍCH :

Thảm tín : tin buồn. Tín là tin tức, thảm là buồn.

Khó nhín sâu than : khó bớt buồn rầu. Nhín là bớt lại.

Nín nǎm : nén lòng chờ đợi. *Gia đàng* : gia đình nhà cửa.

Qui mô : phép tắc và khuôn mẫu phải theo. Qui là cây thước tròn của thợ mộc, mô là cái khuôn.

Song hồ: cái cửa sổ phất giấy bằng hồ. Song là cửa sổ.

Động lanh : động là hang núi, lanh là cái núi.

Câu 1101 : Nay thì tới mùa đông, trời rất lạnh nên có tuyết đóng ở cửa sổ, và trên núi. Gợi ý muốn nói rằng lòng lạnh lẽo, không còn muốn đua chen danh lợi.

Cửa không : cửa chùa. (Xem Chú thích câu 978).

Câu 1102 : Đành vào chùa tu hành.

Giấc huỳnh lương : ý nói xem công danh phú quý của cuộc đời như là một giấc mộng. (Xem Điển tích câu 949).

Câu 1103 : Tiếng chuông chùa làm thức tỉnh giấc mộng huỳnh lương.

Thuyền huệ : Thuyền Bát Nhã. (Xem Chú thích C.1000)

Đường VĨNH SANH : con đường hằng sống, tức là đắc đạo, linh hồn lên sống nơi cõi Tiên. VĨNH SANH là hằng sống.

1105. Bước cảnh tịnh đã dành để cẳng,
 Tóc qui y nửa trăng nửa vàng.
 Phồn hoa xa mã rộn ràng,
1108. Vinh vinh nhục nhục dãy tràn kiếp căn.
 Ngắm thế cuộc chẵng bằng một giấc,
 Kiếp phù sinhặng thất là bao.
 Nhãng là đeo thảm xác sầu,
1112. Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.

CHÚ THÍCH :

Cảnh tịnh : cảnh chùa, ngôi chùa. Tịnh là trong sạch, nơi tu hành thì phải thanh tịnh, trong sạch.

Câu 1105 : Đành bước vào chùa xin qui y tu hành.

Qui y : Qui là trở về, y là nương theo. Nói đầy đủ là

Qui y Tam bảo : Qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng.

Qui y Tam bảo là trở về nương theo Phật, Pháp, Tăng.

Tóc qui y : người lập nguyện qui y vào cửa Phật thì phải thí phát, tức là cạo tóc cho thành đầu trọc. Tóc qui y là tóc cạo ra trong buổi lễ qui y.

Phồn hoa : nơi dân cư đông đảo đua chen danh lợi.

Xa mã rộn ràng : xe ngựa nhộn nhịp.

Kiếp căn : đồng nghĩa với Căn sinh trong câu 1072.

Hai câu 1109-1110 : Ý nghĩa giống với 2 câu 949-950 :

Đời vắn ngắn huỳnh lương in giắc,

Kiếp phù sanhặng thất nơi thân.

Nhãng là : chỉ là. *Đeo thảm xác sầu* : đeo mang phiền não, chuốc lấy buồn rầu. *Chác* : chuốc lấy, mang lấy.

Câu 1112 : Từ lúc trẻ tuổi cho tới lúc tuổi già đầu bạc, việc đời cũng in hệt nhau, nghĩa là chỉ biết chạy theo danh lợi rồi phải mang lấy phiền não.

1113. Nào là phép giựt giành quyền lợi,
Nào là phương chuộng quái cầu vinh.
Thủ đem sánh khổ kiếp sanh,
1116. Chưa ai thấyặng phước giành nhiều hơn.
Nào vui gượng do cơn khóc lõi,
Nào là khi chịu tớ làm thầy.
Quyền là chi ? Lợi là chi ?
1120. Dứt hơi ba tấc có gì gọi hay.
Nào là lúc ăn cay uống đắng,
Nào là khen rồi mắng bao phen.
Tuồng đời trọng trọng hèn hèn,
1124. Chẳng qua bướm tối mến đèn xôn xao.

CHÚ THÍCH :

Phép : cách thức. *Phương* : phương cách. *Quái* : nói trại chữ Quý, quý là sang. *Chuộng quái cầu vinh* : Ưa thích giàu sang, mong được vinh hiển.

Hai câu 1115-1116 : Trong kiếp sống của mỗi người, thủ đem so sánh cái đau khổ và cái hạnh phúc, chưa ai thấy cái hạnh phúc chiếm phần nhiều hơn. (Cho nên, Đức Phật mới nói rằng : đời là biển khổ.)

Chịu tớ làm thầy : chịu nhịn nhục vì gặp kẻ không ra gì mà lén mặt làm thầy dạy đời. *Dứt hơi ba tấc* : hết thở, chết. Ba tấc hơi do chữ tam thốn khí, không có nghĩa là cái hơi thở dài ba tấc, mà đây chỉ là một cách nói văn chương.

Câu 1124 : Người đời hễ thấy chỗ nào có danh có lợi thì rộn rịp nhào vô, để rồi bị danh lợi ấy giết chết bằng ba chất độc : tham, sân, si; giống như con bướm kia thấy ánh đèn thì bu lại để rồi bị sức nóng của đèn đốt chết.

1125. Nào chữa đẻ biết bao khổ nhọc,
Nào hơn thua theo học sách đời.
Tang thương lúc biến khi dời,
1128. Trăm năm e cũng một đời thế thôi.
Nào tranh đấu thắng rồi lại thất,
Của phù du chứa chất gọi giàu.
Thân còn đã quý là bao,
1132. Dứt hơi của cải thế nào không hay.

CHÚ THÍCH :

Chữa đẻ : người phụ nữ có chồng thì có chữa và đẻ ra đứa con. Đó là nhiệm vụ cao quý mà Trời giao phó cho phụ nữ để di truyền nòi giống loài người.

Sách đời : cuộc đời ví như một cuốn sách, có đủ các bài học, đủ các môn học : thiện ác, chánh tà, từ thấp lên cao.

Tang thương : do thành ngữ *Tang điền thương hải* : ruộng dâu biến thành biển xanh. Theo Thần Tiên Truyện, Tiên Nữ Ma Cô nói với Vương phuơng Bình rằng : Từ khi tôi hầu tiếp ông đến nay, đã từng thấy biển xanh ba lần biến thành ruộng dâu.

Do đó, các thành ngữ : Tang thương, Tang hải, Bé dâu, ... là để chỉ sự biến đổi luôn xảy ra trong cuộc đời.

Phù du : phù là nỗi, du là lông bông, con phù du là loại côn trùng nhỏ, bay từng đàn trên mặt nước, tối lại khi thấy ánh đèn thì bay tới bu quanh ngọn đèn rồi chết. Kiếp phù du là kiếp sống ngắn ngủi của con phù du, sáng sanh tối chết.

Của phù du : của cải không bền, thấy có đó rồi mất đó.

Hai câu 1131-1132 : Tấm thân của con người, mình phải xem là quý trọng biết bao, vì có thân mới tạo ra của cải. Khi thân chết thì của cải đâu có đem theo được, lại lọt vào tay kẻ khác mà mình đâu còn hay biết.

1133. Thiệt thì bỏ, giả vay nê nợ,
Mᾶn cᾶn sanh chưa mở dây oan.

Kìa là vua, nợ là quan,

1136. Cũng như bọn hát hý tràng bán vui.

CHÚ THÍCH :

Câu 1133 : Người đời thường vô minh, nê cái thiệt thì bỏ đi, lại ham thích cái giả, tìm kiếm cái giả để mà vay mượn nê phải mắc nợ. Vì mắc nợ nê con người cứ mãi trầm luân trong cõi trầm để vay vay trả trả, hết kiếp này sang kiếp khác.

Vậy cái nào là THIỆT ? Cái nào là GIẢ ?

Đức Chí Tôn có dạy rằng : “ Việc chi do người đều phàm cả, nó không bền, thường thường bị hư hỏng và tiêu tan ngay sau khi người đã được nó tặng bị cướp mất sự sống. Các con nên tìm phẩm tước nơi cõi thiêng liêng, tước phẩm ấy mới là vĩnh viễn. ... Các con nên tìm sự giàu có trong đức tính của Trời. Chỉ có cách đó mới là vĩnh cửu. Của quý ấy không ai ăn cướpặng cả. ... Danh quyền nơi Trời là bền nhất, và danh quyền ấy mới chịu đựng nổi bao thử thách.” Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung bạch : Mấy con phải làm sao mà tìm được phẩm tước, của cải, danh vọng nơi Trời ? Thầy trả lời : TU. “ (TNHT. I. 136)

Như vậy, tất cả danh vọng, của cải nơi cõi thế gian này đều là giả tạm, chúng ta chỉ mượn nó để học hỏi và làm nấc thang để tiến hóa. Chỉ có của cải và danh vọng nơi Trời mới thiệt, vì nó tồn tại vĩnh viễn với thời gian.

Mᾶn cᾶn sanh : hết một kiếp sống. (Xem C.1072)

Dây oan : sợi dây oan nghiệt. Mình làm cho người ta thù giận mình thì sự thù giận ấy tạo ra sợi dây oan nghiệt ràng buộc mình, mình phải đền trả theo đúng luật nhân quả. Khi trả quả xong thì sợi dây oan nghiệt này mới tiêu mất.

Hý tràng : hý thường, rạp hát. *Bán vui :* bọn đào kép thì bán vui, người đi coi hát thì mua vui.

1137. Sống thấy chết, miệng cười mắt khóc,
Nịnh lửa trung, lưỡi thọc tay đâm.

Cũng như ác thú nhốt hầm,

1140. Ăn nhau cho đã nào cần mệnh nhau.

Muốn lấy đạo làm dao hại thế,

Toan dùng văn gọi kế sanh nhai.

Đường hung ác, nẻo chông gai,

1144. Lấn chen vào chốn nghiệt đài gọi ngoan.

CHÚ THÍCH :

Câu 1137 : Người này sống thấy người khác chết thì cười, trong lúc thân nhân của người chết thì khóc.

Lưỡi thọc tay đâm : miệng thì nói lời đâm thọc gây ác cảm chia rẽ, tay thì toan cầm gươm đâm chém.

Hai câu 1139-1140 : Cũng như đám thú dữ bị nhốt chung hầm, chúng không biết thương nhau, mà lại ăn thịt nhau cho thỏa sự thèm khát, nào cần biết mạng sống của nhau.

Hai câu 1141-1142 : Muốn dùng tôn giáo làm món khí giới sắc bén để hãi hại người đời, lại tính dùng văn chương để mê hoặc người đời, gọi đó là phương cách sanh sống.

Nghiệt đài : nghiệp là nghiệp ác. Nghiệt đài là Nghiệt Cảnh Đài nơi cõi TL, nơi đây có một tấm kiếng huyền diệu dành cho những người tội lỗi, nhìn vào thấy diễn ra trở lại hành vi tội lỗi của mình. Người lương thiện không bao giờ được đưa đến Nghiệt Cảnh Đài. “Đài Nghiệt Cảnh là nơi rọi sáng các việc lỗi lầm, bước luân hồi sẽ dẫn vào nơi u khổ cùng sâu mà dày đọa đài đài kiếp kiếp. Ấy là buổi chung qui của khách trần đó.” (TNHT)

Hai câu 1143-1144 : Đi vào đường hung ác hay đi vào nẻo chông gai, chẳng khác chi chen lấn vào chốn Nghiệt Cảnh Đài, gây ra lầm oan nghiệp tội tình, thế mà gọi là ngoan !

1145. Mạnh hiếp yếu lấy gan hung bạo,
Dữ lấn hiền gươm giáo là hơn.
Nhỗn lo chác oán mua hờn,
1148. Hại nhau chẳng biết nghĩa nhơn thế nào.
Thấy cảnh thế mà đau với thế,
Biết thương đời mấy kẻ vì đời.
Ngán thay cái kiếp con người,
1152. Thôi đành bến Phạm kiếm lời Phật răn.
Thay đạo phục bước xăng lánh thế,
Mơi thì kinh, tối kệ giải lòng.
Từ bi hứng giọt nhành dương,
1156. Lau thanh trái chủ, lấp đường nghiệt căn.

CHÚ THÍCH :

Gan hung bạo : lòng hung dữ bạo ngược. *Gươm giáo là hơn* : chỉ biết dùng võ lực với gươm giáo là hơn hết.

Bến Phạm : ý nói cửa chùa, nơi tu hành. Phạm là Phật.

Bước xăng : bước nhanh đi. *Lánh thế* : xa lánh cõi đời.

Hai câu 1153-1154 : Mau lánh khỏi đời, nhập môn vào đạo, mặc áo đạo tu hành, sáng chiêu tụng niệm kinh kệ, cởi bỏ lòng trần tục.

Giọt nhành dương : giọt nước rải ra từ cành dương liễu, đó là nước Cam lồ do Đức Quan Âm Bồ Tát luyện thành. Nước Cam lồ có tác dụng rất huyền diệu, tiêu trừ các ô trược, các oan nghiệt tội chướng nơi cõi trần và cải tử huởn sanh.

Lau thanh : lau sạch. *Trái chủ* : người chủ nợ.

Nghiệt căn : cái gốc rễ của nghiệp ác, tức là những việc làm ác độc trong kiếp trước, khiến kiếp này phải bị trả quả, chịu nhiều nỗi đau đớn khổ sở.

1157. Đoạn tình ái đem quăng bể khổ,
Bứt hồng duyên tính bỏ non thề.
Nây bờ tục, nọ bến mê,
1160. Từ đây không trở lộn về thấy ngươi.
Vì thấy đó phải cưỡi lộn khóc,
Sách của ngươi chẳng học mà say.
Cửa ngươi cửa đọa cửa dày,
1164. Ghét ngươi ta dứt từ ngày buối ni.

CHÚ THÍCH :

Hồng duyên : tơ duyên, mối dây ràng buộc vợ chồng. *Hồng* là chỉ sợi tơ đỏ, tơ hồng. *Non thề* : cái núi mà hai người lúc mới yêu nhau chỉ nó mà thề nguyền với nhau.

Hai câu 1157-1158 : Quyết tâm cắt đứt tình yêu vợ chồng hay tình yêu nam nữ để đi tu.

Bờ tục đồng nghĩa với *Bến mê*, chỉ cõi trần. Bờ tục tức là cõi tục, cõi trần; *Bến mê* là chỉ cõi trần, vì con người sống trong cõi trần đều mê muội. Trái với Mê là Giác : Mê thì còn là chúng sanh, Giác thì thành Phật.

Người : thế cho chữ Bờ tục hay Bến mê, tức là cõi trần.

Câu 1160 : Quyết tâm đi tu, nhứt định không thối bước

Sách của ngươi : sách của cõi trần.

Câu 1162 : Nói ví theo nghĩa đen của từ ngữ Mê. Mê thì đi liền với chữ Say : Mê say. Sách của Bờ tục Bến mê không học mà cũng say. *Buổi ni* : buổi này.

Câu 1163 : Cõi trần là cõi đọa cõi dày.

“Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh Tiên có lầm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả phải mất cả chơn linh, là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là Khách trần.” (TNHT.II.3)

1165. Lần chuỗi hột từ bi cứu khổ,
Nương gió thanh trăng tỏ là nhà.
Nước non để bước ta-bà,

1168. Sô xiêm đem nhuộm màu dà gọi duyên.
Trương thảng cánh con thuyền Bát Nhã,
Cỗi đau thương giải quả trừ khiên.

Lấy thân rửa thảm lau phiền,
1172. Đem công chuộc khách thuyền quyên lụy tình.

CHÚ THÍCH :

Câu 1165 : Lần chuỗi hột để niệm câu từ bi của Phật, tụng kinh Cứu Khổ cầu cho chúng sanh bớt khổ.

Gió thanh trăng tỏ : Chữ Hán là Thanh phong minh nguyệt : chỉ cảnh thiêng nhiên trong sạch sáng tỏ.

Ta-bà : chữ Phạn là Saha, phiên âm là Ta-bà hay Sa-bà, nghĩa là nhẫn nhục. Cõi Ta-bà là cõi mà người tu phải chịu đựng sự nhẫn nhục vì cõi này có nhiều ác độc và ô trược. Cõi Ta-bà chính là cõi trần này.

Để bước Ta-bà : bước đi khắp nơi trên cõi trần.

Sô xiêm : quần áo bằng vải thô. Sô là vải thô, xiêm là xiêm y, quần áo. *Màu dà* : màu nâu sồng.

Gọi duyên : gọi là có duyên tu hành.

Trương thảng cánh : giường thảng hết cánh buồm.

Giải quả : cởi bỏ hết các nghiệp quả xấu.

Trừ khiên : trừ bỏ các tội lỗi gây ra trong kiếp trước.

Câu 1172: Đem cái công quả lập được do việc tu hành, chuộc tội cho người phụ nữ đã bị khốn khổ vì tình duyên.

1173. Túi gió trăng thinh thinh rộng mở,
Vui hạc cầm hay dở thú riêng.

Khi động Thánh, lúc non Tiên,

1176. Sớm thì Hải đảo, tối miền Thiên Thai.

CHÚ THÍCH :

Túi gió trăng : bầu trời có gió mát trăng thanh.

La Hồng Tiên viết : “Thanh phong minh nguyệt nhất thi nang.” nghĩa là : Gió mát trăng trong, thơ một túi.

Hạc cầm : con hạc và cây đàn, cảnh nhàn hạ thanh bạch.

Điển tích : Ông Triệu thanh Hiến đời Tống, được vua bổ nhậm làm quan, khi đi phó nhậm, ông chỉ đem theo một con hạc và một cây đàn, không có vợ con hay đầy tớ chi cả. Ông nổi tiếng là vị quan thanh liêm và nhân hậu.

Động Thánh : động đá làm nơi ở của các vị Thánh.

Non Tiên : núi dùng làm nơi ở của các vị Tiên.

Hải đảo : đảo ngoài biển, nơi ở của các vị Tân Tiên.

Thiên Thai : hòn núi có Tiên ở, chỉ cảnh Tiên.

Điển tích : Tương truyền, Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc, lạc vào núi Thiên Thai, gặp hai Tiên Nữ, rồi cùng hai nàng kết duyên thành vợ chồng. Lưu Thần và Nguyễn Triệu vì lòng trắc chưa dứt nên sau khi ở cảnh Tiên được nửa năm thì lòng chót nhớ quê nhà, hai người đòi về thăm. Khi trở lại quê hương thì phong cảnh hoàn toàn đổi khác, hỏi ra mới biết đã đến đời cháu thứ 6 rồi. Không còn ai quen thuộc, lòng buồn bã hối hận, hai chàng trở lại núi Thiên Thai nhưng không tìm được đường lên cõi Tiên nữa. (Chuyện này giống như chuyện Từ Thức ở nước ta).

Hai câu 1175-1176 : Khi đắc đạo thành Tiên rồi thì đi chơi tự do vui thú, khi động Thánh, lúc non Tiên, sớm hải đảo, tối Thiên Thai, thật thảnh thoái nhàn hạ.

1177. Đẹp giày cổ nương cây gậy bá,
Mặc áo tơi nón lá che thân.

Trừ trần cầu, xủ phất trần,

1180. Quen bờ biển trí, dựa gần non nhân.

CHÚ THÍCH :

Giày cổ : chữ hán là Thảo hài. Đây là giày của các đạo sĩ thời xưa làm bằng loại cổ mền kết lại. Giày cổ có hình dáng thô kệch, nhưng không tốn tiền mua, đi cũng êm chân.

Gậy bá : cây gậy làm bằng cây trắc.

Áo tơi : áo đi mưa làm bằng lá cọ, không có tay áo.

Trần cầu : trần là bụi, cầu là cău ghét dơ bẩn. Trần cầu là chỉ những xấu xa dơ bẩn nơi cõi trần.

Phất trần : phất là quét, trần là bụi. Phất trần là cây chổi Tiên để quét sạch các thứ bụi dơ dý bám vào Chơn thần, làm cho Chơn thần được trong sạch nhẹ nhàng. Phất trần còn được gọi là Phất chủ, là bửu bối đặc biệt của các vị Tiên.

Câu 1179 : Cầm cây Phất trần thòng xuống để quét sạch các thứ dơ bẩn của cõi trần đã bám vào Chơn thần.

Biển trí : Trí là sự sáng suốt hiểu biết. Biển trí là sự hiểu biết rộng như biển, đó là Trí huệ. Người có trí huệ thì hết mê lầm, tức là giác ngộ, mà giác ngộ thì đắc thành Tiên, Phật. Ở đây, biển trí chỉ cõi Tiên hay cõi Phật.

Quen bờ biển trí : thường đi đến cõi Tiên.

Non nhân : Nhân là lòng thương người mến vật, thương khắp chúng sanh. Non nhân là lòng thương người lớn như núi. Đó chính là lòng từ bi bác ái của Phật. Ở đây, non nhân là chỉ cõi Phật.

1181. Đến phồn hoa thân gân tục lự,
Chơi lâu hồng hỏi thử trái cǎn.

Chuỗi bồ trừ nghiệt gió trăng,

1184. Linh đơn cứu kẻ khổ phần liễu hoa.

CHÚ THÍCH :

Phồn hoa : nơi đông đúc dân cư đua chen danh lợi.

Tục lự : tục là tâm thường thấp kém, chỉ cõi trần; lự là suy nghĩ lo lắng. Tục lự là những lo lắng phiền não của con người nơi cõi trần.

Câu 1181 : Đi đến chốn phồn hoa là đem thân vào nơi phiền não.

Lâu hồng : hồng lâu, nhà có con gái đẹp và giàu sang.

Thơ của Lý Bạch : “Mỹ nhân nhất tiếu khiên châu bạc, Giao chỉ hồng lâu thị thiếu gia.” nghĩa là : Người đẹp liền cười, kéo rèm châu nhìn ra, Tay chỉ lâu hồng đó là nhà em.

Trái cǎn : trái là món nợ, cǎn là gốc rễ từ kiếp trước. Trái cǎn là món nợ đã gây ra từ kiếp trước.

Chuỗi bồ : xâu chuỗi bồ đề, làm bằng những hột của cây bồ đề. *Nghiệt* : cái mầm ác, cái nghiệp ác.

Gió trăng : phong nguyệt. (Xem Chú thích Câu 585)

Linh đơn : thuốc Tiên. Linh là thiêng liêng, đơn là thuốc.

Kẻ khổ phần liễu hoa : những người bị khổ sở đau đớn vì các cô liễu ngõ hoa tường, tức là những người bị những bệnh gây ra do ham mê sắc dục bừa bãi và quá độ.

Hai câu 1183-1184 : Việc tu hành trừ bỏ được các oan nghiệt gây ra do sự quan hệ không đứng đắn giữa nam nữ, và như liễu thuốc Tiên để cứu vớt những kẻ đau khổ vì sắc dục bừa bãi quá độ.

1185. Gót nhân ái đến nhà kẻ bình,
Giọng từ bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trỗi cầm,
1188. Lấy hơi hòa nhã dẹp lần bỉ thô.
Giúp những kẻ ôm mồ thủ hiếu,
Dỗ những trang bận bịu khói tình.
Dọn đường phước giúp mày xanh,
1192. Đưa con thuyền hạc đến gành thiên lương.

CHÚ THÍCH :

Gót nhân ái : bước chân của người có lòng nhân ái.

Hung tâm : lòng dạ hung dữ.

Náo loạn : ý nói cang thường điên đảo, đạo đức suy đồi.

Trỗi cầm : trỗi lên tiếng đàn. *Bỉ thô* : thô bỉ, xấu xa.

Lấy hơi hòa nhã : dùng lời nói ôn hòa thanh nhã.

Hai câu 1187-1188 : Giữa cuộc đời đang lúc náo loạn, người ta cần phải nói lên lời đạo đức giống như trỗi lên khúc nhạc hòa nhã để thức tỉnh người đời, dẹp lần điệu thô bỉ.

Ôm mồ thủ hiếu : Đây là nói về Vương Bầu, mỗi khi nghe sấm nổ thì chạy ra ôm mồ của mẹ mà vái rằng “Có con ở đây, mẹ đừng sợ”, vì lúc mẹ còn sống, bà rất sợ tiếng sấm.

Khói tình : (Xem Chú thích C.743)

Đường phước : con đường tạo ra phước đức, đó là con đường tu hành. *Mày xanh* : chỉ người phụ nữ trẻ tuổi.

Thuyền hạc : thuyền được ví duyên phận của người con gái, hạc được ví với vóc dáng của con gái. *Thuyền hạc* là chỉ người phụ nữ. *Gành* : Ghềnh, ở đây có ý chỉ nơi chốn.

Thiên lương : cái tốt đẹp mà Trời ban cho người để dạy bảo con người làm điều hay sự phải.

Câu 1192 : Ý nói : *Đưa* người phụ nữ đến chỗ Thiên lương, tức là đến chỗ tốt đẹp của Trời dành cho.

1193. Tươi hoa chạ bên đường vô chủ,
Đây giật thưa cúc xủ mai xào.
Bó lòng thảm, dệt tâm đau,
1196. Nâu sồng cậy phép đổi màu anh hoa.
Câu tư dục biến ra bác ái,
Nghịệp oan khiên đổi lại hồng ân.
Khi kinh Thánh, lúc kệ Thần,
1200. Đoạn trường diệt dứt nợ nần nữ lưu.

CHÚ THÍCH :

Hoa chạ : bông của cây cổ mọc hoang, chỉ người con gái làng chơi. *Giật thưa* : hàng rào thưa thớt. *Cúc xủ mai xào* : chỉ những phụ nữ đang gặp họan nạn sâu thảm.

Hai câu 1193-1194 : Mở lòng nhân ái cứu giúp những người con gái làng chơi hư hỏng, không gia đình và những phụ nữ họan nạn thảm sâu.

Câu 1195 : Buộc chặt lòng sâu thảm và lòng đau khổ, ý nói đè nén lòng sâu thảm đau khổ. *Dệt* là kết lại.

Nâu sồng : màu nâu và màu sồng, là màu quần áo của tăng ni nhì Phật, chỉ việc tu hành. *Anh hoa* : cái bông đẹp đẽ nhất, chỉ người phụ nữ đẹp.

Câu 1196 : Người phụ nữ trút bỏ lớp quần áo đẹp đẽ, để mặc áo nâu sồng lo việc tu hành.

Tư dục : lòng tham lam ích kỷ.

Nghịệp oan khiên : sự hờn giận và tội lỗi do mình gây ra tạo thành cái nghiệp xấu ánh hưởng lên đời mình, làm cho mình phải chịu nhiều đau đớn sâu khổ.

Hồng ân : ơn huệ to lớn do Trời ban cho.

Câu 1200 : Tiêu diệt hết những nỗi đoạn trường và những nợ nần oan trái của người phụ nữ.

1201. Lâu xanh giảm màu tu trở vẻ,
Cửa không môn mở hé chơn hồng.
Thu phòng học chước thu không,
1204. Đốt hương cho ấm cho nồng phòng tiêu.
Đưa tuổi hạc quen chiêu non nước,
Mượn bút nghiên làm chước chê đời.
Nâng bầu nhựt nguyệt lưng voi,
1208. Dành gương liệt nữ để lời trinh phu.

CHÚ THÍCH :

Lâu xanh : thanh lâu, ở đây không có nghĩa là nhà chứa gái điếm, mà là nhà giàu có sang trọng.

Điển tích : Tấn Thư có câu : Nam khai chu môn, bắc vọng thanh lâu. Nghĩa là : Phía Nam mở cửa đỏ, phía bắc trong lâu xanh.

Giảm : điểm thêm. *Màu tu trở vẻ* : thay đổi màu sắc để có cái vẻ là nơi tu hành. *Chơn hồng* : gót son, chỉ phụ nữ đẹp.

Câu 1201-1202 : Người phụ nữ trong cái nhà sang trọng kia nay tu hành thì cái vẻ ngoài của nó đổi khác, cửa chùa đã hé mở cho người phụ nữ ấy bước chơn vào.

Thu phòng : chỉ người phụ nữ luống tuổi. *Thu không* : chiêu tối. (Xem câu 966). *Phòng tiêu* : phòng của người vợ.

Hai câu 1203-1204 : Người phụ nữ lo tu hành rồi nên chiêu tối là ở trong nhà lo đốt hương niệm Phật.

Câu 1205: *Đưa tuổi già quen sống với cảnh thiên nhiên*.

Câu 1206 : Mượn văn chương để chê đời là phù du mộng ảo.

Câu 1207 : Ý nói ngày tháng dần dần trôi qua.

Trinh phu : người đàn ông chính đính, giữ trọn thủy chung. Trinh phu ở đây đồng nghĩa với Trinh nhân.

Câu 1208 : Gìn giữ để làm người liệt nữ nêu gương tốt và để lời nói cùng các trinh phu.

1209. Nấm huệ kiếm định thâu trái chủ,
Mặc đạo y sạch giũ phồn hoa.
Nơi bến khổ để bước già,
1212. Xuân xanh noi dấu xây tòa anh phong.
Cột thân ái cậy lòng đạo đức,
Gầy từ tâm gắng sức ôn nhu.
Nung trang trí thức nữ lưu,
1216. Biết thân giữ mặt hảo cừu giai nhân.

CHÚ THÍCH :

Huệ kiếm : gươm trí huệ. Kinh Duy Ma Cật : Dĩ trí huệ kiếm phá phiền não tặc. Nghĩa là : Lấy kiếm trí huệ phá tan giặc phiền não. Ý nói : dùng cái trí huệ của mình có được do tu hành làm thành cây kiếm để trừ diệt lục dục và tam độc Tham Sân Si, vì chúng là giặc gây ra phiền não, cũng như chặt đứt các mối dây oan nghiệt trói buộc mình vào Luân hồi.

Trái chủ : người chủ nợ. Nợ đây là nợ oan nghiệt.

Đạo y : đạo phục, quần áo của người tu.

Sạch giũ : giũ cho rơi sạch hết các bụi bặm.

Bến khổ : chỉ biển khổ, tức là cõi trần.

Xuân xanh : người trẻ tuổi. *Tòa anh phong* : tòa nhà truyền thống tốt đẹp. Anh là đẹp nhất, phong là phong tục.

Tử tâm : lòng lành. *Ôn nhu* : ôn hòa mềm mỏng.

Nung : nung đúc, rèn luyện và thúc đẩy.

Hảo cừu : đẹp đôi. Hảo là tốt đẹp, cừu là kết đôi.

Kinh Thi : *Yếu điệu thực nữ*, *Quân tử hảo cừu*. (Người con gái yếu điệu nết na, đẹp đôi cùng người quân tử.)

Câu 1216 : Người con gái phải biết thân phận của mình, giữ gìn cho xứng đáng là một giai nhân, để được sánh duyên cùng người quân tử.

1217. Giồi trí thức tinh thần đẹp đẽ,
Trau tài ba vẹn vẻ anh thư.
Vinh thì chuộng, nhục thì từ,
1220. Cân cao tính thấp đặng trừ thiệt hơn.
Nước Ma-Ha rửa hồn nhi nữ,
Chuỗi bồ đề gìn giữ hồng nhan.
Cây trầm thuer đổi hương tàn,
1224. Treo y bá nạp làm màn phòng the.

CHÚ THÍCH :

Tinh thần : phần vô hình tốt đẹp nhất của con người để điều khiển các hoạt động của thể xác. Nếu phân tích theo Giáo lý của Đạo Cao Đài thì tinh thần gồm : Chơn thần và Chơn linh. Chơn linh điều khiển Chơn thần, Chơn thần điều khiển thể xác.

Tài ba : ba là cái hoa. Tài ba tức là Tài hoa, là tài giỏi về nghệ thuật và văn chương.

Anh thư : anh là tài giỏi xuất chúng, thư là con gái. Anh thư là người phụ nữ tài giỏi xuất chúng.

Vinh thì chuộng : cái nào là vinh hiển thì mến thích.

Nhục thì từ : cái nào nhục nhã thì từ bỏ.

Câu 1220 : Cân đo tính toán cao thấp, hơn thiệt kỹ lưỡng để có hành động đúng đắn thích hợp.

Nước Ma Ha : chữ Hán là Ma Ha Thủỷ, nghĩa đen là nước sông Ma Ha tức là nước của sông Gange (sông Hằng) linh thiêng bên Ấn Độ. Ở đây Nước Ma Ha là nước Thánh dùng trong Phép Tắm Thánh và Phép Giải Oan.

Khi Luyện Ma Ha thủỷ, vị Chức sắc hành pháp niệm câu Chú : “ Ma Ha thủỷ năng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa.” Nghĩa là :

Nước Ma Ha có khả năng tiêu hủy sự đọa đày do các oan nghiệt và các tội chướng gây ra.

Câu 1221 : Nước Thánh Ma Ha (trong Phép Giải Oan) có khả năng rửa sạch các oan nghiệt của người phụ nữ.

Chuỗi bồ đề : xâu chuỗi làm bằng các hột bồ đề, các tảng ni thường vừa lần từ hột chuỗi vừa niệm Phật.

Hồng nhan : má đỏ, chỉ người phụ nữ đẹp.

Cây trăm thước : ý nói cây bồ đề, chỉ sự tu hành.

Kinh Phật có câu : *Bồ đề bách xích thụ, Liên tọa tứ thời hoa.* Nghĩa là : Bồ đề là cây trăm thước, Tòa sen là hoa 4 mùa.

Theo lịch sử Phật giáo, Thái Tử Sĩ Đạt Ta thiền định dưới cội cây bồ đề và thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Do đó, cây bồ đề là chỉ sự tu hành.

Hương tàn : hương tàn phấn lợt, chỉ người phụ nữ trở về già. *Đổi hương tàn* : thay vào chỗ hương tàn.

Câu 1223 : *Cây trăm thước đổi hương tàn.* Nghĩa đen : Đem cây bồ đề thay vào chỗ hương tàn phấn lợt. Ý nói người phụ nữ trở về già lo tu hành.

Y bá nạp : cái áo làm bằng hàng trăm miếng vải vụn may lại. Y là cái áo, bá là trăm, nạp là vá lại cho lành. Thường nói là Bá nạp y. Theo giới luật của Phật giáo, các nhà sư phải lượm các miếng vải bỏ của người đời, may kết lại thành áo mà mặc. Mặc như thế để tỏ ý rằng : Không phải mặc cho đẹp, mà mặc cho ấm, và khỏi tốn tiền mua vải. Do đó, Bá nạp y là cái áo của các nhà sư Phật giáo.

Phòng the : cái phòng có treo màn bằng the, đó là phòng ở của phụ nữ, chỉ người phụ nữ. The là loại vải mỏng, mịn và đẹp.

Câu 1224 : Lấy áo bá nạp treo thế cho màn the, ý nói người phụ nữ khoát áo bá nạp, làm ni cô tu hành.

1225. Để chuông mõ dựa kê son phấn,
Chất nhơn tình chồng cận kệ kinh.
 Tâm ẩn ái giúp Chí Linh,
1228. Biển mê chèo chiếc thuyền tình độ nhân.
 Lấy tâm chánh làm cân đong thế,
 Cậy lòng lành làm kế dùi đời.
 Chồng gai vạch bước thánh thơi,
1232. Cầm phuong cứu khổ độ người trầm luân.

CHÚ THÍCH :

Hai câu 1225-1226 : Ý nói : Dẹp son phấn qua một bên, đểng để chuông và mõ. Dẹp nhơn tình qua một bên, đểng để kinh và kê. Ý nói : Dẹp hết việc đời qua một bên để chuyên tâm lo việc tu hành.

Tâm ẩn ái : lòng trắc ẩn thương người. *Chí Linh :* rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn.

Biển mê : biển khổ, chỉ cõi trần. *Thuyền tình :* chiếc thuyền của tình thương, của bác ái, để cứu vớt những người đang chìm đắm trong biển khổ. *Độ nhân :* cứu giúp người.

Hai câu 1227-1228 : Hai câu này đã có dẫn để giải thích hình bìa (Phần 6), ý nói : Lấy lòng trắc ẩn thương người giúp Đức Chí Tôn, làm thành chiếc thuyền bác ái cứu giúp người đang chìm đắm trong biển khổ.

Câu 1229 : Lấy chánh tâm để đo lường mà xác định giá trị thực của cuộc đời.

Câu 1231 : Chỉ cho thấy những nẻo chông gai của cuộc đời, vạch ra con đường đưa đến cảnh thánh thơi nhàn hạ.

Cầm phuong cứu khổ : nắm giữ phương pháp cứu khổ.

Trầm luân : trầm là chìm, luân là chìm đắm. Trầm luân là chìm đắm trong biển khổ.

1233. Vẹn nhơn đạo, đi lân nẻo chánh,
Đến vô ưuặng lánh nhơn luân.

Thuyền con mệch mệch như rừng,

1236. Đon đường Thánh đức, hỏi chừng Như Lai.

CHÚ THÍCH :

Nhơn đạo : đạo làm người. Đây là nấc thang thấp nhất trong năm nấc thang tiến hóa của con người.

Sách Nho có viết rằng : Dục tu Tiên đạo, tiên tu Nhơn đạo. Nhơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hý. Nghĩa là : Muốn tu Tiên đạo, trước tu Nhơn đạo. Nhơn đạo không tu, Tiên đạo xa vời lầm vạy. Theo Nho giáo, Nhơn đạo gồm : Tam cang và Ngũ thường (đối với Nam) và Tứ Đức Tam Tùng (đối với Nữ).

Vô ưu : không phiền não. *Đến vô ưu* : đến cõi không phiền não, tức là đến cõi Cực Lạc Niết Bàn.

Nhơn luân : ở đây có nghĩa là Nhơn quả và Luân hồi.

Sự luân hồi là thể hiện luật nhơn quả. Trong kiếp trước mình gây ra nhiều mối nợ oan nghiệt thì mình phải bị luân hồi trở lại kiếp này để lo đền trả các món nợ ấy cho xong, đúng theo luật công bình của Trời Đất.

Thuyền con : chiếc thuyền bé nhỏ, ý so sánh con người nơi cõi trần như chiếc thuyền bé nhỏ lênh đênh trên biển khổ.

Câu 1235 : Con người nơi cõi trần như chiếc thuyền bé nhỏ lênh đênh trên biển khổ, mờ mịt như đi trong rừng, không biết phương nào thoát ra. *Mệch mệch* : mờ mịt.

Đon : hỏi thăm chừng. *Đường Thánh đức* : con đường Đạo. *Như Lai* : Phật. Kinh Kim Cang : Phật vốn không do đâu lại, cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai. *Hỏi chừng Như Lai* : hỏi thăm chừng nơi nào là cõi Phật.

Câu 1236 : Hỏi thăm chừng con đường đạo ở đâu, hỏi thăm chứng xứ Phật ở đâu để bước tới.

1237. Am tự đóng chặt gài bước tục,
Nước Cam lồ cho phúc tiêu diêu.

Oan trái dứt, nghiệp chướng tiêu,

1240. Cảnh vui Cực Lạc mỹ miều vẻ tâm.

CHÚ THÍCH :

Am tự : am là cái chùa nhỏ, tự là cái chùa lớn. Am tự là chỉ chung các chùa thờ Phật. *Chặt gài* : gài chặt cái cánh cửa, không cho mở ra. *Bước tục* : bước vào cõi trần.

Câu 1237 : Đóng chặt cửa chùa, không cho các tu sĩ thối bước trở lại cõi trần. Ý nói người tu đang đi trên con đường Đạo, nhất định tiến tới mãi cho đến cõi Phật, không cho thối bước trở lại con đường đời.

Nước Cam lồ : nước sương ngọt. Cam là ngọt, lồ là giọt sương. Nước Cam lồ là nước sương ngọt do Đức Quan Âm Bồ tát chế luyện, được đựng trong Tịnh bình, và Đức Quan Âm dùng cành dương liễu nhúng vào Tịnh bình để rải nước Cam lồ cứu sống người hay vật, hay rửa sạch các ô trược bám vào Chơn thần, để cho chơn thần trong sạch nhẹ nhàng.

Trong Phép Xác, vị Chức sắc hành pháp dùng nước Âm Dương để luyện thành nước Cam lồ, rồi dùng nước Cam lồ nây rải lên quan tài để tẩy sạch chơn thần của người chết.

Phúc : phước, điều may mắn tốt lành. *Tiêu diêu* : tiêu dao, thảm thoái vui thú không vướng bận việc đời.

Cảnh vui Cực Lạc : cõi Cực Lạc Thế Giới hoàn toàn an vui hạnh phúc. *Mỹ miều vẻ tâm* : cái tâm đầy vẻ tốt đẹp.

Hai câu 1239-1240 : Khi nào dứt hết các oan trái, tiêu mất hết các nghiệp chướng, không còn gì ràng buộc nữa, thì chơn thần và linh hồn có hào quang rực rỡ tốt đẹp, thong dong lên cõi CLTG.

1241. Lánh bợn tục tình thâm cõng tránh,
Trốn đau thương xa cảnh trần gian.

Biến thân hạc nội mây ngàn,

1244. Nấm phan Tiếp Dẫn, mở đàng Lôi Âm.

CHÚ THÍCH :

Hạc nội mây ngàn : ý nói tự do, thung dung tự tại như con hạc ngoài đồng, muốn bay đâu thì bay; như đám mây trên rừng, bay tự do theo gió. Nội là đồng cỏ, ngàn là rừng.

Lý Bạch viết : Lung kê hữu mĩ than oa cận,
Dã hạc vô lương thiên địa khoan.

Nghĩa là : Con gà trong lồng có lúa đầy bụng mà nồi nước sôi kế bên; Con hạc ngoài đồng túng thiếu lương thực nhưng Trời Đất rộng thịnh, mặc tình cao bay xa liệng. Ý nói chẳng thà làm con hạc ngoài đồng bữa đói bữa no mà được tự do thoả mái, hơn là làm con gà bị nhốt trong lồng, mất tự do mà nồi nước sôi kế bên, không biết bị cắt cổ làm thịt lúc nào.

Câu 1243 : Làm cho cái thân của mình như con hạc ngoài đồng, như đám mây trên rừng, thung dung tự tại.

Phan Tiếp Dẫn : cây phướn Tiếp Dẫn của vị Phật gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, dùng để hướng dẫn các chơn hồn đắc đạo đến cõi Cực Lạc Thế Giới. Nơi kinh đô của Cực Lạc Thế giới có chùa Lôi Âm (Lôi Âm Tự), là nơi ngự của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A-Dì Đà. (Phan là cây phướn dẫn đường)

Câu 1244 : Đi theo cây phướn Tiếp Dẫn của vị Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mở đường, để đi đến chùa Lôi Âm nơi cõi Cực Lạc Thế giới.

Được như vậy là đã đắc đạo thành Phật.

1245. Nơi cảnh tịnh âm thầm vui thú,
Đem tấm tình để ngụ đài sen.

Thong dong quạt gió trăng đèn,

1248. Nhành dương làm bạn, sách hiền gọi quen.
Bέ ngū quan, không kiêng tục tánh,
Diệt lục trần, xa lánh phàm tâm.

Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,

1252. Đoạt phương tự diệt giải phần hữu sanh.

CHÚ THÍCH :

Cảnh tịnh : cảnh chùa, nơi tu hành. Tịnh là trong sạch.

Tấm tình : cái tấm lòng cảm yêu thương vợ chồng.

Dài sen : tòa sen, nơi Đức Phật ngự.

Câu 1246 : Đem cái tấm ái tình đặt lên tòa sen gởi cho Phật, để lòng được yên ổn lo việc tu hành.

Câu 1246 : Thung dung nhàn hạ sống với cảnh vật thiên nhiên, lấy gió làm quạt, lấy trăng làm đèn.

Nhành dương : cành dương liễu của Đức Quan Âm Bồ Tát dùng để rải nước Cam lồ. *Nhành dương làm bạn* : làm bạn với cành dương liễu, ý nói làm đệ tử của Phật.

Sách hiền : kinh sách của các bậc Thánh Hiền. *Sách hiền gọi quen* : ý nói thường đọc kinh sách của Thánh Hiền.

Ngū quan : năm giác quan của con người : Nhãn, Nhĩ, Tý, Thiệt, Thân (mắt, tai, mũi, lưỡi, da của thân thể).

Lục trần : 6 thứ của cõi trần. Lục trần gồm : Sắc, Thính, Hương, Vị, Xúc, Pháp (sắc đẹp, âm thanh, mùi thơm, đồ ăn ngon ngọt, sự tiếp xúc trên da thịt, ý tưởng).

Lục trần khêu gợi các giác quan của con người, làm con người ham muốn, tạo thành Lục dục : 6 điều ham muốn.

Lục dục gồm : Sắc dục, Thinh dục, Hương dục, Vị dục, Xúc dục, Pháp dục.

Mắt nhìn thấy Sắc đẹp thì sanh ra Sắc dục.

Tai nghe âm thanh êm ái, lời ngon ngọt thì sanh ra
Thinh dục.

Mũi ngửi mùi thơm dễ chịu thì sanh ra Hương dục.

Lưỡi nếm sự ngon ngọt béo bùi thì sanh ra Vị dục.

Da thịt tiếp xúc sự mềm mại thì sanh ra Xúc dục.

Ý tưởng thích được mến khen sanh ra Ý dục.

Bé ngũ quan : đóng năm giác quan lại, không cho tiếp xúax với Lục trần để khỏi bị Lục trần cám dỗ.

Không kiêng : không nể sợ. *Tục tánh* : cái tánh tầm thường của người phàm thích vật chất.

Diệt lục trần : tiêu diệt sự cám dỗ của Lục trần, chớ không thể tiêu diệt được Lục trần, vì Lục trần là ngoại cảnh.

Phàm tâm : cái tâm phàm tục, nhiều tham vọng và ích kỷ, thích hưởng thụ vật chất. Trái với Phàm tâm là Thánh tâm.

Mệnh Thiên : mạng Trời, mạng linh của Trời.

Câu 1251 : Giữ vững Mệnh Trời. Muốn giữ vững Mệnh Trời thì phải biết Mệnh Trời. Điều này rất khó, vì Đức Khổng Tử tới 50 tuổi mới biết được mệnh Trời. (*Ngũ thập nhị tri Thiên mệnh*). Khi đã biết được mệnh Trời thì cứ sống vui theo mệnh Trời, chớ lập ý riêng, lần lần sẽ được mẫn huệ.

Đoạt phương tự diệt : đoạt được phương pháp để tự mình diệt hết phàm tâm của mình, để phàm tâm không còn che lấp Thánh tâm. Tâm sáng tỏ thì có được trí huệ, đắc đạo.

Giải phần hữu sanh : giải là cởi bỏ; phần hữu sanh là phần sống của con người, tức là thể xác. Giải phần hữu sanh là cởi bỏ thể xác, để chơn linh và chơn thần xuất ra đi lên cõi thiêng liêng.

1253. Linh linh, hiển hiển, khinh khinh khứ,
Sắc sắc, không không, sự sự tiêu.

Chơn linh đẹp đẽ mỹ miều,

1256. Xuất dương sớm đã đến triều Ngọc Hư.
Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầyặng tiếp hồng ân.

Xác tại thế, đã nên Thần,

1260. Ba mươi sáu cõiặng gần Linh Thiên.

CHÚ THÍCH :

Linh : thiêng liêng. *Hiển* : hiện ra. *Khinh* : nhẹ. *Khứ* : đi.

Sắc : cái có hình dạng thấy được bằng mắt thường.

Không : không có gì cả, trống không. *Sự* : việc. *Tiêu* : mất.

Sắc và Không chỉ là hai trạng thái nối tiếp của một sự vật. Vật có hình thể là Sắc, lần hồi theo thời gian, vật bị hủy hoại tiêu mất để trở về Không. Rồi từ cái Không, sẽ tạo trở lại vật có hình thể tức là Sắc. Sắc Không cứ thế luân chuyển.

Thể xác của con người cũng thế, luân chuyển trong vòng Sắc Không. Khi thể xác già yếu thì sẽ chết, tức là bị hủy hoại, Chơn linh và Chơn thần xuất ra khỏi thể xác, bay lên cõi thiêng liêng, tức là trở về Không.

Xuất dương : đi ra khỏi cõi trần. Xuất là đi ra. Dương là cõi dươngIAN, tức là cõi trần. *Triều* : chầu. (Chầu vua).

Ngọc Hư : Ngọc Hư Cung nơi cõi thiêng liêng. Đây là nơi nấm giữ Thiên điều, điều hành tất cả các hoạt động của Càn khôn Vũ trụ.

Câu 1256 : Chơn linh đi ra khỏi cõi trần, bay lên Ngọc Hư Cung để chầu Đức Chí Tôn.

Ngũ khí : năm khí chất do Ngũ tạng trong cơ thể con người tạo ra, giống như năm luồng điện.

Ngũ Tạng gồm : Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận. Ngũ tạng được định theo Ngũ Hành, sanh ra Ngũ Khí :

- Tâm là trái tim, thuộc Hỏa.
- Can là lá gan thuộc Mộc.
- Tỳ là hai lá lách thuộc Thổ.
- Phế là hai lá phổi thuộc Kim.
- Thận là hai quả thận thuộc Thủy.

Ngũ Tạng, nếu được nuôi dưỡng bằng thức ăn mặn, tức là cá thịt, thì tạo ra Ngũ Khí ô trước và năm dòng điện phát ra có tần số thấp; trái lại nếu Ngũ Tạng được nuôi dưỡng bằng những thức ăn chay, tức là rau quả, thì Ngũ Khí thanh nhẹ, và năm dòng điện phát ra có tần số cao.

Người luyện đạo, cần phải luyện cho năm Khí chất này điều hòa hiệp lại làm một, gọi là Ngũ Khí triều nguồn; kế đó luyện cho Tam bửu : Tinh Khí Thần hiệp nhứt tại nê hoàm cung, gọi là Tam Huê tụ đánh, thì đắc đạo thành Tiên Phật tại thế.

Muốn luyện cho Ngũ Khí triều nguồn thì phải dụng công phu định cái tâm, gìn cái ý, bế Ngũ quan, thì Ngũ Khí hiệp về. Còn muốn luyện Tam huê tụ đánh thì luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hiệp Thần và luyện Thần huờn Hu.

Các phép luyện đạo chỉ được truyền dạy trong Tịnh Thất dưới dự chăm nom của một Tịnh Chủ.

Quả kiếp : cái kết quả của kiếp trước tạo thành cái Nghiệp để theo báo đáp lại trong kiếp này. Khi diệt trừ hết quả kiếp, tức là hết Nghiệp, hết nợ, tu hành rất mau đắc đạo.

Linh quang : chơn linh, vì Đức Chí Tôn ban cho mỗi người một điểm linh quang để làm chơn linh.

Câu 1259 : Tuy còn mang xác phàm tại thế nhưng đã đắc đạo thành bực Thần, Tiên.

36 cõi : gọi là Tam thập lục Thiên : 36 cõi Thiên Tào.

Linh Thiên : Ông Trời, Đức Chí Tôn Thượng Đế.

1261. Hiệp Tạo hóa cầm quyền chuyển thế,
Dạy vạn linh dụng thế từ bi.
Sanh ấy ký, tử là qui.
1264. Diệu huyền cơ tạo chẳng gì gọi hơn.
Chữ mới rõ nguồn cơn kiếp sống,
Tắc thây phàm rất mỏng số căn.
Ham phương cứu thế độ nhân,
1268. Giải mê khách tục, cõi trần lánh xa.

CHÚ THÍCH :

Chuyển thế : làm cho đời thay đổi, từ xấu thành tốt, từ đời hung tàn bạo ngược trở nên thuần lương đạo đức.

Câu 1261 : Khi đắc đạo rồi thì trở về cõi thiêng liêng, hiệp cùng Đức Chí Tôn lo cơ chuyển thế.

Vạn linh : toàn thể các chơn linh trong càn khôn vũ trụ, gồm đủ Bát hồn. Vạn linh đều kiếp xuống trần làm chúng sanh. Nên nghĩa thông thường của Vạn linh là chúng sanh.

Câu 1263 : Sống gởi thác về.

Đây là một triết lý nhân sinh hoàn toàn đúng đắn. Cõi chơn thật của con người là cõi thiêng liêng hằng sống (TLHS). Con người đều kiếp xuống trần là để học hỏi và tiến hóa. Khi hết hạn thì trở về. Cõi trần chỉ là nơi tạm mượn mà thôi.

Diệu huyền cơ tạo : bộ máy huyền diệu của Tạo hóa.

Nguồn cơn : đều đuôi ngọn ngành của sự việc.

Tắc thây phàm : thể xác phàm. Dùng chữ Tắc là để tỏ sự khiêm tốn. *Số căn* : số phận của con người.

Cứu thế độ nhân : cứu đời giúp người. *Giải mê* : cởi bỏ sự mê muội để được sáng suốt.

Khách tục : khách trần, chỉ con người đang sống trên cõi trần. (Xem Chú thích Câu 972)

1269. Lấy bác ái làm hòa vạn vật,
Đem thiện duyên xây nấc thang hồng.
Đoạn căn đóng chặt Âm cung,
1272. Tòa sen chín phẩm để cùng Phật tâm.
Trăm tuổi sống chẳng lầm tuổi sống,
Một kiếp sanh chưa trọng kiếp sanh.
Thay thân Tạo hóa là mình,
1276. Nâng niu sanh chúng mới đành chữ nhơn.

CHÚ THÍCH :

Câu 1269 : Nhờ bác ái mà vạn vật sống hòa bình với nhau, nếu không bác ái thì vạn vật tranh đấu giết hại nhau.

Thiện duyên : duyên lành, ý nói cái duyên tu hành.

Xây nấc thang hồng : Xây cái thang to lớn bắc lên Trời cao. Đây là nói ví dụ, sự tu hành như là cái thang bắc lên Trời để người tu đắc đạo đi lên Trời. Hồng là to lớn.

Đoạn căn : đoạn là cắt đứt, căn là gốc rễ tức là chỉ những việc làm thiếu đạo đức trong kiếp trước tạo thành những mối dây oan nghiệt buộc chặt chơn thần, không cho chơn thần thoát ra khỏi thể xác để đi lên cõi thiêng liêng.

Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài là đại khai ân xá cho các đắng linh hồn, nên ban cho Phép Đoạn Căn để Chức sắc hành pháp cắt đứt 7 dây oan nghiệt, chơn thần xuất ra đi lên cõi thiêng liêng.

Âm Cung : các cung điện nơi cõi Âm phủ, chỉ cõi Địa ngục. *Đóng chặt Âm Cung* : đóng chặt cửa của cõi Địa ngục.

Cũng trong thời kỳ đại ân xá này, Đức Chí Tôn cho đóng cửa Địa ngục, phong thích tất cả các tội hồn, cho đầu thai chuyển kiếp để trả cho xong cắn quả, đồng thời lo việc tu hành để sớm trở về sum họp cùng Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

Đức Chí Tôn cho mở rộng cõi Trời để tiếp rước những linh hồn đầy đủ đạo đức trở về.

Kinh Giải Oan : Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,

Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây phương.

Câu 1271 : Cắt đứt các dây oan nghiệt để chơn thần thoát ra khỏi thể xác và đóng chặt cửa Địa ngục, ân xá các tội hồn, cho họ đi đầu kiếp nơi cõi trần để trả quả.

Tòa sen 9 phẩm : cửu phẩm Liên hoa, là 9 phẩm tòa sen nơi Cực Lạc Thế Giới. Những chơn linh đắc đạo lên cõi này sẽ tùy công đức nhiều ít mà ở trong 9 phẩm liên hoa này.

Phật tâm : Tâm từ bi giác ngộ của Phật.

Câu 1272 : Cửu phẩm Liên hoa là ngôi vị dành cho những linh hồn có tâm lành như Phật.

Câu 1273 : Một kiếp sống của con người nơi cõi trần thường lấy một trăm năm làm kỳ hạn, chẳng còn gì để lầm lẫn nữa.

Câu 1274 : Trong một kiếp sanh, con người chưa biết quý trọng kiếp sanh của mình.

Con người thường phung phí thời giờ vào các cuộc tranh giành danh lợi hay các cuộc vui chơi, chỉ biết lo cho phần thể xác giả tạm, mà quên hẳn phần linh hồn. Đó là chưa biết trọng kiếp sanh của mình. Trái lại, nếu biết trọng kiếp sanh, thì phải lo học hỏi và tiến hóa, tức là phải lo trau tâm luyện tánh cho trở nên tốt đẹp, phải lo phụng sự nhơn sanh thì linh hồn mới mau tiến hóa, mới đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

Câu 1275-1276 : Thượng Đế tạo ra con người theo hình ảnh của Ngài, nên Thượng đế có gì thì người có nấy. Con người nơi cõi trần là thay thân cho Đấng Thượng Đế, làm anh cả của chúng sanh, dùi dắt chúng sanh, xem chúng sanh là đàn em nhỏ thì mới đúng theo lòng Nhân từ của Thượng Đế.

1277. Ngồi mà lóng tiếng đờn vô cực,
Phước siêu thăngặng thất nơi ta.

Biết coi thế giới như nhà,

1280. Sống nên Chí Thánh, thác là Thần Tiên.

CHÚ THÍCH :

Lóng : lồng tai nghe. *Vô cực* : vô là không, cực là chỗ đầu cùng. Vô cực là không có đầu cùng, chỉ một nơi xa không cùng tận. *Tiếng đờn vô cực* : tiếng đàn từ cõi xa xăm, ý nói tiếng gọi của Đại Hồn vũ trụ. Tiếng gọi đó cũng chính là tiếng gọi từ chỗ sâu thẳm của tâm hồn con người.

Câu 1277 : Ngồi yên lặng mà lắng nghe tiếng gọi thiêng liêng của Đại Hồn (Thượng đế), kêu gọi các Tiểu hồn (con người) sớm giác ngộ, quay trở về con đường tu thì mới mong hiếp nhứt với Đại hồn.

Phước : phước đức. *Siêu thăng*: bay vượt lên cõi thiêng liêng. *Đặng thất* : được hay mất, siêu hay đọa.

Câu 1278 : Có phước đức thì được siêu thăng, siêu hay đọa là do nơi mình (có tu hay không tu).

Câu 1279 : Coi thế giới này như nhà của mình, tức là coi nhân loại là anh em một nhà, dù khác tiếng nói hay màu da sắc tóc, vì toàn cả nhơn loại đều là con cái của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Nếu làm được như vậy thì tạo thành nơi mặt thế này một thế giới đại đồng, một Thiên đường tại thế, gọi là đời Thượng nguồn Thánh đức.

Chí Thánh : bực Thánh lớn. *Thác* : chết.

Thần Tiên : chỉ chung các Đấng thiêng liêng gồm : Thần, Thánh, Tiên, Phật.

1281. Thiếp nhờ Đạo giải phiền diệt khổ,
Biết may duyên lựa chõ gởi tâm.
Tìm đâuặng kẻ tri âm,
1284. Ôm thương đem gởi cảnh Thần cửa Không.
Càng ngó trái lại miền thế tục.
Lụy nhỏ dầm đòi khúc lòng đau.
Ái ân, ân ái là sao ?
1288. Đày thân lấm khách má đào gian truân.

CHÚ THÍCH :

Câu 1281 : Nhờ theo đạo, lo tu hành nên cởi bỏ được sự phiền não và diệt trừ hết sự đau khổ.

May duyên : cái duyên may mắn gặp Đạo và theo Đạo.

Gởi tâm : gởi trọn tâm hồn vào cửa Đạo.

Kẻ tri âm : người bạn hiểu được tiếng đàn của mình, ý nói người bạn hiểu rõ lòng mình.

Cảnh Thần : cảnh thiêng liêng.

Cửa Không : ý nói cửa chùa, cửa Phật.

Câu 1284 : Ôm cái tấm tình thương yêu vợ chồng đem gởi vào cửa Phật. Ý nói dứt bỏ tình thương yêu thấp kém ích kỷ, để nuôi lấy lòng bác ái vị tha.

Ngó trái lại : ngoảnh nhìn lại phía sau.

Thế tục : cõi đời thấp kém. Tục là thấp kém.

Đòi khúc lòng đau : lòng đau đớn như ruột bị cắt nhiều khúc (đoạn trường). Đòi là nhiều.

Hai câu 1285-1286 : Ngoảnh nhìn lại thấy cảnh đời khiến cho lòng đau khổ đoạn trường, nước mắt tuôn rơi.

Má đào: chữ Hán là Hồng nhan : gö má đỏ hồng như trái đào, chỉ người phụ nữ. *Gian truân* : khó khăn vất vả.

1289. Chịu mòn mỏi mảnh thân nhi nữ,
 Cũng toan lo gìn giữ khối tình.
 Trăm năm dầu sống mảnh hình,
1292. Thì trong tâm lý đã dành tiêu tan.
 Nào những mộng nợ chàng duyên thiếp,
 Nào những mơ ý hiệp tâm đầu.
 Duyên là đâu, nợ là đâu ?
1296. Chẳng qua biển khổ bắc cầu sông mê.

CHÚ THÍCH :

Khối tình : Khối tình thương yêu sâu đậm giữa nam và nữ, hay giữa vợ chồng. (Xem Chú thích Câu 743)

Mảnh thân đồng nghĩa *Mảnh hình* : tấm thân.

Tâm lý : cái lẽ biến hóa và tác dụng của lòng dạ con người. Nói cụ thể hơn, tâm lý là tất cả tình cảm, tư tưởng và ý thích trong lòng.

Bốn câu 1289-1292 : Tấm thân nhi nữ phải chịu mòn mỏi là vì lo toan gìn giữ khối tình. Dầu cho tấm thân này có sống được trăm năm nhưng trong lòng cũng dành phải để cho cái khối tình này tiêu tan, bởi vì người phụ nữ ấy bây giờ đã từ bỏ việc đồi, đem thân vào cửa đạo.

Mộng : mơ tưởng. *Ý hiệp tâm đầu* : tâm và ý đều hoàn toàn hòa hiệp với nhau. Đầu là hợp nhau.

Biển khổ, Biển mê, Mê tân, Sông mê, Bến mê, Bến khổ : những từ ngữ này đều đồng nghĩa, chỉ cõi trần.

Câu 1296 : Chẳng qua chỉ là việc đi qua biển khổ thì gặp sông mê, qua được sông mê thì lại đến bến khổ. Ý nói con người phải chịu đau khổ triền miên nơi cõi trần.

Cõi trần là cõi đọa. Muốn hết khổ thì phải giác ngộ có được trí huệ. Muốn có trí huệ thì phải TU.

1297. Khối thảm chất tràn trề bể hẹn,
 Giọt đau thương quá chén hiệp phu.
 Hết là trí, ấy là ngu,
1300. Càng say âu yếm càng sầu nhớ thương.
 Khách má phấn môi son đậm sắc,
 Đặng đem môi trêu mặt ác phong.
 Đâu chẽn tiết gọi là đồng,
1304. Lời than tiếng thiết để lòng trăm năm.

CHÚ THÍCH :

Bể hẹn : trong câu : biển hẹn non thề. Bể hẹn hay biển hẹn cũng là biển khổ.

Chén hiệp phu : chén rượu hiệp cẩn mà người vợ mới cưới uống với chồng. Đây là chén rượu vui mừng hạnh phúc.

Câu 1298 : Giọt nước mắt đau thương của người vợ, nếu lấy cái chén đã đựng rượu hợp cẩn mà đong thì quá đầy dẫy tràn trề. Ý nói : Trong suốt cuộc sống vợ chồng, người phụ nữ hạnh phúc thì ít mà đau buồn thì nhiều.

Câu 1299 : Sự khôn ngoan đua chen danh lợi trong trường đời được các nhà đạo giáo xem là sự ngu xuẩn trong đường đạo. (Trí là sự khôn ngoan, Ngu là sự khờ dại).

Câu 1300 : Càng thương yêu nhiều chừng nào thì càng sầu khổ nhớ thương nhiều chừng nấy.

Ác phong : do thành ngữ chữ Hán : “Ác nguyệt đâm phong”, nghĩa là cầm trăng gánh gió. Ác phong là chỉ những người háo sắc, dâm đảng, thích việc gió trăng. Ác là cầm giữ, đâm là gánh lấy, nguyệt phong là trăng gió.

Tiếng thiết : tiếng kêu đau đớn. Thiết là cắt.

Hai câu 1303-1304 : Đâu là chẽn tiết hạnh, đâu là chẽn đồng tâm? Lời kêu than đau đớn mãi trong lòng suốt đời.

1305. Chẳng qua khách ăn nằm quán tục,
Vấn một ngày, lâu chút trọn đời.
Hỏi ai thỏa chí ai ơi ?

1308. Tra phòng hiệp cẩn, bao hồi khóc riêng.
Một câu mến gieo phiền muôn tiếng,
Đôi lời phân ngàn miệng xa xôi.
Hỏi ai trộm đứng lén ngồi,

1312. Những cay những đắng cái mùi ra sao ?

CHÚ THÍCH :

Quán tục : cõi trần là quán trọ của khách trần. Người khách trần tạm ở nơi quán trọ một thời gian rồi cũng trở về quê cũ là cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Hai câu 1305-1306 : Con người chẳng qua chỉ là những khách trần, ăn ở tạm thời nơi cõi trần một thời gian, nếu ngắn thì một ngày, nếu lâu thì nhiều lắm là trăm năm.

Tra : xem xét, kiểm tra. *Phòng hiệp cẩn* : phòng của vợ chồng mới cưới, chỉ người vợ.

Câu 1308 : Kiểm điểm trong cuộc sống vợ chồng, người phụ nữ âm thầm chịu đựng biết bao đau đớn khổ sở.

Mến : thương yêu. *Phiền* : phiền não. *Phân* : phân trần.

Câu 1309 : Một tiếng nói thương yêu gây ra cả muôn tiếng phiền não. Ý nói vì tình yêu, người phụ nữ phải chịu biết bao phiền não.

Câu 1310 : Một vài lời nói phân trần, cả ngàn miệng nói ra nói vào, nói xa nói gần. (không người thông cảm)

Hai câu 1311-1312 : Người con gái về nhà chồng, lạ người lạ cảnh, chỉ có chồng là thân yêu, nên sống rất kén né, mất tự nhiên, cái gì cũng ngại cũng sợ (trộm đứng lén ngồi), lại còn chịu nhiều nỗi đắng cay khổ sở.

1313. Tính để viết khuyên rào tiết ngọc,
Thì sợ e ghẹo chọc si tình.
Còn không để trọn lời lành,

1316. Lại e cho gái nhẹ mình nữ trung.
Toan để bút ngăn vòng chồng vợ,
Thì lại e nghịch nợ tiền khiên.
Còn không lưu lại lời hiền,

1320. Mưu chi gõ nổi thảm phiền đạo thê.

CHÚ THÍCH :

Rào : bảo vệ. *Tiết ngọc* : cái tiết hạnh quý báu của con gái. *Ngọc* : chỉ sự đẹp đẽ quý báu.

Si tình : tình yêu đắm đuối mê mẩn như ngây dại.

Hai câu 1313-1314 : Tính đặt bút viết một bài khuyên bảo người con gái nên gìn giữ tiết hạnh quý báu của mình. Nhưng e sợ làm như vậy thì cũng như chọc ghẹo kẻ si tình.

Nhẹ mình : xem nhẹ giá trị của mình, không biết quý trọng giá trị của mình. *Nữ trung* : trong giới phụ nữ.

Hai câu 1315-1316 : Còn không viết ra để lưu lại lời lành thì e sợ đâm con gái không biết quý trọng giá trị của mình.

Nợ tiền khiên : nợ nần với nhau do tội lỗi ở kiếp trước.

Hai câu 1317-1318 : Tính viết ra một bài để khuyên con gái đừng nên có chồng, thì lại sợ rằng điều ấy đi ngược lại sự vay trả nợ nần từ kiếp trước.

Đạo thê : bốn phận làm vợ trong gia đình.

Hai câu 1319-1320 : Còn nếu không viết ra để lưu lại lời hiền thì người phụ nữ không có cách chi thoát khỏi những nỗi sầu thảm phiền não trong bốn phận làm vợ.

1321. Thấy trẻ gái dâm dề lụy đổ,
E cho sau chịu số như già.
Muốn khuyên đầu Phật xuất gia,
1324. Lại e để hại nước nhà khuyết dân.
Thấy nhi nữ kiếp căn mỏng mảnh,
Muốn binh lời làm mạnh đỡ nâng.
Lại e lỗi đạo nhơn luân,
1328. Dở dang gia pháp, vương thân loạn ngôi.

CHÚ THÍCH :

Chịu số như già : gánh chịu cái số phận như kẻ già này đây. Già là tiếng tự xưng của tác giả.

Đầu Phật : theo Phật. Đầu là theo. *Xuất gia* : Đi ra khỏi nhà, tức là từ bỏ gia đình để đi tu. *Khuyết dân* : Thiếu dân, không đủ số dân để xây dựng và bảo vệ quốc gia.

Bốn câu 1321-1324 : Thấy đám con gái khóc lóc đau khổ, e rằng chúng nó phải chịu số phận giống như già này đây, nên muốn khuyên chúng xuất gia đầu Phật, nhưng rồi lại sợ con gái không có chồng để sinh sản con cái, làm cho dân số của quốc gia giảm đi.

Kiếp căn : số kiếp, số phận. (Xem Chú thích câu 1108)

Đạo nhơn luân : phép tắc cư xử giữa con người với nhau trong xã hội, gồm 5 bức : vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn. *Gia pháp* : phép tắc riêng của gia đình. *Vương thân* : vua tôi. *Loạn ngôi* : đảo lộn ngôi thứ, trật tự.

Bốn câu 1325-1328 : Nhận thấy nữ phái có số phận mỏng manh, nên muốn để lời binh vực mạnh mẽ, nâng đỡ cho nữ phái được bình quyền cùng nam phái, nhưng sợ e trái với đạo nhơn luân lúc bấy giờ, làm cho gia pháp không thi hành được và làm đảo lộn phép tắc nơi triều đình.

1329. Gãm thân gái trọn đời cực nhọc,
Tính buông câu gọi chút nghỉ ngơi.
Lại e sai thế lỡ thời,
1332. Giúp nam nhân chẳng có người trọn tâm.
Nghĩ phận vợ ngàn trăm đau đớn,
Sanh đẻ còn nuôi dưỡng nhọc nhằn.
Muốn khuyên giảm bớt ái ân,
1336. Lại e giục kẻ Tấn Tần chia phôi.

CHÚ THÍCH :

Buông câu : nói ra một câu. *Sai thế* : trái với lẽ thường của đời. *Lỡ thời* : Không hợp thời.

Nam nhân : đàn ông con trai.

Người trọn tâm : người hết lòng giúp đỡ.

Bốn câu 1329-1332 : Ngãm nghĩ, người phụ nữ trọn đời cực nhọc, nên tính nói ra vài câu kêu gọi phụ nữ hãy dành thời gian để nghỉ ngơi, nhưng lại sợ rằng làm như thế là trái lẽ thường và không hợp thời, vì không có người hết lòng giúp đỡ nam nhân.

Tấn Tần : chỉ vợ chồng.

Điển tích : Nước Tấn và nước Tần là hai nước lớn thời Xuân Thu bên Tàu. Theo Tả Truyện, Huệ Công vua nước Tấn, phụ ước vua Tần, bị Tần đem quân đánh, bắt được Thái Tử Ngữ đem về Tần làm con tin. Sau vua Tần Mục Công gả Công chúa Hoài Danh cho Thái Tử Ngữ và hai nước Tấn Tần hòa nhau. Từ đó về sau, luôn năm đời liên, con cháu hai nước cưới gả cho nhau, đối xử nhau rất tốt đẹp.

Hai câu 1335-1336 : Muốn khuyên bảo người vợ giảm bớt việc ái ân với chồng để giảm bớt việc sanh đẻ, nhưng lại sợ làm như thế là xúi giục vợ chồng chia lìa nhau.

1337. Nên ngâm thǎm đặng ngồi nuốt thǎm,
Toan buông lời, chẳng dám hở môi.

Lén xem sự thế ngâm ngùi,

1340. Nguyὲn trông chỉ đợi phép Trời dạy khuyên.
Tai lịch sự tự nhiên chê sự,
Lòng đa tình vẫn cứ vị tình.

Biết tùng quyền hiểu chấp kinh,

1344. Tìm phương hay gởi lấy mình cửa tu.

CHÚ THÍCH :

Hai câu 1337-1338 : Nên phải chịu nhiều nỗi sầu thǎm trong lòng mà không thể tỏ bày ra được, tính nói ra mà lại sợ nên cũng chẳng dám hở môi. (Bởi vì những điều nói ra cũng không thể đem thi hành được trong hoàn cảnh xã hội bấy giờ).

Ngâm ngùi : buồn rầu thương xót trong lòng.

Nguyὲn : tự cam kết sẽ làm đúng theo ước vọng của mình. *Trông* : mong mỏi. *Lịch* : trải qua. *Tay lịch sự* : người từng trải việc đời. *Chê sự*: chê việc đời.

Đa tình : Có nhiều tình cảm thương yêu.

Hai câu 1341-1342 : Người từng trải việc đời thì tự nhiên chê đời (nếu chưa từng trải thì chưa dám chê đời), người đa tình thì vẫn cứ vì tình yêu mà làm.

Tùng quyền, chấp kinh : do câu : “Xử thường chấp kinh, ngộ biến tùng quyền.” Nghĩa là : Việc bình thường thì đối xử theo đạo thường, khi gặp biến thì tùy theo tình thế mà đối phó, không nên khư khư cố chấp mà chịu thất bại.

Hai câu 1343-1344 : Biết lúc nào phải giữ đạo thường, biết lúc nào phải quyền biến, để tìm phương hay trong hoàn cảnh thích hợp mà lánh mình vào cửa Phật.

1345. Nhũng thảng mảng tháng thâu năm lụn,
Sớm công phu, tối tụng vãng sanh.

Đã quen cảnh Phạm lánh mình,

1348. Nên phương nhờ bởi đoạn tình ái yêu.

Nghe một sự, hiểu điều khác nghĩ,

Trong thất tình tiêu hủy không khôn.

Hết ham danh, chẳng mến công,

1352. Xem hình lẩn lộ, bùi nồng thế gian.

CHÚ THÍCH :

Thảng mảng : thốn mòn, thời gian dần dần trôi qua.

Tháng thâu : suốt tháng. *Năm lụn* : năm tàn.

Công phu : công việc tụng kinh hay ngồi thiền.

Vãng sanh : sanh qua cõi khác tốt đẹp hơn.

Tụng Vãng sanh : tụng Vãng Sanh Thần Chú hay Vãng Sanh Chơn ngôn, để cầu cho chúng sanh khi chết, linh hồn được siêu thăng lên cõi Cực Lạc Thế Giới.

Cảnh Phạm : cảnh Phật, cảnh chùa.

Nên phuong : cách thức làm có kết quả.

Câu 1349 : Nghe một việc, suy nghĩ thì hiểu thêm ra được nhiều việc khác.

Thất tình : 7 tình cảm gồm : hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục (mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, muối).

Câu 1350 : Tiêu hủy hết Thất tình, để giữ cho lòng được trống trải không khôn.

Lẩn lộ : lẩn là ẩn kín, lộ là hiện ra. Đây là hai trạng thái đối nghịch nhau của một sự việc. *Nồng* : cay.

Câu 1352 : Ngồi xem cảnh đời biến đổi trong hai trạng thái đối ngược nhau : kín hở, bùi nồng của thế gian.

1353. Cây trăm thuốc bắc thang bến khổ,
Hoa bốn mùa thơm chõ nhớp nhơ.

Vui đọc truyện, buồn ngâm thơ,

1356. Non Vu lấp nẻo, đàn tơ dở mùi.

CHÚ THÍCH :

Cây trăm thuốc : cây bồ đề, chỉ sự tu hành. (Xem Chú thích câu 1223). Về Cây trăm thuốc, có một Điển tích nữa là :

Thiền Sư Cảnh Sâm, đời thứ tư sau Lục Tổ Huệ Năng, có làm bài kệ :

Bách xích can đầu bất động nhơn,

Tuy nhiên đắc nhập vị vi chơn.

Bách xích can đầu tu tiến bộ,

Thập phương thế giới thị toàn thân.

Nghĩa là :

Trăm thuốc đầu sào người đứng yên,

Tuy nhiên được nhập chưa gọi là chơn thật.

Đầu sào trăm thuốc tu hành tiến bộ,

Mười phương thế giới ấy là toàn thân thế.

Theo bài kệ này, cây trăm thuốc là cây sào trăm thuốc, chỉ việc tu hành.

Câu 1353 : Sự tu hành như là cái thang để người tu trèo lên thoát qua biển khổ.

Bốn mùa : ý nói suốt năm. *Hoa thơm chõ nhớp nhơ* : chỉ bông sen, vì gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Câu 1354 : Tả cái đèn trên bàn thờ Phật, trên cái chân đèn có làm hình hoa sen, giữa hoa sen cắm cây đèn sáp. Mỗi khi tụng kinh cúng Phật đều đốt đèn lên, suốt năm như vậy.

Non Vu : chỉ sự ân ái giữa nam và nữ.

Điển tích : Theo bài phú Cao Đường của Tống Ngọc, vua Sở đi chơi núi Vu sơn, nằm mơ thấy ân ái với Thần nữ núi Vu sơn.

Non Vu lấp nẻo : ý nói tuyệt dứt đường ân ái.

Đàn tơ : đây đan. *Dở* : đờn không hay, *mùi* : đờn rất hay.

Đàn tơ dở mùi : khảy đan chơi, hay dở gì cũng được.

1357. Đέэм thử tuổi tám mươi đã quá,
Giấc Nam Kha giục giã tinh mê.

Tâm thần mỏi mệt ủ ê,

1360. Khối sanh khi đã gần kề dứt hơi.

CHÚ THÍCH :

Giấc Nam Kha : Giấc mộng ở đất Nam Kha, chỉ cuộc đời là phù du mộng ảo, công danh phú quý như giấc chiêm bao. Giấc Nam Kha đồng nghĩa với Giấc Huỳnh lương.

Điển tích : Ông Lý Tá đời Đường làm sách Nam Kha, có thuật lại một chuyện như sau : Thuần Vu Phẩn nằm mộng đi đến nước Hòe An, được vua nước này đem lòng thương gả Công chúa cho, rồi bổ làm quan Thái Thú đất Nam Kha, công danh thật là hiển hách. Vu Phẩn được vua sai đi đánh giặc, chẳng may bại trận, trong lúc đó, Công chúa ở nhà bị đau bệnh đột ngột từ trần. Vua nghi ngờ rồi cách chức Vu Phẩn và đuổi đi.

Thuần Vu Phẩn quá buồn bã và uất ức, liền giựt mình thức dậy, thì thấy mình đang nằm ngủ dưới gốc cây Hòe, nơi cành cây phía Nam, trên đó có một con kiến chúa trong tổ kiến lớn.

Thuần Vu Phẩn nhớ lại giấc mộng và chợt hiểu rằng : Cây Hòe là nước Hòe An, cành cây phía Nam là đất Nam Kha, vua nước Hòe An là con kiến chúa.

Ông lấy làm chán nản sự đời, thấy cuộc đời chẳng khác chi giấc mộng, nên liền đi lên núi, tìm Đạo tu Tiên.

Giục giã : thúc giục liên tiếp.

Tâm thần : tâm trí và tinh thần. Ủ ê : chán chường.

Khối sanh : khối vật chất có sự sống, chỉ thân thể con người lúc còn sống. *Gần kề dứt hơi* : gần kề sự chết.

Bốn câu 1357-1360 : Đã sống quá 80 tuổi rồi, thấy công danh phú quý của cuộc đời như giấc mộng, hãy mau thức tỉnh cơn mê, tâm thần mỏi mệt ủ ê, gần tới ngày chết rồi.

1361. Khổ bệnh thấy trêu người đã quá,
Buổi vãng sanh giục giã kêu hồn.
Tỉnh say trong kiếp dương môn,
1364. Nửa thì thấy cảnh hoàng hôn mộng hình.
Muốn gặp mặt thăm tình gởi trối,
Nhưng lỡ bẽ vì buổi đoạn từ.
Khôn nhận tín, khó hồng thư,
1368. Viết quơ chặng nỗi, giấy như tránh đê.

CHÚ THÍCH :

Vãng sanh : chết ở thế giới này để linh hồn chuyển lên sanh ở thế giới khác tốt đẹp hơn. Vãng là đi qua.

Hai câu 1361-1362 : Bệnh tật gây đau khổ quá nhiều, như kêu réo thúc giục linh hồn chuyển sanh qua thế giới khác.

Dương môn : cửa dương gian, đây là cõi trần, cõi của người sống. *Kiếp dương môn* : kiếp sống nơi cõi trần.

Cảnh hoàng hôn : cảnh chiều tối, ý nói cảnh của người già sắp chết, như buổi chiều sắp tắt.

Mộng hình : mơ thấy hình hài của mình.

Câu 1364 : Lúc mơ màng thì mộng thấy cảnh sắp chết của hình hài của mình.

Gởi trối : gởi lời trăn trối trước khi chết. *Lỡ bẽ* : lỡ dịp.

Buổi đoạn từ : buổi chia tay từ giã, cắt đứt tình ái. Đó là buổi ly gia cắt ái để vào chùa tu hành. *Khôn* : không.

Nhận tín : tin tức do chim nhạn mang lại.

Hồng thư : cái thơ cột vào nách của con chim hồng (chim nhạn) để nó mang đi. *Đê* : viết vào.

Câu 1368 : Cầm viết quơ quào ít chữ mà không nổi, tấm giấy như né tránh không cho viết chữ vào.

1369. Muốn nhắm mắt một bề cho khỏe,
Những tình hình mọi vẻ trêu người.
Khi thì khóc, lúc thì cười,
1372. Bao nhiêu tình nghĩa một đời thoáng qua.
Tâm chục năm lâu xa cách mấy,
Trong giấc mê xem thấy ngắn thay !
Ba vạn sáu ngàn ngày,
1376. Cõi dương gian với tuyễn dài gần nhau.

CHÚ THÍCH :

Một bề : an phận xuôi theo số mạng. *Trêu người* : ghẹo chọc một cách cố ý, tỏ ra không kiêng nể.

Hai câu 1369-1370 : Muốn an phận mà chết cho khỏe, nhưng tình hình các mặt chung quanh như có ý trêu ghẹo người sắp chết.

Hai câu 1371-1372 : Nằm nhớ đến việc này việc kia, khi nhớ việc vui thì cười, khi nhớ việc buồn thì khóc. Bao nhiêu tình nghĩa trong cuộc đời, thoáng qua như giấc mộng.

Giấc mê : giấc ngủ mê.

Hai câu 1373-1374 : Sống được 80 tuổi là lâu dài lắm, nhưng trong giấc ngủ mê thì thấy rất ngắn ngủi.

Ba vạn sáu ngàn ngày là thời gian 100 năm.

Dương gian : cõi của người sống. *Tuyễn dài* : tuyễn là suối, dài là đền dài cung điện. Tuyễn dài là chỉ cõi Âm phủ, cõi của người chết.

Hai câu 1375-1376 : Một đời người nhiều lăm là một trăm năm, cõi của người sống và cõi người chết rất gần nhau.

1377. Nhớ con cháu còn lâu kiếp sống,
 Dầu gấp hình như bóng sá chi.
 Dở hồn phách, yếu thây thi,
1380. Dậy ngồi chẳng nổi, bước đi không rồi.
 Gắng cầm viết nín hơi sống rốt,
 Đề năm vẫn khắc cốt nữ lưu.
 Dứt tình ái, giải sầu ưu,
1384. Hết thương thì cũng lo mưu giữ mình.

CHÚ THÍCH :

Hình : hình hài xác thịt. *Bóng* : cái ảnh chụp in trên giấy. *Sá chi* : có đáng kể chi.

Hai câu 1377-1378 : Nhớ đến con cháu, thấy cái kiếp sống của chúng nó còn lâu dài. Con cháu gấp đặng cái hình hài xác thịt nầy hay thấy cái hình chụp, việc ấy đâu có sá gì.

Hồn phách : linh hồn và chơn thần.

Thây thi : thây là thể xác, thi là thi hài xác thịt. Thây thi là thể xác phàm bằng xương bằng thịt.

Hai câu 1379-1380 : Chơn thần và linh hồn dở lắm rồi, thân thể đã yếu đuối lắm rồi, đứng dậy hay ngồi đều không nổi, bước đi cũng không được.

Nín hơi : giữ lấy hơi thở. *Sống rốt* : ráng sống thêm.

Đề năm vẫn : viết ra bài thơ gồm có 5 vần.

Khắc cốt nữ lưu : khắc vào xương của nữ phái để ghi nhớ mãi.

Hai câu 1383-1384 : Khuyên nữ phái hãy dứt bỏ tình ái, cởi bỏ sự ưu sầu, mà hết có yêu ai thì cũng phải lo tìm mưu kế để gìn giữ tấm thân của mình.

THI :

1385. Giữ mình dâu vẹn tẩm tình chung,
 Danh tiết nữ lưu ở phụ tùng.
 Mặt biển khổ dồi dào ái thủy,
1388. Đầu non thề hoại hủy hương hồng.
 Mày xanh khá nhớ cơn đau bạc,
 Ngọc trăng đừng cho nhiễm bợn bùn.
 Khí tượng anh thư gìn lẩn giá,
1392. Giúp đoàn nhi nữ mở non sông.

CHÚ THÍCH :

Tình chung : tình yêu chung thủy trước sau như một.

Câu 1385 : Dâu thế nào cũng phải giữ mình cho toàn vẹn tình yêu chung thủy.

Danh tiết : danh là tiếng tăm, tiết là lòng trong sạch ngay thẳng, không nhơ bợn.

Phụ tùng : Phụ là phụ nữ; tùng là theo. Phụ tùng là đạo Tam tùng của người phụ nữ. Tam Tùng gồm : Tại gia tùng phụ, Xuất giá tùng phu, Phu tử tùng tử.

Câu 1386 : Danh giá và tiết hạnh của phụ nữ là ở trong đạo Tam tùng.

Người phụ nữ muốn cho giá trị của mình được cao quý thì phải giữ cho tròn đạo Tam Tùng, tức là phải vượt lên trên những cái tầm thường thấp kém của người đời. Điều Tùng thứ ba là khó nhất. Khi chồng chết, người phụ nữ trẻ tuổi sau khi mãn tang chồng thì bước thêm bước nữa, có người chồng khác để nương nhờ tấm thân. Đó là chuyện bình thường. Nhưng muốn trở thành Nữ kiệt thì người phụ nữ phải vượt qua cái bình thường đó, tức là không bước thêm bước nữa, mà ở vậy chờ chồng, nuôi con và xây dựng tương lai cho con.

Ai thủy : ái là tình ái, tình yêu giữa nam nữ hay giữa vợ chồng; thủy là nước.

Câu 1387 : *Mặt biển khổ dỗi dào ái thủy*. Ý nói : Nhũng đau khổ của con người nơi cõi trần phẫn lớn là do ái tình. Càng yêu nhiều càng khổ nhiều.

Non thê : cái núi mà hai người lúc mới yêu nhau chỉ nó mà thê nguyên với nhau là sẽ yêu nhau suốt đời.

Hoại hủy : hủy hoại, làm hư nát.

Hương hồng : cây nhang cháy đỏ hồng. Đây là cây nhang thê đốt lên để hai người nguyên với nhau.

Câu 1388 : Coi chừng người yêu (hay người chồng) hủy hoại cây nhang thê nơi đầu núi thê. Ý nói coi chừng người yêu (hay người chồng) quên hết lời thê nguyên thuở trước, sanh tâm có người yêu khác (hay có vợ bé).

Mày xanh : chữ Hán là Thanh mi, chỉ lúc trẻ tuổi.

Ngọc trắng : chỉ cái tiết hạnh của người con gái trong trắng sáng đẹp như ngọc. *Bợn bùn* : bùn dơ.

Hai câu 1389-1390 : Người con gái lúc trẻ tuổi thì nên nhớ đến lúc tuổi già đầu bạc, khá gìn giữ tiết hạnh cho tốt đẹp đừng để nhơ bợn.

Khí tượng : cái hình tượng hiện ra bên ngoài biểu thị khí phách của con người, mạnh mẽ hay yếu đuối. Người có khí phách mạnh mẽ khiến cho lời nói, cử chỉ, nét mặt hay dáng dấp đều tỏ ra vững vàng, cương quyết, tự tin.

Anh thư : anh là tài giỏi hơn người, thư là đàn bà con gái. Anh thư là người phụ nữ tài giỏi hơn người.

Câu 1391 : Gìn giữ cái khí tượng anh thư lẩn cái giá trị cao quý của mình, cũng là gìn giữ tài năng lẩn đức hạnh.

Câu 1392 : Để giúp cho nữ phái mở mang non sông đất nước.

1393. Ráng quá sức cẩn phong thí nhạn,
Dường say mê lơ lảng tinh thần.

Sấn tay thêm một chữ : THÂN,

1396. Để dành gỡ khổ đoạn tràng hồng nhan.

CHÚ THÍCH :

Cẩn phong : cẩn là cẩn thận; phong là niêm lại cho kín.
Cẩn phong là cẩn thận niêm lại cho kín. *Thí nhạn* : Nhạn là con chim nhạn; thí là thi. Thí nhạn là thi nhạn, tức là thơ nhạn, nghĩa là gởi thơ nhờ con chim nhạn mang đi.

Câu 1393 : Tác giả rán quá sức viết thành bài thơ này, cẩn thận niêm lại, nhờ chim nhạn gởi đi khắp nơi để khuyên dạy nữ phái rán lo tròn Nhơn đạo gồm Tứ Đức và Tam Tùng.

Câu 1394 : Đường như vì say mê công việc mà tinh thần có vẻ lơ lảng lảng như để ở đâu đâu.

Sấn tay : đưa tay lướt tới, với một cử chỉ mạnh dạn.

THÂN 身 nghĩa là : tự mình.

Tác giả, Bà Đoàn Thị Điểm đưa tay sấn tới, với ý chí mạnh mẽ, viết thêm một chữ THÂN để lưu ý giới phụ nữ phải nhớ kỹ rằng : Tự mình mới có thể cứu được mình chứ không ai cứu được mình, tự mình giải khổ cho mình chứ không ai giải khổ giùm mình, tự mình tu hành để giải thoát chứ không ai tu giùm mình được, tự mình bước lên nấc thang tiến hóa để lên địa vị cao thượng chứ không ai bồng ấm mình lên được.

Sở dĩ Bà Đoàn phải nhấn mạnh như thế là vì Bà biết rõ người phụ nữ luôn luôn có tính ỷ lại, chỉ biết nương dựa chờ ít khi tự chủ tự lực cánh sinh. Đó cũng là yếu điểm của đạo Tam Tùng, làm cho người phụ nữ chỉ biết tùng theo và sống phụ thuộc vào người khác.

1397. Buông ngọn viết vào làn mây trăng,
Hẽ có thương nhớ dạng là hơn.

Cảnh Thiên gởi tấc hương hồn,

1400. Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.

1401. **Đời đời danh chóï CAO ĐÀI.**

CHÚ THÍCH :

Buông ngọn viết : buông tay bỏ cây viết ra vì đã viết xong.

Vào làn mây trăng : ý nói linh hồn siêu thăng, bay vào làn mây trăng, lên cõi Thiêng liêng Hằng sống (TLHS).

Bà Đoàn thị Điểm giáng cơ viết xong tác phẩm “**Nữ Trung Tùng Phận**” thì Bà liền được siêu thăng, linh hồn Bà được đi lên cõi Tiên, đúng như lời Đức Phạm Hộ Pháp nói :

“ Thuở xưa, Bà Điểm qui liễu nhưng chưa siêu thoát được vì Bà thiếu công quả. Nay Bà ra được cuốn Nữ Trung Tùng Phận rồi, tức nhiên Bà lập được công quả trong buổi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nhờ vậy Bà mới siêu thoát và trở về Tiên Cảnh.”

Tác : tiếng dùng để tỏ ý khiêm nhượng.

Hương hồn : hồn thơm, tiếng gọi linh hồn của người chết với ý tôn kính.

Câu 1399 : Gởi linh hồn nơi cõi Trời. Ý nói đắc đạo, linh hồn được lên ở cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Đề câu : viết ra một câu. *Tiết nghĩa* : lòng ngay thẳng trong sạch và sự ăn ở phải đạo. *Vĩnh tồn* : tồn tại lâu dài.

Hậu lai : thời gian từ đây về sau.

Câu 1400 : Viết ra một câu để khuyên nữ phái phải giữ gìn tiết nghĩa thì mới được vĩnh tồn hậu lai.

Đời đời danh chóï CAO ĐÀI.

8

PHỤ LỤC :

Chinh Phụ Ngâm

Diễn nôm của *Đoàn Thị Điểm*

(Chép theo bản của Văn Bình Tôn Thất Lương
in năm 1950 Sách Giáo Khoa Tân Việt)

1. Thuở Trời Đất nỗi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyênn.
Xanh kia thăm thẳm tầng trên,
4. Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.
Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam tuyền mờ mịt thức mây.
Chín tầng gươm báu trao tay,
8. Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.
Nước thanh bình ba trăm năm cũ,
Áo nhung trao quan vũ từ đây.
Sứ Trời sớm giục đường mây,
12. Phép công là trọng, niềm tây sá nào.

13. Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn,
 Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa.
 Bóng cờ tiếng trống xa xa,
16. Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.
 Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt,
 Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
 Thành liên mong tiến bệ rồng,
20. Thước gươm đã quyết chǎng dung giặc Trời.
 Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,
 Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao.
 Giā nhà đeo bức chiến bào,
24. Thét roi cầu Vy, ào ào gió thu.
 Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
 Đường bên cầu cổ mọc còng non.
 Đưa chàng lòng đặc đặc buồn,
28. Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
 Nước trong chảy, lòng phiền chǎng rửa,
 Cỏ xanh thơm, dạ nhớ khó quên.
 Nhủ rồi tay lại trao liền,
32. Bước đi một bước lại vin áo chàng.
 Lòng thiếp tựa bóng trắng theo dõi,
 Dạ chàng xa ngoài cõi Thiên sơn.
 Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,
36. Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.
 Săn Lâu Lan rắng theo Giới Tử,
 Tới Man Khê bàn sự Phục Ba.
 Áo chàng đỏ tựa rán pha,
40. Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
 Tiếng nhạc ngựa lẩn chen tiếng trống,
 Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
 Hà lương chia rẽ đường nầy,
44. Bên đường trông bóng cờ bay ngùi ngùi.

45. Quân trước đã gần ngoài doanh liễu,
 Kỵ sau còn khuất néo Tràng dương.
 Quân đưa chàng ruổi lên đường,
48. Liễu dương biết thiếp đoạn trường nầy chăng ?
 Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,
 Hàng cờ bay trong bóng phất phơ.
 Dấu chàng theo lớp mây đưa,
52. Thiếp nhìn rặng núi, ngẩn ngơ nỗi nhà.
 Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
 Thiếp lại về buồng cũ gối chăn.
 Đoái trông theo đã cách ngăn,
56. Tuôn màu mây biếc, trải ngần núi xanh.
 Chốn Hàm dương chàng còn ngẩn lại,
 Bến Tiêu tương thiếp hãy trông sang.
 Khói Tiêu tương cách Hàm dương,
60. Cây Hàm dương cách Tiêu tương mấy trùng.
 Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
 Thấy xanh xanh những mây ngàn dâu.
 Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
64. Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai ?
 Chàng từ đi vào nơi gió cát,
 Đêm trăng nầy nghỉ mát phuong nao ?
 Xưa nay chiến địa dường bao,
68. Nội không muôn dặm xiết bao dãi dâu.
 Hơi gió lạnh người râu mặt dạn,
 Giòng nước sâu ngựa nắn chân bon.
 Ôm yên gối trống đã chồn,
72. Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.
 Nay Hán xuống Bạch thành đóng lại,
 Mai Hồ vào Thanh hải dòm qua.
 Hình khe thế núi gần xa,
76. Đứt thoi lại nối, thấp đà lên cao.

77. Sương đâu núi buổi chiều như giội,
Nước lòng khe néo suối còn sâu.
Não người áo giáp bấy lâu,
80. Lòng quê qua đó mặt sầu chảng khuây.
Trên trường gấm có hay chảng nhé ?
Mặt chinh phu ai vẽ cho nê.
- Tưởng chàng giọng ruổi bấy niên,
84. Chảng nơi Hân hải thì miền Tiêu quan.
Đã trắc trở đồi ngàn xà hổ,
Lại lạnh lùng những chỗ sương phong.
Lên cao trông thức mây lồng,
88. Lòng nào mà chảng động lòng bi thương.
Chàng từ sang đông nam khơi néo,
Biết nay chàng tiến thảo nơi đâu ?
Những người chinh chiến bấy lâu,
92. Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây.
Nức hơi mạnh ân dày từ trước,
Trải chốn nghèo, tuổi được bao nhiêu ?
Non Kỳ quạnh quẽ trăng treo,
96. Bến Phì gió thổi đều hiu mây gö.
Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi.
Chinh phu tử sĩ mây người,
100. Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn ?
Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai già cõi chiến trường,
104. Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về.
Tưởng chàng trai nhiều bề nắng nở,
Ba thước gươm, một cỗ nhung yên.
Xông pha gió bãi trăng ngàn,
108. Tên reo đầu ngựa, giáo lan mặt thành.

109. Áng công danh trǎm đường rộn rã,
 Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
 Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
112. Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.
 Trong cửa nầy đã dành phận thiếp,
 Ngoài mây kia há kiếp chàng vay ?
 Những mong cá nước sum vầy,
116. Nào ngờ đôi ngã nước mây cách vời.
 Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
 Chàng há từng học lũ vương tôn.
 Cớ sao cách trở nước non ?
120. Khiến người thô sờm thôm hôm những sầu.
 Khách phong lưu đương chừng niên thiếu,
 Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên.
 Nữ nào đôi lứa thiếu niên,
124. Quan sơn để cách hàn huyên bao đành.
 Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
 Hồi ngày về ước nẻo quyên ca.
 Nay quyên đã giục oanh già,
128. Ý nhi lại gáy trước nhà líu lo.
 Thuở đăng đồ mai chưa dạn gió,
 Hồi ngày về chỉ độ đào bông.
 Nay đào đã quyến gió đông,
132. Phù dung lại đã bên sông bờ sờ.
 Hẹn cùng ta Lũng tây nham ấy,
 Sớm đã trông nào thấy hơi tăm.
 Ngập ngừng lá rụng cành trâm,
136. Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm xôn xao.
 Hẹn nơi nao Hán dương cầu nợ,
 Chiều lại tìm nào có tiêu hao.
 Ngập ngừng gió thổi chéo bão,
140. Bãi hôm tuôn dãy nước trào mênh mông.

141. Tin thường lại, người không thấy lại,
 Hoa dương tàn đã trải rêu xanh.
 Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
144. Đạo sân một bước trăm tình ngẩn ngơ.
 Thư thường tới, người không thấy tới,
 Bức rèm thưa lần dãi bóng dương.
 Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
148. Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai.
 Thủ tính lại diễn khơi ngày ấy,
 Tiên sen nầy đã nẩy là ba,
 Xót người lần lữa ái xa,
152. Xót người nương chốn Hoàng hoa đậm dài.
 Tình gia thất nào ai chẳng có,
 Kìa lão thân khuê phụ nhớ thương.
 Mẹ già phơi phất mái sương,
156. Con thơ măng sữa vả đương phù trì.
 Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
 Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
 Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam,
160. Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.
 Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
 Nỗi quan hoài mang mẻ biết bao.
 Nhớ chàng trải mấy sương sao,
164. Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư.
 Kể năm đã ba tư cách diễn,
 Mối sầu thêm nghìn vạn ngổn ngang.
 Ước gì gần gũi tấc gang,
168. Giải niềm cay đắng để chàng tỏ hay.
 Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá,
 Gương lầu Tần dấu đã soi chung.
 Cậy ai mà gởi tối cùng,
172. Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.

173. Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nghĩa,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
Cậy ai mà gởi tới nơi,
176. Đề chàng trân trọng dấu người thương thân.
Trải mấy thu tin đi tin lại,
Tới xuân nầy tin hãy vắng không.
Thấy nhàn luống tưởng thư phong.
180. Nghe hơi sương, sẩm áo bông săn sàng.
Gió tây thổi không đường hồng tiên,
Xót cõi ngoài tuyết quyến mưa sa.
Màn mưa tr匡ng tuyết xông pha,
184. Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.
Đề chữ gấm phong thôi lại mở,
Gieo bói tiền tin dở còn ngờ.
Trời hôm tựa bóng ngắn ngơ,
188. Trăng khuya nương gối bơ phờ tóc mai.
Há như ai, hồn say bóng lẩn,
Bóng thơm thẩn thẩn hư không.
Trâm cài xiêm giắt lạnh lùng,
192. Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo.
Đạo hiên vắng thầm gieo từng bước,
Bức rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
196. Trong rèm dường đã có đèn biết chẳng ?
Đèn có biết dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
200. Hoa đèn kia với bóng người khá thương.
Gà eo óc gáy sương năm trống,
Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc chờ đằng đằng như niêm,
204. Mối sầu đằng đặc tựa miền biển xa.

205. Hương gượng đốt hồn đà mê mải,
 Gương gượng soi lê lại chứa chan.
 Sắt cầm gượng gẩy ngón đàn,
208. Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.
 Lòng nầy gửi gió đông có tiễn,
 Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.
 Non Yên dù chẳng tới miền,
212. Nhớ chàng thăm thăm đường lên bờ Trời.
 Trời thăm thăm xa vời không thấu,
 Nỗi nhớ chàng đau đớn nào xong.
 Cảnh buồn người thiết tha lòng,
216. Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.
 Sương như búva, bỗ mòn gốc liễu,
 Tuyết đường cưa, xẻ héo cành ngô.
 Giọt sương phủ bụi chim gù,
220. Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.
 Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,
 Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.
 Lá màn lay ngọt gió xuyên,
224. Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
 Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
 Nguyệt lồng hoa, hoa thăm từng bông.
 Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
228. Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.
 Đâu xiết kẽ trâm sâu nghìn nǎo,
 Từ nữ công phụ xảo đều nguôi.
 Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
232. Oanh đói thẹn dệt, bướm đói ngại thùa.
 Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
 Sớm lại chiều dòi dõi nương song.
 Nương song luống ngắn ngơ lòng,
236. Vắng chàng điếm phấn trang hồng với ai ?

237. Biếng trang điểm lòng người sầu tủi,
Xót nỗi chàng ngoài cõi trùng quan.
Khác gì ả Chức chị Hằng,
240. Bến Ngân sùi sụt cung trăng chốc mòng.
Sầu ôm nặng hãy chồng làm gối,
Buồn chứa đầy hãy thổi làm cơm.
Mượn hoa mượn rượu giải buồn,
244. Sầu làm rượu nhạt, muộn làm hoa ôi.
Gõ sanh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đòn tranh mấy phím rời tay.
Xót người hành dịch bấy nay,
248. Dặm xa mong mỏi hết đầy lại vời.
Ca quyên ghẹo làm rơi nước mắt,
Trống tiêu khua như đốt buồng gan.
Võ vàng đổi khác dung nhan,
252. Khuê ly mới biết tân toan dường này.
Nếm chua cay tấm lòng mới tưởi,
Chua cay này há có vì ai ?
Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
256. Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề.
Thân thiếp chẳng gần kề dưới trường,
Lệ thiếp nào chút vương bên khăn.
Duy còn hồn mộng được gần,
260. Đêm đêm thường đến Giang tân tìm người.
Tìm chàng thuở Dương dài lối cũ,
Gặp chàng nơi Tương phố bến xưa.
Sum vầy mấy lúc tình cờ,
264. Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân.
Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
Được gần chàng bến Lũng thành Quan.
Khi mơ những tiếc khi tàn,
268. Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.

269. Vui có một tấm lòng chẳng dứt,
Vốn theo chàng giờ khắc nào nguôi.
Lòng theo những chửa thấy người,
272. Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.
Trông bến nam bãi che mặt nước,
Cỏ biếc um dâu mướt màu xanh.
Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
276. Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.
Trông đường bắc đôi chòm quán khách,
Rudem rà xanh cây ngất núi non.
Lúa thành thoi thóp bên cồn,
280. Nghe thoi địch ngọc véo von bên lầu.
Non đong thấy lá hầu chất đống,
Trĩ xập xoè, mai cũng bẻ bai.
Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
284. Con chim bạt gió lạc loài kêu sương.
Lững tây thấy nước dường uốn khúc,
Nhạn liệng không sóng giục thuyền câu.
Ngàn thông chen chúc khóm lau,
288. Cách ghềnh thấp thoảng người đâu đi về.
Trông bốn bề chân trời mặt đất,
Lên xuống lầu thầm thoát đòi phen.
Lớp mây ngừng mắt ngại nhìn,
292. Biết đâu chinh chiến là miền Ngọc quan.
Gậy rút đất dễ khôn học chước,
Khăn gieo cầu nào được thấy Tiên.
Lòng nầy hóa đá cũng nê,
296. E không lệ ngọc mà lên trông lầu.
Lúc ngẩn lại ngắm màu dương liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.
Chẳng hay muôn dặm ruổi dong,
300. Lòng chàng biết có như lòng thiếp chẳng ?

301. Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa.
Hương dương lòng thiếp như hoa,
304. Lòng chàng lẩn thẩn e tà bóng dương.
Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
308. Trái xem hoa rụng đêm sương mấy lần.
Chồi lan nở trước sân đã hái,
Ngọn tần kia bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm đạo bước tiền đường,
312. Ngửa trông xem vẻ thiên chương thần thờ.
Bóng Ngân hà khi mờ khi tỏ,
Độ Khuê triền buổi có buổi không.
Thức mây đồi lúc nhạt nồng,
316. Chuôi sao Bắc đầu thôi đông lại doi.
Mặt trăng tỏ thường soi bên gối,
Bừng mắt trông sương gọi cành khô.
Lạnh lùng thay bấy nhiêu thu,
320. Gió may hiu hắt trên đầu tường vôi.
Một năm một nhạt mùi son phấn,
Truợng phu còn thơ thẩn miên khoi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
324. Bây giờ nỡ để cách vời Sâm Thương.
Chàng ruỗi ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp dạo hài lầu cũ rêu in.
Gió xuân ngày một vắng tin,
328. Khá thương lỡ hết mấy phen lương thì.
Xảy nhớ khi cành Diêu đóa Ngụy,
Trước gió Xuân vàng tía sánh nhau.
Nợ thì á Chức chàng Ngâu,
332. Tối trăng thu lại bắc cầu sang sông.

333. Thương một kẻ phỏng không luống giữ,
Thời tiết lành lắn lõi đòi nau.
 Thoí đưa ngày tháng ruổi mau,
336. Người đời thầm thoát qua màu xuân xanh.
 Xuân thu để giận quanh ở dạ,
 Hợp ly đành buồn quá khi vui.
 Oán sầu nhèo rối tai bời,
340. Vóc bồ liễu dẽ ép nài chiều xuân.
 Kì Văn Quân mỹ miều thuở trước,
 E đến khi đầu bạc mà thương.
 Mặt hoa nụ gã Phan lang,
344. Sợ khi mái tóc điểm sương cũng ngừng.
 Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở,
 Tiếc quang âm lần lửa gieo qua.
 Nghĩ mệnh bạc, tiếc niên hoa,
348. Gái tơ mấy chốc đã ra nạ dòng.
 Gác nguyệt nụ mơ màng vẻ mặt,
 Lầu hoa kia phảng phất mùi hương.
 Trách Trời sao để lỡ làng,
352. Thiếp râu thiếp lại râu chàng chẳng quên.
 Chàng thấy chàng chim uyên ở nội,
 Cũng dập dùi chàng vội phân trướng.
 Chẳng xem chim yến trên rường,
356. Bạc đầu không nỡ đôi đường rẽ nhau.
 Kì loài sâu đôi đầu cùng sánh,
 Nụ loài chim chắp cánh cùng bay.
 Liễu sen là thức cỏ cây,
360. Đôi hoa cũng dính đôi cây cũng liền.
 Ấy loài vật tình duyên còn thế,
 Sao kiếp người nỡ để đẩy đây.
 Thiếp xin về kiếp sau nầy,
364. Như chim liền cánh như cây liền cành.

365. Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,
Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
 Thiếp xin chàng chờ bạc đầu,
368. Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.
 Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
 Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
 Chàng nương vầng nhật thiếp nguyễn,
372. Mọi bê trung hiểu thiếp xin vẹn tròn.

Lòng hứa quốc tựa son ngăn ngắn,
Sức tỳ dân dường sắt trơ trơ.

Máu Thuyền vu, quắc Nhục chi,

376. Ấy thì bữa uống, ấy thì bữa ăn.
 Mũi đòng vác đồi lần hăm hở,
 Đã lòng Trời gìn giữ người trung.
 Hộ chàng trăm trận nêu công,

380. Buông tên ải bắc, treo cung non đoài.
 Bóng kỳ xí giã ngoài quan ải,
 Tiếng khải ca trở lại thần kinh.

Đỉnh non khắc đá đề danh,

384. Triều thiên vào trước cung đình dâng công.
 Nước Ngân hán vác đòng rửa sạch,
 Khúc nhạc từ réo rắt lừng khen.

Tài so Tân, Hoắc vẹn tuyỀn,

388. Tên ghi gác khói, tượng truyền đài lân.
 Nền huân tướng đai cân rạng vẻ,
 Chữ đồng hưu bia để nghìn đồng.

Ơn trên tử ấm thê phong,

392. Phản vinh thiếp cũng đượm chung hương Trời.

393. Thiếp chẳng dại như người Tô phụ,
Chàng hẳn không như lũ Lạc dương.
Khi về đeo quả ấn vàng,
396. Trên khung cùi dám rãy ruồng làm cao.
Xin vì chàng xếp bào cởi giáp,
Xin vì chàng giũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng,
400. Vì chàng điểm phấn đeo hương não nùng.
Mở khăn lệ chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu chàng thầm từng câu.
Câu vui đổi với câu sầu,
404. Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.
Sẽ rót với lần lần từng chén,
Sẽ ca dần ren rén từng thiên.
Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
408. Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.
Ngâm nga mong gõi chữ tình,
412. Dưỡng này âu hản tài lành trượng phu.

HẾT

9

HƯỚNG DẪN

**Tìm các Từ ngữ, Thành ngữ, Điển tích trong
Nữ Trung Tùng Phận**

Viết tắt : **Ác phong : C.1302**

Từ ngữ Ác phong có chú thích nơi câu 1302

A

Ác thú : C.1139
Ác phong : C.1302
Ai bi : C. 336
Ái ân : C. 68
Ái phong : C. 620
Ái thủy : C. 1387
Am tự : C. 915

An bang tế thế : C. 400
Áng văn : C. 10
Anh hoa : C. 1196
Anh nhi : C. 339
Anh phong : C. 399 & C.1212
Anh thư : C. 1218

Áo tơi : C. 1178

Áo trâu : C. 553

Âm cung : C. 860

Ấn ái : C. 1227

Ấu nhi : C. 268

Ấu xuân : C. 1076

B

Ba mươi sáu cõi : C. 1260
Ba vạn sáu ngàn ngày : C.1375
Bá Lý Hề : C. 556
Bá nạp : C. 1224
Bác ái : C. 1197
Bạc phước : C. 305

- Bạc tình : C. 556
 Bán duyên : C. 750
 Bán xuân : C. 791
 Bạn tác : C. 519
 Bao chừ : C. 342
 Bao nả : C. 948
 Bao Tỷ : C. 836
 Bảo thân : C. 364
 Bạo ngược : C. 429
 Bạo tàn : C. 372
 Bạt tuy : C. 368
 Báu châu : C. 1020
 Bắn bình : C. 60
 Bầu nhụt nguyệt : C. 1207
 Bấy chầy : C. 340
 Bấy chừ : C. 999
 Bẻ gãy chữ đồng : C. 927
 Bẻ liễu : C. 60
 Bể hẹn : C. 1297
 Bể khổ : C. 987
 Bến khổ : C. 1081
 Bến mê : C. 1159
 Bến Phạm : 1152
 Bỉ thô : C. 1188
 Bĩ bàng : C. 688
 Biên đình : C. 431
 Biển ái : C. 737
 Biển mê : C. 1228
 Biển trí : C. 1180
 Biệt phu : C. 1046
 Bịu mai : C. 819
 Bóng bợt : C. 100
 Bóng Halendar : C. 825
 Bóng ngà : C. 536
 Bóng sắc : C. 827
 Bóng trăng xuân : C. 610
 Bóng trời nồng nực : C. 821
 Bố kinh : C. 101
 Bốn nghìn năm : C. 393
 Bờ tục : C. 1159
 Bở bèn : C. 376
 Bợm hoang : C. 332
 Bợn bùn : C. 1390
 Bợn tục : C. 1241
 Buôn duyên bán nợ : C. 580
 Buôn hương : C. 806
 Buồn tình : C. 993
 Buông câu : C. 1330
 Buông lời : C. 1338
 Buông ngọn viết : C. 1397
 Bút hoa : C. 162
 Bút nghiên : C. 14
 Bút ngọc : C. 165
 Buổi bòng : C. 724
 Bướm cũ : C. 183
 Bướm ong : C. 46
- C**
- Ca xang : C. 808
 Cam tâm : C. 1099
 Cam lồ : C. 1328
 Canh cửi : C. 680

- | | |
|----------------------------------|------------------------------|
| Canh gà : C. 187 | Cỏ rẽ hai : C. 406 |
| Canh lụn : C. 185 | Con đò đưa khách : C. 749 |
| Canh tàn : C. 184 | Con gặy lê : C. 1074 |
| Canh thâu : C. 727 | Con Hồng cháu Lạc : C.415 |
| Cành mai đương nở : C. 593 | Con Rồng cháu Tiên : C. 4 |
| Cành xuân nhụy nở : C. 293 | Cô đăng : C. 172 |
| Cánh buồm : C. 837 | Cội thu : C. 1040 |
| Cánh hồng : C. 823 | Cội thung : C. 725 |
| Cánh nhạn : C. 282 | Cội tử : C. 640 |
| Cánh hạn : C. 281 | Công danh : C. 473 |
| Cánh Phạm : C. 1347 | Công nghệ : C. 361 |
| Cánh Thiên : C. 1399 | Công phu : C. 1346 |
| Cánh tịnh : C. 911 | Cơ hàn : C. 680 |
| Cao niên : C. 649 | Cơ tạo : C. 1264 |
| Căn duyên : C. 707 | Cõi phụng ngừa loan : C. 159 |
| Căn nợ : C. 689 | Cơm té : C. 341 |
| Căn oan : C. 1014 | Cửa ông công bà : C. 544 |
| Căn sanh : C. 1072 | Cửa phù du : C. 1130 |
| Cắn răng : C. 722 | Cúc dục : C. 489 |
| Cầm điểu : C. 253 | Cúc xủ mai xào : C. 1194 |
| Cầm hồn hoa : C. 534 | Cúi gật : C. 997 |
| Cầm nguyệt : C. 705 | Cung cầm : C. 155 |
| Cầm sắt : C. 668 | Cung dâu tên cỏ : C. 432 |
| Cần Vương : C. 386 | Cung Hư : C. 1256 |
| Cẩn phong : C. 1393 | Cung loan : C. 608 |
| Cây trăm thuốc : C.1223 & C.1353 | Cung nguyệt : C. 147 |
| Cầu Lam : C. 201 | Cung Quảng : C. 825 |
| Cầu Ô : C. 214 | Cung Thiềm : C. 190 |
| Cây liền cành : C. 243 | Cùng căn : C. 1008 |
| Co tay đếm tuổi : C. 340 | Cuồng khẩu : C. 431 |
| Cò ngà : C. 894 | Cút côi : C. 247 |
| Cỏ huyên : C. 1073 | Cửa công : C. 86 |

Cửa hấp gà : C. 554
 Cửa Không : C. 978
 Cửa Phạm : C. 970
 Cửa tía : C. 821
 Cưu thuốc : C. 246
 Cứu thế độ nhơn : C. 1267

Ch

Chắc oán mua hờn : C. 1148
 Chài lữ : C. 918
 Chánh thê : C. 712
 Chánh tà : C. 453
 Chǎn dân : C. 684
 Châm đê : C. 1046
 Chầm khíu : C. 642
 Châu lưu : C. 403
 Châu mãi Thần : C. 565
 Châu mày : C. 1048
 Châu Trần : C. 532
 Chén hiệp phu : C. 1298
 Chếch mác : C. 726
 Chì dần dạ : C. 269
 Chí Linh : C. 1227
 Chí thiết : C. 706
 Chích bạn : C. 238
 Chiêu Quân cống Hồ : C. 733
 Chim kết cánh : C. 243
 Chim xanh : C. 812
 Chỉn ước : C. 492
 Chinh phu : C. 326

Chơn chánh : C. 425
 Chơn hồng : C. 1202
 Chơn ngôn : C. 984
 Chủ trương : C. 108
 Chùa mây : C. 915
 Chúa cả : C. 116
 Chúa Thánh tôi hiền : C. 682
 Chuỗi bồ : C. 1183
 Chuộng quối : C. 1114
 Chuyển thế : C. 1261
 Chừ sao : C. 171
 Chước quí : C. 11

D

Da mồi : C. 844
 Dải đồng : C. 194
 Danh thần : C. 367
 Danh tiết : C. 1386
 Dân khí : C. 426
 Dật dờ cánh liệt : C. 889
 Dây oan : C. 1134
 Dẩy xe cha : C. 482
 Dẩy tràn : C. 143
 Dế reo tơ : C. 967
 Dễ duôi : C. 79
 Dệt văn Tô Huệ : C. 632
 Dỉ hơi : C. 70
 Diêm đindh : C. 872
 Dò đòn : C. 1077
 Dòng là : C. 240

- Dòng Tương : C. 97
 Dở cầm : C. 104
 Dở chơn hỏi nợ : C. 936
 Du Sách : C. 700
 Du Tiên : C. 858
 Dục tài : C. 8
 Dưới Bộc trong đâu : C. 198
 Dương gian : C. 1376
 Dương môn : C. 1363
 Dương nghi : C. 484
 Dứt hơi ba tấc : C. 1120
- D**
- Đa tình : C. 1342
 Đai cân : C. 373
 Đài hoa : C. 814
 Đài liễu : C. 813
 Đài sen : C. 1246
 Đại đồng : C. 448
 Đại trượng phu : C. 434
 Đàm ong xóm bướm : C. 581
 Đàm tơ dở mùi : C. 1356
 Đào châu : C. 817
 Đào lý : C. 877
 Đào thư : C. 343
 Đào yêu : C. 602
 Đạo hằng : C. 570
 Đạo ngã : C. 506
 Đạo nhơn luân : C. 1327
 Đạo phu thê : C. 114
- Đạo phụ cơ : C. 22
 Đạo phục : C. 1153
 Đạo quân thần : C. 442
 Đạo thê : C. 1320
 Đạo thờ thần : C. 642
 Đạo tòng : C. 112
 Đạo y : C. 1210
 Đắc truyền : C. 450
 Đắc vận : C. 404
 Đặng thất : C. 1110
 Đắp cạn thành sầu : C. 162
 Đầm thấm : C. 564
 Đậm hương : C. 747
 Đậm sắc : C. 1301
 Đất chiếu trời màn : C. 256
 Đầu Phật : C. 1323
 Đầu sương : C. 867
 Đầu tuyết : C. 1073
 Đen bạc : C. 317
 Deo đẳng : C. 21
 Deo thảm chắc sầu : C. 1111
 Đề năm vẫn : C. 1382
 Đề Oanh : C. 643
 Đề thi tự thuật : C. 165
 Đế Nghiêu : C. 479
 Điện Thánh : C. 973
 Điêu tàn : C. 1003
 Đình thần : C. 428
 Định triều an bang : C. 416
 Đóa ngọc : C. 145
 Đoan nghiêm : C. 636

Đoạn căn : C. 1271
 Đoạn tình : C. 1348
 Đoạn trưởng : C. 251
 Đoạn từ : C. 1366
 Đoạt binh : C. 440
 Đoạt phượng tự diệt : C. 1252
 Đòi khúc : C. 1286
 Đòi phen : C. 263
 Đon đường : C. 1236
 Đồ thơ : C. 518
 Đồ vương : C. 514
 Đổ lụy : C. 1048
 Đổ quyên : C. 630
 Đổ thừa : C. 648
 Độ dân : C. 384
 Độc mã đơn dao : C. 511
 Đông độ : C. 325
 Đông sương : C. 553
 Đồng bào : C. 507
 Đồng đào : C. 133
 Đồng tình : C. 1030
 Đơn cô : C. 590
 Đỡ ngọn binh dao : C. 15
 Đút cơm vợ quáng : C. 572
 Đưa linh : C. 866
 Đưa thoi : C. 672
 Đứng mày râu : C. 409
 Đường phước : C. 1191
 Đường thế : C. 781

Én anh : C. 203 & C. 250
E
G
 Gái bán thuyền : C. 719
 Gan sắt đá : C. 455
 Gành khơi : C. 894
 Gáo tình : C. 1056
 Gãy trâm, bể bình : C. 744
 Gấm lót đường : C. 614
 Gầy sống : C. 526
 Gây bá : C. 1177
 Gây lê : C. 866
 Gót nhân ái : C. 1185
 Gót sen : C. 616
 Gối còn nửa nguyệt : C. 728
 Gối loan : C. 302
 Gối phụng : C. 188
 Gươm thư hùng : C. 3
 Gương thu : C. 104
 Gương xưa lỗi ráp : C. 136
 Gia cư : C. 192
 Gia đàng : C. 1099
 Gia nghiệp : C. 1061
 Gia nô : C. 116
 Gia pháp : C. 1328
 Gia thất : C. 356
 Gia tư : C. 312

- | | |
|------------------------------|-----------------------------------|
| Giá tuyết : C. 795 | Hải thệ sơn minh : C.964 |
| Giải cấu : C. 757 | Hạng Thác : C. 445 |
| Giải mê : C. 1268 | Hạnh Nguồn : C. 742 |
| Giải phần hữu sinh : C.1252 | Hảo cừu giai nhân : C.1216 |
| Giải phiền : C. 1281 | Hằng Nga : C. 324 |
| Giải quả trừ khiên : C.1170 | Hầu hờn giảm thương : C.756 |
| Giải thảm cỗi phiền : C.1016 | Hầu xinh : C. 562 |
| Gian ngược chi danh : C.558 | Hậu lai : C. 167 |
| Gian truân : C. 1288 | Hậu thế : C. 436 |
| Giành én giựt anh : C.1031 | Hẹn biển thề non : C. 896 |
| Giao thân : C. 571 | Héo don : C. 144 |
| Giao tình : C. 11 & C. 754 | Hiên thu : C. 822 |
| Giày cỏ : C. 1177 | Hiển tổ vinh tôn : C. 437 |
| Giấc Nam Kha : C. 1358 | Hiển tông môn : C. 486 |
| Gieo cầu : C. 604 | Hiệp cẩn : C. 1308 |
| Gió tuyết : C. 777 | Hiệp hào : C. 517 |
| Gió trăng là phận : C. 521 | Hiếu nam : C. 228 |
| Gióng từ hơi : C. 66 | Hiếu thân : C. 478 |
| Giọng kình khua : C. 970 | Hình hoa : C. 46 |
| Giọt đau thương : C. 1298 | Hình mai : C.144 & C. 843 |
| Giọt nhành dương : C.1155 | Hoa bốn mùa : C. 1354 |
| Giục giã : C. 1358 | Hoa chạ : C. 805 |
| Giữa đàng trông ngọc : C.197 | Hoa dưới ngạch phòng thu : C. 102 |
| H | Hoa ép liễu nài : C. 818 |
| Hà hải : C. 731 | Hoa phong nhụy : C. 613 |
| Hạc cầm : C.1174 | Hoa tường buôn ong : C. 768 |
| Hạc nội mây ngàn : C.1243 | Hoàng hôn : C. 1364 |
| Hạc qui hồi : C. 1046 | Hoành sơn : C. 390 |
| Hải đảo : C. 1176 | Hồn phách : C. 1379 |
| Hải đường : C.620 & C.913 | Hồng ân : C. 1198 |

- Hồng duyên : C. 1158
 Hồng nhan : C. 609
 Hồng nhạn : C. 893
 Hồng thư : C. 1367
 Hơi cầm sắt : C. 808
 Hơi đồng : C. 802
 Huệ kiếm : C. 1209
 Hùng Vương : C. 391
 Huyết khí : C. 222 & C. 266
 Huyết mạch đồng môn : C.499
 Huỳnh lương : C. 949
 Hương đượm lửa nồng : C.47
 Hương hỏa : C. 31 & C. 357
 Hương hỏa ba sinh : C. 210
 Hương hồn : C. 1399
 Hương hồng : C. 1388
 Hương nguyên : C. 132
 Hương sắc : C. 578
 Hương tàn : C.935 & C.1223
 Hương thề : C. 182
 Hữu giao : C. 516
 Hy sinh : C.420
 Hý tràng : C. 1136
- Kế sanh nhai : C. 1142
 Kênh kênh : C. 1073
 Kiếm cung : C. 83
 Kiên trinh : C. 288
 Kiến thân : C. 39
 Kiếp căn : C. 1108
 Kiếp làng chơi : C. 330
 Kiếp phù sanh : C. 950
 Kim cải : C. 111
 Kim cổ : C. 789
 Kim tiền : C. 683
 Kinh bối : C. 532
 Kinh luân : C. 2
 Kinh sử : C. 13
 Kinh tâm : C. 352
- Khách đoạn trường : C.789
 Khách tục : C.972 & C.1268
 Khai phát : C. 446
 Khai quốc công thần : C.435
 Khắc cốt : C. 1382
 Khép khuôn : C. 494
 Khi thị : C. 397
 Khí sinh : C. 870
 Khí tượng : C. 1391
 Khinh trọng : C. 376
 Khó nhín : C. 1098
 Khối chung tình : C. 268
 Khối sanh : C. 1360
 Khối tình : C. 743
 Không không : C. 1350

K

- Kẻ Hồn người Hồ : C. 215
 Kẻ thiết : C. 77
 Kém phuong thiếu thế : C.409
 Keo rã sơn rời : C. 106
 Kế nhiệm mưu mâu : C. 451

- | | |
|------------------------------|-------------------------------|
| Khổng Trình : C. 34 | Liệt sĩ : C. 384 |
| Khuất bóng : C. 1032 | Liễu Chương dài : C. 820 |
| Khúc khuê : C. 345 | Liễu mai : C. 726 |
| Khuê các : C. 621 | Liễu ngõ hoa tường : C. 600 |
| Khuê phòng : C. 19 | Linh đơn : C. 1184 |
| Khuyết dân : C. 1324 | Linh quang : C. 1258 |
| Khuynh thành : C.383 & C.559 | Linh Thiên : 1260 |
| L | |
| Lạc cung : C. 64 | Loan phụng : C. 812 |
| Lại nhũng quan gian : C. 422 | Loạn gia : C. 720 |
| Lang quân : C. 696 | Loạn quốc : C. 383 |
| Lãng tử : C. 897 | Long ám : C. 1045 |
| Lãnh cung : C. 272 | Lòng son : C. 688 |
| Lãnh đậm : C. 1046 | Lòng vàng : C. 1025 |
| Lạnh ngắt : C. 285 | Lỗ Ban : C. 370 |
| Lạnh nồng : C. 537 | Lôi Âm : C. 1078 |
| Lão thành : C. 472 | Lộn chồng : C. 710 |
| Lau thanh : C. 1156 | Lõi bề : C. 1366 |
| Lặng trang : C. 916 | Lõi duyên : C. 648 |
| Lẩn lộ : C. 1352 | Lời hơn tiếng thiệt : C.1089 |
| Lập thân : C. 488 | Lời than tiếng thiệt : C.1304 |
| Lầu hồng : C. 1182 | Luận biện : C. 693 |
| Lầu xanh : C.320 & C.1201 | Lục trần : C. 1250 |
| Lê thứ : C. 117 | Luông tuồng : C. 496 |
| Lệ ngọc : C. 279 | Lụy mìn : C. 764 |
| Lịch sắc : C. 45 | Lụy tình : C. 976 |
| Lịch sự : C. 1341 | Lửa lọc câu thề : C. 658 |
| Liễn tang : C. 1045 | Lửa hương : C. 492 |
| Liệt nữ : C. 1208 | Lương nhân : C. 48 |
| | Lưỡng tài cân sắc : C. 656 |
| | Lưu Quang Trưởng : C. 509 |
| | Lựu đào : C. 124 |

M

Ma Ha thủy : C. 1221
 Má đào : C. 14
 Mãi Thần : C. 565
 Mảng : C. 33
 Mạng phụ : C. 677
 Mảnh hình : C. 1291
 Mạnh Quang : C. 675
 Mày liễu : C. 50
 Mày nhăn : C. 847
 Mày râu : C. 129
 Mày xanh : C. 1389
 Máy linh cơ tạo: C. 461
 Máy mạy : C. 306
 Mắc mỏ : C. 107
 Mặn mà : C. 620
 Mặn nồng : C. 476
 Mắt kề ngó song : C. 220
 Mắt hoa đã nhíu : C. 773
 Mắt ngắn thân dịu : C. 49
 Mắt phép : C. 85
 Mẫn Tử Khiên : C. 481
 Mây mưa đánh Giáp : C.189
 Mấy nấc tương tư : C. 998
 Mấy từng tương tư : C. 908
 Mèo mả gà đồng : C. 811
 Mêch mờ : C. 966
 Mến anh quên én : C. 321
 Mệnh số : C. 858
 Mệnh Thiên : C. 1251

Miếu đường : C. 392
 Mòn vinh nhục : C. 781
 Mót cắn : C. 1018
 Mối giềng : C. 30
 Một ngựa một mình : C. 504
 Mua quan bán chức : C. 424
 Mùi chàm : C. 830
 Mùi chè : C. 775
 Mười hai bến nước : C. 645
 Mỹ miều : C. 1240
 Mỹ ngôn : C. 12
 Mỹ nhân : C. 828

N

Nam châu : C. 414
 Nam Hải : C. 405
 Nam Kha : C. 1358
 Nam mô : C. 993
 Nam nhân : C. 1332
 Nam phong : C. 456
 Nam trào : C. 387
 Nam tử : C. 401
 Não nồng : C. 287
 Não nùng : C. 780
 Năm châu : C. 402
 Nắng nồng tuyết lạnh : C.989
 Nặng ngai nhiều nhơn : C.806
 Nắc thang hồng : C. 1270
 Nâng khăn trấp : C. 93
 Nâu sông : C. 1196

- | | |
|-------------------------------|------------------------------|
| NẤU kinh sử : C. 13 | Ngàn dâu : C. 337 |
| NÉN hương nguyền : C. 148 | Ngập ngừng : C. 275 |
| NÉO chánh : C. 1233 | Ngất ngưởng : C. 734 |
| NÉT ngài : C. 842 | Ngoại lân : C. 458 |
| NẾT khuôn : C. 48 | Ngoại tông : C. 80 |
| NÌ CÔ : C. 992 | Ngọc cận hương thân : C. 794 |
| NIỀM : C. 193 | Ngọc Cầu Lam : C. 134 |
| NIÊN thiếu : C. 1085 | Ngọc trăng : C. 1390 |
| NÍN hơi sống rốt : C. 1381 | Ngô Khởi : C. 558 |
| NÍN nǎm : C. 1099 | Ngòi lớn lên kỷ : C. 810 |
| NON nhân : C. 1180 | Ngôn từ : C. 626 |
| NON thê : C. 798 | Ngũ hô : C. 56 |
| NON Vu : C. 1356 | Ngũ khí : C. 1257 |
| NÔ y : C. 338 | Ngũ quan : C. 1249 |
| NỘI trợ : C. 21 | Ngụy Tào : C. 388 |
| NỢ ba sinh : C. 943 | Nguyệt rạng : C. 815 |
| NỢ đời : C. 982 | Nguyệt tà : C. 188 |
| NỢ tiền khiên : C. 1318 | Ngư Tiều Canh Mục : C. 364 |
| NƠI cân quân tử : C. 588 | Nghì phu thê : C. 280 |
| NÚM mồ bạc mệnh : C. 788 | Nghĩa thâm : C. 231 |
| NỮ lưu : C. 36 | Nghĩa thủy chung : C. 779 |
| NỮ nhi : C. 164 | Nghịch chủng : C. 421 |
| NỮ phách C. 1 | Nghiệp cả : C. 4 |
| NỮ sĩ : C. 8 | Nghiệp chướng : C. 1239 |
| NỮ trung : C. 672 | Nghiệp oan khiên : C. 1198 |
| NỮ Trung Tùng Phận : Trang 52 | Nghiệt căn : C. 1156 |
| NƯỚC Cam lồ : C. 1328 | Nghiệt dài : C. 1144 |
| NƯỚC thấm dầu non : C. 235 | |
| NƯỜM nượp : C. 206 | Nhà lan : C. 629 |
| NƯƠNG ý : C. 12 | Nhà lang : C. 833 |
| NGAI vàng: C. 371 | Nhà nội : C. 1001 |

Nhà vàng : C. 615
 Nhạc Phi : C. 381
 Nhạn lạc ngữ trầm : C. 960
 Nhạn tín : C. 1367
 Nhành dâu khuất : C. 933
 Nhành dương : C. 1248
 Nhành maiさい mùa : C. 704
 Nhành xuân : C. 104
 Nhặt nghiêm : C. 74
 Nhấp nhóa : C. 825
 Nhấp nhoáng : C. 1006
 Nhấp nhô : C. 282
 Nhất tiểu thiên kim : C. 786
 Nhẹ là bức : C. 137
 Nhẹ mình nữ trung : C. 1316
 Nhẹ thể : C. 762
 Nhi tôn : C. 26
 Nhị Kiều : C. 699
 Nhiễm lấm thân : C. 617
 Nhiếp chánh : C. 681
 Nhiễu điêu gói gương : C. 604
 Nho Tông : C. 446
 Nhơn duyên : C. 236
 Nhơn đạo : C. 1233
 Nhơn luân : C. 366 & C. 1234
 Nhơn tình : C. 1226
 Nhúc nhắc : C. 866
 Nhục tổ hổ tông : C. 847
 Nhuệ khí : C. 10
 Nhụy phai hương lợt : C. 176
 Nhụy tướng hương hình : C. 74

Như Lai : C. 1236
 Như tờ : C. 968
 Nhứt quốc : C. 405

O Ô

Oan khiên : C. 1198
 Oan trái : C. 1239
 Oan ương : C. 929
 Ông bướm : C. 73
 Ô thước bắc cầu : C. 271
 Ốc mượn hồn : C. 739
 Ôm mồ thủ hiếu : C. 1189
 Ôn nhu : C. 1214

P

Phàm tâm : C. 1250
 Phạm trọng Yêm : C. 685
 Phan Tiếp Dẫn : C. 1244
 Phan Vương : C. 836
 Pháp gia : C. 358
 Pháp nghiêm : C. 652
 Phảng tâm : C. 1035
 Phẩm quyền : C. 32
 Phấn lợt hương tàn : C. 787
 Phận bạc như vôi : C. 239
 Phận mỏng : C. 609
 Phất trần : C. 1179

Phật tâm : C. 1272
 Phép quỉ hớp hồn : C. 398
 Phiên quốc : C. 741
 Phím loan : C. 180
 Phong nguyệt : C. 585
 Phong tình : C. 650
 Phong trần : C. 796
 Phòng đào : C. 57
 Phòng hạnh : C. 216
 Phòng hợp cẩn : C. 1308
 Phòng không : C. 286
 Phòng the : C. 1224
 Phòng thu : C. 102
 Phòng tiêu : C. 803
 Phòng toan : C. 200
 Phồn ba : C. 582
 Phồn hoa : C. 1107
 Phụ phụ : C. 525
 Phù du : C. 1130
 Phù dung : C. 126
 Phù sanh : C. 950
 Phụ cơ : C. 22
 Phụ duyên : C. 940
 Phụ nghĩa : C. 199
 Phụ nhân nan hóa : C. 533
 Phụ phàng : C. 68
 Phụ thân : C. 224
 Phụ tình : C. 204
 Phụ tùng : C. 1386
 Phúc hạnh : C. 782
 Phụng lầu : C. 163 & C. 603

Q

Quả kiếp : C. 1257
 Quan cả : C. 117
 Quán tục : C. 1305
 Quạt duyên : C. 216
 Quạt gió trăng đèn : C. 1247
 Quân thần : C. 378
 Quân trung : C. 368
 Quân tử : C. 93 & C. 696
 Quân tử hảo cữu : C. 139
 Quân Vương : C. 686
 Quần hồng : C. 2
 Quần xoa : C. 15
 Qui hồi Tiên bang : C. 1096
 Qui mô : C. 402 & C. 1100
 Qui y : C. 1106
 Quý tế : C. 357
 Quốc chánh : C. 389
 Quốc thể : C. 397
 Quốc triều : C. 414
 Quyền môn : C. 18

R

Rãp ranh : C. 406
 Rẻ duyên : C. 784
 Rẻ rúng : C. 5
 Rèm là : C. 618
 Rèm thu : C. 816

Rỉ rả : C. 250

Roi dấu : C. 481

Rốn : C. 973

Rõ rõ : C. 414

Rời bốc đáo hoa : C. 654

Rù quén : C. 90

Rừng Nho biển Thánh : C. 35

Rừng thiền : C. 1077

Rượu quỳnh : C. 212

S

Sách đời : C. 1126

Sách hiền : C. 1248

Sách giũ : C. 1210

Sài Triệu Trịnh : C. 513

Sái thế lỡ thời : C. 1331

Sanh ký tử qui : C. 1263

Sanh ly tử biệt : C. 981

Sanh nhai : C. 363

Sanh thành : C. 347

Sanh tử : C. 508

Sánh bì : C. 8

Sắc không : C. 1254

Sắc so tài : C. 209

Sắp con cái nhà : C. 716

Sắt son : C. 508

Sân ngô : C. 920

Sấn tay : C. 1395

Si tình : C. 1314

Sĩ Nông Công Cổ : C. 363

Siêu quần : C. 368

Siêu thăng : C. 1278

So sóng : C. 586

Soi bóng nước : C. 841

Son sắt : C. 193

Song hồ : C. 1101

Sóng xao : C. 797

Sô xiêm : C. 1168

Số căn : C. 1266

Sông Ngân : C. 200

Sống thừa : C. 1010

Sơ giao : C. 199

Sơ sẩy : C. 72

Sớm đào tối mận : C. 793

Suối vàng : C. 417

T

Ta bà : C. 1167

Tà dương : C. 934

Tài ba : C. 1218

Tài danh : C. 502

Tài sắc đa truân : C. 611

Tài thần : C. 459

Tài tình : C. 441

Tài tử : C. 365

Tái hiệp : C. 1093

Tái hôn : C. 776

Tam Tùng : C. 778

Tám phân : C. 292

Tàn hoa : C. 106

- | | |
|--------------------------------|-----------------------------|
| Tang thương : C. 1127 | Tiết nghĩa : C.1400 |
| Tang y : C. 865 | Tiết ngọc : C. 1313 |
| Tánh danh : C. 710 | Tiêu hủy : C. 1350 |
| Tảo mộ đạp thanh : C. 922 | Tiêu Sử – Lộng Ngọc : C.603 |
| Tảo tần : C. 227 | Tiểu thiếp : C. 717 |
| Tạo Hóa : C. 1261 | Tìm vợ dâng dưa : C. 323 |
| Tay co : C. 54 | Tin nhạn : C. 769 |
| Tâm can : C. 1026 | Tinh thần : C. 7 |
| Tâm chánh : C. 1229 | Tinh trăng : C. 824 |
| Tâm đầu : C. 200 | Tinh trung : C. 381 |
| Tâm lý : C. 1292 | Tinh Vệ : C. 737 |
| Tâm thần : C. 1359 | Tình si : C. 142 |
| Tâm trung nghĩa khí : C. 512 | Tính niêm : C. 1079 |
| Tấm duyên : C. 284 | Tỉnh say : C. 1363 |
| Tấm gan : C. 384 | Tòa sen chín phẩm : C. 1272 |
| Tấm tình : C. 1246 | Tóc hoa râm : C. 774 |
| Tấn khí hùng : C. 522 | Tóc xanh : C. 847 |
| Tấn Tần : C. 1336 | Tô Huệ : C. 632 |
| Tận trung : C. 369 | Tố trân : C. 316 |
| Tập búa Lỗ Ban : C. 370 | Tổ hiển : C. 37 |
| Tây Âu : C. 328 | Tộc chủng : C. 389 |
| Tây Thi : C. 826 | Tội nghiệp : C. 234 |
| Té bao lăm : C. 353 | Tôn kính : C. 449 |
| Tề mi vẹn đạo : C. 676 | Tông đường : C. 38 |
| Tế tông đường : C. 38 | Tông môn : C. 1058 |
| Tiện tỳ : C. 547 | Tống Hoằng : C. 569 |
| Tiếng đồn vô cực : C. 1277 | Tơ duyên : C. 158 |
| Tiếng tiêu : C. 163 | Tơ đồng : C. 178 |
| Tiếng tiêu khải phụng : C. 628 | Tơ hồng : C. 800 |
| Tiết giá : C. 708 | Tơ loan : C. 66 |
| Tiết hạnh : C. 661 | Tơ tóc : C. 6 |

- Tua : C. 396
 Tục lự : C. 1181
 Tục tánh : C. 1249
 Tuế nguyệt : C. 1072
 Túi gió trăng : C. 1173
 Tùng phu : C. 674
 Tùng phụ : C. 639
 Tùng quyền chấp kinh : C.1343
 Tuổi hạc : C. 725
 Tuồng đời : C. 1123
 Túy mộng : C. 585
 Tuyền dài : C. 1376
 Tuyển hiền : C. 649
 Tuyết giá : C. 167 & C. 945
 Tuyết lạnh nắng nồng : C.926
 Tư dục : C. 1197
 Từ bi : C. 980
 Từ duyên : C. 571
 Từ linh, Từ mạng : C. 69
 Từ tâm : C. 1214
 Từ Thức : C. 213
 Từ hải ngũ hồ : C. 56
 Từ xứ : C. 457
 Tử ly : C. 864
 Tử thi : C. 868
 Tử tiết : C. 151
 Tự kế phụng thờ : C. 358
 Tự thuật : C. 165
 Tương giang : C. 196
 Tương tư : C. 154
 Tường đông : C.73 & C.178
 Tướng hạc hình mai : C.622
 Thủ điểm : C. 833
- Th**
- Tha bang : C. 394
 Thả lá hồng : C. 770
 Thác ra ma : C. 319
 Tham lê bỏ lựu : C. 204
 Tham nhũng : C. 683
 Thảm đậm : C. 873
 Thảm phiền : C. 720
 Thảm tín : C. 1097
 Thảm trang : C. 1002
 Tháng thâu năm lụn : C.1345
 Thảng mảng : C. 1345
 Thanh lâu : C. 584
 Thanh liêm : C. 688
 Thanh xuân bất tái : C. 697
 Thánh miếu : C. 17
 Thăm ván bán thuyền : C.131
 Thẩm má đào : C. 14
 Thâm tình : C. 90
 Thân danh : C. 602
 Thân mòn gối rung : C. 540
 Thân phàm : C. 990
 Thất nghĩa : C. 701
 Thất tình : C. 1350
 Thất tuần : 1076
 Thây phàm : C. 1266
 Thây thi : C. 1379

- | | |
|---------------------------------|------------------------------|
| Thê nhi : C. 546 | Thuyền yêu : C. 5 |
| Thế cuộc : C. 1109 | Thuyền tình : C.991 & C.1228 |
| Thi lá : C. 607 | Thứ thê chánh thiếp : C. 956 |
| Thi thơ : C. 36 | Thửa nguyền : C. 303 |
| Thí nhạn : C. 1393 | Thức ngọc : C. 653 |
| Thiên hạ : C. 448 | Thức tính : C.218 & C.1186 |
| Thiên lương : C. 1192 | Thước cựu : C. 1032 |
| Thiên Thai : C. 1176 | Thương tâm : C. 172 |
| Thiện duyên : C. 1270 | Thương thân : C. 238 |
| Thiếu phụ Nam Xương : C.299-300 | Thường phu : C. 103 |
| Thiếu tài khiếm đức : C.416 | Thượng sĩ : C. 367 |
| Thinh thinh : C. 35 | |
| Thợ giáo : C. 441 | Tr |
| Thơ chim : C. 607 | |
| Thơ hương : C. 404 | Trà mi : C. 72 |
| Thu không : C. 966 | Trà ngâu : C. 212 |
| Thu phòng : C. 1203 | Trá ngôn : C. 652 |
| Thú cầm : C. 874 | Trái căn : C. 1182 |
| Thú trùng : C. 254 | Trái chủ : C. 1209 |
| Thúc thách : C. 2 | Trái duyên : C. 790 |
| Thục nữ : C. 16 | Trang tài mạo : C. 669 |
| Thung dung : C. 139 | Tranh tòng đứt dây : C. 180 |
| Thung đường : C. 489 | Trao duyên : C. 600 |
| Thung huyên : C. 225 | Trao tơ : C. 888 |
| Thuốc trưỡng sanh : C. 202 | Trao trâm đắp áo : C. 670 |
| Thuyền bá : C. 797 | Trau tria : C. 1 |
| Thuyền Bát Nhã : C. 1169 | Trăm năm : C. 884 |
| Thuyền con : C. 1235 | Trăng hoa : C. 766 |
| Thuyền hạc : C. 1192 | Trầm luân : C. 1232 |
| Thuyền huệ : C. 1000 | Trân cam : C. 80 |
| Thuyền nan : C. 839 | Trần ai : C. 1046 |

Trần cấu : C. 1179
 Trận trung : C. 440
 Treo mắt : C. 46
 Tri âm : C. 705
 Tri Thiên : C. 856
 Trí già : C. 471
 Trí thức : C. 1215
 Trí tri : C. 448
 Trí xảo : C. 462
 Triều bưng : C. 906
 Trinh phu : C. 1208
 Trinh tiết : C. 601
 Trọng ngãi : C. 378
 Trọng nghì phụ tử : C. 485
 Trọng Ni : C. 445

Trọng tiếng cũng nhơ : C.614
 Trọng yếu : C. 438
 Trộm nén hương thừa : C.322
 Truân chuyên : C. 686
 Truyền hiền : C. 479
 Truyền hương : C. 488
 Trừ mị : C. 425
 Trước mai : C. 204
 Trước tử : C. 917
 Trước Lương dâng dép : C.443
 Trước đình : C. 727
 Trước phong nguyệt : C.785
 Trước huynh : C. 232
 Trước phu : C. 60

U Minh : C. 969
 U σ : C. 483
 Ủ dột : C. 144
 Ủ ê : C. 184
 Úa xào : C. 175
 Uống cạn chén tình : C. 942
 Uy linh : C. 405
 Ước : C. 193
 Ướm sương : C. 774
 Ưu quân ái quốc : C. 460

V

Vách có âm thính : C. 75
 Vạn linh : C. 1262
 Vãng sanh : C.1346 & C.1362
 Vành xuân : C. 819
 Vào trường ra màn : C. 809
 Vày vã : C. 534
 Văn hóa : C. 1
 Văn minh : C. 462
 Văn nhân : C. 365
 Văn tài : C. 166
 Văn ngắn : C. 949
 Văn vối : C. 242
 Văn lấm trực lờn : C. 807
 Vắng hoe : 188
 Văn vơ : C. 245

- | | |
|------------------------------|-------------------------------|
| Vận trù : C. 410 | Vườn xuân : C. 206 |
| Vẩy vùng : C. 824 | Vương thần loạn ngôi : C.1328 |
| Vẻ hồng : C. 107 & C.273 | |
| Vẻ xuân : C. 616 | X |
| Vẹn giống trọn dòng : C.1063 | Xa hoa : C. 594 |
| Vĩ nhân : C. 433 | Xa mǎ : C. 829 |
| Vị bài : C. 1043 | Xa thơ : C. 395 |
| Vịn níu : C. 174 | Xã tắc : C. 421 |
| Vĩnh sanh : C. 1104 | Xanh mày : C. 45 |
| Vĩnh tồn hậu lai : C. 356 | Xao xác : C. 881 |
| Vịnh liễu : C. 893 | Xấu phận : C. 52 |
| Voi cày chim cấy : C. 477 | Xót xáy : C. 1025 |
| Vong thân : C. 434 | Xủ mành : C. 207 |
| Vòng tục : C. 861 | Xuân mai ba bảy : C. 1039 |
| Vô duyên : C. 156 | Xuân nguyên : C. 666 |
| Vô ưu : C. 1234 | Xuân sắc : C. 665 |
| Vợ Châu Công : C. 677 | Xuân xanh : C. 1212 |
| Vợ tôi chồng chúa : C.113 | Xuất dương : C. 1256 |
| Vơi chênh : C. 58 | Xử sự : C. 458 |
| Vơi voi : C. 99 | |
| Vũ trụ : C. 517 | Y |
| Vụ tất : C. 978 | Ý hiệp tâm đầu : C. 1294 |
| Vua Thuấn : C. 477 | Yểu điệu : C. 843 |
| Vui càn : C. 95 | |
| Vùng Nam Hải : C. 405 | |
| Vườn điền : C. 804 | |
| Vườn thu : C. 619 | |

Mục Lục

1.	<u>Giới thiệu tác phẩm NTTP</u>	5
2.	<u>Tiểu sử Bà Đoàn thị Điểm</u>	11
3.	<u>Mục đích Giáo dục của NTTP</u>	35
4.	<u>Những giới hạn thời gian</u>	44
5.	<u>Tứ Đức và Tam Tùng của người phu nữ thời nay</u>	50
6.	<u>Giải thích hình bìa, tên sách, khảo đính</u>	58
7.	<u>NỮ TRUNG TÙNG PHÂN Nguyên văn & Chú thích</u>	63
8.	<u>Phu Lục : Chinh Phu Ngâm</u>	279
9.	<u>Hướng dẫn tìm các Từ ngữ, Thành ngữ, Diển tích</u>	294

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN - Nguyên văn & Chú thích

Câu	Trang
1 <u>Dung văn hóa trau tria nữ phách,</u>	63
5 <u>Bởi rẻ rúng thuyền quyền thiếu học,</u>	65
9 <u>Chinh phụ trước treo nên giá quý,</u>	66
13 <u>Nấu kinh sử ra mùi son phấn,</u>	67
17 <u>Cửa Thánh miếu hỡi còn thiếu gái,</u>	68
21 <u>Phần nội trợ trăm phiền đeo đắng,</u>	69
25 <u>Nỗi em chị bởi đâu chẳng thuận,</u>	70
33 <u>Mảng lo lắng chữ nhàn nào rõ,</u>	71
41 <u>Lưỡi lửa miếng nhai cơm lũ trẻ,</u>	72
49 <u>Muốn trau chuốt mặt ngần thân dịu,</u>	73
57 <u>Cứ tựa cửa phòng đào giấu dạng,</u>	74
65 <u>Thử từ nết khi chung lúc chạ,</u>	75
73 <u>Che đây kín tường đông ong bướm,</u>	76
81 <u>Hiểu thương ghét giả cam phận dại,</u>	77
89 <u>Lấy khổ cực làm bài thuốc mến,</u>	78
97 <u>Dòng Tương chảy thân bèo trôi nổi,</u>	79
105 <u>Khi lịch sắc trao trâm đáng giá,</u>	80
113 <u>Thân lòn cúi, vợ tôi chồng chúa,</u>	81
121 <u>Chồng sang trọng, ta hèn chẳng quản,</u>	82
129 <u>Kiếm xứng mặt mày râu dưới thế,</u>	83
133 <u>Lỡ lối cũ động đào lạc bước,</u>	84
137 <u>Nhé là bức, nắng chì tình nghĩa,</u>	87
145 <u>Hỗn càng ngắm hao mòn đáo ngọc,</u>	88
153 <u>Nếu ôm ấp một bên thương nhớ,</u>	89
161 <u>Tả nỗi thảm thêm đau mẩy đoan,</u>	90
169 <u>Khi đầu ấp cùng khi tay gối,</u>	91
177 <u>Nào khi đứng lúc ngồi đủ mặt,</u>	92
185 <u>Nào khi tựa bên màn canh lun,</u>	93
193 <u>Nào khi ước giữ niềm son sắt,</u>	94
196 <u>Nào khi đứng giữa đàng trông ngọc,</u>	95
201 <u>Nào khi đến cầu Lam chưởng ngọc,</u>	96
209 <u>Nào khi sắc so tài đẹp da,</u>	97

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN - Nguyên văn & Chú thích

Câu	Trang
213 <u>Nào khi hỏi thăm hang Từ Thức,</u>	98
217 <u>Nào là lúc ngửa nghiêng đêm quanh,</u>	101
225 <u>Càng sợ hở thung huyên phiền muộn,</u>	102
233 <u>Càng nghĩ đến linh đinh phận thiếp,</u>	103
241 <u>Càng ngắm đến cỏ hoa vật loại,</u>	104
249 <u>Kia oan ương ấp nhau chằng hở,</u>	105
257 <u>Kia ong kiến tha mồi dành để,</u>	106
269 <u>Nghe trẻ khóc như chì dẫn dạ,</u>	107
281 <u>Chiều thu nhắc ủ ê cảnh hạn,</u>	108
289 <u>Vắng mặt chồng, cân hình của trẻ,</u>	109
297 <u>Trẻ nhỏ dại lầm điều học hỏi,</u>	110
301 <u>Hơi mảnh áo còn cầm đặng ngũi,</u>	114
313 <u>Lớn một tuổi, mẹ thêm một khổ,</u>	115
321 <u>Không lẽ nói mến anh quên én,</u>	116
325 <u>Không lẽ nói đi qua Đông Đô,</u>	119
337 <u>Ngàn đâu ngó ngày chầy thăm thăm,</u>	120
345 <u>Chàng đâu rõ khúc khuỷu cực nhọc,</u>	121
357 <u>Định hương hỏa, hăng bày quý tế,</u>	122
365 <u>Hỗn phải mặt vắn nhân tài tử,</u>	123
373 <u>Trọng thi lấy đai cân làm lịnh,</u>	124
381 <u>Nếu đề đặng tinh trung hai chữ,</u>	125
385 <u>Dầu rủi phân nợ thân chằng vẹn,</u>	127
389 <u>Trước quốc chánh chia hai tộc chủng,</u>	128
397 <u>Nào quốc thể, người khi kẻ thi,</u>	129
405 <u>Vùng Nam Hải uy linh nhứt quốc,</u>	130
413 <u>Con phải nhớ da vàng máu đỏ,</u>	131
421 <u>Thất xã tắc, dân minh nghịch chủng,</u>	132
429 <u>Trù đảng dữ tham gian bạo ngược,</u>	133
437 <u>Muốn hiển tổ vinh tông báo hiếu,</u>	134
445 <u>Trong Ni nhân vi sư Hàng Thác,</u>	136
449 <u>Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ,</u>	137
457 <u>Học cho rộng giao thông tứ xứ,</u>	138

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN - Nguyên văn & Chú thích

Câu	Trang
465 Công dạy dỗ muôn ngàn khó nhọc,	139
477 Xưa ruộng Thuấn voi cày chim cấy,	140
481 Mẫn Tử Khiên tích còn roi dấu,	141
485 Con ví biết trọng nghè phụ tử,	142
493 Còn em út trong nhà thơ bé,	143
501 Ngoài gia tộc, nước non vầy bạn,	144
509 Lưu Quan Trương giữ còn nghiệp Hớn,	145
513 Sài Triệu Trinh cũng nguyên như thế,	146
517 Trong vũ trụ hiệp hào là mạnh,	147
525 Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,	148
533 Con đừng thấy phụ nhân nan hóa,	149
541 Nếu khổ cực chung cùng chia sót,	150
553 Áo trâu đắp đông sương lạnh lẽo,	151
557 Chém vợ để cầu vinh thuở trước,	155
561 Đừng sang trọng phụ phàng nghèo khó,	157
569 Tống Hoằng chí trượng phu không đổi,	158
573 Biết tình nghĩa biết mùi ân ái,	159
585 Giắc phong nguyệt xem bằng túy mộng,	160
593 Phải tôn kính cành mai đương nở,	161
601 Đóng chặt cửa giữ nguyên trinh tiết,	162
605 Đừng đứng dựa sông Tương nhắn khách,	164
613 Hoa phong nhuy cung Tiên cũn mến,	166
617 Đừng cho nhiễm lấm thân thực nữ,	167
625 Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,	168
633 Sửa từ nết ngày thâu tập tánh,	169
641 Thánh xưa dạy từ câu nói hiếu,	170
645 Bến nước gái mơ màng trong đục,	171
649 Cao niên biết tuyển hiền đáng mặt,	172
657 Ai nam tử giữ bền tơ tóc,	173
665 Nét xuân sắc mấy hồi là trong,	174
673 Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,	175
677 Vợ Châu Công đình thần mang phu,	177

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN - Nguyên văn & Chú thích

Câu	Trang
685 <u>Phạm Trọng Yêm mấy lần xa vợ,</u>	178
689 <u>Phải cǎn nơ cách non cũng gấp,</u>	179
697 <u>Chữ hăng dạy thanh xuân bất tái,</u>	180
705 <u>Tri âm ví đáng dây cầm nguyệt,</u>	181
713 <u>Muốn còn phước dựa kề quân tử,</u>	182
725 <u>Cỏi thung thấy càng cao tuổi hac,</u>	183
729 <u>Con quốc quốc chưa âu đỗi ban,</u>	184
733 <u>Chiêu Quân chiju già từ đất Hör,</u>	185
737 <u>Còn Tình Vệ lấp phiền biển ái,</u>	186
741 <u>Nơi Phiên quốc xôn xao lượng thảm,</u>	187
745 <u>Dầu chàng có vui riêng quên thiếp,</u>	188
753 <u>Đây còn nỗi bế bồng thêm trẻ,</u>	189
761 <u>Rẻ rúng bấy, hễ cân cũng trong,</u>	190
769 <u>Trông tin nhạn về đông mòn mỏi,</u>	191
773 <u>Soi kính cũ mặt hoa đã nhíu,</u>	192
781 <u>Ngắm đường thế đã mòn vinh nhục,</u>	193
789 <u>Nào những khách đoạn trường kim cổ,</u>	194
797 <u>Bởi thuyền bá sóng xao biển ái,</u>	195
805 <u>Bởi hoa chạ bên đường dễ hái,</u>	196
813 <u>Bởi mến cảnh đôi cành đài liễu,</u>	197
821 <u>Bởi cửa tía bóng trời nồng nực,</u>	198
829 <u>Quen xa mã chê thuyền là châm,</u>	199
837 <u>Thiếp biết phân cánh buồm dưới gió,</u>	200
845 <u>Mảng gương vui cùng đàn cháu dại,</u>	201
857 <u>Bỗng tiếng sấm gần bên tai nổ,</u>	202
865 <u>Một thân góa tang y lại mặc,</u>	203
877 <u>Kia đào lý tàn già đã cỗi,</u>	204
889 <u>Kia lũ én dật dờ cánh liệng,</u>	205
901 <u>Kia bến nước dập dồn sóng đơn,</u>	206
913 <u>Bóng hải đường ta ngồi buổi no,</u>	207
921 <u>Kia xóm rẫy nấm mồ lố xố,</u>	208
929 <u>Tiếng oan ương bên tai dan díu,</u>	209

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN - Nguyên văn & Chú thích

Câu	Trang
937 Ai sau gót giây lâu như nói,	210
949 Đời vắn ngắn huỳnh lương in giấc,	211
957 Giọt lệ thiếp vì phiền mà chảy,	213
965 Mảng sầu muộn ngổn ngang trăm mối,	214
973 Rốn để bước đến gần điện Thánh,	216
981 Hay sơ khổ sanh ly tử biệt,	217
989 Hay đã sơ nắng nồng tuyết lanh,	218
997 Rón rén trước Phật ngồi cúi gật,	219
1001 Lui chân kiếm con đường nhà nội,	220
1009 Một ngày sống là bày bước chết,	221
1017 Một vật nhỏ cưng mài cũng gợt,	222
1029 Khi ghen ghét không cùng hiệp mặt,	223
1037 Sầu đã cháy mặt hoa ủ dột,	224
1045 Cặp liền tang còn câu long ám,	225
1053 Giọt lụy đổ không chi ngăn nổi,	226
1065 Lập gia thất làm giàu con trẻ,	227
1077 Dò đơn hỏi bước rừng thiền cũ,	228
1085 Nầy là chỗ thiếp còn niên thiếu,	229
1097 Các chỗ ấy dãy tràn thảm tín,	230
1105 Bước cảnh tịnh đã đành để cẳng,	231
1113 Nào là phép giựt giành quyền lợi,	232
1125 Nào chưa đẻ biết bao khổ nhoc,	233
1133 Thiệt thì bỏ, giả vay nên nợ,	234
1137 Sống thấy chết, miêng cười mắt khóc,	235
1145 Mạnh hiếp yếu lấy gan hung bạo,	236
1157 Đoạn tình ái đem quăng bể khổ,	237
1165 Lần chuỗi hột từ bi cứu khổ,	238
1173 Túi gió trăng thinh thinh rộng mở,	239
1177 Đạp giày cỏ nương cây gây bá,	240
1181 Đến phồn hoa thân gần tục lư,	241
1185 Gót nhân ái đến nhà kẻ bình,	242
1193 Tưới hoa cha bên đường vô chủ,	243

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN - Nguyên văn & Chú thích

Câu	Trang
1201 <u>Lầu xanh giảm màu tu trở vẻ,</u>	244
1209 <u>Nắm huệ kiếm định thâu trái chủ,</u>	245
1217 <u>Giỏi trí thức tinh thần đẹp đẽ,</u>	246
1225 <u>Để chuông mõ dựa kè son phấn,</u>	248
1233 <u>Ven nhơn đạo, đi lẩn nẻo chánh,</u>	249
1237 <u>Am tự đóng chặt gài bước túc,</u>	250
1241 <u>Lánh bợn túc tình thâm cung tránh,</u>	251
1245 <u>Nơi cảnh tịnh âm thầm vui thú,</u>	252
1253 <u>Linh linh, hiển hiển, khinh khinh khứ,</u>	254
1261 <u>Hiệp Tạo hóa cầm quyền chuyển thế,</u>	256
1269 <u>Lấy bác ái làm hòa vạn vật,</u>	257
1277 <u>Ngồi mà lòng tiếng đờn vô cực,</u>	259
1281 <u>Thiếp nhờ Đạo giải phiền diệt khổ,</u>	260
1289 <u>Chịu mòn mỏi mảnh thân nhi nữ,</u>	261
1297 <u>Khối thảm chất tràn trề bể hẹn,</u>	262
1305 <u>Chẳng qua khách ăn nằm quán túc,</u>	263
1313 <u>Tính để viết khuyên rào tiết ngọc,</u>	264
1321 <u>Thấy trẻ gái dầm dề lụy đổ,</u>	265
1329 <u>Gãm thân gái trọn đời cực nhọc,</u>	266
1337 <u>Nên ngâm thảm đặng ngồi nuốt thảm,</u>	267
1345 <u>Những thảng mảng tháng thâu năm lụn,</u>	268
1353 <u>Cây trồm thước bắc thang bến khổ,</u>	269
1357 <u>Đếm thử tuổi tám mươi đã quá,</u>	270
1361 <u>Khổ binh thấy trêu người đã quá,</u>	271
1369 <u>Muốn nhắm mắt một bề cho khỏe,</u>	272
1377 <u>Nhớ con cháu còn lâu kiếp sống,</u>	273
1385 <u>Giữ mình dầu vẹn tấm tình chung,</u>	274
1393 <u>Ráng quá sức cẩn phong thí nhạn,</u>	276
1397 <u>Buông ngon viết vào làn mây trắng,</u>	277
1401 <u>Đời đời danh chói CAO ĐÀI.</u>	

Tài liệu

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

Bà Đoàn Thị Điểm giáng cơ đê bút do Đức Nguyên Giới thiệu & Chú thích được trình bày theo ấn bản tháng 03/2003 của tác giả.

Chân thành cảm ơn hiền huynh V.T. cung cấp bản in (soft copy) tài liệu nguyên gốc của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

Ghi chú hiệu đính:

Trang 76

Nguyên bản của tác giả:

76. Đỗ gươơng lối đạo, lối tình phu thê.
Giao thân cứ gần kề kẻ thiết,
Ép nhớ thương làm điếc làm đau.
Mặc người **cha mẹ dễ duối**,

Hiệu đính:

76. Đỗ gươơng lối đạo, lối tình phu thê.
Giao thân cứ gần kề kẻ thiết,
Ép nhớ thương làm điếc làm đau.
Mặc người **cha dễ mẹ duối**,

Trang 82

Nguyên bản của tác giả:

124. Rồi tham bě lựu, bỏ đào bơ vơ.
Hễ xấu dạng thì nhơ **mặt** thiếp,

Hiệu đính:

124. Rồi tham bě lựu, bỏ đào bơ vơ.
Hễ xấu dạng thì nhơ **phận** thiếp,